

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

## PHÉP LÀM SỬ VÀ SỬ VIỆT-NAM (1)

Mục-dịch của lịch-sử là thuật lại các việc đời trước. Các nhà sử-học đời xưa đời nay cũng là chủ một mục-dịch ấy, nghĩa là đem truyện các đời trước mà kể lại cho người đời nay. Nhưng nhà sử-học đời nay có khác nhà sử-học đời xưa, là thuật việc cũ mà muốn kiểm-điểm cho được thật đích-xác. Lịch-sử ngày nay đã thành hẳn một khoa-học chân-chính, và nhà sử-học cũng phải theo những phương-pháp nhất-định như các khoa-học khác. Làm thế nào cho biết đích được một việc xưa là thực như thế, thì phải kiểm-điểm sát-hạch nhiều lắm; phải phê-bình biện-bác đủ đường, mới có thể tin cho là thực được. Người ta muốn khám-phá sự thực về lịch-sử, không phải dùng trí viễn-vông mà được, tất phải theo những phép-tắc nhất-định. Nay đem những phép-tắc ấy ứng-dụng về khoa Nam-sử, đó là cái mục-dịch chúng ta định theo đuổi vậy.

Sử nước Nam, người An-Nam tất ai cũng đã biết cả, không biết được tường-tận thì cũng biết được đại-khái. Nhưng ai đã từng đọc các sách sử Nam sử Tàu, tất cũng từng nhận thấy rằng các sách ấy còn có khuyết-diểm nhiều. Các

nhà làm sử nước Nam và nước Tàu hay có tính thiên-tư, không được công-bằng; có khi vì tôn-trọng nhà vua quá mà đến chép sai cả sự thực đi; nói đến các nước lân-bang thì thường là nói không đúng; những chữ-g-có dùng để chép việc, tuy cũng có một vài người biết kiểm-điểm sát-hạch rồi mới dùng, nhưng phần nhiều không chịu xem xét kỹ, thế nào cũng dùng; việc huyền-hoặc cùng với việc thường, chuyện hoang-dương cùng với chuyện thực lẫn-lộn, không có phân-biệt gì hết. Ai đã nhận thấy những điều khuyết-diểm như thế, thì tất cũng hiểu biết rằng cần phải có một cách làm sử khác, thành-thực hơn, đích-xác hơn, công-bằng hơn, việc trước thế nào dò ra cho đúng và cứ thế chép lại, không sai một li, không đem lòng yêu ghét riêng mà làm cho trái với sự thực vậy.

Chúng ta phải cùng nhau khởi-hành phép làm sử đó. Nhưng trước hết phải bày tỏ cái phương-pháp phải dùng thế nào, để cho thuộc những danh-từ cùng những cách-thức của phép sử-học đời nay.

Thế nào gọi là phương-pháp? Phương-pháp là gồm những cách-thức

(1) Đây là bài khai-giảng khoa Nam-sử của ông CHARLES B. MAYBON ở trường Đại-học Hà-nội cũ từ năm 1907. Trường Đại-học này học không được bao lâu rồi bị bãi. Khoa Nam-sử, năm đầu là khảo về sự giao-thiệp nước Nam với nước Tàu từ năm 257 trước Gia-tô đến năm 968 sau Gia-tô, nghĩa là từ Triệu Đà cho đến đầu nhà Đinh, gồm cả hơn một nghìn năm nước Nam nội-thuộc Tàu. Bài khai-giảng này là xét về các phương-pháp làm sử theo khoa-học đời nay và cách ứng-dụng các phương-pháp ấy về khoa sử-học Việt-Nam.

đã sắp-dặt chỉnh-dốn để cho đạt tới một cái mục-dịch. Nay mục-dịch nhà sử-học thế nào? Mục-dịch nhà sử-học là phải khôi-phục lại một việc đã qua, nghĩa là tả nó ra cho đúng, đặt nó vào khoảng thời-gian không-gian nó đã xảy ra, tìm nguyên-nhân nó thế nào, bản-mạt nó thế nào, nói tóm lại là vẽ nó ra như tự mình đã mục-kích, mà vẽ một cách tả-thực và công-bằng. Vậy trước hết phải sưu-tầm hết-thảy cái gì thuộc về việc đó, hết-thảy cái gì có thể giúp cho biết được việc đó. Sử phải có « tài-liệu » (*documents*) mới làm được: việc đời trước là mục-dịch mà tài-liệu là khởi-điểm của nhà sử-học; không có tài-liệu thì không có sử được, nhưng các tài-liệu sưu-tập không phải là tốt cả: phải nên kén chọn và chỉ giữ lại những cái nào xét ra thật là đích-xác và dùng ra có thể ích-lợi mà thôi. Tài-liệu đã kén chọn rồi, bấy giờ mới đem ra « giải-thích » (*interpréter*), nghĩa là định cái ý-nghĩa chân-chính của nó thế nào, rồi lại đem ra « phê-bình » (*critiquer*), nghĩa là định cái giá-trị chân-chính của nó, xét đoán kỹ cho biết phần nào có thể tin được, phần nào không thể tin được. Đến khi trong tay đã thu-thập được đủ các tài-liệu có thể giúp cho biết được đầu-đuôi một việc rồi, thời bấy giờ lại phải khôi-phục việc ấy lại và tự-thuật nó ra hết như khi trước xảy ra thế nào.

Xem như thế thì trong phương pháp sử-học có bốn thời-kỳ khác nhau:

- 1<sup>o</sup> Tìm-nhặt tài-liệu;
- 2<sup>o</sup> Kén-chọn tài-liệu;
- 3<sup>o</sup> Phê-bình tài-liệu;
- 4<sup>o</sup> Khôi-phục sự-thực.

Nay ta lần-lượt giải rõ bốn phép ấy như sau này.

### 1<sup>o</sup>. — Tìm nhật tài-liệu

Nhưng trước nhất phải giải nghĩa thế nào gọi là tài-liệu.

Tài-liệu của sử-học là gồm những dấu-vết của việc đời xưa còn để lại đến ngày nay. Dấu-vết đó nghĩa là cái gì còn lại sau khi việc đã qua rồi, Phàm việc hơi có quan-hệ một chút, đều có di-tích để lại. Thí-dụ như Hội-đồng Tư-vấn Bắc-kỳ nay mai sắp họp lần thứ nhất (đây là nói về năm 1908) (1). Nay giả-lĩ hai ba trăm năm về sau muốn chép lại lịch-sử Hội-đồng ấy ra thế nào. Từ nay đến bấy giờ, chắc hội-đồng ấy có để lại di-tích nhiều: vậy phải xét trong các kho công-văn (*archives*) tìm lấy những giấy-mã công thuộc về sự sáng-lập ra hội-đồng ấy, những tờ nghị-định cùng tờ thông-tư của quan Toàn-quyền, quan Thống-sứ, các thể-lệ định cách hành-động của hội-đồng ra thế nào; lại xem trong các nhật-báo cho biết tin-tức về hội-đồng, biết các ý-kiến của

(1) Hội-đồng Tư-vấn Bắc-kỳ (*Chambre consultative du Tonkin*) đặt ra do nghị-định của ông Toàn-quyền BEAU ngày 4 tháng 5 năm 1886. Thực ra thì Hội-đồng này không phải đặt ra lần này là lần đầu. Ngày 30 tháng 4 năm 1886 ông Toàn-quyền PAUL-BERT đã ký nghị-định đặt một hội-đồng tư-vấn (*Commission consultative indigène*) rồi, chức-vụ của hội-đồng ấy là phải phát-lời thỉnh-cần để giúp cho Chính-phủ được tỏ-tướng dân-ý về các việc cai-trị trong bản-xứ. Hội-đồng ấy họp ở Hà-nội từ ngày 26 tháng 7 đến ngày 4 tháng 8 năm 1886, khi hội-đồng ông PAUL-BERT không ra mặt, để cho các đại-biểu được tự-do bàn-bạc. Ngày 4 tháng 11 năm ấy ông PAUL-BERT mất, thì cái chính-sách ông khởi-xướng ra đó bị bỏ đi. Mãi hơn hai mươi năm về sau mới lại tiếp-tục. — Hội Tư-vấn sau này họp lần thứ nhất vào ngày 13 tháng 11 năm 1908. (Lời chưa của tác-giả).

người Tây người Nam trong khi hội-dồng ra thế nào ; lại mỗi kỳ hội-dồng tất có biên-bản, tóm - tắt những lời bàn-bạc, cùng ghi chép những lời thỉnh-cầu của hội-dồng. Giấy công-văn, bài nhật-báo, tờ biên-bản, đó là những di-tích của cái việc đình khảo-sát vậy.

Ngoại-giả lại còn những di-tích khác nữa. Như có khi muốn kỷ-niệm một việc quan - trọng, người ta đúc một cái "mề-day" kỷ-niệm ; lại cũng có lẽ các hội-viên Hội-dồng Tư-vấn cùng nhau chụp một cái ảnh, hay là có người thợ ảnh hay thợ vẽ nào đến chụp hay đến vẽ kỷ khai hội-dồng. Ấy cũng là những di-tích về việc đó. Sau nữa các nghị-viên khi về nhà thường thuật lại những sự cảm-giác của mình, phẩm-bình về các việc xảy ra trong khi hội-dồng, cũng có khi ghi chép lấy để nhớ lại về sau, hay không phải tự mình viết thì những bà - con thân-thuộc đã nghe đã bán với mình cũng có lẽ biên-chép lấy để nhớ lại. Những lời kỹ-thuật đó, rồi người họ truyền cho người kia, đời sau cũng phải sưu-tập lấy, vì là những tài-liệu rất có giá-trị. Ấy đó cũng là những di-tích của cái việc đình xét, là việc lập hội Tư-vấn Bắc-kỳ.

Xem đó thì biết thế nào gọi là tài-liệu của lịch-sử. Tài-liệu của lịch-sử hay là "sử-liệu", là hết-thảy những di-tích các việc đã qua, từ chính-sử của Nhà-nước đến lời kỹ-thuật của người riêng ; đến những truyện truyền-ký, là việc thực mà nói sai đi ; đến những lời thi-ca thường đem một việc quan-trọng trong cuộc sinh hoạt mà nó dân một nước mà tô-diễn cho nó đẹp thêm ra ; cho đến cả những lời phưng-ngôn tục-ngữ có khi là ám-chỉ một việc gì có quan-hệ đến lịch-sử ; rồi lại gồm cả các vật hữu-hình, như các công-trình kiến-trúc : đền-đài, cung-điện, lăng-lâm, chùa-miếu, hay không

còn nguyên thì còn di-tích lại ; những bi-ký, tự-tích khắc vào bia đá, vào sườn núi, những tiền-tệ lưu-hành, những "mề-day" kỷ-niệm ; những bức tranh, bức vẽ, bức in, bức chạm ; những đồ - vật chế-tạo, như đồ bày, đồ dùng, khi-giới, vãn-vãn.

Nhà sử-học muốn nghiên-cứu một việc nào, thì điều thứ nhất là phải tìm cho biết nơi nào có những tài-liệu thuộc về việc ấy. Ở bên Âu-châu thì đi đến các thư-viện, các văn-khố, các sở bảo-tàng, các kho sách riêng. Ở các nơi ấy, tài-liệu thường sưu-tập được nhiều và sắp-đặt chỉnh-đốn lắm. Ở bên Á-Đông này chưa được tiện-lợi như thế, nhưng cũng đã có nơi sưu-tập các tài-liệu để giúp cho sử-học, thí-dụ như trường Bắc-cổ Viễn-dông Hà-nội, vừa có thư-viện, họp các sách Tây, Nam, Tàu về sử-học, vừa có sở Bảo - tàng họp các đồ cổ có quan-hệ đến lịch-sử. Nhưng sự tìm-nhặt tài-liệu của ta đây, không phải chỉ ở một nơi đó mà thôi. Về phần các ông theo học khoa Nam-sử này, cũng nên chịu khó sưu-tập lấy những điều có ích về các việc ta nghiên-cứu đây. Ai biết những truyện cổ-tích, truyện truyền-ký có quan-hệ đến lịch-sử nước Nam, xin thuật lại cho tôi. Lại nghe nói đâu có cái bia cổ, cũng bảo cho tôi biết. Hiện nay ở trường Bắc-cổ đã ráp in được nhiều bia lắm, ta sẽ tìm trong mục-lục nhà trường lấy những bia nào có ích-lợi cho sự khảo-cứu của ta đây ; nhưng về phần riêng các ông, có tìm thấy cái nào mới lạ, cũng nên bảo cho tôi biết. Các ông sinh-trưởng ở đất nước này, tôi là một người ngoại-quốc có bụng yêu mến nước này, các ông có thể giúp cho tôi để nghiên-cứu về lịch-sử nước Nam vậy.

Nay muốn chứng rõ về việc tìm-nhặt các tài-liệu đó, thì xin thí-dụ như sau này. Các ông chắc đã thuộc cả

truyện Triệu Đà là tướng Tàu sang đánh đuổi vua An-dương, rồi lập ra nhà Triệu ở nước Nam. Nay vì ta muốn định cho rõ việc Triệu-Đà sang chiếm nước Nam thế nào.

Việc ấy cách nay đã hơn hai nghìn năm thuộc về năm 207-208 trước Gia-tô.) Vậy thì chắc không còn những di tích ở các vật-chất dễ hủy-hoại; thí dụ như những đồ gỗ có chữ khắc hay chữ chạm, thì không thể nào còn đến giờ được. Nhưng hoặc còn lại những bi-ký bằng đá rần: Ông DUMOUTIER có tìm thấy một cái bia ở nơi di-tích thành Cổ-loa, là kinh-dó nước Âu-lạc về đời vua An-dương từ năm 220 đến năm 207 trước Gia-tô; nhưng cái bia đó cũng là bia mới, chứ như tôi sô-biết thì không có bi-ký nào đồng-thời với Triệu Đà. Đến những đồ-vật về thời bấy giờ, như khi-giới, đồ bày, đồ dùng, thì các nhà bảo-tàng không có gì cả. Đến như tiền-tê và «mề-day», thì không thấy đâu nói là có. Như vậy thì cái phạm-vi sự sưu-tầm của ta cũng đã thu lại hẹp vậy. Những dấu-vết vật-chất về việc Triệu Đà sang đánh nước Nam, thì hầu như không có gì cả; ta phải tìm những dấu-vết khác vậy, như truyện cổ-tích, truyện truyền-ký, lời biên-ký, lời tả-thuật, văn-vân. Vậy nay ta thử tìm những tài-liệu thuộc về hạng sau đó vậy.

Trong việc tìm-lòi này, có khi đã có những sách-vở của người trước cũng giúp được nhiều, như các thư-mục dẫn-chứng các sách-vở thuộc về một đời hay một việc nào, như những truyện-ký sự trạng về các danh-nhân đời trước, văn-vân. Thuộc về việc ta định nghiên-cứu đây, thì những sách-vở ấy cũng ít lắm. Nhưng tuy sách thư-mục của người An-Nam làm không có, nhưng hiện đã có một bài khảo-biện của hai ông CADIERE và PELLIOU về các sách An-nam làm nguồn khảo-cứu cho khoa Nam-sử. Xem bài đó thì cũng

biết được tên mấy bộ sách An-Nam có nói về việc Triệu Đà.

Còn những sách-sử gốc của Tàu, thì phải tra bộ *Từ-khố toàn-thư tổng-mục* 四庫全書總目, lại tra những mục-lục sách Tàu của các đồ-thư-viện thành Paris, thành Luân-đôn, thành Bỉ-đắc; lại có một bộ sách khảo về văn-học Tàu của một người Anh ở bên Tàu soạn từ năm 1867 (*Note sur chinese Littérature* của WYLIE), xem đây cũng có nhiều điều có ích. Tài-liệu Tàu thì phong-phủ vô-cùng, vì các ông cũng biết rằng người Tàu xưa nay vẫn trọng về sử-học. Lại người Tây cũng có dịch mấy bộ sách của An-Nam và của Tàu: sách dịch thì vẫn là sách đã cách đi một tầng rồi, nhưng cũng nên xem, vì thường có những lời chú giải thích-nghĩa có ích-lợi. Vậy ta nên xem các bản dịch của ông CHAVANNES về sách *Sử-ký* của Tư-mã Thiên, của ông SAINSON về sách *An-Nam chí-lược*, của ông ABEL DES MICHELIS về bộ sử *Khâm-định* (bản dịch này mới bắt đầu, chưa được hết.)

Còn nhiều nhà làm sách nữa, như TRƯƠNG VĨNH KÝ, LEGRAND DE LA LIBAYE, BOUILLEVAUX, LAUNAY PARIS, có soạn những sách Nam-sử bằng tiếng Pháp, hoặc là dịch thẳng ở chữ nho ra, hoặc là cớp-nhặt các nơi mà làm thành sách; kể thì không phải là những sách có giá-trị lắm, nhưng cũng nên xem, vì có khi dẫn một quyển sách lạ, có khi chưa một điều gì mà ta không biết, cũng là có ích-lợi cho ta. Nói tóm lại bao nhiêu sách-vở làm trước ta đều có thể giúp cho sự nghiên-cứu của ta được bớt công khó-nhọc vậy.

## 20. — Kén-chọn tài-liệu

Khi đã sưu-tập được hết cả các sách-vở có ích cho sự nghiên-cứu rồi, lại đã nhặt được cả những đoạn trong các sách ấy nói về việc Triệu Đà, cũng

tim được cả những truyền truyền-ký kò-lich thuộc về việc ấy rồi, thì trước chi đem ra dùng, phải kén chọn cho kỹ đã, vì các tài-liệu ấy không phải là đều có giá-trị như nhau. Và lại trong những sách-vở tìm được ấy, nhiều quyển là sao lại các sách cũ, và lệ thường các nhà làm sách ở Tàu và An-Nam, khi sao lại sách của người trước, không có nói rõ là lấy ở đâu; có khi thì sao y-nguyên như cũ, có khi thì tự ý thêm vào, nhưng không bao giờ nói rõ cả. Vậy thì trong các tài-liệu sưu-tập lại đó, tất phải kén chọn cẩn-nhắc cho kỹ, cái nào có thể dùng được, nghĩa là giúp cho khôi-phục lại được việc cũ, thì hăng giữ lại, còn thì loại đi cả. Những tài-liệu đã kén chọn mà giữ lại, bấy giờ phải đem ra phê-bình.

### 30. — Phê-bình tài-liệu

Việc phê-bình chia ra làm hai phần: một là « ngoại-dụng phê-bình », (*critique externe*), hai là « nội-dụng phê-bình » (*critique interne*).

A — Nói về ngoại-dụng phê-bình.

Ngoại-dụng phê-bình là cốt xét về bề ngoài, xét về hình-thức các tài-liệu, về cách lưu-truyền thế nào, v. v. Nếu không xem xét kỹ trước như thế, thì rồi sau đem ra dùng tất có sai-lầm. Nay xét các phương-pháp ngoại-dụng-phê-bình thế nào.

Phép ngoại-dụng-phê-bình trước nhất phải tìm căn-nguyên tài-liệu ở đâu, rồi phải xét xem tài-liệu ấy có được hoàn toàn không, nghĩa là có hợp với bản-nguyên, bản chính không. Vậy thì trong phép ngoại-dụng-phê-bình lại chia ra hai phần: một phần là phê-bình về đồ lấy xuất-xứ (*critique de provenance*), hai là phê-bình về phục lấy nguyên-văn (*critique de restitution*). Nhưng đây có một điều khó, là muốn phục lấy nguyên-văn thì phải biết nguyên-văn thế nào. Nay những sách-vở ta dùng

để khảo-cứu, nào ai biết được nguyên-bản ở đâu? Như sách *Sử-ký* 史記 của ông Tư-mã hiên 司馬遷 viết đã hai-mươi thế-kỷ nay, thì nguyên-bản ở đâu? Lại như sách sử *Khâm-định* mới gần đây, cũng không ai biết nguyên-bản thế nào.

Cứ cái cách biên-tập các sách Tàu và sách An-Nam thì thường có thể biết được tên tác-giả các sách ấy, nhưng khó biết được những tài-liệu các nhà ấy đã lợi-dụng để làm ra sách. Có khi thì các nhà ấy không phải tự mình soạn ra sách mà là bắng-cứ ở sách cũ, nhưng không mấy khi là nói rõ, và thường cũng không nói cho mà biết nữa. Và lại, nếu nguyên-bản đã mất rồi thì túng-sử có biết cũng không ích gì nữa. Nay thí-dụ như sau này thì biết sự khó ấy thế nào: trong các sách gốc về lịch-sử nước Nam có quyển *An-Nam chí-lược* 安南志略 là quyển sách cổ nhất của người An-Nam soạn ra mà còn truyền tới nay; bấy-giờ phê-bình quyển sách ấy thì phải làm thế nào?

A) Trước phê-bình cho biết xuất-xứ ở đâu,

Vậy phải xét xem tác-giả là người thế nào, ở về thời-đại nào và làm ra sách ấy ở đâu. Thường thì ở trong bài *tự* hay bài *bạt* có nói rõ cả; nhưng hoặc không nói hay nói không rõ, thì phải xét kỹ quyển sách, và xét theo cách như sau này: 1 về lối chữ và lời văn trong sách, vì hình-thức chữ và cách làm văn, đời nọ sang đời kia, xứ này sang xứ khác, có thay đổi không giống nhau; 2<sup>o</sup> xét về những chữ riêng dùng để nói về các vua chúa, để dâng các tấu biểu, để chỉ các quan-chức, v. v., vì những danh-hiệu ấy mỗi thời-đại, mỗi nhà vua thường có thay đổi khác nhau; 3<sup>o</sup> xét về những việc đồng-thời với quyển sách đó; 4<sup>o</sup> xét về những nhân-vật trong sách nói đến; văn-văn.

Nay thuộc về sách *An-nam chi-lược*, thì đại-khái gốc-tích sách ấy như thế này. Tác-giả là một người Thanh-hoá về cuối thế-kỷ thứ 13, đầu thế-kỷ thứ 14, khi ấy ở Tàu đương thuộc nhà Nguyên, ở An-nam đương thuộc nhà Trần; tên là Lê Tắc 黎 朥, tự là Cảnh-cao 景 高, hiệu là Đông-sơn 東 山. Hồ-quân Nguyên tràn sang nước Nam thì Lê Tắc đương làm thư-ký cho Chương-hiến-bầu 彰 憲 侯 Trần Kiến 陳 建 là cháu gọi vua Trần Nhân-tôn là bác. Trần Kiến bấy giờ coi ba vạn quân An-Nam; thấy sự chiến-tranh khổ-sở cho dân, năm 1285 bèn đem cả quân đầu-hàng với người Tàu. Quan Tàu cho người đưa về Bắc-kinh; nhưng đi đến gần Lạng-sơn thì bị quân An-Nam vây đánh, cho là phạm tội phản-quốc mà giết chết. Lê Tắc đi theo, đem được xác hầu chôn-liệm tử-tế. Xong rồi đi sang Tàu, được bổ làm quan ở bên ấy. Khi tuổi già, đặt tên là Tĩnh-lạc 靜 樂, ẩn mình dưỡng-lão ở Hán-dương 漢 陽, thuộc tỉnh Hồ-bắc. Bấy giờ mới ký-ức lại những việc cũ và tra-cứu các sách Tàu nói về nước Nam, soạn ra bộ *An-Nam chi-lược*.

Thế là thuộc về thân-thế tác-giả cũng đã biết được tường. Nay muốn biết rõ sách làm về năm nào thì hơi khó hơn. Vì ngày tháng đề trong bài tựa của chính Lê Tắc thì chắc là sai-lầm: tựa đề là niên-hiệu Nguyên-thống 元 統 nguyên-niên đời Thuận-đế, tức là đối với năm 1333, nhưng lại đề tiếp theo là năm *ất-mão*, thế thì lại đối với năm 1315. Và lại sách có bảy bài tựa, mà năm bài có đề năm tháng, nhưng tính ra thì chênh nhau nhiều lắm, bài trước nhất vào năm 1307 và bài sau nhất vào năm 1340. Nhưng điều đó cũng không quan-hệ gì lắm, vì đối với sách này không cần như sách khác phải biết cho rõ làm vào năm nào tháng nào. Sách này thì chỉ biết chắc là làm vào

khoảng ba bốn mươi năm đầu thế-kỷ thứ 14, thế là đủ. Và xem trong các bài tựa thì biết rằng năm 1330 có quan Cơ-mật tên là Hà Vinh 何 榮 dâng sách *An-nam chi-lược* cho vua Nguyên, vua truyền cho đề vào kho sách trong cung; lại có đề cả ở Quốc-sử-quán. Một bài tựa nữa thì nói rằng sách có nhiều điều có ích, bộ Hộ và bộ Binh thường dùng được việc. Như vậy thì sách của Lê Tắc khi xuất-bản đã từng được vua quan Tàu chú-ý đến. Nhưng rồi sau sách lưu-truyền thế nào? Điều đó ta không được biết rõ. Chỉ biết bốn trăm năm sau, về đời Kiên-long nhà Thanh, có thấy biên và dẫn trong mục-lục *Tứ-khố toàn-thư*, nhưng hồi bấy giờ thì sách đã khuyết: bản-đồ trên đầu sách mất, lại cả một thiên cuối cùng là thiên thứ 20 thiếu. Vào khoảng năm 1790 nhà bác-học Tàu Tiền Đại-Hán 錢 大 昕 có được một bản lai thiếu mất cuối thiên thứ 19 nữa; ông có chua thêm ít nhiều, nhưng ông nói chính trong sách cũng còn nhiều đoạn khuyết, và nhiều chữ viết sai. Bản ấy rồi sau về tay một người Nhật tên là Ngạn-Điền Ngâm-Hương 岸 田 吟 香; người Nhật này năm 1884 đem ra in ở Thượng-hải; chính bản in đó là bản ta dùng ngày nay vậy.

Xem như thế thì nếu bây giờ có cách nào tìm được nguyên-bản thủ-bút của Lê Tắc mà so-sánh với bản in sau thì qui-hóa biết dường nào. Người chép sách thường vô-ý mà chép lầm; có khi bỏ sót cả câu; có khi lại tự-liện chữa sửa cả những đoạn những câu mình không hiểu nữa. Đó là sự biên-chép sai lầm; lại còn người sau bổ thêm vào nữa, như Tiền Đại-Hán vừa nói trên kia chắc là có bổ vào ít nhiều; ngoài Tiền Đại-Hán, có lẽ còn nhiều người trước hay sau nữa cũng bổ thêm vào như thế mà ta không thể

biết được. Nay không có nguyên-bản thì làm thế nào mà so-sánh được? Tất phải hợp cả các bản sao lại, đối-chiếu cho kỹ, rồi cứ mà phục lấy nguyên-bản.

b) Vậy nay đến phần phê-bình để phục lấy nguyên-bản.

Trước nhất, những sự sai lầm vô-ý, như ngày tháng biên-lâm, chữ nọ viết vào chữ kia, vắn-vần, thì nếu thông chữ Hán và nếu biết cái thời thường các người chép sách vô-ý chép lầm thế nào, thì đọc kỹ nhận kỹ, cũng có thể chữa sửa được.

Còn bổ thêm vào thì có hai cách : một là « tham-bổ » (*interpolations*), hai là « tục-bổ » (*continuations*). Tham-bổ nghĩa là thêm một chữ hay một câu vào giữa bài hay giữa đoạn, chữ ấy câu ấy trong nguyên-bản của tác-giả không có. Tục-bổ nghĩa là người sau chép nối theo sách của người trước, lối này ở Á-châu cũng như ở Âu-châu, người sau không mấy khi nói rõ phần mình tục-biên từ đâu và phần người trước đến đâu. Riêng về sách *An-nam chí-lược* thì đã biết cách biên-tập sách ấy thế nào và cách lưu-truyền tới nay thế nào, có thể chắc rằng sách không có ai tục-bổ về sau. Chỉ phải dò chỗ nào là chỗ có tham-bổ vào; muốn dò như thế thì phải đem đối-chiếu bản in của người Nhật với cái bản làm căn-cứ cho bản in đó, có lẽ tìm thấy những lời chưa tự thủ-bút của Tiền Đại-Hân, hoặc người khác tham-bổ vào nữa. Rồi lại phải đem hai bản đó so với bản chép bằng tay thấy biên trong mục-lục sách Tàu của Đờ-thư-quán thành Luân - đôn. Như thế thì bản chính không có, phải so-sánh các bản sau với nhau vậy, lấy bản nọ chữa lại bản kia, dần không phục được hoàn-toàn y như nguyên-bản, nhưng cũng cải-chỉnh hiệu-đỉnh cho nó gần được như bản cũ vậy.

Tới đó cũng chưa phải là đã xong việc phê-bình về ngoại-dung. Tới đó

là mới chữa-sửa được một bản sách sạch-sẽ không sai-lầm mà thôi; lại cũng mới biết được cái cơ-hội tác-giả làm sách ấy thế nào. Nay còn phải xét một vấn-đề nữa : là xét xem chính Lê Tắc dùng những tài-liệu gì mà làm ra sách ấy, tức như tiếng Pháp gọi là xét các « nguồn khảo-cứu » (*sources*) của ông. Gọi là « nguồn khảo-cứu » ấy là gồm những tài-liệu dịch-dáng mà nhà làm sử đã lợi-dụng để làm ra sách mình. Lê thường ngày nay thì phạm sách khảo-cứu phải kê rõ các « nguồn khảo-cứu » của tác-giả đã dùng qua, không những là kê qua-loa các tên sách mà thôi, mà lại phải biên rõ xuất-bản năm nào nơi nào, và trong sách thì tra vào thiên nào, đoạn nào, trang nào. Nhưng những phương-pháp đó, về đời Lê Tắc chưa biết; cho nên trong tựa chỉ thấy nói qua: « Ta đã khảo qua lịch-sử các đời và lịch-sử nước ta, ta lại xét địa-lư đất Giao-chỉ, rồi hợp cả các tài-liệu ấy cùng với việc đời nay mà làm ra sách *An-nam chí-lược* hai-mươi thiên này. »

Vậy phải tìm xem các « nguồn khảo-cứu » của tác-giả ở đâu. Những nguồn có thể biết được, nghĩa là đời Lê Tắc có mà ngày nay vẫn còn, thì trước nhất có những bộ sử các triều. Sách sử của Tàu nhiều lắm, nay phải tìm lấy những đoạn nào cùng nói về một truyện như sách *An-Nam chí-lược*, rồi đem so-sánh với sách *Chi-lược* thì thấy sách *Chi-lược* thường thường là chép đúng như sách Tàu. Còn như sách An-nam, thì bao nhiêu những sách ngày nay còn biết được hoàn-toàn, đều là sách làm sau sách *Chi-lược* cả; có nên vì lẽ đó mà không xét đến không? Không, là vì hai cơ như sau này : cơ thứ nhất là các nhà làm sách An-nam thường hay chép lại những sách cũ ngày nay không còn nữa; cơ thứ hai là các nhà làm sách ấy thường

mô-phỏng các sách Tàu và có khi thuật một việc gì cùng theo một nguồn như Lê Tắc trước, nếu thấy hai bên trùng nhau như thế, thì biết rõ là nguồn ấy của Tàu, chứ không phải của An-Nam.

Các sách ấy phạm chỗ nào cùng chép một việc mà chép giống như nhau, thì phải nên ghi lấy cả. Không những xét về sách An-nam chi-lược mới phải làm thế, xét các sách khác cũng phải như thế, để dò xem bản nào là bản chép về sau, chép sai đi thế nào, và bấy giờ mới định được bản nào là bản tốt, có thể dùng chắc-chắn được.

Các tài-liệu đã kiểm-điểm như thế rồi, bấy giờ mới đem ra xếp cho có thứ-tự, để tra-cứu cho dễ; nên phân-biệt ra hai hạng, một hạng là những đoạn trích ở sách An-Nam, một hạng là những đoạn trích ở sách Tàu; rồi mỗi hạng xếp theo thứ-tự năm tháng. Thế là việc phê-bình ngoại-dung xong, tức là đã dự-bị sẵn-sàng để bắt đầu nghiên-cứu.

B. — Nay nói đến phần nội-dung phê-bình.

Nội-dung phê-bình là việc quan-trọng khó-khăn nhất trong phép phê-bình về sử-học, vì nhân đó mới phân-biệt được điều thực điều hư, và trong các tài-liệu đã kén-chọn xếp-dặt cẩn-thận mới biết được phần nào nên tin phần nào nên bỏ.

Kết-quả việc phê-bình này là khiến cho ta biết được sự thực về lịch-sử, và phương-pháp là phương-pháp phân-tích (*analyse*), nghĩa là đem tài-liệu ra mà phân-tách cho rõ-ràng. Vì từ trước đến giờ là còn mới xét hình-thức của tài-liệu cùng những cơ-hội ở ngoài cả; nay mới thật xét đến nội-dung của tài-liệu. Việc phân-tích này muốn cho đến nơi đến chốn, thì phải nhân một cái tài-liệu đã kén-chọn rồi, làm những công-việc của tác-giả

đã làm qua để biên-tập ra cái tài-liệu đó. Phải hỏi tác-giả đã dùng những tài-liệu gì làm nguồn khảo-cứu, và đã dùng những phương-pháp biên-tập nghiên-cứu thế nào; nói tóm lại là các việc của tác-giả đã làm qua ngày xưa, bây giờ lại phải tưởng-tượng mà làm lại, để cho chắc được rằng tác-giả không sai lầm, không sơ-suất điều gì, hoặc tự-y hay vô-y, và cho biết ta có thể tin được đến đâu.

Đã phân-tích tài-liệu rồi, bấy giờ phải đem ra giải thích ý-nghĩa (*interprétation*), vì cần phải biết tác-giả định nói gì, rồi mới đem lời nói ra cân nhắc xem thực hư thế nào. Vậy thì đã biết nội-dung tài-liệu, phải giải xem ý-nghĩa ở trong ấy thế nào, vì nếu không hiểu cái bản-ý của tác-giả, thì không thể phán-đoán không sai lầm được. Xong rồi, lại phải hằng-cứ ở việc phê-bình xuất-xứ trên kia mà xét kỹ xem cái tài-liệu có đích-xác và có thành-thực không.

Vậy thì trong phép nội-dung phê-bình cũng phải phân-biệt ra mấy phần: trước hết là phân-tích tài-liệu, rồi đến phê-bình để giải thích ý-nghĩa và phê-bình cho biết tài-liệu có đích-xác và thành-thực không. Việc phân-tích ở trên vừa nói, nay nói về cách phê-bình như sau.

A) Nói về cách phê-bình giải-thích (*critique d'interprétation*).

Việc phê-bình giải-thích mới xét ra thì tưởng cũng là một việc dung-dị, thế mà có nhiều nỗi khó-khăn lắm. Muốn biết được nghĩa đúng của một cái « sử-liệu » nào, thì trước hết phải biết rõ nghĩa từng chữ một. Những « sử-liệu » ta phải nghiên-cứu là viết bằng một thứ tiếng khác hẳn tiếng ta thường nói, lại khác cả tiếng của người Tàu thường nói ngay nay nữa. Vậy thì lời văn của tác-giả ta phải xét thật kỹ cho khỏi hiểu



lầm. Nghĩa là trước hết phải định cho rõ nghĩa từng chữ, tức là nghĩa đen, rồi mới định đến nghĩa thực. Vì nghĩa đen có khi khác với nghĩa thực xa lắm, cứ chữ nào nghĩa ấy thì có khi hiểu lầm. Lại cũng có khi tác-giả không muốn nói rõ cái ý của mình ra mà nói xa-xôi hay là nói khác đi cũng có, thường thường thì là nói không được phân-minh khúc-chiết. Nào những lời nói bóng, lời tỉ-dụ, những điển-cổ xa-xôi, ấy cũng là những sự khó-khăn cho nhà nghiên-cứu muốn biết rõ ý-nghĩa một cái tài-liệu nào. Một bài văn hay một đoạn sách, muốn dịch được cho đúng, thì không những phải thông chữ Hán, lại phải biết thời-thế cùng xứ-sở của người đã viết ra bài văn hay đoạn sách ấy nữa, lại phải biết lối văn riêng của tác-giả thế nào, vì mỗi nhà làm sách có một cái thể-cách văn-chương riêng; nếu không biết tinh-cách riêng của mỗi nhà thì không khỏi hiểu lầm cái ý của người ta. đã hiểu lầm thì dịch ra tất sai.

Không những thế mà thôi. Trong một quyển sách, có đoạn quan-hệ cho việc khảo-cứu của mình, đoạn đó cố-nhiên là phải giảng nghĩa cho đúng. Nhưng muốn giải nghĩa cho đúng một đoạn sách, thì không nên bắt-chước thói thường trích rời đoạn ấy ra, không liên-lạc gì với đoạn trên đoạn dưới cả. Cái thói ấy là một thói tệ không nên theo. Vì nhân đó mà thường sinh ra sai-lầm nhiều lắm. Phạm muốn giải-thích cho biết ý-nghĩa một cái tài-liệu nào, thì bao giờ cũng phải nhớ rằng có một cái lệ gọi là lệ « thượng-hạ-văn » (*regle du contexte*). Theo lệ này thì muốn phê-bình một đoạn sách, tất phải xem kỹ cả đoạn trước đoạn sau cho hiểu rõ mạch-lạc ý-nghĩa, và phạm trích một câu hay một đoạn nào ra, phải dùng theo đúng như nghĩa cả toản-văn, chứ không phải cứ nghĩa đen một câu hay một đoạn ấy. Khi đoạn sách hay bài

văn đã hiểu rõ rồi, đã hội được cái ý của tác-giả rồi, thì thế là việc phê-bình giải-thích xong.

Nhưng biết thế mới là biết ý-kiến tác-giả về việc thuật lại đó thôi, chứ chưa biết chính những việc ấy thế nào. Đến đây mới là phần khó-khăn nhất và phải cẩn-thận nhất.

Trước nhất phải biết phân - kháng lại cái tính thiên-nhiên của người ta, là tính hay dễ tin. Người ta vẫn có cái khuynh-hướng tự-nhiên, dễ nghe thấy ai nói chuyện gì, hay đọc thấy việc gì trong sách, là sẵn lòng tin ngay, cho lời nói của loài người là bao giờ cũng có giá-trị, cũng đáng tin cả. Điều đó đã từng kinh-nghiệm, cứ theo các nhà triết-học thì cái nghĩa như thế này : nói dối, đánh lừa người ta, đó không phải là sự thường ; thường thì người ta ai cũng nói thực, cho lời nói của mình là để truyền sự thực ra, và tưởng rằng ai ai cũng dùng lời nói một cách chánh-đáng như thế cả. Không biết rằng tưởng như thế có quá ; vì cứ tự nghiệm ngay mình cũng có khi nói sai nói dối, và nghiệm đến kẻ khác vẫn thường thấy thế luôn. Vậy thì đọc một bài văn, một đoạn sách nào, thấy tác-giả quả-quyết điều gì, ta chớ nên sẵn lòng tin ngay, phải nên nhất-thiết hoài-nghi cả. Vì tác-giả có khi sai-lầm, cũng có khi nói dối. Trước khi kiểm-điểm cho kỹ, ta không nên nhận điều gì là đúng cả. Đừng nên thấy rằng tác-giả thường không lầm không dối mà cho rằng bao giờ cũng không dối không lầm, vì có lẽ chính cái đoạn quan-hệ cho mình tại là đoạn tác-giả hiểu lầm hay nói sai vậy. Lại cũng đừng nên thấy rằng tác-giả thường có tính quan-sát kỹ mà cho rằng việc gì cũng biết tường; đừng nên tưởng rằng tác-giả đồng-thời với việc thuật lại hay là đã được mục-kích việc ấy mà cho rằng thuật lại tất phải đúng đầu.

Phàm phương - pháp khoa-học đời nay, điều thứ nhất phải là sự hoài-nghi. Quả-quyết một điều gì, quả - quyết đến bao nhiêu lần nữa mặc lòng, cũng chưa đủ chắc được điều ấy là đúng. Lịch-sử cũng như các khoa-học khác. Thí-dụ như nhà vật-lý-học, thấy thiên-hạ nhiều người quả-quyết cho một sự gì là thực, tự mình vẫn chưa dám công-nhận là thực vội; còn muốn thí-nghiệm xem đã, tự mình xét kỹ xem việc xảy ra thế nào đã, rồi mới quyết - đoán. Nhà sử - học tuy không thể thí-nghiệm được, nhưng việc gì cũng phải hết sức kiểm-điểm cho đến nơi đến chốn đã, rồi mới có thể nhận được, vì nhà sử-học lại cần phải cần-thận hơn các nhà khoa-học khác nhiều, không nên vội tin điều gì, vì tài-liệu của sử-học vốn vẫn có nhiều cái nguyên-nhân sai lầm; những lời kỹ-thuật, sách sử-ký, tự nó không có giá-trị gì, chỉ là tiêu-biểu cho cái ý-kiến, sự cảm-giác của một người mà thôi; mà cái ý-kiến, sự cảm-giác của cá-nhân, thời theo như tiếng triết-học nói, cứ «tiên-thiên dịch» *a priori*) không có lẽ gì cho là thực được. Vậy thì muốn phê-bình cho biết rõ cái giá-trị của tài-liệu thế nào, phải lấy điều sau này làm khởi-điểm: là bao giờ cũng nên cho tác-giả là có lẽ hiểu lầm hay nói sai vậy.

b) Nói đến phép phê-bình cho biết đích xác hay không (*critique d'exactitude*)

Hoặc tác-giả hiểu lầm, vậy ta phải phê-bình cho biết lời nói có đích-xác không. Muốn phê-bình như thế thì phải biết các nhà làm sách vì những lẽ gì mà hay hiểu lầm. Đại-khái có mấy lẽ như sau này: 1<sup>o</sup> Tác-giả thuật lại một điều gì tự mình mục-kích, thì có thể quan-sát lầm, hoặc vì một cơ gì thuộc về tâm-lý (như không có đủ trí sáng-suốt hay bụng sân có điều thiên-kiến-gi, v. v.), hoặc bởi cái địa-vị hay sự liên-lạc riêng khiến cho không thể quan-sát được kỹ; 2<sup>o</sup> Tác-giả thuật lại một việc

gì không phải tự mình mục-kích, thì tất là nghe được hay chép được của người khác đã biết việc ấy kể lại mà cứ tin như thế, không kiểm-điểm xem người ta kể lại có đúng không. Như khi sau đó thì bản-phận của ta là phải tìm xem người nào là người nói trước đó. Nếu tìm được thì lại phải kiểm-điểm xem người nói đầu ấy có hiểu lầm không. Nhược-bằng không suy-nguyên mà tìm được tới người nói đầu (mà cái đó là thường), thì chỉ có cách đem cái tài-liệu ra mà phê-bình, xét cái cách nó lưu-truyền đến ta thế nào, để mà định cái giá-trị nên tin chừng nào. Lại có khi cái tài-liệu truyền tới ta là một câu truyện cổ-tích hay một câu truyện truyền-kỳ, nghĩa là một lời quả-quyết không biết truyền ra tự người nào. Truyện truyền - kỳ là những truyện thường phát-sinh ra ở những xã-hội còn bán khai và ngày nay ở những bang người vô-học cũng vẫn còn thấy; đại-đề thì theo như lời một nhà bác-học đã nghiên-cứu về các truyện ấy, « các truyện ấy thường phát-sinh ra ở trong những đám người chỉ biết lấy lời nói mà truyền lẫn cho nhau mà thôi, người nọ khẩu-truyền cho người kia, càng truyền càng sai mãi đi, không biết lấy đầu là bằng-cứ nữa ». Nhà sử-học thì phải theo lệ nhất-định phạm những truyện truyền-kỳ như thế là phải bác-bỏ đi hết cả.

c) Nói đến sự phê-bình cho biết thành-thực hay không (*critique de sincérité*)

Hoặc tác-giả nói sai, hay là nói dối, vậy phải phê-bình cho biết lời nói thành-thực hay không. Muốn phê-bình như thế thì phải biết vì những lẽ gì mà các nhà làm sách thường hay nói sai, nói dối. Các lẽ ấy đại-khái như sau này: 1<sup>o</sup> Tác-giả vì địa-vị cần phải nói sai sự thực đi (các công-văn sử-sách của Nhà-nước thường hay có cái lẽ ấy); 2<sup>o</sup> Tác-giả hoặc vì lợi-lộc riêng mà

phải nói dối; 3<sup>o</sup> Hoặc vì muốn thuận theo lòng thị-dục, sự thiên-kiến của công-chúng, nghĩa là muốn mị-chúng mà nói sai sự thực đi; 4<sup>o</sup> Hoặc là muốn làm văn chương, nghĩa là tô-diêm cho việc đẹp ra, chứ không cầu lấy sự thực, mà thành ra nói sai sự thực đi; 5<sup>o</sup> Hoặc là vì cái bụng thiên, thiên về chủ-nghĩa nào, thiên về đạo-giáo nào, thiên về đảng phái nào, thiên về xử-sở hay minh, què-nào văn vắn, lại hoặc là vì tính hiếu-danh mà xướng-suất ra những điều trái với sự thực.

Xem như thế thì biết rằng nếu trước kia đã phê-bình về xuất-xứ cho cần thận rồi, thì nay cũng dễ giải-quyết được các điều đó. Đã biết tác-giả là người thế nào, tính-tình, thân-thể, sự-nghiệp thế nào, thì tất cũng dễ đoán được lời nói có thành-thực và có đáng tin không.

Nay lại đem câu thí-dụ trên kia mà xét lại cho rõ: Ta muốn nghiên-cứu về việc Triệu-Đà sang lấy nước Nam, và muốn xét xem sách *An-nam chí lược* của Lê tắc chép về việc ấy có đáng tin hay không.

Ta khởi lên hai câu hỏi: 1<sup>o</sup> lời của Lê Tắc chép có đích-xác không; 2<sup>o</sup> có thành-thực không.

Thuộc về điều thứ nhất thì ta đã biết rằng Lê Tắc không thể mục-kích được việc đó, cũng không thể biết được người nào đã mục-kích việc đó. Vậy thì phải xét xem những tài-liệu ông dùng, ông có từng kiểm-điểm cần-thận không. Nhưng trước hết phải biết tài-liệu ấy là gì. Ta đã biết rằng sách *An-nam chí lược* xuất-bản vào những năm 1335; bấy giờ các sách sử-ký của An-nam, tác-giả đã được biết chưa? Sách *Đại-Việt sử-ký* 大越史記 của Lê Văn Hưu 黎文休 là khám-mạng vua Trần Thái-tôn (1225-1258), mà soạn ra, đến đời vua Trần Thái-tôn trị - vì mãi đến năm 1278, sách mới làm xong và năm 1272 mới đem dâng vua.

Lê Tắc có làm quan triều Trần Nhân-tôn là con Trần Thánh-tôn, thì có lẽ cũng được biết bộ sử của Lê Văn-Hưu.

Xét sách *Chi-lược* về thên thứ 15 đề là « Nhân-vật » thấy có nói đến tên « Lê-Hưu » và phê-bình một câu rằng: « Người có tài, có hạnh, làm quan phó cho Chiêu-minh-vương, rồi lại bỏ chức Kiểm-pháp. Có làm sách *Việt-chi*. »

Tuy cái tên sách có khác, nhưng xem câu đó thì biết Lê Tắc có biết bộ *Sử ký* của Lê Văn-Hưu. Nay ông có phỏng theo bộ ấy mà làm ra sách *Chi-lược* không, thì điều đó không thể biết rõ được, vì sách *Sử-ký* của Lê Văn-Hưu không truyền tới nay được hoàn-toàn. Và lại Lê Văn Hưu soạn bộ *Sử-ký* ấy về thế-kỷ thứ 13, tự đời Triệu Đà đến bấy giờ có 1500 năm, không có lẽ trong khoảng ấy không có người nào chép việc Triệu Đà trước nữa, nhưng người chép trước ấy thì không thể nào tìm cho được. Vì bao nhiêu sách An-nam trước Lê Văn-Hưu, nay không còn quyền nào, đến tên sách cũng không còn truyền nữa. Còn đến sách Tàu, thì có nhiều quyển nói về việc nước Nam trước sách *An-nam chí lược*; cổ nhất là sách *Sử-ký* của Tư-mã Thiên làm tự khoảng năm 90 trước Gia-tô, vậy thì cũng gần với việc Triệu Đà; hồi Tư-mã Thiên chép sử, thì việc xảy ra ước hơn một trăm năm về trước. Chắc rằng Tư-mã Thiên không thể mục-kích được việc đó; vậy thì là chép được hay nghe được ở đâu? Nhưng muốn biết rõ ở đâu, thì cũng lại không biết chắc được. Có người cho Tư-mã Thiên đã có biết qua sách *Sở Hán xuân-thu* 楚漢春秋 của Lục Giả 陸賈. Lục Giả này chính là người vua Tàu sai sang sứ nước Nam hồi Triệu-Đà xưng vương ở bên này, và đã từng ở với Triệu Đà mấy tháng. Như vậy thì tất tưởng việc nhà Triệu thế nào. Song nói rằng sách *Hán-Sở xuân-thu* của Lục

Giả là một « nguồn khảo-cứu » cho sách *Sử-ký* của Tư-mã Thiên thì cũng là đoán phỏng thế mà thôi, chứ chính Tư-mã Thiên không nói, mà sách của Lục Giả cũng không còn, không thể đem hai bên mà so-sánh được.

Như vậy thì thuộc về đoạn lịch-sử Triệu Đà, này không thể suy-nguyên cho tới người chép việc trước nhất được, đó cũng là sự thường, như trên kia đã nói vậy. Không có tài-liệu nào cổ hơn nữa, tất phải đem ngay sách *Chi-lược* ra mà nghiên-cứu, xét xem các việc chép có đích-thực không. Vậy phải đem sách ấy ra nhất-lấy hết các đoạn nói về Triệu Đà, dịch ra cho kỹ, để định lấy ý-nghĩa cho đúng, đoạn rồi xét kỹ những việc nào có thể tin được thì biên riêng ra, việc nào ngờ thì bỏ đi, cả đến những việc không thể kiểm-điểm được cũng nên gác bỏ ra.

Đã phê-bình cẩn-thận như thế, kén chọn kỹ-càng như thế rồi, thì những việc đã giữ được, có thể cho là những việc đích-xác cả.

Bây giờ mới phê-bình xem tác-giả có hiểu lầm không, có nói sai không.

Muốn phê-bình cho biết sự thành-thực của tác-giả thì chỉ nên xét xem tác-giả có lẽ gì phải nói sai sự thực đi, nghĩa là dễ-khởi ra mấy câu hỏi đã kể trên kia : Tác-giả có vì địa-vị hay vì lợi-lộc bách phải nói sai không? Tác-giả có vì bụng thiện mà xét không được công-bằng không? Văn-vấn Sách *Chi-lược*, ta đã phê-bình về xuất-xứ kỹ rồi, thì trả lời mấy câu hỏi đó cũng dễ. Tôi đã nói rằng phải xét tài-liệu về sử-học, bao giờ cũng phải nên cẩn-thận, nay đối với sách *Chi-lược* này lại càng nên cẩn-thận lắm nữa, vì tác-giả chính là một người đã phản-bội nước Nam mà lại thuật về việc nước Nam. Vẫn biết rằng tác-giả trung-thành với chủ là Chương-hiến-hậu, nhưng chính Chương-hiến-hậu đem quân hàng với

Tàu, thế là phản nước mình, Cứ tinh-trạng như thế, thì tác-giả chép về việc nước Nam không lẽ không nói sai sự thực được. Và lại vốn sinh-trưởng ở bên An-nam mà sau bỏ nước sang Tàu, làm quan với Tàu, coi nước Tàu như chốn quê-hương của mình; như vậy thì phạm việc gì quyền-lợi nước Tàu xung-đột với quyền-lợi nước Nam, thường thiên-vị nước Tàu hơn nước Nam, cũng không lấy gì làm lạ. Đọc sách *Chi-lược* thì dù biết tác-giả thường đứng về địa-vị người Tàu, chứ không phải đứng về địa-vị người An-Nam mà xét việc nước Nam.

Xem như thế thì phạm tác-giả nói điều gì, ta không nên tin cả, và nên nhất-thiết hoài-nghi vậy. Dù thuộc về việc Triệu Đà, là việc đối với thời-đại làm sách *Chi-lược* kể cũng đã là việc quá-cổ lắm rồi, ta cũng không thể theo như lời tác-giả chép được, vì đã biết rằng tác-giả không đủ chứng-cớ công-bằng cho ta có thể tin được.

Phép phê-bình về sử-học đến thế là xong. Các tài-liệu đã đem ra sát-hạch kỹ-càng như thế, bây giờ chỉ còn khơi-phục lại việc cũ mà thôi.

#### 4° Nói về việc khôi-phục lại việc cũ

Các tài-liệu đã phê-bình rồi, đã biết chắc là đích-xác thành-thực rồi, bây giờ vẫn còn là rời-rạc, tuy cùng thuộc về một việc, nhưng chưa rõ đầu-đuôi mạch-lạc thế nào. Bây giờ phải đem những tài-liệu ấy đối-chiếu với nhau, sắp liệ lại cho có thứ-tự : từ trước đến giờ, là việc phân-tích (*analyse*), nay đến việc tổng-hợp (*synthèse*). Khác nào như làm cái nhà, vật-liệu đã thu-thập được đủ, đã biết chắc là bền là tốt rồi, bây giờ phải xây dựng lên cho thành cái nhà.

Lại thí-dụ việc Triệu Đà như trên kia. Bao nhiêu những tài-liệu về việc ấy đã phê-bình theo các phương-pháp như

trên rồi, thế là thuộc về người, thuộc về việc, thuộc về sử-sở đã biết rõ được nhiều điều đích - xác rồi. Như biết Triệu Đà vào khoảng năm 207 trước Gia-lô là người thế nào, làm quan chức gì, trong bụng có cái mưu-vọng gì, và tài-lực có thể làm được thế nào; lại biết tình-trạng nước Âu-lạc của vua An-duyong thế nào, đất Nam-hải của Triệu Uy-Đà thế nào, sự giao-thiệp hai bên thế nào, bởi lẽ gì mà Triệu Đà định gây sự đánh nhau với An-duyong-vương, khi đánh nhau dùng những kế gì, cuộc chiến-tranh thủy-chung thế nào, vân-vân.

Bây giờ mới có thể hợp cả các tài-liệu ấy lại mà khôi-phục lại việc cũ y như khi xưa đã xảy ra thế nào. Muốn khôi phục như thế, phải làm thế nào? Phải lấy sự kính-nghiêm các việc thường trong đời người làm bằng-cứ, rồi cũng cứ theo cách như thế mà xếp đặt các sử-liệu đã sưu-tập được. Cái gốc tâm-lý người ta, đời nào nước nào cũng vậy; các cơ hành-dộng của người ta, từ khi có xã-hội đến giờ, cũng không từng thay-đổi mấy tí. Các mối tình-cảm của loài người, lòng yêu-ghét, lòng tham-dục, cũng như lòng quảng-dại, chí anh-hùng, là những tình-cảm chung của cả giống người từ thiên-cổ vậy. Cả lịch-sử thế-giới, tả về tâm-lý loài người, chẳng qua chỉ sai-biệt nhau về cái trình-độ, chứ cái bản-tính của loài người thì bao giờ cũng vẫn thế vậy. Tâm-lý người ta không thay đổi, vật-lý ở ngoài cũng không thay đổi; phép-tắc lớn trong vũ-tru, từ nguyên-thủy đến giờ cũng vẫn thế; trọng lực, quang-tuyến, nhiệt-độ, điện-khí, bấy nhiêu sức mạnh thiên-nhiên, từ xưa đến nay tác-dụng vẫn như thế, tự khi chưa có loài người biết thế, tự khi chưa có loài người biết kinh-nghiệm cho đến ngày nay có khoa-học nghiên-cứu, kết-quả cũng như thế mà thôi,

Vậy thì muốn khôi-phục lại một

việc cũ về lịch-sử, chỉ nên theo cái khuôn-mẫu thường ta đã biết. Trong việc khôi-phục ấy, cũng phải cần đến trí «tưởng-tượng» (*imagination*); chữ «tưởng-tượng» đây không nên hiểu nghĩa lắm, trí tưởng-tượng đây không phải là mượn những vật-liệu trong chân-cảnh mà kết-cấu ra một cái hình-ảnh theo ý riêng của mình, khác với sự thực dấu. Cách kết cấu như thế là cách của nhà mỹ-thuật; chứ nhà sử-học thì tưởng-tượng là đem những tài-liệu đã cóp-nhặt được mà khôi-phục lại một việc cũ cho thật đúng hiển-nhiên như sự thực; nhà sử-học không có phóng-ý mà kết-cấu cho đẹp, chỉ cốt sắp-đặt làm sao cho hợp với lẽ phải.

Trong việc khôi-phục đó, phải dùng phép suy-loại (*analogue*). Việc cũ của lịch-sử không phải là không có tương-tự với việc mới ngày nay. Tuy không nên thấy những cái vẻ tương-tự bề ngoài mà vội khái-luận, nhưng cũng có thể cho rằng phạm vi đời xưa đời nay, cái đại-thể nó không khác gì nhau, và nghiên-cứu việc đời xưa có thể lấy việc đời nay làm khuôn-mẫu được; việc xưa việc nay đối với nhau thật là đại-dồng tiểu-dị, duy những chỗ tiểu-dị, những chỗ sai-biệt đó cũng phải biết mà chăm-chước vậy. Có khi trong việc biên-tập tài-liệu đó, thấy còn có chỗ khuyết; bấy giờ thời phải suy-lý mà bỏ vào: nhân việc biết rồi suy việc chưa biết, nhân việc đã rõ đoán việc chưa rõ, dần-dần cũng có thể tìm ra được. Như nhà kiến-trúc phải tu bổ lại một cái đền-đài cổ, có viên gạch viên đá nào lâu ngày dô-nát, thời lại kiểm thử gạch thử đá cùng một loại ấy, cùng một hình ấy, thế vào cho được toàn; nhà sử-học cũng vậy, gặp việc nào khuyết thời nhân việc trước việc sau lý-hội cho biết tình-tiết nó thế nào rồi điền vào cho được liên-tiếp.

Làm như vậy thời cũng có thể khôi-phục được các việc cũ về lịch-sử, hình-dung được đúng, giải-thích được rõ, dấu không được hoàn-toàn dịch-xác như số-học, nhưng cũng đủ chắc-chắn cho ta có thể tin được.

Các ông xem như thế thì chắc đã hiểu rõ cái mục-dịch của nhà sư-học thế nào rồi. Đến khi chúng ta đem những phương-pháp tôi vừa giải trên kia mà thực-hành hẳn, thời bấy giờ mới lại càng hiểu rõ hơn nữa. Nhưng hiện nay tôi tưởng các ông cũng đã biết cái việc phê-bình dự-bị như trên đó cần là đường nào. Biết việc lịch-sử phải khôi-phục thế nào cho hoàn-toàn, thì tất biết việc tìm-nhật kén-chọn các tài-liệu phải cần-thận là đường nào. Trước khi bắt đầu xây dựng, phải sắp-đặt vật-liệu cho sẵn-sàng; vật-liệu có kén-chọn kỹ thời mới được chắc và bền; đến khi đã xây rồi thời không thể thử được nữa. Phải xem-xét kỹ từ trước cho biết có thể tin được chừng nào. Không nên bắt-

chức có kẻ vội-vàng vừa phê-bình tài-liệu, vừa biên-tập lịch-sử; làm như thế không khác gì người thợ nề gạch chưa nung kỹ đã bắt đầu xây. Ta nên kiên-nhẫn, cần-thận, cứ chăm-chỉ mà nghiên-cứu, đừng vội mong thấy kết-quả ngay.

Có thể thời mới làm nên công việc có ích.

Tự bài sau ta sẽ bắt đầu theo chương-trình, và ta làm như cách sau này. Vì không có tài-liệu khác nữa, vậy tôi sẽ đem những sách sử An-nam và Tàu, để chúng ta cùng nhau phê-bình theo các phương-pháp đã kể trên kia. Mấy bài đầu, tôi xin đảm-đương tìm tài-liệu, chúng ta đem ra phê-bình sát-hạch với nhau. Cho nghiên-cứu được tiện, tôi có kẻ ra một cái biểu đối-chiếu lịch-sử nước Tàu và nước Nam trong thời-kỳ ta định khảo-sát đấy. nghĩa là thời-kỳ An-nam nôì-thuộc Tàu, từ 257 trước Gia-tô đến 968 sau Gia-tô.

## BIỂU ĐỐI-CHIẾU LỊCH-SỬ NƯỚC NAM VÀ NƯỚC TÀU

Từ năm 257 trước Gia-tô đến năm 968 sau Gia-tô.

An - nam		Trước Gia-tô	Trung-quốc	
Nhà Thục 蜀.—50 năm. . .	(257-208)	257	Nhà Chu 周, vua thứ 34, hiệu là Noãn-vương 赧王 . . . . .	(314-256)
Có một ông vua, hiệu là Thục An-dương-vương 蜀安陽王, năm 208 bị Triệu Đà 趙佗 là tướng Tàu coi quận Nam-bãi 南越 đánh đuổi.			Thời Chiến-quốc 戰國. . .	(255-222)
(Tên nước trước là Văn-lang 文郎, hồi bấy giờ đổi là Âu-lạc 歐落.)			Sau đời ấy thì nước Tàu bỏ phong-kiến, làm quận-huyện.	
			Nhà Tần 秦.—15 năm. . .	(221-207)
			(Sử nhà Tần 43 năm, nhưng chỉ có hai vua nhất-thống trị-vì 15 năm.)	
		208	Hoàng-đế thứ hai nhà Tần, là Nhị-thế hoàng-đế 二世皇帝 (200-207) là vua đương tại-vị vào năm 208.	

<p>Nhà Triệu 趙, — 98 năm... (207-114)</p> <p>Năm đời vua {                  Triệu Võ-vương 武王, (207-137)                  — Văn-vương 文王, (136-125)                  — Minh-vương 明王, (124-113)                  — Ai-vương 哀王, 112                  — Vương Kiến - đức 建德, 111</p> <p>Vua sau bị tướng Tàu Lộ Bác-Đức 路博德 bắt.                  (Về đời này nước tên là Việt-Nam 越南; sau khi mất độc-lập rồi thì thành một bộ-phận thuộc bán-đảo nước Tàu, đặt tên là Giao-chỉ 交趾部.)</p>	<p>207</p> <p>111</p>	<p>207</p> <p>111</p>	<p>Tần Nhị thế mất,                  Tần Tử-Anh 子嬰, làm vua được 46 ngày, rồi hàng cho Lưu Bang 劉邦..... 206</p> <p>Qua một hồi loạn. . . . . (206-203)                  Nhà Tiên-Hán 前漢, 227 năm . . . . . (202 tr.G.-t.-25 sau G.-t.)                  (Các niên - biểu trong sách Tàu thêm 4 năm Lưu Bang khởi - nghĩa (206-203.)</p> <p>Nhà Hán 27 vua Năm 111 là năm thứ 29 đời vua Võ-đế 武帝 (104-87) là vua thứ 6 nhà Tiên-Hán.</p>	<p>206</p> <p>(206-203)</p> <p>(202 tr.G.-t.-25 sau G.-t.)</p>
<p>Nội-thuộc Tàu, lần thứ nhất. — 149 năm (111 trước G.-t. — 39 sau G.-t.)</p>	<p>111</p> <p>Sau Gia-tô 39</p>	<p>111</p> <p>39</p>	<p>Năm 29 đời Võ-đế, vua thứ 6 nhà Tiên - Hán mất năm . . . . . 87 tr. G.-t.                  Vua cuối nhà Tiên-Hán là Nhụ-tử-anh 孺子嬰 bị Vương Mãng 王莽 chiếm quyền. . . . . 6-8 s. G.-t.                  Vương Mãng cầm quyền 14 năm. . . . . 9-23                  Hồi loạn . . . . . 25-25                  Nhà Hậu - Hán 後漢 195 năm . . . . . 25-220.                  12 vua; vua đầu là Quang-Võ 光武 (25-57). Năm 39 là năm thứ 15 vua Quang-võ.</p>	<p>87 tr. G.-t.</p> <p>6-8 s. G.-t.</p> <p>9-23</p> <p>25-25</p> <p>25-220.</p>
<p>Hồi đình nhau với Tàu và độc-lập. — 4 năm... (39-43)</p> <p>Khi ấy Tô Định 蘇定 làm quan thủ đất Giao-chỉ, bà Trưng Trắc 徵側 khởi-nghĩa, đánh lấy được 65 thành, xưng làm vua. Tàu sai tướng Mã Viện 馬援 sang dẹp.</p>	<p>39</p> <p>43</p>	<p>39</p> <p>43</p>	<p>Năm thứ 15 đời vua Quang-Võ nhà Hậu-Hán.</p> <p>Năm thứ 19 đời vua Quang-Võ</p>	

<p><i>Nội-thuộc Tàu lần thứ nhì,</i> — 144 năm . . . . .</p>	(43-187)	<p>43 187</p>	<p>Năm thứ 19 đời vua Quang-Võ, vua mất năm... Năm thứ 20 đời vua Linh-đế 靈帝, là vua thứ 11 nhà Hậu-Hán . . . . .</p>	<p>57 (168-189)</p>
<p><i>Hồi tư trị,— 40 năm ...</i> Quan thú Sĩ Nhiếp 士贇 được xưng là Sĩ-vương 士王, trị-vị 40 năm. Con là Sĩ Hủy 士徽 kế cha; sau cùng với 5 em hàng tướng Tàu là Lữ Đại 呂岱, đất Giao cũ lại nội-thuộc Tàu.</p>	(187-226)	<p>187      226</p>	<p>Năm thứ 20 đời vua Linh-đế, vua mất năm ... Nhà Hậu-Hán đến đời vua Hiến-đế 獻帝 thì hết, vua mất năm . . . . . Đời Tam-quốc 三國, 44 năm . . . . . Năm 226 là năm thứ 3 đời Hậu-chúa 後主 là vua thứ 2 nhà Thục-Hán 蜀漢 . . . . . Bấy giờ nhà Ngụy 魏 là vua Văn-đế, nhà Ngô 吳 là vua Đại-đế 大帝.</p>	<p>189      220 (220-265)   (223-263)</p>
<p><i>Nội-thuộc Tàu lần thứ ba,</i> — 317 năm . . . . .</p>	(226-544)	<p>226          544</p>	<p>Năm thứ 3 đời thiên-chúa, mất năm . . . . . Đời Tam-quốc hết năm ... Nhà Tấn 晉, 15 vua . . . . . Đời Nam Bắc triều 南北朝 168 năm . . . . . Ở Nam, nhà Tống 宋... — Tề 齊 . . . . . — Lương 梁 . . . . . Ở Bắc: Nhà Ngụy 魏... Năm 544 là năm thứ 42 đời Vũ-đế nhà Lương. . . . .</p>	<p>263 165 (265-419) (420-589) (420-478) (479-501) (502-556) (386-550) (502-559)</p>
<p>Quan Tàu Tiêu Lư 蕭詧 bị Lý Bôn 李贲 đánh đuổi, lập nhà Lý.</p>				
<p><i>Nhà Tiền-Lý 前李, 55 năm</i> Lý Nam-đế Bôn 李贲 . . . . . Lý Đào-lang-vương 李桃郎王 . . . . . Lý Hậu-đế Phật-lữ 李後帝佛子 . . . . .</p>	<p>(544-602) (544-418) (549-555) (571-602)</p>	<p>544</p>	<p>Năm thứ 42 đời Lương Vũ-đế — vua mất năm . . . . . Nhà Lương mất năm . . . . . Nhà Trần 陳 . . . . . Ở Bắc: nhà Bắc-Tề 北齊 . . . . . — Chu 周 . . . . .</p>	<p>556 556 (557-588) (550-551) (557-581)</p>



<p>Triều Quang-Phục 趙光復 là tướng Lý Bôn, chiếm ngôi, trị-vị 23 năm. Triều Việt-vương Quang-Phục . . . . . (549-571) Lý Phật-tử đánh Quang-Phục năm 571 ; rồi năm 602 hàng cho tướng Tàu Lưu Phương 劉方. Lý Nam-đế đặt tên nước là Vạn-xuân.</p>	<p>(549-571)</p>	<p>602</p>	<p>Dương Kiên 楊堅 đánh được nhà Chu (581) và nhà Trần (588), nhất-thống Nam Bắc, dựng ra nhà Tùy 隋. . . . . (589-617) Năm 602 là năm thứ 14 đời Văn-đế nhà Tùy. . . . . (589-604)</p>	<p>(589-617) (589-604)</p>
<p>Nội-thuộc Tàu, lần thứ tư, — 435 năm. . . . . (602-938)  Cuối đời nội-thuộc Tàu, thường xảy ra việc khởi-nghĩa chống với quan Tàu. Năm 938, Ngô Quyền 吳權 lấy lại được nước, xưng vương.</p>	<p>(602-938)</p>	<p>602          938</p>	<p>Năm thứ 14 đời Văn-đế nhà Tùy ; vua mất năm. . . . . 604 Nhà Tùy mất năm. . . . . 617 Nhà Đường 唐. . . . . (618-907) Đời Ngũ-dại 五代, 52 năm. . . . . (907-960) Nhà Hậu-Lương 後梁. . . . . (907-923) — Hậu-Đường 後唐. . . . . (924-936) — Hậu-Tấn 後晉. . . . . (937-946) Năm 938 là năm thứ 2 đời Cao-tổ 高祖 nhà Tấn. . . . . (937-942)</p>	<p>604 617 (618-907) (907-960) (907-923) (924-936) (937-946) (937-942)</p>
<p>Nhà Ngô 吳 — 26 năm. . . . . (939-965) Ngô-vương Quyền 吳王權. . . . . (939-944) Sau đời Ngô Quyền, Dương Bình-vương Tam-Kha 楊平王三哥 lên tiếm. . . . . (944-950) Tam-Kha bị con thứ hai Ngô Quyền đánh lấy lại nước, cùng anh cả trị-vị 4 năm, rồi làm vua một mình. Ngô-vương Xương-Ngập 吳王昌岌. . . . . (951-955) Ngô-vương Xương-Văn 吳王昌文. . . . . (956-965)</p>	<p>(939-965) (939-944) (944-950) (951-955) (956-965)</p>	<p>938          965</p>	<p>Nhà Hậu-Tấn mất năm. . . . . 946 Vua cuối cùng là Hữu-trọng-Quý 右重貴 bị Nhà Hậu-Hán. . . . . (947-950) và — Hậu-Chu. . . . . (950-960) chiếm mất ngôi. Nhà Tống, 宋 319 năm. . . . . (960-1279)  Năm 965 là năm thứ 6 đời vua Thái-tổ nhà Tống.</p>	<p>946 (947-950) (950-960) (960-1279)</p>

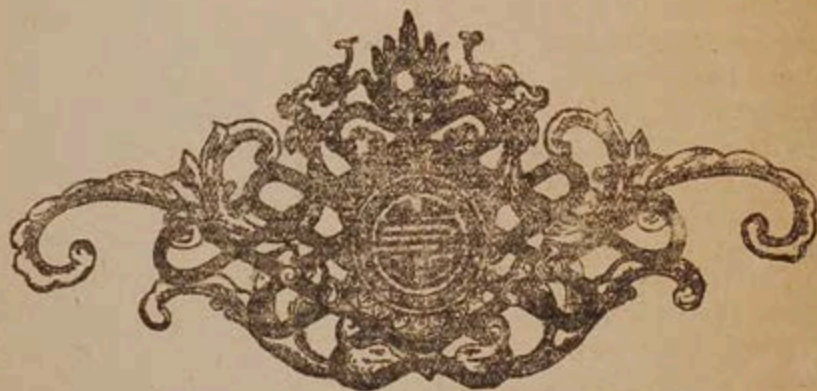
Xương-Vân đánh giặc bị chết, nước loạn mãi cho đến vua Bình Tiên-Hoàng 丁先皇 lên ngôi.	965	Năm thứ 6 Thái-tổ nhà Tống	
	968	Năm thứ 9 Thái-tổ ; vua mất năm . . . . .	976

Lời phụ chua của dịch-giã. —  
Khoa Nam-sử của ông giáo CH. B. MAYBON  
đạy ở trường Đại-học cũ năm 1907 chỉ  
còn có bài khai-giảng dịch trên này là  
di-tích lại. Và nghe chừng đầu đuôi  
cũng chỉ có thế mà thôi, vì kể dấy rồi  
nhân cái phong-trào chính-biến năm  
1908 (như việc đầu-độc thành Hà-nội),  
trường Đại-học bị bãi, học-trò tan,  
sách-vở mất, cái lửa nhiệt-hành về  
sự học cao-dẳng, mới nhóm lên đã bị  
ngươi ngay, và ông giáo MAYBON cũng  
chưa kịp đem những phương-pháp ông  
đã dạy cùng học trò nghiên-cứu được  
đoạn nào trong lịch-sử nước Nam  
cả : đáng tiếc thay !

Trường Đại-học thứ nhất đó không  
được sống lâu, mà các người có quan-

hệ với trường ấy cũng mất dần đi cả.  
Ông Toàn-quyền BEAU lập ra nhà  
trường, chết đã đến mười năm nay,  
ông RUSSEY dạy văn-chương và địa-dư,  
ông CL. E. MAITRE dạy triết-học, ông  
MAYBON dạy lịch-sử Viễn-dông, cũng  
kế-tiếp nhau chết cả. Còn ông GOU-  
DON là Học-chánh Tổng-trưởng hồi bấy  
giờ, thời đi trận bị thương nặng, còn  
sống sót ở bên Pháp. Chưa đầy 20 năm  
mà đã bề đầu đến thế ! Âu cũng là  
một đoạn lịch-sử nước ta đã kết-thúc  
vậy. Người đã mục-kích đoạn lịch-sử  
ấy, hồi-tưởng lại cũng bùi-ngùi.

T. - C.



## PHÉP XỬ-THỂ (1)

## NÓI VỀ CÁCH GIAO-TÉ TRONG XÃ-HỘI

## II

## Trông mặt bắt hình-dong.

Các sách « Xử-thể tu-tri » thường dạy rằng không nên nhìn rõ vào mặt người ta. Tuy-nhiên, thường thường không ai giữ được như thế, như khi mới gặp một người nào, tất có ý muốn nhìn mặt để nhận cho kỹ. Lại lúc nói chuyện với người nào, cũng có ý xét hình-dong thái-độ người ấy, dường như để dò biết ý-tức người ta thế nào.

Nghĩa là các sách « xử-thể » đáng lẽ phải dạy rằng người ta ở đời thường cần phải xem-xét hình-dung diện-mạo kẻ đồng-loại mình, nhưng phép lịch-sự là phải xem-xét làm sao cho kín-dá, vẫn có ý xét người mà không để cho người biết được.

Vì rằng ở trong xã-hội người ta vẫn hay xem mặt mà bắt hình-dong, thế-gian xét người hay xét ở dung-mạo trước nhất. Tựa-hồ như thiên-hạ nhìn nét mặt, trông dáng đi của ta mà đoán được cả cái lịch sử của ta vậy. Ai cũng biết rằng lắm khi cứ nhìn bộ-dạng người cũng đoán được nghề-nghiệp của người thế nào. Ông quan tòa ông quan võ nhà diễn-kịch đều có cái dáng bộ riêng cả.

Không những chức nghiệp lộ ra ngoài mặt, mà cảm-tình, tập-quán cho đến tư-tưởng cũng thường biểu-lộ ra dung-mạo. Cho nên ta muốn dò xét ở

nét mặt kẻ khác cho biết tình-tình phẩm-giá người ta thế nào, thời về phần riêng ta, ta cũng nên cần-thận cái dung-mạo của ta vậy.

Thực ra thì điều cần nhất là phải giữ lấy cái khí-sắc cho tươi. Không phải rằng ai ai cũng có thể đem một cái trang-mạo rực-rỡ, hay là một nét mặt vui-vẻ luôn mà đối với xã-hội được. Xấu, đẹp, mạnh, yếu, là trời sinh ra như vậy, thế sao miễn-cưỡng được. Nhưng đã biết rằng tư-tưởng tập-quán thường biểu-lộ ra ngoài, thì cũng nên nhớ rằng tự mình vẫn có thể sửa được dung-nhan thái-độ của mình, sửa bằng cách tâm-lý-học gọi là « tự vi cảm dụ », « tự vi hoán khởi » (autosuggestion) vậy.

Cốt nhất là phải biết rằng trong nét mặt người ta, thiên-hạ ưa nhất là không có cái nét tẻ. Nghĩa là trong lúc ra giao-tiếp với xã-hội, muốn cho tự-nhiên được cảm-tình của kẻ khác ngay, thời thường thường trên nét mặt không nên để có cái gì là dấu vết những sự khốn nạn ở đời, như sự đau đớn về thân-thể, sự khổ-não về tâm-thần sự lo lắng, sự nghèo khổ, cùng các cái ác-tật khác, vân-vân. Nếu đem cái nét mặt tươi-linh mà giao-tiếp với người đời, thì tự-khắc người với mình, mình với người, sẽ gây nên như một cái hấp-lực mạnh, khiến cho dễ yêu-mến quyến-

(1) Xem N.-P. số 125.

luyện nhau, nhờ đó mà mình đến đâu cũng được hoan-nghênh qui-chuông, được người sẵn lòng bênh-vực giúp-đỡ cho, và những việc mình mưu-tính cũng có thể chóng thành-công được.

Người ta dù đem cái lòng khoan-dung đến đâu mà xét người cũng phải chịu rằng người đời vẫn có cái tính vị-kỷ. Nhưng nếu cái tính vị-kỷ ấy chỉ là cái khuynh-hướng muốn làm thân, muốn đến gần những kẻ trông diện-mạo tốt-tươi mà đoán rằng chắc ở đời được dễ-dàng vui-sướng, hình như được gần họ thì cũng mong được hưởng một phần hạnh-phúc của họ, nếu cái tính duy-kỷ chỉ có như thế, thì nhà đạo-đức cũng không nên nghiêm-trách vậy.

#### Xét diện-mạo biết được người.

Thường xét diện-mạo mà dễ đoán được tính-tình tư-tưởng người ta. Diện-mạo là bộ-phận trong thân-thể linh-hoạt hơn cả và dễ cảm hơn cả, phạm sự ảnh-hưởng ở ngoại-giới, sự cảm-động trong tâm giới, đều phản-chiếu ra nét mặt như trên tấm gương vậy.

Khách gặp ta, nhìn nét mặt đủ biết là ta vui-vẻ hay ta buồn-bã, nghĩa là đặc-chỉ một việc gì hay thất-chỉ một việc gì ở đời nhất là việc mới xảy ra mà có cảm-động đến ta một cách sâu-xa vậy. Nhắc trông mặt là biết ngay ta đương tức-giận, hay ta được yên-vui.

Như công-việc không chạy, không được khoan tâm như ý, thì cau lông mày, nét mặt ủ-dột, ra dáng mệt nhọc như người ngủ không ngon giấc. Như thế thì ai còn muốn chuyện-trò với mình nữa, vì trông mặt mình người ta đã chán rồi, biết rằng giao-tiếp với mình không có thú gì.

Như người đàn ông mà có nét mặt nhọc-mệt thì hoặc còn thể dung được, chứ người đàn bà đem cái mặt ủ-dột ra với xã-hội thì xã-hội tất không bằng lòng, vì xã-hội coi người đàn-bà như bông hoa đẹp, bao giờ cũng phải có vẻ tốt-tươi.

Nét mặt người ta, vì tuổi già, vì bệnh-tật, vì sự khó nhọc trong chức-nghiệp, khiến cho cân-cốt dùng lắm đã mệt mà thành ra dấu vết giàn-gieo, đó là cái vết tự-nhiên, không sao chữa được; nhưng ngoại-giả, còn có những vết giản tự mình làm ra, vì cái thói quen không tốt, tập-nhiễm đã lâu.

Biết bao nhiêu người mang nét mặt cau-có, chỉ vì thói quen lúc đọc sách hay cau lông mày! Lại có người cố kiểu-sức làm ra mặt vui cười mà có khi thành ra nét mặt như ngáy-ngộc, vì cái cười không tự nhiên là cái cười không linh-hoạt, cái cười không linh-hoạt là cái cười « ông phỗng đá », chỉ khiến cho thiên-hạ buồn cười.

Xem diện-mạo người ta như thế thì biết ngay được người nào là người khôn, người nào là người dại. Người tinh thì xem ở con mắt, cái môi đủ biết. Còn miệng cười thì có khi tỏ ra con người phong-nhã cao-thượng, có khi lộ ra con người thô-bỉ tục-lần.

Có nét mặt linh-động vô-cùng, tinh-tinh rất cao-thượng cũng có thể biểu-lộ ra một cách rất tinh-vi được: nét mặt ấy là nét mặt có tinh-thần. Trái lại thì có những nét mặt có thể gọi là nét mặt « vô-ý-nghĩa », nghĩa là xem ra như không có quan-hệ gì với tâm-tình người.

Nay phải tập thể nào cho những tinh-tinh cao-thượng có thể tự-nhiên biểu-lộ ra ngoài diện-mạo, còn những cái cảm-

giác không hay khiến cho người ta buồn-bã phiền lòng, thì nên cố nên đi cho không phát-lộ ra ngoài được. Nói thế không phải là khuyên người ta nên tập lấy cái tình giả-trá đầu, chỉ là khuyên nên tập lấy cái tình cần-thận trong cuộc xã-giao (prudence mondaine), liếc giữ gìn dung-mạo mình cho người ta khỏi trông mặt mà xét làm, hoặc đến sinh ra ác cảm cũng có, vì như trên kia đã nói, thế gian xét người thường chỉ xét ở bề ngoài hơn cả.

### Cái cười có duyên, con mắt ý-tứ.

Cái cười con mắt là hai cái tia sáng trên nét mặt, có khi không cần phải nói, cứ con mắt miệng cười mà có thể biểu được ý-tứ, vì con mắt miệng cười có khi có ý có duyên hơn là lời nói rất đụ-đàng êm ái.

Miệng cười tươi-linh bao giờ cũng được lòng người. Tuy-nhiên cười cũng cho phải lúc thì cười mới có giá-trị, không nên gặp ai cũng cười, việc gì cũng cười.

Phải tùy người tùy lúc, trong cái miệng cười của mình có ý hòa-nhã, có ý kính-trọng, có ý vui-vẻ phục-tòng, hay là có ý ân-cần khẩn-thiết. Nếu biết khéo khiến cái miệng cười như thế, thì miệng cười bao giờ cũng có duyên, thường có ảnh-hưởng tốt đến lời nói việc làm.

Vào cửa hàng, người bán hàng đem đồ hàng ra xem, nếu biết điềm thêm cái cười nụ khả-ái, thì khách mua hàng chắc là được đẹp mắt, và sẽ vui lòng lìn nhà hàng.

Song phải biết rằng trong cái cười bao giờ cũng có hàm cái ý thân-mật ở đấy. Vậy phải tùy người tùy cảnh mà dùng cho thích-hợp. Như vào « sa-lông »

một vị phu nhân cao-quí để chào mừng thăm hỏi, thì lúc bước vào nét mặt phải khiêm-tốn, lúc giáp mặt hỏi han bấy giờ mới nên hơi có cười nụ một chút cho tươi-linh mà thôi. Chứ nếu chưa vào đến nơi đã nét cười đầy n.ặt, thì ra vẻ sỗ sàng quá, và không khỏi người ta chế là người tự-phụ.

Còn có cái cười nhạt như mĩa-mại khinh-mạn, cái cười ngạo đời hay là khinh đời, cũng có lẽ là cái cười của người trí-thức cao-thượng, nhưng vẫn là cái cười lãnh-đạm, cái cười vô-duyên, không khiến được cảm-tình kẻ khác.

Đến như con mắt thì lại có ý tứ hơn miệng cười nữa. Trong xã-hội ai cũng mến những người có con mắt thành-thực; con mắt thành-thực, tất là trong lòng cũng thành-thực, khiến cho người có thể tin được.

Con mắt có thần; cái vẻ nó khi dậm khi nhạt, không thể tả ra cho hết được. Mắt mình bao giờ cũng nên nhìn thẳng tự-nhiên, đừng như cho thiên hạ trông mặt mà đoán được tâm lòng.

Và lại con mắt thành-thực thường là tiêu-biểu con người có giáo-dục tốt. Trẻ con hề có linh tốt thì cũng dễ lập cho nhìn thẳng, không giấu con mắt đi, rồi sau lớn lên vẫn giữ được cái thói quen tốt đó.

Nên nhìn thẳng một cách chững-chạc, không nên để cho con mắt có cái vẻ thẹn-thùng lẩn-lút, nhưng cũng không nên bắt-chước có kẻ nhìn ai thì nhìn trông-trọc vào mặt người ta, như ra mặt xét-đoán hay làm thuật thôi-niên vậy. Sự thành-thực bao giờ cũng tự-nhiên, chứ không làm ra kiểu-cách bao giờ.

Nét mặt tự-nhiên vẫn có ý-lưu, không cần phải kiêu-súc. Con mắt nhìn, cái miệng cười, nó vẫn có vẻ hoạt-động tự-nhiên, nên biết khéo lợi-dụng cho thích-hợp, chứ đừng nên miễn-cưỡng bao giờ.

### Giọng nói và điệu nói.

Tiếng nói là một cái vẻ thanh-thù dễ-nhất ở đời. Người ta nên tập con mắt miêng cười, mà lại nên tập cả tiếng nói nữa, vì tiếng nói cũng có thể làm cho có vẻ vẻ, có ý-lưu được.

Bởi thế nên người ta nhân ra con người lịch sự, không phải ở tiếng nói tự-nhiên đâu, mà ở cái giọng nói, cái điệu nói làm cho lời nói có ý-vị, vì cái đó phải tập mới được.

Tiếng nói người ta, vốn vẫn uyển-chuyển dễ khiến tùy cái ý-lưu tự-tưởng trong lời nói mà thay đổi đi dễ lắm. Cho nên nói chuyện phải biết khéo dùng cái giọng, cái điệu cho thích-hợp với câu chuyện, đó cũng là một cách lịch-sự thường cần phải biết. Như bàn chuyện buôn-bán mà nói giọng ngậm-ngà, lên bổng xuống trầm, thì vô-lợi quá. Nhưng trong chỗ anh em họp chuyện nhau, câu chuyện phải có ý-vị, tùy cái tình-tức trong lời nói mà giọng nói phải thấp cao uyển-chuyển cho thích-hợp.

Ở nhiều nơi có giọng nói riêng, phải nên cố mà bỏ cái « giọng địa-phương » đó, vẫn biết người địa-phương khó lòng mà bỏ hẳn cho được, nhưng ra ngoài mà nói bằng giọng ấy thì thiên-hạ cho là « quê ». Cho nên phải cố bỏ đi cho được. Phải nên tìm đến gần những người nói trúnq-cách và tập lấy cái giọng cái điệu người ta.

Tiếng nói phải nên dịu-dàng êm-ái mà cốt nhất là phải nên uyển-chuyển thích-hợp. Đừng nên nói to tiếng, cũng đừng nên nói cao giọng ; phải nên tập cho tiếng nói được « rộng rãi », nghĩa là có âm-hưởng và phải biết tùy giọng cao thấp của người nói với mình mà khiến giọng mình cho thích-hợp.

Cũng có lúc phải cất giọng cao lên, nhưng không nên nói lộp người ta đi. Trong cuộc xã giao đàm-thoại, thường nghiệm ra lúc đầu nói chuyện còn nhỏ-nhỏ, sau giọng lên cao dần, mà có cái vẻ tự-do, mạnh-mẽ, như « âm-áp » hơn.

Khi nói chuyện riêng, thì nên nói nhỏ, cuối câu giọng nên chuyển xuống một chút, theo như cách các nhà diễn-thuyết diễn-kịch thường dùng khéo lắm.

Tiếng nói cứ kéo dài một giọng không có đổi điệu, làm cho người nghe dễ chán. Nghe ai nói cũng muốn đoán giọng nói cho biết tư-tưởng ra thế nào. Cứ nói một giọng thì không ai biết đâu mà dò, thành ra chán. Vậy phải tập giọng nói cho có ý-lưu, vì nói khéo dễ nghe, ấy tức là một cách lịch-sự đó. Những giọng cứng-cỏi, churi-cay, cao-kỳ không nên tập, vì những giọng ấy bao giờ cũng kích động người nghe và tỏ ra cái ý như muốn gây sự cãi nhau vậy.

Còn cái giọng nói kéo dài, như nói từng chữ từng tiếng, thì ai có tật ấy nên cố sửa đi, vì thiên-hạ có người không biết mặt, chỉ xét bề ngoài, thấy nói chậm-chạp như thế, không khỏi cho là người đần, người độn.

Tiếng nói hay hơn cả là tiếng nói dịu-dàng êm-ái mà lại uyển-chuyển mềm-mại, giúp cho tư-tưởng đạt ra được một cách rõ-ràng sáng-sủa ; nói

lóm lại là cái tiếng nói khiến cho người nghe dễ đoán được tình-tình tư-tưởng người nói.

### Cách cử-động

Cách cử-động có thể diêm-xuyết cho tư-tưởng, và tỏ ra con người hoạt-bát linh-lợi. Nhưng cách cử-động thường làm cho lời nói đáng người mạnh-bạo thêm lên, cho nên dùng phải cần-thận, vì con mắt, miệng cười, tiếng nói là vừa đủ tỏ được tình-tình người ta rồi, đến như cách cử-động thì thường lộ quá, có khi là nhân một sự bất-bình bất-mãn nhất-thời mà phát ra, khiến cho người ngoài trông thấy không khỏi có cái cảm-giác xấu đối với mình.

Cách cử-động nói là để giúp cho tư-tưởng phát-biểu ra rõ-ràng mạnh-mao hơn, nhưng nhiều khi cũng không cần gì, ví như ta muốn đòi một cái đồ-vật gì hay muốn gọi một người nào thì cái tư-tưởng đó cũng không có khó gì mà cần phải chỉ tỏ ra ngoài người là mới hiểu được. Nếu vừa nói vừa chỉ tỏ, thì lại là một cách bất-nhã, vì tựa-hồ như cho rằng cái người mình nói với đó không đủ trí khôn mà chỉ nghe nói có thể hiểu được.

Vừa nói vừa cử-động, nghĩa là muốn làm cho lời nói mình mạnh-bạo hơn, tức là ngầm có ý yêu cầu cho người nghe phải đặc-biệt chú-ý vào lời nói mình, hay là muốn đem lời nói mình in sâu vào trong trí người nghe vậy. Kể diễn-thuyết ở nơi công-chúng thường hay cử-động luôn, như là người ra tranh-đua quyết-đấu vậy, dường như muốn phá cái tượng vô-hình nó cách-biệt mình với người nghe làm cho tư-tưởng mình không truyền sang óc

người được. Làm thế nhiều khi cũng khó coi.

Như vậy thì cách cử-động cũng không nên quá. Người lịch-sự đứng với nhau, không có cử-động chân tay bao giờ, là vì trong cuộc xã-giao, bao giờ cũng phải lấy sự hòa-nhã êm ái làm cốt, mà cách cử-động vẫn có ý số-sàng.

Tuy-nhiên, cũng không nên đứng đờ như pho tượng, tỏ ra cái ý then-thùng ngược-ngập. Đứng để hai tay bỏ thông, ra dáng lúng-lúng không biết cử-động thế nào, nếu không phải dùng đến tay diêm cho lời nói thì nên đặt cách thế nào cho dễ coi. Cách cử-động mà diu-dàng uyển-chuuyển, không có vượt quá ra ngoài cái phạm-vi hành-động của cá-nhân, thì cũng là một phần nên có trong cuộc đàm-thoại trong xã-hội. Nhưng những cách vung-vàng chân tay, uốn-éo thân-thể, giơ tay lên trời, cặp chân đứng thẳng, hay là những cách khoanh tay trước ngực, bắt tay sau lưng, vãn-vãn, thì những cách ấy rất nên kỵ vậy.

Cách cử-động cốt nhất là không nên số-sàng. Đứng có vừa nói vừa để tay trong túi. Đứng có hếch vai lên để tỏ ra ý ngờ hay ý khinh. Lại cũng không nên cử-động theo một điệu, để cho chân tay cứ một dịp mãi, cũng là cứng-cổ.

Dù khi nói chuyện với những người rất thân cũng vậy, cách cử-động cũng phải nên giữ gìn, vì ở bên ngoài có lẽ có kẻ không biết mình trông cái thái-độ của mình mà đoán cho là người thô-bỉ vậy.

### Dáng đi đứng

Cách cử-động nhanh hay chậm, nhẹ nhàng hay cứng-cổ, có thể tiêu-biểu

được cho tư-tưởng, thì cách đi đứng cũng là biểu-hiện được cái thói quen, cái sức khỏe, cái tính hoạt-bát hay là cái cách tự-chủ của người ta.

Vậy thì ta cũng phải cần-thận trong cách đi cách đứng của mình. Đó không phải là việc dễ, vì cách đi đứng còn phải tùy ở cách ăn mặc, ở cái « một » lưu-hành nó thường thay đổi luôn luôn và nó cũng bó-buộc người ta lắm. Muốn cho cái dáng đi được dễ coi, được chững-chạc, thì có khi giữ-gìn cẩn-thận, theo lấy thói thường cũng chưa đủ; còn phải tập lấy cho thân-thể mềm-mại, cũng là một cách thể-thao mà nhiều khi lại không hợp với phép thể-thao thường.

Người ta dáng đi phải cho nghiêm-chính, phải cho mạnh-mẽ, và phải cho ung-dung. Bước đi phải quả-quyết, chân đi phải ngay thẳng, và đầu bao giờ cũng phải ngẩng cao; đứng có làm ra bộ tuối-lắc năng nề đứng có ra dáng cao-kỳ cứng cỏi; thân-thể phải cho mềm-mại, uyển-chuyển, và tỏ ra cái tính tự-chủ. Xem cách đi ung-dung nghiêm-chính, đủ biết là người có giáo-dục. Bấy giờ trông trạng-mạo mà đủ cho người tin yêu, vì có cái vẻ phong-lưu nho-nhã.

Người đàn bà lại càng phải giữ-gìn cái dáng đi cách đứng lắm, và lại có phần khó hơn đàn ông, vì cách ăn mặc của đàn bà phiền hơn. Vậy lại càng phải tập cho cái dáng-dấp có vẻ và có duyên. Dáng đi người đàn bà nên cho nhẹ-nhàng linh lợi; cái cách năng-nề chậm-chạp là nên kỵ hơn cả. Ở trong nhà thì nên tha-thuốt một chút cũng hay; đi ra ngoài phải cho rắn giỏi mạnh bạo hơn mới là hợp cách đời

này. Bước đi phải cho nhẹ-nhàng, cái vẻ khinh-khiêu vẫn là cái vẻ người đàn bà đẹp. Cách đi phải cho có dáng-dấp dễ coi, nhưng vẫn phải nghiêm-chính đứng-dần. Đi ngoài phố, không nên có cái dáng tha-thần như người vô công rồi nghề; bước đi phải cho thẳng cho mau, nhưng cũng không nên lát-lả vói-vàng.

Người đàn ông cần phải giữ-gìn cho thiên-hạ khỏi xét lắm, người đàn bà lại càng cần hơn lắm nữa, vì bóng hồng dẫu thoáng qua dáng xa, thiên-hạ cũng chú-ý đến, người có duyên thiên-hạ sẵn lòng khen ngay, mà người hơi có khuyết-diểm một chút thì lại càng dễ ý nhân lắm, và ché-bai tức-thị.

### Sắc với duyên

Nói sắc với duyên là chỉ nói được về đàn bà. Người đời thường nói « trai tài gái sắc. » Sắc đẹp hình như dễ riêng cho người đàn bà, mà đàn ông phải hơn người ở nơi tài-bộ. Tuy-nhiên, người đàn bà dẫu được tạo-vật biệt-dã về đường nhan-sắc, nhưng cái địa-vị cũng lại vì đó mà có phần khó hơn, là bởi nhiên lý như sau này. Một là người đàn bà lúc nào cũng phải cần chăm-chút đến phần nhan-sắc của mình, phải thường thường so-sánh với kẻ khác, để cố giữ cho khỏi thua kém người, dù người dễ-dàng thế nào mặc lòng, cũng không thể coi thường việc đó được. Và bao giờ cũng phải nghĩ cách biểu-dương cho tôn-trọng lên. Về một phương-diện khác thì tuy cái phận-tử người đàn ông là phải lo kế sinh-tồn cho cả gia-đình, mà cái chức-vụ người đàn bà lại là phải biết khéo lợi-dụng kế sinh-tồn ấy để khiến cho gia-đình được hòa-lạc.



Nhân đó mà người đàn bà được trời cho trai-trẻ đẹp-đẽ, ở trong xã-hội dẫu được cái khoái-lạc kẻ mến người vì, nhưng lại có cái nghĩa-vụ phải biết hạn-chế cái lòng tự-cao của mình, biết hưởng cái khoái-lạc ấy một cách dịu-dàng kín-đáo, nghĩa là không nên để cho vì đó mà mất cái tình tự-khiêm đi vậy.

Trong xã-hội thiên-hạ vẫn ganh nhau về cái đẹp cái duyên, nhưng người đàn-bà đẹp mà lại có cái đức khiêm, thì bao giờ cũng được phần hơn. Cái duyên là cái gì? cái duyên là cái đẹp có ý-vị. Thiên-hạ vẫn ưa người có duyên hơn là người nhan-sắc lòng-lấy.

Vả cái duyên cũng không phải riêng cho một người đẹp, vì duyên tức là cái tài biết khéo biểu dương những tư-chất thiên-nhiên của mình. Người đẹp thì cái duyên làm cho tôn cái đẹp lên, người xấu thì cái duyên có thể thay vì cái đẹp. Người có duyên thì dẫu người tầm-thường xem ra cũng có vẻ.

Nay đàn ông cũng có thể có duyên được, nghĩa là cũng có cái tài chau-chuốt được những tư-chất thiên-nhiên của mình, nhưng cái đẹp người đàn ông với cái đẹp người đàn bà có khác nhau nhiều: Cái đẹp người đàn bà dẫu đẹp tươi-trội, cũng vẫn còn có người ưa, chứ người đàn ông đẹp mà không có cái đặc-sắc gì về tinh-linh hay về trí-tuệ nó lộ ra ngoài nhan-sắc, thì cái đẹp ấy có lẽ thiên-hạ lại khinh, chứ không trọng.

Cho nên trong cuộc cạnh-tranh ở đời, không nên lấy cái đẹp mà tự-phụ.

Mình đẹp hay xấu, để cho thiên-hạ xét đoán. Muốn đẹp lòng thiên-hạ thì chỉ nên khéo lợi-dụng mấy cái phương-pháp nhỏ tùy tài-tri ta, tùy địa-vị ta, hay là tùy cái « một » lưu-hành mà ta có thể dùng được; nhưng mà đừng nên bao giờ để lộ ra là mình cố-ý làm ra thế để lấy tự-cao, để khiến cho thiên-hạ phải ghen phải thù, hay là để hạ kẻ khác đi mà tăng mình lên. Xã-hội vẫn rộng lắm, có đủ chỗ cho mọi người. Hai người đàn bà thế-cách khác nhau vẫn có thể đứng ngang nhau mà đều được thiên-hạ quý-chuộng cả. Người đáng quý đáng trọng là người có vẻ có duyên, mà hình như tự mình không để ý đến, không miễn-cưỡng để làm cho nó tôn-trọng ra vậy.

#### Mấy cái thuật nhỏ làm cho có duyên.

Người đàn-bà khéo trang-sức, thiên-hạ gọi là « làm đóm ». Làm đóm vốn không phải là đáng chê, nhưng làm đóm cũng có năm bày đường, có cách hay, có cách dở. Hay là biết lợi-dụng những cách trang-sức để cho tôn cái sắc cái duyên của mình. Dở là quần áo sắc-sỡ, phấn son loè-loẹt, dáng-bộ bất-chính, đi đứng sở-sàng. Cách làm đóm ấy chỉ chú cho thiên-hạ chú-ý đến mình, là cái cách của con người tầm-thường, chỉ đủ cho thiên-hạ chế cười, và mang tiếng là hạng người bất-chính.

Cách trang-sức khéo thì vừa tôn cho cái duyên cái sắc của mình, và vừa có vẻ dịu-dàng ý-nhị, không ai chê được. Như màu da sắc áo, khéo điều-hòa, dùng những mùi em-ai thanh-nhà, đó cũng là cách làm đóm, mà có gì là trái với đạo-đức, trái với phong-tục, thiên-

hạ có thể chế được? Thiên-hạ chế, là chế những lối loè-loẹt để huyền-diệu con mắt người ta.

Trong cách trang-sức nên lấy điều này làm cốt: là đừng dùng cách gì không điều-hòa thích-hợp với hình thể hay là dấng-dấp tự-nhiên của mình. Cái tài người đàn-bà là biết kén chọn cách trang-sức thể nào cho hợp với mình, không thừa, không quá, vừa đúng, vừa phải. Cái đó là ở sự khôn-khéo tự-nhiên, không thể dạy được, nhưng người lịch sự ai cũng biết.

Còn đàn ông thì chỉ nên lấy cách giản-dĩ chững-chạc làm đẹp, không cần phải có trang-sức gì cả. Người trượng-phu phải trọng ở cái uy-nghĩ, chứ không nên để ý vào những cái thuật thường dùng để làm cho tôn cái dấng-dấp của mình. Những thuật ấy là cái tiền-xảo của người đàn-bà cũng nên phải biết qua, chứ không phải là công việc của đàn ông, vì đàn ông không cần phải dùng đến những cách ấy.

### Ý-chí làm chủ được thân thể.

Người ta vẫn tự-phụ là có thể khiến được sự vật phải chiều theo ý-chí mình, thế mà thường không biết dùng cái ý-chí ấy để mà sửa mình, sửa cho thân thể, cho tâm-tĩnh mình.

Lời cổ-ngữ của ông Tô-cách-lạp dạy rằng: « Ta phải tự biết ta; » lời đó, phàm đàn ông đàn bà ra giao-tiếp với xã-hội cần phải biết lắm. Người chịu khó xem-xét mình, thấy có cái tật xấu hay khuyết-điểm gì, thì dễ sửa được ngay, chứ như kẻ vô-tâm thì gặp sao hay vậy, còn có biết sửa mình thế nào,

Đối với tâm-tĩnh như thế, đối với thân-thể cũng thế: người nào biết đề chi chăm-chút cho thân-thể mình, hằng ngày dụng-tâm gắng sức, thì không những chữa sửa được nhiều cái tật xấu, làm giảm mất cái phong-thái tự-nhiên của mình, mà lại giữ được cho thân-thể kiện-toàn, ngăn được cả cái cảnh suy-đổi tuổi vãn-niên nữa.

Thân-thể cũng như tâm-tĩnh, cần phải trông-nom xem-xét luôn. Có thể nói rằng người có ý-chí mạnh thì già mà làm ra trẻ cũng được, nghĩa là có thể bỏ cái nếp mặt lão-quyện đi mà lập lấy nét mặt tươi-tĩnh như tuổi trẻ vậy.

Xem như người ta muốn dụng-tâm làm ra mặt nghiêm, thì đổi được nét mặt ngay. Có nhiều người vì chức-vụ phải cai-quản người dưới, thường phải làm ra mặt nghiêm như thế. Lại các nhà diễn-kịch cũng có thể tự ý thay đổi nét mặt cho hợp với cái vai mình đóng được. Như thế thì chẳng phải là ý-chí người ta có thể khiến được cả thân-thể cùng tinh-thần ư?

Ta thường thấy có người đàn-bà vì cần-thận chăm-chút cách vệ-sinh, cách ăn-uống, cách trang-sức, hằng ngày chịu khó trông-nom đến thân-thể mình mà cứ giữ được nhan-sắc trai-trẻ mãi.

Vậy thì ta cũng nên xem-xét trong các cách vệ-sinh, dưỡng-sinh, trang-sức, có cách nào là hay là lợi cho ta, nên chịu khó mà theo cho cùng. Nhưng đó là cách bí-mật của mình, chẳng nên phô-phang với kẻ khác làm gì, có công chịu khó thì có lợi cho thân-thể, việc đó là việc riêng của mỗi người, không phải tuyên-bố cho ai biết!

### Nói về sức khỏe

Sức khỏe là liền với sự đẹp. Có người khỏe mà không đẹp, nhưng ít ai đẹp mà không có sức khỏe.

Như khi nhức đầu khó ở, có phải mặt mũi cau-có, không được tươi-lĩnh không? Nếu giữa lúc trong người khó ở như thế, mà chợt có việc quan-trọng phải làm, có hội danh-giá phải đến dự, có dịp tốt trở tài cho thiên-hạ biết, thế mà vì thân-thể không khoan-khoái không kham được nổi, không đạt được lời mục-đích, chịu thua kém người, thua kém cả mình lúc khỏe mạnh, thế chẳng là không may mà chẳng đáng tiếc lắm ru?

Có người khách lạ nào đến tiếp lúc bấy giờ, thì chắc là xét lầm mà không biết cái tài của mình. Và lại mới gặp người ta một lần đầu, cũng không thể tự mình nói cho người ta biết rằng sự khó ở ấy là nhất-thời, mà thôi. Nếu sự khó ở nhất-thời mà còn phượng-hại cho việc giao-lễ trong xã-hội như thế, thì sự yếu đau luôn luôn, há chẳng phải là một cái liệt điềm vĩnh-viễn cho người ta ở trong trường giao-lễ ru? Liệt điềm ấy phải nên dùng hết ý-chí, mượn sức khoa-học mà bồi-cứu cho được.

Sự tật-bệnh ốm-yếu cũng như mọi cảnh khổ-nạn khác ở đời, gây ra cái hoàn-cảnh lo-lắng áu-sầu. Người nào có mang cái tật gì trong thân-thể khiến cho tính-khí ủ-dột đi, thì trong lúc giao-tiếp với người cũng phải nên cố gắng cho khỏi làm buồn lây cả người ngoài.

Nếu tạo-vật bạc-đãi ta mà không cho ta cái của báu để-nhất ở đời, là cái sức khỏe, thì ta nên hết sức can-đảm mà chịu lấy cái số-phận không may đó,

giữ đừng để cho lộ ra ngoài. Đó là một cái nghĩa-vụ của mình, vừa đối với mình, vừa đối với người, đối với mình là để giữ lấy cái phẩm-giá của mình, đối với người là để khỏi làm phiền cho người.

Người ta ở trong xã-hội, không nên để cho kẻ khác phải thương đến mình. Nếu cái cảnh đau-khò khổn-nạn của mình nó đã quá lắm không thể giấu đi được, thì nên để cho thiên-hạ xét-đoán thế nào mặc lòng: tự mình không nên làm gì để ảnh-hưởng đến sự xét-đoán của người ta. Thế-gian không ưa gì những kẻ than-khóc, vì than thân hờn phận một là không có sức can-đảm, hai là quên sự khổ-sở của kẻ khác. Thiên-hạ khen mình là khi mình tỏ ra có sức kiên-gan chịu được mọi sự khổ-sở, lại có lòng nhân-từ biết thương kẻ còn khổ hơn mình.

Bởi các lẽ đó, nên trong cuộc giao-lễ thường, không nên nói đến sự khỏe sự yếu của mình. Để cho người ta hỏi đến hãy trả lời, và nếu mình có sự đau-đớn khó ở, cũng nên nói qua đi mà thôi. Trái lại, mình lại phải nên ân-cần hỏi-han đến sức khỏe của kẻ khác và cả gia-quyển người ta nữa, đó cũng là một cách đẹp lòng thiên-hạ, vì tỏ ra mình có bụng săn-sóc đến người ta.

Nếu may mà được trời cho có sức mạnh thì không có lẽ không được may-mãn hơn người, vì cái công-phu của mình không phải khó-nhọc bằng kẻ khác mà mình được hoạch-lợi nhiều hơn. Trong cuộc cạnh-tranh trong xã-hội, tất là mình được phần hơn những kẻ ốm-yếu gầy còm.

Về phần người đàn ông phải dùng đến cái sức hoạt-động phần-đầu, nên sức khỏe lại là một sự cần lắm không thể

khuyết được. Dù những người làm việc bằng tinh-thần cũng cần phải giữ cho thân-thể được mạnh khỏe, nghĩa là ai cũng phải theo cho đúng cách dưỡng-sinh, cách vệ-sinh, cách vận-dộng thể nào cho thích-hợp với thể-chất, với sự cần-dùng cùng chức-nghiệp của mình.

Nếu được sức khỏe bình-thường thì càng hay lắm. Cũng nên mừng cho mình không phải cái luy ồm yếu như người ta, nhưng đừng có lấy thể mà tự-cao. Sức khỏe là một của báu thật, nhưng là một của báu ta không có quyền được khoe-khoang trước công-chúng. Muốn cho thiên-hạ khỏi tức và khỏi ghen, thì không nên đem sự may-mắn của mình mà khoa-trương huyền-diệu.

### Thế nào là nhã ?

Nhã không phải là đẹp, cũng không phải là lịch-sử. Nhã là cái vẻ điều độ thích-nghĩ, là cái phong thú ở ngoài cả sự đẹp-đẽ, cách lịch-sử, và cốt nhất ở cái tài cái khéo biết lựa cách nói-năng, ăn mặc, đi đứng cho thích-hợp với địa-vị mình trong xã-hội, mà bao giờ cũng hàm có cái vẻ thuần-túy cao-thượng. Người phong-nhã là người dù không được tạo vật hậu-dãi hay không được hạnh-phúc bằng người mà bao giờ cũng vẫn giữ được uy-nghi phong-thể. Không những cách ăn mặc không bao giờ sơ sảng, mà hình-dung diện-mạo cũng tuyệt-nhiên không có cái vẻ gì là vẻ thô, lời nói bao giờ cũng chải-chuốt, cử-động bao giờ cũng đứng mực.

Cái đặc-sắc của người phong-nhã là cái vẻ ung-dung ôn-hòa. Xem cách chào cách nói, cách đối-đãi với người đàn bà, cách sai khiến kẻ đầy tớ, bao giờ cũng thấy ung-dung ôn-òa như thế. Nghe nói chuyện không có nức-nởm

khên-lao, ôn-ào tán-luân, nhưng xem nét mặt, dò ý-tức thì biết người ta để làm nghe chuyện mình và sẵn lòng chia sẻ mỗi cảm với mình.

Người nhã thì lời nói-năng, cách ăn mặc không có gì là quá-đáng bao giờ. Một là tập-luyện đã quen, hai là vốn có cái tài cái khiếu thông-minh, bao giờ cũng biết xử-trí một cách thích-trung thỏa-đáng. Các nhà triết-duyệt xưa nay thường có những thói cách phong-nhã, đời đời tập mãi đã quen thành như cái tính di-truyền cho con cháu. Những nhà đã có cái nền-nếp sẵn như thế thì nhiều khi không cần phải nhớ đến sự giáo-dục vẫn có cái vẻ tự-nhiên đặc-biệt, không lẫn với người thường.

Còn những người không phải là con cha cháu ông như thế, thì nhờ sự giáo-dục mà có thể tập được tính hay nhiều. Sự giáo-dục thừa trẻ có quan-hệ đến thể-cách con người ta nhiều lắm. Những người ngu-ngờ như nhược nhiều khi cũng tại sự giáo-dục thiếu nhỏ không được kỹ-càng.

Nhưng cái công giáo-dục không phải chỉ nhờ về thuở nhỏ mà thôi. Người ta đến 21 tuổi rồi, được luật-pháp nhận cho có công-quyền rồi, bấy giờ sự giáo-dục chừa chắc đã hoàn-thành. Bấy giờ mới là bắt đầu bước chân vào trong xã-hội giao-tế; bấy giờ phải chịu mọi sự giáo-dục mới nữa, sự giáo-dục này mới thực là quan-hệ, mới thực là đích-dáng, nếu mà chăm cho được trọn-ven thì đối với kẻ đồng-loại sẽ chiếm được một cái địa-vị riêng, sẽ hưởng được những quyền-lợi riêng vậy.

Sự giáo-dục ấy không phải là đọc trong sách, không phải là nghe thầy dạy mà được. Phải xem-xét chúng quanh mình luôn, bằng con mắt, bằng

trí khôn, phải hỏi-han kẻ nọ người kia, phải đem những công việc, những thái độ cùng cách cử-dộng của người đời mà phân-bình phân-lịch, rồi thì nhân những tài-liệu ấy tự mình kết-cấu lấy một cái phương-pháp cho đạo xử thế của mình. Phương-pháp ấy là do ở quan-sát, do ở lẽ phải mà ra, có thể giúp cho mình hành-dộng được ung-dung, nghĩa là trong cách giao-liếp với người đời được tự-do mà được vững-vàng, đối với ai cũng có thể ngang-nhiên không phải thẹn.

Người phong-nhã thì phạm trong những đám hội-hữu biết trọng trí-thức, biết tôn nhân cách, biết chuộng tự-do là cũng có phần cả; người phong-nhã lại xa giao-liếp với xã-hội đàn-bà, vì người đàn-bà thường làm tô-diêm cho cuộc xã-giao, khiến cho cách giao-lễ tập được những cái vẻ điếm-lệ tiếm-tất, thường trong xã-hội đàn-ông không hay có. Vả lại trong cuộc giao-lễ có người đàn-bà đứng chủ-trương thì như là tướng-lệ cho khách đàn-ông ganh nhau mà trở tài trở trí ra, không phải là không có ảnh-hưởng đến cuộc văn-minh chung. Những nơi đó là nơi khách phong-nhã hay châu-tuần, mà cũng là nơi cần phải có phong-nhã hơn cả.

Các hội « sa-lông » đời xưa đời nay là cái trường tập phong-nhã cho khách giao-lễ. Ở các nước Thái-tây người đàn-bà là chúa « sa-lông », vì có cái tập-quán về việc giao-lễ, biết hằng ngày trau-giồi tư-cách mình, cho xứng-đáng cái địa-vị cao-qui đó. Nước nào cái phong « sa-lông » thịnh thì các vị phu-nhân chủ « sa-lông » tức là thầy dạy phong-nhã cho xã-hội.

### Nói về cách trang-sức.

Trên kia đã nói sự « làm đom » không phải là dở cả, và có cách làm đom hay, Người đàn bà ở trong xã-hội có cái quyền được làm giáng, kẻ thực giả không ai dám chê trách. Bởi thế nên ở xã-hội văn-minh nào, cái thuật trang-sức của người đàn-bà vẫn thịnh-hành lắm. Thử nhân phạm nơi đô-hội lớn, những hàng tơ-lụa phấn-sáp đều nhan-nhãn cả.

Như thế thì là đầu đầu xã-hội cũng công-nhận cho người đàn-bà được cái đặc-quyền dùng những phương-thuật để mà tô-diêm cho mình: nếu không có đẹp sẵn, thì sự tô-diêm ấy cũng tạm thay được cho cái đẹp tự-nhiên và nếu vốn đã đẹp rồi thì sự tô-diêm ấy lại càng làm tôn thêm cái đẹp tự-nhiên lên vậy. Xã-hội đã công-nhận như thế, thì hoặc giả có kẻ chê ta rằng làm dáng hay làm đom, ta cũng cứ nên vui cười mà nhận lấy lời chê, chẳng phải thẹn-thò gì, . . . trừ làm dáng mà không nên thì không kể.

Vậy những cách trang-diêm của người đàn-bà, miễn là không trái với lẽ thường, không trái với phong-tục, và không trái với mỹ-thuật nữa, thì nhà đạo-đức cũng nên khoan-dung mà chớ nên nghiêm-trách. Nói rằng không trái lẽ thường, nghĩa là không nên trang-diêm một cách huyền-diệu quá, lố cái vẻ lộng-lẫy mà làm dị-dạng với người thường, để cho người ta chú-ý đến. Nói là không trái với phong-tục, nghĩa là tuy cách ăn-mặc diêm trang của người đàn-bà phải tùy theo cái « một » lưu-hành trong xã-hội, nhưng cũng phải có chừng có hạn mà thôi, những cái « một » dị-dạng quá, làm cho mất cái tinh ôn-nhu thủy-mị của đàn-bà, thì không nên

bất-chước. Nói rằng không trái với mỹ-thuật, nghĩa là trong cách trang-diềm phải biết thâm-mĩ, phải biết lường-lọc chằm-chước, thế nào cho vừa phải thích-trung, đừng nên để cho lộ cái vẻ kiêu-sức ra quá.

Nếu trang-diềm theo cách như thế, thì trang-diềm là nên lắm, và đối với người đàn-bà có tư-cách giao-thiệp trong xã-hội, thì lại là cần vậy.

Tuy-nhiên, sự trang-diềm cũng như mọi sự khác, nên như cái hoa thơm, thoang-thoảng là hơn, chứ nồng-nàn quá cũng khó chịu. Cho nên những người mài-miệt về việc tô-diềm quá đến mất ngày-giờ, tốn tiền-của, để trau chuốt lấy cái mặt phấn môi son chừa chắt đã nghiêng nước nghiêng thành gì, thì thật là quá-đáng, mà cũng là tốn công vô-ích. Vì nếu có đẹp thật thì tô-diềm quá tất là mất cái vẻ đẹp tự-nhiên đi, và nếu không đẹp thì dụng công quá như thế chỉ đủ lộ cái xấu ra vậy.

Đó là nói về người đàn-bà cả. Còn người đàn ông thì không có cách trang-diềm gì cả. Chỉ cần phải giữ cho thân-thể được sạch-sẽ, diện-mạo được tươi-tĩnh mà thôi; những dầu thơm, nước hoa, không phải là đàn ông không dùng được, nhưng chỉ nên dùng gọi là thôi. Thiên-hạ đối với người đàn-bà làm dõm thì sẵn lòng khoan-dung, chứ đối

với người đàn-ông là n dúng thì cho ngay là phường bợm-bãi.

Người lịch-sự, người phong-nhã chỉ nên lấy cái thái-độ chững-chạc làm cốt. Nếu chằm lầy cái sắc bề ngoài quá thì không xứng-đáng là người quân tử, kẻ trọng-phu. Người đàn ông ở đời còn có sự-nghiệp to-tát hơn, công dàu mà ngồi sửa sang nét mặt dềra ganh phần son với khách quần hồng.

Cho nên người nào phỏ-phang những cách diềm-trang ăn-mặc của mình, thì thiếu-hạ tất cho là người hèn, hão-huyền vô-dụng.

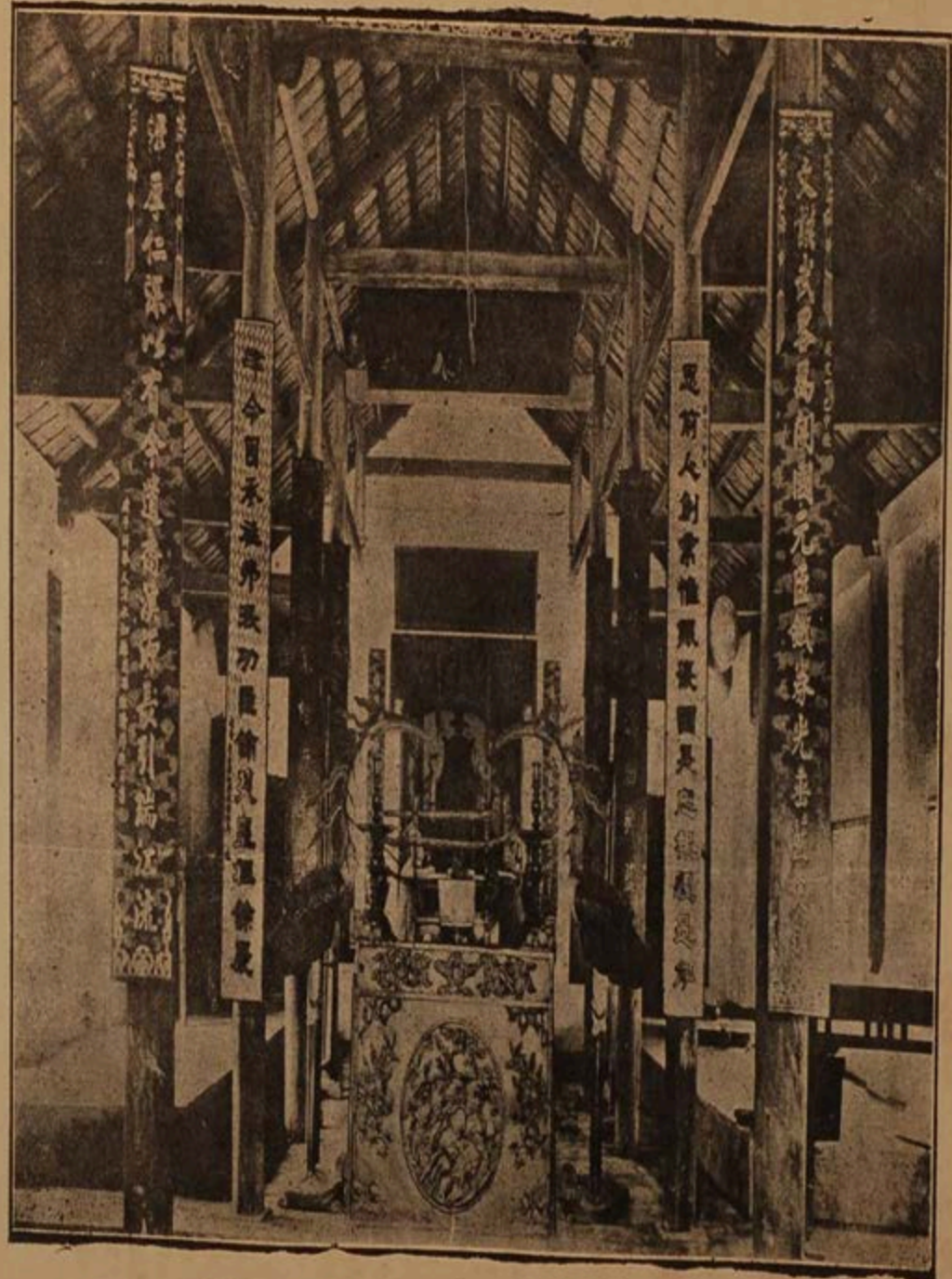
Còn một điều nữa cũng nên chú-ý: là trong cách diềm-trang của người đàn-bà, trong cách ăn mặc của người đàn-ông, nên tùy địa-vị, tùy cảnh-ngộ của mỗi người, không nên làm vượt phận quá-đáng. Như người làm ăn buôn-bán mà phấn-sáp như kẻ khê-các thị-thành hay là người có tuổi mà diềm-đốt như gái thanh-xuân, thì thật không thể coi được; thiên-hạ cho thế là rởm.

Nói tóm lại, sự làm dúng mà vừa phải thích-trung thì là một sự hay, nếu làm quá-đáng, mà lộ ra cái vẻ hư-vinh hợ cái linh kiêu-ngạo, thì thật là khê-ố.

(Còn nữa)

T.-C. biên-dịch.





Nhà thờ cụ Nguyễn-Trãi ở làng Nhị-kê (Hà-dông)

(Trong nhà)

Ở trong cùng là bức họa chân-dung cụ, bản-chi đã in một kỳ trước



Nhà thờ cụ Nguyễn-Trãi ở làng Núi-khê (Hà-dông)  
(Ngoài cửa)



## NHÀ NHO CÓ LẼ CHỊU SẦU ?

Ca-dao ta có câu :

*Chẳng ham ruộng cả ao liền,*

*Ham về cái bút cái nghiên anh đồ !*

và câu :

*Chẳng ham vựa lúa anh đầy,*

*Ham ba hàng chữ cho lây thế-gian !*

Đọc hai câu ấy có thể biết được giá-trị của cái bút cái nghiên, của ba hàng chữ đọc về thế-gian anh đồ thừa bấy giờ. Chao ôi ! con chim kia khôn còn biết lựa nóc nhà quan mà đỗ, chỉ gái kia có ngoan áu cũng phải kiếm chồng cho đáng tầm chồng mà gửi thân sau này, chồng ấy cũng có ba bảy đường sao lại phải ham chỉ cái anh đồ dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm ? Ruộng cả ao liền, có bay thẳng cánh, thóc đầy vựa, lúa đầy bờ, trao duyên vào dấy thì tha-hồ mà tô lục chuốt hồng, sao chẳng ham lại ham mấy gian nhà tranh lạnh-lẽo, một bóng trăng suông, vài quyển sách nát dề cho phải khổ-sở suốt đời. Ôi ! anh đồ cũng có phúc, có phần, có duyên, có hạnh lắm thay ! Mà anh đồ sở-dĩ được thế áu cũng phải có chút tài-tình gì mới được chứ !

Phong-trào cựu-học đã qua rồi, cái thời-kỳ ngọn bút lông vung-vẩy trong thiên-hạ đã cũ rồi, các bạn thanh-niên ngày nay muốn biết được cái quang-cảnh ấy, cái chân-tài-tình, chân-hùng-vị của các « anh đồ » ấy áu cũng phải dùng sức tưởng-tượng lắm mới được và có muốn được thế thì trước hết phải tạm gác cả những lối nghị-luận của tuổi thanh-niên, là những lối nghị-luận nóng-nảy quá, lắm khi làm cho hiểu lầm nhiều cái nghĩa-lý thật thông-thường ai cũng lĩnh-hội được. Cái nhiệt-huyết thiếu-niên vẫn là hằng-

hải, bao giờ cũng phát-khởi ra một cách mạnh-bạo dữ-dội, nhưng có lợi được là khi nào dẫn cho nó theo còn đường chính, và có lúc cũng nên giữ bớt lại là vì thiết-trưởng ở đời không nên bạo lắm, cũng không nên hòa lắm : bạo lắm thì thành một kẻ vũ-phu cục-cẩn, mà hòa lắm thì ra một người nhi-nữ yếu-ớt, hai cái thái-độ ấy đều là cục-doan cả, chúng ta nên giữ lấy mực trung-dung làm gốc.

Lấy cặp mắt thanh-niên ngày nay xem xét cái thế-giới anh đồ buổi trước, kể về tư-cách thì là một bọn hủ-nho sỗ-nổi, kể về tài-tình thì chỉ biết chiều lụy người trên, hách-dịch kẻ dưới, mà nói về học-thức thì có gì đâu, ngày như đêm, đêm như ngày, gào chữ như quốc, dùi sách như mọt, dề mưu lấy cái chức-vị trong triều-dình, và khi đã đạt đến cái mục-dịch ấy rồi, thế là toại-chí thỏa lòng, không còn hoài-vọng gì cao-xa hơn nữa. Bạn thanh-niên ta xét thế cũng không phải là lầm. Ở về thời-buổi cạnh-tranh này, thế-sự lung-tung phiền-phức, cái làm con mắt không những phải phòng cho khỏi nhà mình mà lại phải cho khỏi làng mình, không những khỏi làng mình, lại phải cho khỏi nước mình, buông rộng ra đến nước này nước khác, đến cả năm châu sáu giống mà con người ta nếu không nghĩ đến thì thôi, bằng nghĩ đến thật cũng phải khốn-tâm lắm lắm. Hồi-tưởng lại đời trước, người ta sinh-hoạt trong cái vòng thiên-hạ eo-hẹp nhỏ-nhen nào có biết gì là duy-tân, gì là độc-lập, gì là thuộc-địa, gì là ngoại-giao, tự-phụ mình là con trời là dân trời, mà đến nay đã nên được chuyện gì ? Thanh-niên có khinh-khi nhà nho như thế cũng phải, nhưng-cũng không phải. Đại-phàm muốn quan-sát về một thời-dại nào,

không nên chú trọng về thời-thế, và hoàn-cảnh của xã-hội lắm mà chỉ nên nghiên-cứu về nhân-vật cho thật nhiều, là vì những nhân-vật lỗi-lạc đều có tài tạo ra được cái thời-thế cường hay nhược, cái hoàn-cảnh tốt hay xấu. Những tay tài-tử ấy bất-luận sinh ở thời-buổi nào, đều có thể chọc trời khuấy nước được, tức như đóa hoa sen nở, có lựa là phải sinh ra ở chốn thanh-cao trong-sạch gì đâu, rõ-ràng là ở giữa đất bùn, nhưng bao giờ cũng giữ được cái hương-vị cố-hữu. Ta hãy nên biết rằng cái thế-kỷ nào vẫn có riêng đoạn lịch-sử về thế-kỷ ấy. Ngày nay công việc phiến-tạp, ta cho là khó, ai là tay xuất-sắc ra đơm-dương nổi, ta cho là tài, nhưng đã chắc gì có Trịnh-Dục-Tú lại hay hơn hai bà Trưng, ông Tôn-Văn lại giỏi hơn vua Lê Thái-tổ. Mà bọn chúng ta nếu sinh ở vào đời trước thì ai dám chắc rằng mình cũng tuyên-bố, cũng truyền-bá được những lý-tưởng văn-minh ở thời-dại này? Ai dám chắc mình có cái tài ấy! Cho nên kẻ hậu-sinh đối với các bậc tiền-bối nên sẵn tấm lòng thương-tiếc, những nết hay về tốt hãy hết sức biểu-dương ra và tô-diềm thêm lên, mà những điều nào hèn-dở thì hãy quên đi, nhớ làm gì, giở-giới ra làm gì cho thêm đau-dớn. Người thường nói đời trước là tấm gương của đời sau, thì anh em ta ngày nay cũng như người ở về trăm ngàn đời sau nữa, phải soi gương trước mà sửa đổi tư-cách, rèn-luyện tinh-thần mình. Các bậc tiền-bối của ta đều là « anh đồ » cả, trong sử-sách ghi những công-danh sự-nghiệp vẻ-vang của các cụ, mỗi khi chúng ta đọc đến thì cũng cùng một mối cảm-động và « lòng riêng riêng những kính yêu »; chúng ta kính yêu thật, nhưng không thể bắt-chước được vì đó mới là cái kết-quả những công-trình của các cụ thôi. Điều mà ta có thể bắt-chước được là cái công hàm-dưỡng, cách nuôi-nấng tâm-chí của mình. Các cụ

hàm-dưỡng thế nào, sách-vở không có truyền lại, song nếu muốn biết thì cũng biết được. Thường muốn quan-sát về tâm-tình người thì nên chú-trọng ở lời nói, là vì lời nói phát ngay từ trong con tâm mà ra. Xem như hạng nông-phu nước mình, mỗi lúc bị một chuyện gì kích-động vào tâm-giới, thì họ, thốt ra lời ca dễ giải ý, cho nên muốn biết tâm-lý của hạng người nông-phu thì hãy xét những câu ca-đạo tất hiểu được. Những câu hát ấy hãy còn thật-thả mộc-mạc, không hợp với cái học-thức cao-thâm của nho-giá, vì thế nên các cụ bày ra lời « hát nói » tức là một đoạn tâm-hồn của các cụ, dựa vào đó mà bàn cũng không phải là vô-lý. Đời của các cụ thuộc về đời quân-chủ, nghĩa hai chữ quân-chủ ấy lâu nay đã phải nhiều phen công-kích, nên đã sai-lạc mất cái nguyên-lý rồi. Con nhà « văn-minh » coi cả thầy vua chúa đều là một bọn người ý-tài-lực, dùng cường-quyền đè ép cả thiên-hạ bắt phải phục-tùng mình, chiều theo ý mình muốn làm ác thế nào thì làm. Ôi! nếu cái nghĩa quân-chủ chỉ có thế thì những nhà triết-học cao-siêu như ông Khổng ông Mạnh há có dại gì mà quan-tâm đến, phải lao-đao lận-đận suốt đời. Tiếng gọi là quân-chủ, nhưng thật là dân-chủ đấy, vì các vị vương-giả muốn đứng lên trị nước thì phải lấy dân làm quý mà tự thân mình đây là dân ủy quyền cho nhà thời. Kể nào trái lòng dân thì trời tất giết hại và trời ấy tức là dân vậy. Cho nên có người hỏi thầy Mạnh rằng : « Làm tôi có lẽ thì vua chằng ? Mà sao vua Trụ bị giết kia ? » Thầy Mạnh nói : « Dân giết ấy không phải giết vua Trụ, tức là giết một kẻ ác-nhân như những kẻ ác-nhân khác. » Suy đấy thì biết làm phận thần-dân không phải là tay bộ-hạ của bọn « ác-nhân cao-thượng » kia, mà chính là người phụ-tá với vua để chung cùng nhau mưu-tính hạnh-phúc cho dân-chúng. Thiết-tưởng rằng đó là cái

thâm-lý của chủ-nghĩa quân-chủ, cõn-  
nhân đã hiểu cái chức-vụ đó lắm, cho  
nên mỗi lúc ngồi gẫm sự đời thì trong  
lòng vẫn biết :

*Nhập thế cực bất khả vô công-nghiệp,  
Xuất mẫu-hoài tiện thị hữu quân-  
[thân.*

*Mà chữ danh liền với chữ thân,  
Thân đã có ít danh ầu phải có !  
Này phút chốc kim rồi lại cõ,  
Có hèn gì sau chẳng bằng nay.  
Râu mày kia hỡi râu mày !*

Ồ ! cuộc thế nào có khác gì bức  
 tranh vãn-câu, bày thối lại xóa, « này  
phút chốc kim rồi lại cõ », tẩn tuồng  
 thiên-diễn bao giờ cũng chỉ có thế thối,  
 nghĩ mà chán ngán. Nhưng râu mày  
 kia hỡi !

*Tang-bồng hồ-thỉ nam-nhi trái,  
Cái công-danh là cái nợ lần !  
Nặng-nề thay đôi chữ quân-thân,  
Đạo vì tử vì thân đâu có nhẽ ! . . .*

Cũng bởi không có lẽ nào mà quên  
 cái nợ lần kia được, cho nên đâu có  
 hiểu đời là thế ấy mặc dầu, cũng  
 chẳng xá gì, chỉ nên biết thân mình  
 sinh ra đây là vị có gì rồi thì vị có ấy  
 mà ở đời làm việc, làm cho tròn phận-  
 sự. Cái chức-vụ ấy xong rồi thì thối,  
 thối đi, đừng ham-mê hoài-vọng chi  
 nữa cho nhọc xác :

*Thế-sự thăng trầm quán mạc vấn,  
Yên-ba thâm-sử hữu ngư-châu.  
Vắt tay nắm nghĩ chuyện đầu đầu,  
Đem mộng-sự đo với chân-thân  
thì cũng mệt !*

Chẳng những mệt mà thối, lại phải  
 mang tiếng là khờ nữa. Người đã biết  
 cõi phù-thế là tuồng ảo-hóa, thì đại  
 gì mà phải lẩn-lóc bồn-chồn trong đám  
 phong-lưu đại-các, phú-quí vinh-hoa,  
 những món ấy chẳng qua là một thứ  
 mồi hời bã cặn để đánh bẫy những  
 người có chút máu tham kia thối, kể

nam-nhi ai có hám làm gì. Cõn-nhân  
 thật đã chắc hiểu thế, cho nên trong  
 lúc mệnh-vận hầy còn lúng-túng, chưa  
 có thể vẫy-vùng được như cá chưa gặp  
 nước, rồng còn trông mây, thì các cụ  
 chỉ sinh-hoạt trong cõi đời thông-dong  
 êm-ái, không để cho phiền-lụy ai, cũng  
 không chiều lụy ai, thỉnh-thoảng giở  
 những trò chơi khiên-hứng, nhưng  
 trong lúc chơi cũng vẫn nhớ :

*Đành vũ-trụ giai ngộ phận-sự,  
Cũng tiêu-dao cho tuế-nguyệt thêm  
[trường.*

*Vân thương thương hề thủy ương  
[ương,  
Phong-quang ấy người sao nên phụ !*

Những cảnh phong-quang của trời đất  
 như gió mát, như trăng trong, như hoa  
 cười, như nước chảy, tuy là « kho trời  
 chung mà vô-tận của mình riêng », thì  
 mình có ngại gì mà không thưởng-thức,  
 có lẽ gì mà lại phụ-phàng. Và lại các  
 cụ đều là tay tài-tử, « tài-tử với giai-  
 nhân là nợ sẵn », mỗi lúc gặp-gỡ nhau  
 ầu cũng ni-non, cũng hò-hẹn, cũng  
 đàn-diu, cũng thương yêu, mà khi biệt-  
 ly thì cũng bứt-rứt mỗi-mong, trăm  
 đường ngàn nỗi, những mối tình ấy phi  
 là bạc thái-thượng, kể vô-tri, nhân-thế  
 cũng là thương-tình. Và cuộc đời thắm-  
 thoắt như mây tuôn, như nước chảy,  
 vui ít buồn nhiều, một vài buổi may  
 được « gồm đủ cả thăng-cảnh, lương-  
 thi, thưởng-tâm, lạc-sự », thối thì cũng  
 đàn-diu với tình đề tô-diềm cho thời-  
 gian có chút sinh-hoạt. Thế rồi thối,  
 qua những lúc khiên-hứng ấy rồi thì  
 cũng trở lại ăn ở theo thuở bình-tổ, các  
 cụ chưa được biết chữ tình ly - kỳ,  
 khúc-chiết, oái-oăm, cay-nghiệt như  
 ngày nay. Thường-thức cuộc ái-tình  
 trong sạch của người tài-tử, khách  
 thuyền-quyên các cụ còn cho :

*Cái tình là cái đại,  
Nợ phong-ba rước lấy mà chơi,  
Nực cười thay chẳng gốc rễ ra lời,*

Đỡ ai rũ làm sao cho trắng khỏi !  
 Đám tẻ vui quanh trò múa đối,  
 Cuộc tình say lữ giấc chiêm bao ;  
 Thôi doái thương phỏng nhớ lại vợ  
 sầu,  
 Làn-thần hẹn-hò trắng van-vì gió!...

Ấy là cái tình nó rầy-rà như thế, khiến cho người ta phải ngờ-ngần ngần-ngờ mà thương khỏi, mà nhớ mây, mà thần-thờ cùng trắng gió, khiến cho tấm lòng bao giờ cũng khắc-khoải, bồi-hồi, nhưng tình như thế cũng không hại gì, là vì đương mắc-miu trong khuôn tình mà vẫn biết nó là cái đại thì đâu phải lo say đắm đến mê-mẩn tâm-hồn. Cho nên nói về cách chơi của cô-nhân thì hãy hiểu rằng không phải tự các cụ muốn mưu lấy mà thật là bởi sự tình-cờ xui nên vậy. Các cụ chỉ lựa theo chiều, gặp lúc nào thì hoạt-động theo lúc ấy thôi. Trong lúc đặc-ý thì :

Nhân sinh đặc-ý tu tận-hoan,  
 Nào thơ, nào rượu, nào trà,  
 Nào là con hát, nào là lễ-tôm  
 Đường tơ gảy khúc Cao-sơn,  
 1 hồi cũng mặc càn-khôn tràn qui-tị.  
 Mặc bản-tiền mà mặc ai phú-quì,  
 Hãy ăn chơi cho phỉ chí tang-bồng !

Thơ rằng :

Bất-tác phong-ba u thể-thượng,  
 Tự vô băng-thân đảo hung-trung.  
 Buổi phong-vân chi vợ tao-phùng,  
 Con đặc-tàng, hội cùng-thông là thể

[thể ;

Rồi ra nữa của đời người thế,  
 Mang công-danh mà ý-thì với giang-  
 Chơi cho rõ mặt ngang-tàng ! [san.

Chso ôi! ở đời ai lại không chơi, nhưng cái chơi cũng có ba bầy đường, năm bốn nẻo : « chơi cho liễu chán hoa chè cho lẩn-lóc đá cho mê-mẩn đời », là cách chơi của phường xô-lá, chơi đấy là làm cho hại thân hại chí, hại khí, hại tình ; duy có cách chơi của kẻ thức-thời, « chơi cho rõ mặt ngang-tàng »,

chơi để mà đợi thời, bởi vì cơn đặc-tàng, hội cùng-thông đối với con người ta đều có tiền-định, người ta ở trong cảnh nào nên yên trong cảnh ấy, dầu có khổ-sở cơ-hàn cũng chớ oán trời, trách người. Hãy nên giả-bình giả-dạng như ông phổng đá nọ, gan tuy đã gan lì, già tuy đã già sọc, nhưng trong lúc vận cùng cũng không làm chi vội :

Thôi mặc ai rãng trắng với rãng đen,  
 Thế như thế cũng ngồi yên như thế  
 vợ !

Còn trời đất hẳn còn tai mắt ấy,  
 Lặng mà coi họa thấy lúc nào chăng,  
 Hăng về giả gạo ba trắng !

Qua hết cái kỳ gạo ba trắng ấy thì đến buổi mưu công-danh của các cụ. Hai chữ công-danh thuở bấy giờ thật khác xa với ngày nay lắm. Ngày nay mưu lấy công-danh là muốn lấy tiếng với bà con trong làng nước, hoặc dùng làm một thứ đồ-vật để đòi tiền cho nhiều, vợ cho đẹp, và một lần đã phí nguyên rồi thì quẳng hết cả sách-vở ; còn đối với cô-nhân thì :

Cuộc công-danh không không có có,  
 Có rằng không không có cũng ít !  
 Nào ai hay trời đất những bao giờ,  
 Mà đã chắc non sông là mấy tuổi.  
 Hồn-hồn nhất đại-khối,  
 Điều-điều như nghĩ-quần !

Trời đất non sông là một khối bao-la vô-hạ, người ta sánh với đấy chẳng khác nào một hạt bụi trong bể sa-mạc, một giọt nước trên mặt Đông-hải, như thế còn nói gì đến công-danh : tối vi-diêm ! Nhưng tại sao phải mưu lấy công-danh ? Mưu để làm gì ? Thôi chẳng qua là mối nợ :

Lột lòng ra đã có quân-thân,  
 Mang lấy nợ lẽ lân-khân khôn trả.  
 Cuộc kim-cổ bày thôi lại xóa,  
 Cái râu mày nào biết đại hay khôn?

Trăm năm cũng một tiếng đồn !

« Một tiếng đồn » kia không phải như lời viết mục trong sử-sách mà còn

cãi lẽ nhau, một bên cho là hay, một bên cho là dở, theo thế-thường của con nhà văn chia bè đảng ra để bênh-vực cho nhau. « Một tiếng đồn » ấy là tiếng đồn của người thiên-hạ, đồn hay thì thật hay, đồn dở thì thật dở, mà đời người ta có vui hay không là ở một tiếng đồn đó thôi. Sung-sướng thay cho những kẻ sau khi hương tàn khói tỏa mà còn để lại « một tiếng đồn » về-vang !

Ở thế - kỷ này cái hám của người ta Hạng-ha sa-sổ, nhưng gồm lại thì chỉ có tranh danh đoạt lợi thôi. Tranh nhau thì tranh những cái danh hảo-huyền, đoạt nhau thì đoạt những cái lợi bất-nghĩa, kiếm ra tiền là cốt để mưu lấy vinh-thân phi-gia, rồi thì hách-dịch với anh em máu-mủ, ghét-ai thì làm cho cực-kỳ đau-dớn ê-chề, giận ai thì làm cho hại, cho tàn, cho cần ! Cái thường-tình eo-hẹp mà nghiệt-chương ấy có lẽ là di-truyền từ trước, cho nên đã có cái tình-trạng :

*Kim chi nhân duy tiền nhi dĩ,  
Hết tiền tiền tráng-sĩ cũng nằm co. [sơ]  
Chẳng khôn-gioan cũng chẳng thân  
Có hơi kềm mới tha-hỗ ngang-ngửa.  
Toàn lai thế sự kim năng ngữ,  
Thuyết đạo nhân-tình kiếm dục minh.  
Dơ-dạng thay những bậc tài-tinh !  
Co-quắp lắm cũng ra hình thủ-lỗ,  
Ngân vàng hết hết rồi lại có,  
Chữ bất-nhân tạc đó khôn mòn,  
Ai ôi ! giữ tấm lòng son !*

Cái thế-lực đồng tiền mạnh thật ! Nhưng nghĩ cho kỹ, đồng tiền cũng tựa như khẩu súng, lưỡi gươm, nếu đem dùng về việc lợi thì lợi vô-cùng, mà lấy gây việc hại cũng hại đảo-đề. Chao ôi ! cái thế-lực đồng tiền kia ở về thế-kỷ này, nếu biết cho nó ngang-ngửa trong việc phải thì còn gì hay bằng. Khá tiếc thay cho những ai trong tay đã sẵn đồng tiền mà đeo những tiếng bất-nhân với đời ! Nhưng mà thôi, cái

thân-phận của anh nho-sĩ cũng không cần tưởng gì cho xa-xôi lắm ;

*Hai bàn tay trắng làm nên thế,  
Một tấm lòng son ở với đời !*

Thôi, bao nhiêu dẫy cũng đủ rồi, dù sống một cách về-vang trong-sạch.

Ấy cái quan-niệm về cuộc đời của cô-nhân là thế, bao giờ cũng vì nghĩa-vụ thôi, chỉ vì đó nên phải lăn-lừa mãi giữa áng phong-trần, dẫn thân trong vòng danh - cương lợi - tỏa. Nhưng một ngày qua một ngày, đến lúc bóng dàu đã xế ngang đầu, thì sức đã tàn, lực đã tận, túi vũ-trụ không thể quấy nổi nữa, thôi thì đành trao lại cho đàn em sau nó gánh - vác, thu cái đời vào chốn trắng trong nước sạch, cỏ lạ hoa thơm, sống theo cách chờ trăng đón gió ; thỉnh-thoảng mới cảm - khái lay động cảnh-tình xưa, khiến cho nghĩ-ngợi xa-xôi thì :

*. . . Quá giả vãng nhi bất thuyết,  
Cái hình-hài làm thiệt cái thân chi ?  
Cuộc đời thử ngắm mà suy,  
Bạn tùng lúc xưa kia là cô-cru.  
Hẹn với lợi-danh ba chén tửu,  
Vui cùng phong-nguyệt một câu thơ,  
Chuyện cổ-kim so-sánh tựa bàn cờ,  
Riêng vui thú giang-sơn phong-nguyệt.  
Mặc xa-mã thị-thành không dám biết,  
Thú gèn-hà trời đất để riêng ta.  
Nào ai ai biết chăng là ?*

Mà ai có biết dường bằng chẳng biết, cũng không ngại gì, miễn là được thanh-thời nhàn-hạ để đi-duỡng tính-tình,

Trọn đời của cô-nhân chỉ có thế : lúc trẻ-trung thì lo dưỡng nuôi tâm-chí đợi đến khi hành-sự lúc già cõi thì biết lượng sức mình không đương nổi việc lớn nên cáo thoài ra để nhường lại cho người sau, và trong vòng sinh-hoạt, cũng ăn cũng chơi nào có khác chi mình, mà sở-dĩ còn được một

« tiếng đồn » đủ cho kẻ hậu-sinh tán-tụng là nhờ các cụ biết biết mình, biết nhận-chân cái phận-sự mình mà thôi.

Người sinh trong trời đất cũng như khách lữ-hành đứng trước con đường dài muôn dặm, muốn bước đến cùng thì phải dự-bị sẵn cho đủ tài-lực. Nếu không thế mà cứ phó mặc mệnh-vận xoay-vần, ắt phải đến một ngày chán-chê mê-mỏi, đành ngồi lại bên vệ đường mà than khóc cái cảnh đìu-hiu quanh-quê giữa quãng đồng không tịch-mịch. Bạn thanh-niên ta sẵn có bầu nhiệt-huyết sinh-sôi hăng-hải, như thế là một cảnh lợi cho người đi đường, nhưng chớ nên tự-tín quá mà phải thất-vọng. Và sự đời bất-thường, nhân-tâm bất-trắc, thì liệu định thế nào? Liếc lên con đường dài vô-hạn, cặp mắt thanh-niên vẫn không lấy gì làm chán cả, vắng có gì mà chán? Sức ta còn mạnh đây, chân ta còn cứng đây, cứ đi ! cứ đi ! có gì mà chán? Đi được một lúc đã đến ngã rẽ, trong lòng bối-rối chưa biết phải rẽ lối nào .. Lối này? Không, nặng lắm. Lối này? Quãng đường mát-mẽ mà quanh - co khúc-khuỷu lắm. Lối này? Gồ-gề chông-chênh lắm. Lối này? Cái neo eo-hẹp thế này mà đi làm gì! Biết rẽ lối nào? ... Buổi ấy là buổi khó nhất trong đời người, những nóng-nổi khổn-khò bi-thương của cảnh thất-vọng cùng hiện ra một lúc, mấy ai có cái gan dè nên đi được. Bởi thế nên mỗi khi muốn ra đóng góp việc đời thì trước hết nên hiểu rõ cái nghĩa cả làm người, nhận-chân cái nghĩa-vụ của mình, và điều cần nhất là phải hàm-dưỡng lấy cái tâm-chí mình cho cương - cường mà cao-thượng. Bao giờ ta cũng nên soi gương cổ-nhân lấy điều biết mình làm gốc, biết mình hãy còn nhất thì tập cho bạo, hãy còn non thì tập cho già, hãy còn dốt thì học cho khôn, mà đạo học-vấn có gì lạ'đầu, nên xét lại những vết hư

thói xấu của tâm-tính mình mà sửa đổi lại thôi. (學問之道無他。求其放心而已矣)。Và người ta ở trong thời buổi ưu-thắng liệt-bại này thì bao giờ cũng phải mài hết tâm-huyết để cạnh-tranh phấn-dấu, tình-cảnh ấy chẳng khác nào một anh chiến-sĩ trong chiến-trường, nếu muốn được phần lợi ầu cũng phải lấy câu « biết người biết mình, trăm trận trăm thắng » làm kinh nhật-tụng, mà chớ nên ý sức quá dễ sinh ra tâm lòng khinh-dịch thì cơ thất-bại cũng chẳng khó gì mà chẳng thấy; cho nên cái lẽ biết mình biết người là một mối rất quan-hệ không những riêng cho con nhà quân mà cả cho những người thiên-hạ, và biết người ấy tức là biết cái xã - hội chung quanh mình, làng mình, nước mình, bao-la đến cả thế-giới. Có biết người như thế mới có thể lượng được cái sức mình thiếu hay đủ, mai sau dùng để chống-chỏi với người. Nếu sức ấy hãy còn thiếu thì bây giờ hãy lo bồi-bổ tích-trữ thêm, một ngày thêm được một ngày, một tháng thêm được một tháng, tức cũng như cái nguyên-tuyền trong ngọn tuấn-lĩnh, bao nhiêu dòng nước nhỏ đều dồn lại một chỗ biến thành ra cái chửa thành-thang rộng-rãi, đến ngày phát-khởi chảy ra thì ai hay ngăn đó. Những lẽ ấy thật cổ-nhân đã hiểu lắm, nên mới dám quả-quyết tự cho mình là « gan lì, già sóc, có non chi mà sợ cóc chi ai », mà cổ-nhân sở-dĩ được thế là nhờ thụ-giáo trong nho-học vậy.

Đến ngày nay đối với đạo học ấy người ta thường lầm tưởng như một thứ giầy ác-nghiệp để buộc trời thiên-hạ trong vòng chuyên-chế, thậm-chí có kẻ vừa nhào được trong cái hình-thức tân-học thì đã quay đầu lại thóa-mạ cựu-học, nhưng quên xét rằng chúng ta đều là con nhà nòi đây, ông cha ta là người nho-học đấy. chao ôi ! ông cha ta há có đại gì ! Một cái đạo đã làm khuôn-mẫu cho các

bạc hiên-triết cồ-kim, đã trải qua biết bao những phen biến-đổi mà vẫn còn sống mãi với thời-gian, thì phải có cái nghĩa-lý sâu-xa gì mới được chứ! Mỗi khi qua chơi trong thôn quê, trông thấy mấy ông cụ đồ lụ-khụ, ngồi lại thì kể-lễ những câu chuyện lồi-thời eo-hẹp trong làng xóm, điềm điềm một vài câu chữ dần đi dần lại từ ngàn năm về trước, bạn thanh-niên ta vội phê ngay rằng: « Kia con nhà nho là thế, có thể thôi! » Nhưng mà nếu phê-bình chỉ có thể thôi thì bạn ta làm mất. Các cụ ấy là trái với nho-học lắm, trái lắm đấy là vì các cụ không theo cái nghĩa tùy-thời, lễ thích-nghĩ của Khổng-phu-tử nữa. Chúng ta hãy xin chịu lỗi mà thú-thật rằng các cụ học sai đạo rồi. Mảnh óc non-nớt này, xin thành-tâm thừa rằng muốn phân không có phần nào dám chắc mình là giải nổi cái đạo cao-thâm ấy, chẳng qua là thử bày ra những điều mình đã lĩnh-hội được thôi. Vẫn biết nho-học là uyên-nguyên lắm, nhưng lấy đại - khái nói thì chỉ gồm lại trong mấy chữ: tu, tề, trị, bình, và điều thiết-yếu, là phải tu-thân làm gốc, vì người ta nếu để cho tâm thân mình bất-chỉnh rồi mà muốn sửa dạy kẻ khác, lẽ ấy quyết không thể nào được (枉己者未有能直入者也). Vả lại tâm thân là chân-tướng của con người, thì người ta cũng nên trân-trọng giữ-gìn mới phải. Những kẻ chơi cảnh, hoặc đổi với gốc hoa con, hoặc đổi với giống cây lớn, đều biết cách bón tưới cho nó chóng được sinh-sôi nảy-nở mà đến như tâm-thân mình há lại không biết săn-sóc, như thế thì mình yêu thân mình há không bằng loài cây cỏ kia hay sao? (棋把之桐梓。人苟欲生之。皆知所以養之者。至於身而不知所以養之者。豈愛身不若桐梓哉。)

Không, không phải thế bao giờ : ta cũng yêu thân ta hơn, mà ta có

yêu thân ta thì cũng phải biết cách nuôi dưỡng vậy. Một mảnh da non không dễ cho phải đau-đớn, nếu có sây-sứt tất bó-buộc ngay, trọn một thân-thể không dễ cho phải đau-đớn, nếu có bệnh-hoạn tất thuốc-thang ngay, thì tâm-chí ta, tinh-thần ta là những bộ-phần rất cao-thượng trong cơ-thể có lẽ đau lại không chú-trọng đến mà dễ cho phải truy-lạc chìm-dắm trong những tật xấu-xa hèn-hạ làm giảm mất cái giá-trị con người (人之於身者兼所愛。兼所愛則兼所養也。無尺寸之膚不愛焉則無尺寸之膚不養也。) Và phạm là vật gì nếu biết cách nuôi dưỡng thì tự-nhiên mạnh mà nuôi dưỡng thất-cách thì tự - khắc tiêu đi mà thôi. (得其養無物不長。苟失其養無物不消。) Vậy thử hỏi đời này ai dắc-duỡng mà ai thất-duỡng? Chao ôi! có hám hư-danh không? Có. Đi học có vì danh không? Có. Thương người có vì danh không? Có. Có hám tiền-tài không? Có. Yêu người có vì tiền không? Có. Cưới vợ lấy chồng có vì tiền không? Có. Được bạn mất bạn có vì tiền không? Có. Than ôi! như thế thì đời này có hơn gì đời trước đâu, sao gọi rằng tiến-bộ? Tân-học có hơn gì cựu-học đâu, sao gọi rằng văn-minh? Đã không hơn ai mà trở lại chê ai thì thành lời nói khoác đấy, bất-tự-tri rồi, ôi nguy, nguy lắm! Tục-ngữ ta có câu : « lá rụng về cội », anh em nhà họ Hồng ta bấy lâu đã bán chỗ vườn xưa đất cũ mà dẫn mình vào những chốn phương xa cảnh lạ, ngày nay ngẫm lại thì chưa thấy lợi gì cho nhà mà đã thấy biến-hại đến thân, cái lẽ thân hư nhà suy, anh em ta đã biết lắm, vậy hãy thử quay lại tìm kiếm cái nguồn-cội, của ta họa may có chỗ dùng được chăng? — Có lắm chứ! Nay, người ta ai cũng có thể làm được kẻ trượng-phu quân-tử mà muốn được thế thì trong vòng thiên - hạ, ở phải ở về chốn rộng-rãi, đứng phải đứng về

vị chánh-dáng, đi phải đi về đường to lớn, mà phú-quí không lòa mắt mình được, bần-tiện không đời chi mình được, uy-võ không khiếp lòng mình được, người ta ai giữ được bấy nhiêu đó thì dầu ở về thời-buổi nào cũng có thể tha-hỗ mà ngang-ngửa với đời.

Kẻ thư-sinh này bấy lâu vẫn hăm-mộ cái nho-vị và cũng may mà được nhập-tịch vào nho-giới, thật lấy làm hân-hạnh lắm, nhưng mỗi khi trông thấy cái cảnh-tượng nho-lâm-tiêu-diệu tịch-mịch thì không sao khỏi lạ-lùng. Bạn thanh-niên ta trước sau đều là con nhà nho cả, ngày nay đã chia ra ba bè bảy đảng, có đảng chứa-chan những hi-vọng cao-xa, dương hăng-bái trên con đường tân-học, cái tâm-chí cao-thượng ấy đáng kính-phục thay ! Có đảng còn yêu-vị trong nho-trường mà thờ dài, mà than vắn, nghĩ cũng ái-ngại

xót-xa thay ! Nhưng dầu có quay theo chiều gió nào đi nữa, cái mục-dích cũng vẫn là muốn tiến-lối, thói thì con nhà nho đã sẵn cái tinh-thần cố hữu, sao chẳng đem ra mà lợi-dụng, lạ ngồi đây thương hảo khóc vờ về mỗi lúc cuộc đời thay đổi, và thử ngẫm cho kỹ :

*Thương-hải tang-diễn thiên-cổ sự,  
Cuộc đời thay ngôi khóc hãy là khờ.  
Tội gì mà lo tính quanh-co,  
Cũng vùn-vẫy, ngang-tàng, cũng  
biên Sở, cũng sông Ngô cho tiếng khê.  
Khí-hạo bao trùm trời đất Việt,  
Nền nhân xây dựng nước non Hồng.  
Công-trình kia có lẽ rằng không,  
Sự-nghiệp ấy để đâu chìm lặn-lẽ.  
Cơ tạo-hóa thuận-hung nghịch-phê,  
Việc nên như mưa chó oản-vưu.  
Nhà Nho có lẽ chịu sầu ?*

TRÚC-HÀ

## LỜI RĂN ĐÀN BÀ CON GÁI

I

### NỮ - GIỚI

女 誡

Bảy thiên Nữ-giới 女 誡 sau này là tự bà Tào đại-gia 曹 大家<sup>(1)</sup> đời Hán răn dạy con gái mà làm ra. Đại-ý lập-ngôn thì trước nhất dạy phải mềm-mại dịu dàng, sau dạy phải khiêm-tốn hòa-nhã, yếu-uớc là cốt lấy kính-thuận làm chủ, tuy không có nói đến việc ngoại-chính, xem đó thì biết nữ-dức cốt trọng về đường nết. Song những con gái đời nay thì lại thích xa-hoa trang-sức, đua kỳ-xảo lạ-lùng hầu coi từ-dức như là đơ-bần, mà đời nay cho công dung ngôn hạnh bốn đức ở về những lối mới chớ không phải ở về những nếp cũ đàng. Bài Nữ-giới này thì là bài thuộc hay đời chúng, răn những thói kiêu-nọa từ lúc chửa manh ra, cốt giữ lấy lễ-pháp sao khỏi sa-sút, kể sang người hèn, kể lớn người nhỏ, ai cũng phải noi theo, thực đáng là một bậc nữ-sư dạy trăm đời. Vậy nên trích-lục ra đây làm khuôn phép dạy con gái.

(1) Bà tên là Ban Chiêu, là con gái ông Ban Bưu đời Hán.



## Lời tựa

Bỉ-nhân hôn-âm, bầm tinh không được mệnh-mẫn, trước nhờ ơn thừa của cha mẹ, lại nhờ lời dạy bà mẫu-sư khi mười bốn tuổi đi làm dâu nhà họ Tào, nay đã hơn bốn mươi năm rồi mà ta vẫn nơm-nớp sợ-bãi, chỉ sợ phải truất-nhục để thêm xấu cho cha mẹ và thêm lụy cho họ-hàng trong ngoài, bởi vậy ta sớm tối nhọc lòng, cần mà chẳng biết lao, từ nay về sau họa may mới tránh khỏi được vậy.

Ta vốn tính sơ-ngu, không biết đường dạy bảo, chỉ sợ con là Cốc không hay xứng chức làm nhục đến thịnh-triều, may nhờ thánh-ân ban cho kim-tử, thực không phải bỉ-nhân dám mong đến bao giờ. Nay con trai đã hay tự mưu lo lấy, ta không phải lo nữa, chỉ thương các con gái sắp đến tuổi gả chồng mà không dạy bảo dẫu-dà, để cho nó hiểu biết lẽ làm dâu, sợ khi về nhà người ta mà không trọn đạo lại xấu-hỗ đến tôn-tộc. Nay ta đã bị yếu đau trầm-trệ, tính-mệnh không biết chết lúc nào, chỉ thương lũ chúng con sau này mà lấy làm ngẫm-nghĩ, nên mới làm ra bảy thiên *Nữ-giới*, mong mỗi con mỗi người viết lấy một bản, họa may có bổ-ích giúp đỡ cho thân các con về sau, nên cố gắng lên!

10 *Mềm-mại dịu-dàng*. — Cờ-giã sinh con được ba ngày, thì cho nằm ở dưới giường, cho chơi bằng hòn gạch, rồi làm lễ tray cáo tổ-tiên. Nằm ở dưới giường là bảo phải thấp kém mềm-mại, cốt là phải như người. Chơi bằng hòn gạch là bảo phải quen tập khó-nhọc, cốt là phải làm-lụng cho cần mẫn. Làm lễ tray cáo đấng tiên-quần là để tỏ rằng đàn bà thì sau phải chủ-tri coi nổi việc tế-tự. Ba điều ấy là đạo thường của người con gái, và là khuôn dạy bảo trong lễ-phép vậy. Nết con gái

thì phải khiêm nhường cung-kính, trước nhường người sau đến mình, có điều hay chớ khoe-khoang, có điều lầm dưng cãi chối, phải nhẫn-nhục chịu nhẹn, thời thường kính sợ, đó là dạy phải thấp kém như người vậy. Thức khuya dậy sớm, không nề vất-vả, chăm-chỉ công việc, không từ việc khó việc dễ, làm việc gì thì phải cho xong, phải chỉnh-lý đầu ra dấy, đó là dạy phải chuyên-cần vậy. Lại phải giữ nết cho ngay, sắc cho chính để thờ chồng, thanu-tĩnh giữ-gìn, chớ có cười đùa chột-nhả, tray sạch cơm rượu để cúng vái tổ-tông, đó là dạy phải nổi giữ việc tế-tự vậy. Đã giữ trọn được ba điều trên đó mà không được danh-tiếng, lại bị phải truất-nhục đến thân, thì chưa có thể bao giờ. Nếu không giữ trọn được ba điều trên ấy thì sao mong được danh tiếng, sao tránh khỏi được truất-nhục vậy.

20 *Vợ chồng*. — Đạo vợ chồng là phối-hợp âm dương, thực là nghĩa lớn trong trời đất, tiết lớn của đạo người. Vậy nên kinh *Lễ* cần-trọng về những chỗ trai gái giao-tiếp, kinh *Thi* tỏ ra nghĩa thơ *Quan-thư* là cốt dạy vợ chồng phải hòa-hợp, xem thế thì đạo vợ chồng rất là trọng vậy. Nếu chồng không hiền thì không tiết-chế được vợ, vợ không hiền thì không phụng-sự được chồng; chồng không tiết-chế được vợ thì lễ-nghi bỏ mất cả, vợ không phụng-sự được chồng thì lễ-nghĩa thiếu mất cả, hai điều ấy công-dụng cũng như một. Thế mà những người quân-tử đời nay, chỉ biết rằng vợ thì phải tiết-chế, uy-nghi thì phải nghiêm-chỉnh, chỉ chuyên dạy cho con trai học sách-vở mà không biết dạy cho con gái hiểu đường lễ-nghĩa, hiểu đạo thờ chồng, thế thì chẳng thiên lầm rai! Cứ lễ thì lên tám tuổi phải dạy cho học, mười-lăm tuổi phải chăm về việc học, thế thì chẳng nên bắt chước đó làm khuôn phép để dạy cho con gái ư?

3<sup>o</sup> *Kinh thuận*. — Âm dương khác tính, trai gái khác nết, dương thì lấy cương làm đức, âm thì cốt lấy nhu làm dụng, trai thì cốt lấy cương làm qui, gái thì cốt lấy nhuợc làm tốt, vậy nên lời ngạn có câu rằng: « Sinh trai dữ như con chó sói, còn sợ nó uơn hèn; sinh gái nhạt như con chuột, còn sợ nó dữ tợn ». Xem thế thì con gái tu-thân chẳng gì bằng kinh, tị - cường chẳng gì bằng thuận, vậy cái đạo kinh thuận là lẽ lớn của người đàn bà vậy. Kinh không phải gì khác đâu, là cốt giữ-gìn cho được lâu dài; thuận không phải gì khác đâu, là cốt khoan-thư rộng - rãi. Giữ-gìn lâu dài thì cốt phải biết tri-túc, khoan-thư rộng-rãi thì cốt phải biết kính nhường. Tinh-biêu của vợ chồng trọn đời không lia, nếu chốn phòng the không cần thì dễ sinh nhờn, sinh nhờn thì sinh ra nói-năng quá lời, nói năng quá lời, thì tất thành ra càn-rỡ, càn-rỡ thì sinh ra cái lòng khinh rẽ chồng, đó đều bởi tại người đàn bà không biết tri-việc mà giữ cái phận mình vậy. Phạm túc đều có khúc-trực, nói đều có phải trái, kẻ trực thì tất phải tranh-biện, kẻ khúc thì cũng hay cãi-cọ, đã sinh ra tranh-biện cãi-cọ, thì tất sinh lòng tức-giận, đó đều bởi người đàn bà không biết kính nhường mà hay lằng-loàn vậy. Nếu không chừa cái nết khinh chồng thì tất bị trách mắng, nếu không bỏ cái lòng tức-giận thì tất bị roi vọt. Ôi, đã là vợ chồng, thì tất phải lấy nghĩa hòa-thân, lấy ân hảo-hợp, nếu đã phải dùng đến roi vọt thì còn nghĩa gì nữa, đã phải dùng đến lời trách mắng thì còn ân gì nữa, ân nghĩa đều hỏng cả, thì vợ chồng mỗi người đi một nơi.

4<sup>o</sup> *Phụ-hạnh*. — Đàn bà có bốn hạnh : 1<sup>o</sup> phụ-đức ; 2<sup>o</sup> phụ-ngôn ; 3<sup>o</sup> phụ-dụng ; 4<sup>o</sup> phụ-công. Gọi là phụ-đức không phải cứ gì tài giỏi lạ-lùng đâu. Gọi là phụ-ngôn không phải cứ gì miệng liến biện-bác đâu. Gọi là

phụ-dụng không phải cứ gì nhan-sắc mỹ-miệu đâu. Gọi là phụ-công không phải cứ gì nghề khéo hơn người đâu. Phụ-đức là cốt phải u-nhân trinh-tĩnh, giữ tiết chính - tề, sửa mình biết điều xấu-hỗ, động tính cho có lễ-phép. Phụ-ngôn thì cốt phải chọn lời mà nói, không nói những câu độc-ác thô-tục, lúc nên nói mới nói, đừng để cho người ta chán lời mình nói. Gọi là phụ-dụng thì cốt phải rửa-ráy ghét-cáu cho sạch-sẽ, ăn mặc phục-sức cho tinh-khiết, thời-thường tâm gọi đừng để mình mảy dơ bẩn. Gọi là phụ-công thì phải chuyên nghề may vá thêu thùa, không nên cười đùa cốt nhả, cơm rượu phải làm cho sạch-sẽ để cúng tân-khách. Bốn điều ấy là cái tiết lớn của con gái không thể thiếu được. Mà làm được thì cũng dễ, chỉ cốt phải lưu-tâm mà thôi. Cồ-nhân có nói rằng : « Điều hay điều phải có xa gì đâu, ta mà muốn được cho hay cho phải thì là được ngay. » Chính là nghĩa thế vậy.

5<sup>o</sup> *Chuyên-tâm*. — Cứ lễ thì người chồng vẫn có nghĩa hai lần lấy vợ, người vợ không có lễ hai lần đi lấy chồng. Vậy nên nói rằng chồng cũng như trời vậy, trời không thể trái được, thì chồng không thể lia bỏ được, nếu làm điều gì mà trái thần-kỳ thì trời phạt liền; thế thì ở với chồng mà trái lễ nghĩa thì chồng khinh rẽ đi. Vậy thiên Nữ-hiến 女憲 có nói rằng : « Ở cho được ý người chồng, thì vợ chồng mới hòa-hài được trọn đời; nếu ở mà thất-ý người chồng thì vợ chồng phải đến lia nhau ra. » Xem thế thì đàn bà ở với chồng phải cốt sao cầu cho bằng lòng người chồng. Nhưng muốn bằng lòng người chồng không phải là chỉ ton-ngọt nịnh-nọt để cầu yêu dâu, cốt phải chuyên-tâm chính-sắc mới được. Thế nào là chuyên-tâm chính-sắc, cốt phải giữ lễ nghĩa mà ăn ở cho thanh-khiết, tai đừng nghe

cần, mắt đừng liếc ngang, đi ra không có làm bộ dài-diểm, ở nhà không có bỏ lười sóc-sạch, chớ có đi tụ họp đàn đúm, chớ có đứng hóng cửa nọ cửa kia, như thế gọi là chuyên-tâm chính-sắc. Còn như lúc động-tĩnh, đi đứng lằng-lơ hoặc là nghe trộm liếc ngang, lúc vào thì bỏ đầu bù tóc rối không thành hồn người, lúc ra thì yếu-điệu làm dáng, nói những câu không nên nói, xem những việc không nên xem, như thế là không hay chuyên-tâm chính-sắc vậy.

60 *Khúc-tùng*. — Cái câu nói: «*Ở cho được ý người chồng thì vợ chồng mới hòa-hài được trọn đời, nếu ở mà thất-ý người chồng thì vợ chồng phải đến lia nhau,*» cái câu nói đó là muốn cho người đàn bà chuyên-tâm định-chí theo một người chồng đã đành, nhưng còn bố mẹ chồng cũng phải ở sao cho được lòng mới được. Vì rằng có việc đã có ân với người mà người phải lia bỏ, cũng có việc đã có nghĩa với người mà người phải tự phá đi. Vì như một người nàng dâu kia, chồng tuy rằng yêu, mà bố mẹ chồng thì chê bai, ấy thế là đã có nghĩa với người mà người phải tự phá đi đó. Thế thì ở cho được lòng bố chồng mẹ chồng thì chẳng gì bằng phải khúc-tùng là hơn. Mẹ chồng bảo điều ấy không được thế mà phải, thì vẫn nên theo lệnh đã đành; nếu mẹ chồng bảo điều ấy phải thế mà trái, thì cũng nên thuận mệnh, chớ không được trái ngược thị-phi, tranh-biện khúc-trực, như thế mới là khúc-tùng; nghĩa là phải lựa theo ý mẹ chồng vậy. Cho nên thiên *Nữ-hiến* nói rằng: «*Nàng dâu như bóng như vang, thì ai là chẳng yêu thương*». Nghĩa là bóng theo hình, vang theo tiếng, nàng dâu phải chiều theo ý mẹ chồng.

70 *Hòa với em trai em gái nhà chồng*. — Đàn bà mà được chồng yêu là bởi tại được bố chồng mẹ chồng yêu mình; nàng dâu mà được bố chồng mẹ chồng

yêu mình là bởi tại em trai em gái nhà chồng khen mình. Xem thế thì điều hay điều dở, tiếng khen tiếng chê của người nàng dâu, là đều bởi ở em trai em gái nhà chồng cả, thế thì ở sao cho được lòng em trai em gái nhà chồng. Người ta ai cũng biết rằng không nên ở mất lòng em trai em gái nhà chồng, mà không biết ăn ở cho hòa-thuận để cầu thân nhau thì thực là lầm! Người ta không phải óng thánh thì ai hay không có lỗi được. Xưa kia thầy Nhan-tử hay đòi điều lỗi, ông Khổng-tử mới khen thầy ấy không có mắc lỗi đến hai lần, huống-chi người đàn bà tài nào không có lỗi được. Dẫu rằng người hiền-nữ nết-na đến đâu, nhưng cái tình khôn-ngoan thông-sáng ai hay đủ được, vậy nên người trong nhà có hòa thì lời xàm-báng mới che lấp đi cả; nếu trong ngoài mà lia nhau ra thì cái lỗi lại càng tỏ ra lắm, ấy là cái thế tất-nhiên đó. Kinh *Dịch* nói rằng: «*Hai người đã đồng-tâm thì cái sắc có thể chặt được vàng; cái lời nói đồng-tâm, thì cái hơi thơm như lau.*» Ấy chính là nghĩa đó. Vì rằng em trai em gái nhà chồng thế ngang bằng mình mà phận li, ăn thì xa mà nghĩa lại thân, nếu người nàng dâu nào khiêm-tốn hòa-thuận, nết-na dịu-dàng, ở với chị em nhà chồng mà hay theo điều nghĩa, dốc lòng yêu, sùng điều ân để cố-kết, thì tự-khắc là tiếng khen rõ rệt, mà điều lỗi che lấp đi hết, tự-khắc là bố chồng mẹ chồng khen giỏi mà chồng cũng khen tốt, tiếng-tâm lừng cả làng xóm, về - vang đến cả cha mẹ. Nếu người nàng dâu nào ngu-xuẩn ở với em trai chồng thì bắc nạc làm cao, ở với em gái chồng thì cây yêu lại lên bộ, chỉ quen những thói kiêu-doanh, thì sao cho hòa được, đã trái mọi đường ân nghĩa thì sao được tiếng khen, điều hay chẳng ai hỏi đến mà điều lỗi lại tỏ ra, để đến nỗi mẹ chồng giận mà chồng cũng ghét, tiếng chê-bai

khấp cả trong ngoài, điều sỉ-nhục làm nhục đến thân, rồi để tiếng xấu cho cha mẹ, lại làm lụy thêm cho người chồng, làm đàn bà mà vinh hay nhục là gốc tự đó, chẳng nên cần-thận lắm ru ! Thế thì muốn ở cho được lòng em trai em gái nhà chồng là cốt

nhất phải khiêm thuận là hơn, khiêm là một đức tốt, thuận là một nét của đàn bà, giữ được hai điều ấy thì có thể ở với nhau hòa được. Kinh Thi rằng : « Ở dang kia đừng để cho người ta ghét, ở dang này đừng để cho người ta chán. » Ấy chính là nghĩa thế đó.

## II

## Nữ luận-ngữ.

## 女 論 語

Nàng Tống Nhược-Hóa 宋若華 theo cái ý bà Tào đại-gia mà đặt ra thiên Nữ-huân gọi là sách Nữ luận-ngữ 女 論 語, người em gái là Nhược-Chiều 若昭 lại thích nghĩa cho rõ thêm ra. Ôi, sách Luận-ngữ là chép những lời vấn-dáp của thánh-hiền, sách dạy con gái này sao lại gọi là sách Luận-ngữ được ? Nhưng ta xem thiên Nội-tắc 內 則 trong sách Khúc-lễ có chép những việc dạy con gái thì tất cả các việc đưa muối cơm rượu, khăn lược dao kéo, việc gì cũng đều tìm-tất dạy đủ cả, là vì rằng lễ chỉ-đạo cũng không ngoài những việc nhật-dụng ngày thường ở trong nhà, vậy nên thánh-hiền để lại lời dạy là muốn cho người ta ngón-đông cử-chỉ phải theo hợp vào phép đương-nhiên. Hai mươi thiên sách Luận-ngữ há có chép điều gì cao xa đâu. Sách dạy con gái này chia ra từng điều, tách ra từng mối, để cho người ta tiện học-tập, lời nói dẫu thiên mà rất thiết sự thực, dẫu người đàn bà trẻ con nhà quê cũng đều thông-hiểu được, nếu giữ được như thế thì cũng đã không then đạo đàn bà.

1<sup>o</sup> Lập thân. — Phàm làm con gái, trước phải lập-thân ; cái phép lập-thân, chỉ cốt thanh trinh ; thanh thì thân sạch, trinh thì thân vinh ; đi đừng ngảnh cổ, nói chớ cong môi ; đứng đừng động quần, ngồi chớ rung đùi ; mừng chớ cười lớn, giận chớ hét to ; trong ngoài phân-biệt, trai gái riêng nơi ; đừng dòm ngoài vách, đừng giơ ngoài đường ; chẳng phải quen thuộc, chớ có sờ-sàng ; chẳng phải gái lành, chớ có chơi thân ; lập thân doan-chính, mới khá thành nhân.

2<sup>o</sup> Học làm. — Phàm làm con gái, phải học nữ-công ; kết gai dệt vải, thó tể khác nhau ; quay tơ dệt sợi, phải liệu thừa mau ; chần tấm lấy kén, khuya sớm phải chăm ; hái dâu kén lá, che gió che mưa ; đừng để ẩm-thấp, đừng để rét-mướt ; chăm việc nuôi tấm, sao cho phải phép ; sợi tơ ngang

đọc, dệt sao cho khéo ; lụa nhỏ vải to ngắn dài tùy liệu ; lại còn vóc nhiều, dệt lắm thứ hay ; có thứ đem bán, có thứ dệt may ; thêu giấy dệt tất, xe sợi đan len ; thêu thùa vá may, trâm nghề đều hay ; nếu hay học được, chẳng sợ deo-neo ; áo chẳng lo rách, nhà chẳng sợ nghèo. Đàn bà lười biếng, bỏ nhác mọi việc ; ngày tháng bỏ hoài, nữ-công chẳng biết ; may vá vụng về, người ta chê cười ; đi làm dâu người, như nhuốc cả đời ; áo quần rách-rưới, đặt gấu vá vai ; nhiều người chỉ trỏ, làng xóm chê bai ; khuyên các con gái, nghe lọt vào tai.

3<sup>o</sup> Học lễ. — Phàm làm con gái, phải nên biết lễ ; có khách đến chơi, mời ngồi tử-tế ; quần áo chỉnh-tề, đi đừng nghiêm - trang, chấp tay sẽ nói, chào mời dịu-dàng ; hỏi thăm chu-tất, nói chuyện khoan-thai ; ăn-cần vấn-dáp,

ăn nói nhẹ lời; thiết-dãi chè thang, đưa mời cần-thậu; dùng bát chước người, bỏ quăng chắt đoái; tiếp-dãi hũng-hờ, hình như khinh rẻ. Nếu đến nhà người, phải biết lễ phép; tiếp-kiến truyện-trò, trình bày minh-bạch; nói xong đứng dậy, xin từ ra về; chủ nếu giữ lại, tiếp-dãi rượu chè, rượu nhấp qua môi, ăn chớ tréo dũa; chè chén cổ từ, dùng dễ say sưa; dùng bát chước người, húp canh nếm dấm; chén say diên-cuồng, dễ người ta ghét. Thường ở trong nhà, ít ra đường cái; gặp người mặt lạ, cúi đầu ngảnh đi; chớ học những người, sớm tối giông chơi; chạy khắp làng xóm, kể truyện đồng dài; mặc phải tiếng xấu, dễ người chê bai; môn-phong diêm-nhục, liên-lụy mẹ cha; hoài mắt đời người, tiếng xấu suốt đời; như những người ấy, khác gì chó chuột.

40 *Dậy sớm.* — Phàm làm con gái, phải tập cho quen; canh năm gà gáy, dậy sửa áo xiêm; súc miệng rửa mặt, chải-chuốt tinh-tuơng; lấy diêm đốt lửa, nhóm bếp sần-sàng; rửa nồi tráng chảo, nấu nước đun thang; tùy nhà phong kiệm, nấu ăn bữa thường; nhật rau sào giá, chế mắm pha tương; tùy thời nấu nướng, mặn nhạt thơm tho; sắp bày bát đĩa, mọi thức đủ dùng; ngày thường ba bữa, sớm tối thích-trung; những kẻ lãn-phụ, chẳng biết lo lường; trời cao ba trượng, còn nằm trên giường; ngủ trưa mới dậy, mắt quáng vội-vàng; chưa kịp chải chuốt, vội xuống nấu ăn; mặt mũinhem-nhuộc, chân tay cuống-cuồng; nấu cơm nấu nước, chẳng kịp bữa thường. Lại còn một hạng, ăn uống nhèm-nhoàm; ăn sống ăn chín, ăn vụng ăn cần; làng xóm chê cười, nhức đến mẹ cha; người ta đồn dai, chẳng xấu lắm a!

50 *Thờ cha mẹ.* — Con gái ở nhà, kính hiếu mẹ cha; mỗi sáng dậy sớm, hầu mẹ hầu cha; rét thì đốt lửa, nực thì quạt hầu; đói thì dâng cơm, khát

thì dâng trà; cha mẹ mắng trách, không được bỏ qua; lại gần nghe kỹ, tối đến xét mình; nếu có chẳng phải, đòi lỗi ngay đi; lời nói cha mẹ, dùng coi làm thường; phải theo lời dạy, chớ có cương-cường; có điều chữa rõ, bỏ lại kỹ-càng; cha mẹ tuổi già, sớm tối trông nom; khâu giầy vá tất, may mặc áo quần; từ-thời bát-tiết, hiếu-dưỡng chuyên cần; cha mẹ đau yếu, chăm chỉ luôn luôn; bên giường thăm hỏi, thang thuốc trông coi; cầu khẩn quỷ thần, mong cho qua khỏi; nếu có không may, đến ngày tận số; tang ma thương khóc, đau đớn can-tràng; củ-lao ơn ấy, biết ngày nào quên; liệm táng đã xong, cư tang giữ lễ; phụ-tế nhà thờ, lễ-nghi tử-tế; gặp ngày nhớ giỗ, nước mắt khóc thương; chớ có ngỗ-ngịch, chẳng kính cha cương; nói-năng vô-phép, hăng-hải hiên-ngang; nặc đòi sấm-sửa, tranh cạnh khoe-khoang; cha mẹ mất đi, kể lễ lời thối; đòi tranh tiền bạc, chẳng đoái xót thương; hạng đàn-bà ấy, như giống sài-lang.

60 *Phụng thờ bố chồng mẹ chồng.* — Bố chồng mẹ chồng, là chủ trong nhà; đã vào làm dâu, là con người ta; phụng thờ nuôi-nấng, cũng như mẹ cha; kính ông bố chồng, không dám nhìn mặt; đi chớ bằng hàng, nói đừng đối-ngữ; nếu có sai bảo, lắng-lặng mà nghe. Đứng hầu mẹ chồng, bảo gì làm ngay; sớm dậy mở cửa, dùng có kính-dộng; vậy quét sào thềm, giặt rịa quần áo; sao cho sạch-sẽ, ấm lạnh tùy thời; trước thềm lui-tới, đợi mệnh bảo sai; hỏi-han chu tất, xong việc thì lui; biện dâng chè cháo, sắp đặt dĩa thia; thơm-tho sạch-sẽ, kính đệ thường lễ; cơm thổi cho gièo, thịt ăn nấu dư; xưa nay người già, rằng đã long thừa; canh thang chè nước, đủ thức dâng hầu; tối đến sắp-sửa, đưa ngài đi nghỉ; yên-đón đầu gối, mời trở về phòng; ngày nào

cũng thế, sớm tối như thường; trong chốn đình - vi, người khen dân hiền; đứng học kẻ khác, lãng-loãn thói quen; hôn-hào tôn-trưởng, kẻ-lẻ lối thời; gọi bảo không lại, dúi rét mặt thầy; cái người như thế, gọi là ác-phụ; trời đất không dung, sấm sét trấn nộ; trách phạt đến thân, hối sao được nữa.

70 *Thờ chồng.* — Con gái lấy chồng, chồng là thân nhất; nay mới kết-hôn, duyên phận từ trước; chồng ví như trời, không nên khinh rẽ; chồng cương vợ nhu, ái-ân cùng ở; cùng kính trọng nhau, coi nhau như khách; chồng nói điều gì, nghe cho minh-bạch; chồng có việc xấu, khuyên can ân-cần; chớ học đũa ngu, để vạ đến thân; chồng nếu đi vắng, phải biết đường tìm; tối đến chữa về, trông ngóng hỏi xem; ủ cơm chờ đợi, thấp đèn ngóng trông; chớ học đũa lười, tối đến ngủ ngay; gặp khi chồng ốm, chăm chỉ suốt ngày; đón thầy hỏi thuốc, nâng dặc chớ lười; mọi đường chữa chạy, mong cho sống lâu; chớ học đũa xuân, chẳng thiết lo âu; gặp khi chồng giận, chớ có cãi lại; nhẹ tiếng nói hơi, nhưn-nhường mới phải; chớ học đũa hư, cãi cọ nhau mãi. Sợi tơ mảnh vải, sắp đặt vá may; phòng khi rét muốt, có áo dỗi thay; cơm nước việc thương, cung-cấp ân-cần; phòng khi đói khát, chớ để nhọc-nhân; cùng chồng cam khổ, giàu nghèo cùng chịu; chết cùng huyết chôn, sống cùng chẵn chiếu; hay theo lời ấy, suốt đời hóa vui; như gái hiền ấy, tiếng để muôn đời.

80 *Dạy con trai con gái.* — Phàm nhà người ta, đều có trai gái; tuổi đã trưởng-thành, đừng để hư đại; cái quyền dạy dỗ, nhờ về mẹ nhiều; trai cho đi học, đón thầy dạy bảo; học tập lễ-nghi, tập viết chân thảo; tôn kính ông thầy, rọu nem dâng biểu. Gái ở trong nhà, ít khi ra cửa, có gọi phải

thưa, có bảo phải nhớ; nếu không nghe lời, thì phải mắng quở; sớm tối dạy dỗ, phải cần chức-vụ; may vá thêu thùa, quét nhà quét cửa; nếu ở trước mặt, phải dạy lễ phép; đừng để ngu đại, quấy khóc bỏ bét; chớ cho giông chơi, quena thói khinh nhờn; chớ cho hát-hồng, quena nết lả-lơi; chớ cho giông dài, quen học thói ác; người nay có con, sao chẳng dạy bảo; trai chẳng cho học, mặc cho chơi láo; chẻ rọu đánh nhau, múa-mệnh hát xướng; chẳng sợ phép quan, của nhà chẳng tưởng. Gái chẳng dạy lễ, ăn nói phũ-phàng; chẳng biết nhưn-nhường, chẳng hay giữ-giàng; nhục đến tôn-trưởng, nhục đến mẹ cha; những hạng người ấy, khác gì loài lợn.

90 *Sửa-sang công việc cửa nhà.* — Con gái tri-gia, phải kiệm phải cần; cần thì nhà thịnh, lười thì nhà suy; kiếm thì giàu có, xa-xỉ thì nghèo; phàm làm con gái, không nên lãn lữ; công việc một đời, cốt ở chữ cần; công việc một năm, cốt ở đầu xuân; công việc một ngày, cốt ở giờ dần; sáng sớm thức dậy, quét dọn bụi trần; lau chùi bàn ghế, sạch-sẽ tiêm-tân; sao cho gọn mắt, nhà cửa sạch lâu; đừng để bẩn-thỉu, sân ngõ mốc rêu; cày ruộng cấy lúa, chớ ngại nhọc nhằn; trồng nom cơm nước, đưa đón ân-cần; đừng để chậm trễ, lỡ bỏ công việc; chữa lấy tấm cám, để nuôi lợn gà; khi nhốt khi thả, xem xét dò la; đừng để lạc xổng, quấy nhiễu gần xa. Chồng có tiền gạo, thu cất hẳn-hoi; chồng có rọu bánh, dạy cắt mọi nơi; thù-tiếp tân-khách, phải liệu giữ lời. Đại-phủ do mệnh, tiểu-phủ do cần; ngô thóc đầu yưng, chứa-chát từng ngăn; dầu muối tương mắm, dạy-diệm chớ quên; gà vịt chớ lợn, nuôi-nấng từng đàn; từ-thời bát-tiết, chăm-chỉ làm ăn; cơm rọu thừa-thãi, coi sóc chu-chuần; vợ chồng vui-vẻ, hưởng phúc muôn phần.

10<sup>o</sup> *Tiếp-dãi tàn-khách*. — Bất, cứ nhà ai, đều có khách-khứa; bày dọn mâm bàn, sao cho tử-tế; xem chừng mấy người, bày-đặt canh thang; lui vào nhà trong, cùng chõng nói bàn; sẽ lời liệu tính, giết gà làm cơm; nấu vj điều-hòa, rau đưa sạch-sẽ; chèn rượu thơm-tho, cửa nhà vang-vẻ; mặt trời xế chiều, mời lưu ở lại; thấp nền khêu đèn, bày yên chỗ nghỉ; cung kính hầu hạ, sao cho đặc-nghĩ; sớm ngày trở dậy, khách nếu từ đi; chào mời cơm rượu, thiết đãi ân-cần; chõng khen cáng-dáng, khách tạ chu-chuân; đừng học kẻ khác, chẳng coi việc nhà; khách đến mặc khách, luôm-thuôm thang trà; chõng nếu mời khách, vợ lại giận-dũi; có dũa không thìa, có dấm không muối; chửi gái mắng trai, tranh ăn tranh uống; chõng ngồi thẹn mặt, khách về cũng sượng; hoặc khách đến nhà, không người ra đón; chỉ sai thằng nhỏ, hỏi khách đâu đến; nên tiếp thì ra, không tiếp thì trốn; trầu nước trà thang, chẳng ai cung-dốn; dãi khách như thế, lắm việc nhữ-nhàng; đến khi chõng về, chẳng biết ai sang; khuyên kẻ đàn bà, phải giữ lễ thường.

11<sup>o</sup> *Nết hòa-nhu*. — Cái phép ở nhà, con gái phải hay; lấy hòa làm qui, hiểu huân làm hơn; đừng dề bố mẹ, quở

trách luôn luôn; kẻ trên người dưới, con cháu ôn-tôn; chớ tranh hơn kém, thi-phi tiếng đồn; tiếng xấu trong nhà, chớ lọt ra ngoài; láng-diềng hàng xóm, lễ nghĩa vãng lai; ra vào thăm hỏi, khoản-khúc chu-tuyển; chén ché chén nước, cười nói tự-nhiên; nên nói thì nói, nên làm thì làm; những điều thi-phi, chớ có bàn nhàm; chớ học kẻ ngu, chẳng biết lễ nghi; những lời thô-tục, xúc-phạm bề trên; khuyên kẻ con gái, hòa thuận mới nên.

12<sup>o</sup> *Thủ-liết*. — Hiền-phụ đời xưa, chín liệt ba trình; tiếng ghi sử sách, đời nay còn khen; nữ-sinh nên học, chớ bảo khó làm; nhất là trình tiết, quĩ thần giám-lâm; con gái ở nhà, phải giữ buồng the; có khách đến chơi, chớ lộ tâm-hơi; chớ bàn chuyện riêng, chớ nghe tiếng dâm; tối đêm đi lại, đèn đuốc phải cầm; thi-thọt đêm hôm, gái không nên thẽ; một nết đã hư, trăm nết đều hỏng; vợ chõng kết tóc, nghĩa nặng nghìn vàng; nếu mà bất-hạnh, chõng chết đáng thương; ba năm tang trở, thủ chí kiên-cường; trông nom nhà cửa, đắp điểm mờ mả; ân-cần dạy con, chết còn đều thỏa. *Luận-ngữ* thiên này, làm gương nội-tắc; con gái theo đây, làm cho sang đức; tuổi trẻ nên nhớ, thuộc lấy làm lòng; theo được lời này, hưởng phúc vô-cùng.

## III

## Nữ-huân

## 女訓

Con gái từ khi bé nhỏ, không cứ là con nhà giàu sang nghèo hèn, người nào cũng phải tắm gội rửa-ráy chải-chuốt cho sạch-sẽ. Thiên này là của Sài Bá-Giai 蔡伯喈 làm ra, đem việc tu-dụng, ví với việc tu-thân, nhân những điều họ đã hiểu mà bảo cho những điều chưa rõ, lấy những điều họ đã quen mà trách bảo những điều chưa quen, trở bảo rõ trước mắt, thực là thân-thiết mà có ý-vị lắm. Dầu người con gái rất ngu dốt đi đọc lại lời dạy này, lúc soi gương lên há lại chẳng tỉnh ngộ ư!

Tâm người ta cũng như dầu với mặt, đều phải nên sửa-sang cho sạch-sẽ. Cái mặt một sớm mà không rửa, thì như bần bậm vào, cái tâm hàng

ngày mà không suy nghĩ đến điều thiện, thì những điều tà-ác lẫn vào; người ta ai cũng biết sửa-soạn cái mặt, mà không biết sửa cái tâm là lắm

lắm ! Ôi ! Cái mặt không rửa, kẻ ngu trông thấy đều bảo là xấu, cái tâm không sửa thì người hiền-giả cho là ác, người ngu chê cái mặt xấu còn khá, chớ như người hiền chê cái tâm ác thì còn ai tra được nữa.

Vậy nên lúc cầm gương lau mặt, muốn mặt cho sạch-sẽ thì phải nghĩ cái tâm cho sạch. Lúc bôi phấn, muốn phấn cho đều-hòa thì phải nghĩ cái tâm cho hòa. Lúc xoa phấn muốn phấn

cho bóng sáng, thì phải nghĩ cái tâm cho sáng. Lúc chải tóc muốn tóc cho trơn mượt, thì phải nghĩ cái tâm cho trơn-chu. Lúc dùng lược để gỡ tóc rối, muốn gỡ cho xong, thì cũng phải nghĩ cái tâm cho chính-lý. Lúc bới tóc muốn bới cho ngay, thì cũng phải nghĩ cái tâm cho ngay-ngắn. Lúc rẽ đầu ngói muốn rẽ cho chính-tề, thì cũng phải nghĩ cái tâm cho chính.

ĐÔNG-CÔNG dịch

## KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN (1)

### III

#### 2. — K. — Vua Tống-công là Hòa mắt

T. — Vua Mục-công nước Tống tên là Hòa bị bệnh, triệu Khổng-Phủ (1) bọ cụ Khổng) là quan Đại-tư-mã vào mà dặn về việc lập Thương-công (tức là Dữ-Di) rằng: « Trước Tiên-quân (2) bỏ Dữ-Di mà lập quả-nhân (3), quả-nhân không dám quên, nay vì nhờ được uy-linh của quan Đại-phu, cho quả-nhân bảo-toàn được tính-mệnh mà mất, nếu Tiên-quân hỏi đến Dữ-Di, thì quả-nhân biết thưa thế nào. Vậy xin quan Đại-phu lập Dữ-Di lên làm chủ cho xã-tắc, thì quả-nhân này dù chết cũng không hối-hận gì. »

Khổng-Phủ thưa rằng: « Chúng tôi xin lập ông Phùng » (4).

Mục-công nói: « Không được, Tiên-quân cho quả-nhân là người có hiền-đức, mà lập lên làm chủ xã-tắc, nay vì bỏ điều đức-ngĩa mà không nhường lại, thế là bỏ cái bụng cũ-hiền của Tiên-quân đó, sao phải là người hiền-đức, Việc này là để làm cho rõ-rệt cái đức tốt của Tiên-quân ra, há không nên làm sao. Ông đừng có quên cái công của Tiên-quân nhé ! » Nói rồi cho Công-tử Phùng lánh sang nước Trịnh. Tháng tám, — năm Ân-công thứ ba, — Tống Mục-công mất, Thương-công lên nối ngôi.

(1) Xem N. - P. số 128

(2) Vua Tuyên-công nước Tống là anh Mục-công, Tuyên-công có con là Dữ-Di, nhưng cho Mục-công là người có hiền-đức mà lập lên thay mình làm vua, chớ không lập con. Nay Mục-công cũng có con là Phùng, nhưng nhờ đức tốt của anh, lại lập cháu là Dữ-Di chớ không lập con.

(3) Cỗ-giã vua tự xưng là « Cỗ = bỗ-côi » hay là « Quả = góa », nghĩa là người ít đức đơn-độc, nói nhưn.

(4) Tức là Công-tử Phùng con Mục-công.



### 3. — K. — Châu-Hu nước Vũ giết vua là Hoàn

T. — Nguyên trước vua Vệ Trang-công lấy em gái của Đắc-Thần là Đông-cung nước Vệ gọi là bà Trang-Khương. Bà đẹp mà không có con, người nước Vệ thương bà đã làm ra bài thơ « Thạch-nhân ». (Người cao lớn) (bài thơ ấy có chép vào thiên Vệ-phong kính Thi). Trang-công lại lấy người vợ nữa ở nước Trần gọi là Lệ Vi, sinh ra ông Hiếu-bá, nhưng chết non mất. Em gái bà Lệ Vi là bà Đới Vi đi theo làm nàng hầu (1) thì sinh ra Hoàn-công, Bà Trang - Khương nuôi làm con.

Còn công-tử Châu-Hu thì lại là con của một người nàng hầu khác. Trang công yêu Châu-Hu, Y thích việc binh, Trang-công cũng không ngăn cấm. Bà Trang-Khương thì ghét y lắm.

Thạch Thác (quan Đại-phu nước Vệ) can Trang - công rằng : « Tôi nghe rằng yêu con phải dạy cho điều nghĩa, chớ dựa vào điều tà. Kiêu, xa, dâm, dật là bốn cái sinh ra điều tà, mà sinh ra bốn cái kiêu, xa, dâm, dật, thì lại là vì cho sủng-lộc hậu quả.

« Nay ngài muốn lập cho Châu-Hu thì quyết ngay đi, nếu cứ dùng-dằng sẽ gây ra cái nền tai-vạ đó.

« Người nào được sủng-lộc mà không sinh kiêu, hoặc là dẫu có kiêu mà hay nhún xuống ngay được, lại không oán-hận, hoặc là dẫu có oán-hận mà biết tạ-trọng lấy mình, thì hiểm lắm. Vả, kẻ kém hại kẻ hơn, kẻ bé lẫn kẻ lớn, kẻ xa gièm kẻ thân, kẻ mới gièm kẻ cũ, kẻ

nhỏ để kẻ to, kẻ dâm phá kẻ nghĩa, ấy là lục-nghịch (sáu điều nghịch). Vua nghĩa tôi trung, cha hiền con hiếu, anh yêu em nhường, ấy là lục-thuận (sáu điều thuận). Bỏ điều thuận mà theo điều nghịch là làm cho chóng thành tai vạ đó, làm ông vua phải chăm trừ-khử những sự tai-vạ đi, thế mà lại làm cho chóng thành ra thì có nên chăng? » Trang-công không nghe. Con Thạch Thác là Thạch Hậu lại giao-du với Châu-Hu, ông cấm không được, đến lúc Hoàn-công lên nối ngôi, ông bèn cáo lão.

Mùa xuân năm Ân-công thứ tư, Châu Hu giết Hoàn-công mà tự-lập.

### 4 — K. — Tống-công, Trần-hầu, người Sái, người Vệ cùng đánh nước Trịnh

T. — Khi Tống Thương-công lên nối ngôi, thì Công-tử Phùng phải xuất-bôn sang nước Trịnh. Người Trịnh toan nạp Công-tử Phùng về Tống. Nay Vệ Châu Hu tự lập lên, muốn đánh Trịnh để trả cái thù của Tiên-quân trước bị Trịnh đánh, để cầu thân với Chu-hầu và trấn-áp dân-tâm trong nước, bèn cho người sang cáo với Tống rằng : « Nếu ngài đánh nước Trịnh để trừ cái hại của ngài đi, ngài dùng làm chủ, tề-quốc tôi xin đem binh-lương cùng với nước Trần nước Sái theo ngài. Nước Vệ tôi mong lắm ! »

Người Tống nhận lời, bấy giờ Trần Sái đang thân với Vệ, cho nên Tống-công, Trần-hầu, người Sái, người Vệ cùng đến đánh Trịnh, vây cửa Đông-môn, năm ngày rồi đều rút về.

(1) Theo cổ-chế, con gái vua Chu-hầu đi lấy chồng, lại phải cất thêm mấy người em gái châu gái đi theo làm nàng hầu, tức là vợ lẽ, gọi là « đồng-thiếp ».

Vua Ân-công hỏi Chưng-Trọng (quan Đại-phu rằng: «*Châu-Hu làm xong được không?*» Chưng-Trọng thưa: «*Tôi chỉ thấy lấy sự đức-nghĩa mà yên-ủi được dân-tâm, chứ chưa thấy lấy sự binh-biến bao giờ. Lấy sự binh-biến để yên dân-tâm, cũng như người gỡ rối tơ rối mà lại vò thêm vào. Châu-Hu chỉ cậy binh-uy mà lại tàn-nhân. Cậy binh-uy thì mất lòng dân, tàn-nhân thì mất lòng thần-thuộc, dân lia bỏ thần-thuộc thì khó làm xong được. Vả binh-biến cũng như lửa cháy, không dập đi thì cháy ngay vào mình. Châu-Hu đã giết vua lại ngược-dãi dân, nay lại không biết chăm làm việc đức-nghĩa mà muốn thành công bằng sự binh-biến, tất không thoát được.*»

### 5. — K. — Người Vệ giết Châu-Hu ở sông Bộc

T. — Châu-Hu chưa dẹp yên được lòng dân, Thạch Hậu về hỏi Thạch Thác tính làm thế nào để giúp cho vua nó. Thạch Thác nói: «*Đi vào châu Châu-vương thì được.*» Hậu hỏi: «*Làm thế nào mà vào châu được?*» Thác nói: «*Vua nước Trần đang được Châu-vương yêu, mà Trần với Vệ lại đang thân với nhau. Nếu vua tôi nhà ngươi sang châu vua Trần, rồi nhờ xin vào châu Châu-vương giùm cho thì tất được.*»

Hậu theo Châu-Hu sang Trần. Thạch Thác bèn cho người sang cáo với vua Trần rằng: «*Nước Vệ tôi bé mọn, mà lão-phu này thì già yếu lắm rồi. Hai thằng này thực chúng nó giết quả-quản nước tôi đấy, xin lĩnh hộ đi cho.*»

Người Trần bèn bắt Châu-Hu và Thạch Hậu rồi mời người Vệ sang trị tội. Tháng chín (Ân-công thứ tư) người Vệ cho quan Hữu-tể là Sū sang coi việc giết Châu-Hu ở sông Bộc (đất nước Trần), còn Thạch Thác thì cho

quan Tề là Nhụ Dương-Kiên sang coi việc giết Thạch Hậu ở nước Trần.

### 6. — K. — Công đi xem đánh cá ở đất Đường

T. — Vua Ân-công sắp đi ra đất Đường (ở ngoài biên nước Lỗ) xem đánh cá. Tạng Hi-Bá (một vị công-tử) can rằng: «*Phàm vua đi du-quan vật gì không đủ để xét về việc lớn, tài-liệu của nó không đủ để làm khí-dụng, thì vua không dùng. Vua làm việc gì cũng phải có pháp-độ và sự-lý để dạy dân, làm việc không có pháp-độ sự-lý gì là loạn-chính, loạn-chính nhiều thì đến bại, cho nên bốn mùa vua đi săn: Xuân gọi là «*đi Sưu*», Hạ gọi là «*đi Mên*», Thu gọi là «*đi Kìên*», Đông gọi là «*đi Thú*», đều là nhân những lúc nông-khích (là n ruộng xong) mà giàng việc vũ-bị đó. Mỗi ba năm một kỳ duyệt binh, duyệt xong sắp hàng trăm về làm lễ «*âm-chi*» để báo-cáo những thực-trạng của việc quân bị, làm như thế là để cho rõ-rệt những văn-vê (như cờ xe và đồ phục-sức), tỏ ra những kẻ qui-tiện (như ông tướng ông sù), phân ra từng bề bậc (như hàng kia đối nọ), tập quen lượt đi của kẻ già trẻ như trăm đi thì toán quân trẻ tuổi đi trước, trăm về thì đi sau); ấy là để cho dân rèn tập uy-nghi cả đó.*»

«*Thịt của con cầm thú nào mà không bày lễ được; da, răng, nanh, xương, sừng lông mao, lông vũ của con cầm thú nào mà không dùng làm khí-cụ được, thì vua không bản đến. Ấy chính cớ-chê như thế. Còn như những thực-trạng vật-sản về rừng núi, về sông đầm, là những tài-liệu để thường dùng, thì đã có lính coi quan xét, chứ vua không phải kiểm cả.*»

Công nói: «*Ta sẽ đi kinh-lược chỗ biên-địa một thể.*» Bèn tờ, nơi bắt

trần-thiết những khi-cụ đánh cá ra mà xem. Hi-Bà cáo bệnh không đi theo.

### 7. — K. — Người Châu, người Trịnh cùng đánh nước Tống

T. — Tháng tư (năm Ân-công thứ năm, người Trịnh lấn ấp Mục của nước Vệ để giả cái thù ở trận Đông-môn. Người Vệ bèn lấy quân nước Yên đánh Trịnh, Trịnh Sái-Túc, Nguyên Phồn và Duệ-Giá (ba quan Đại-phu) cùng đem tam-quân đánh vào mặt trước quân Vệ. Mạn-Bá với Tử-Nguyên (hai công-tử Trịnh) thì đem đạo tiên-quân đánh vào mặt sau. Người Yên chỉ sợ tam-quân của Trịnh mà không lo phòng-bị toàn quân người ấp Chế của Trịnh. Tháng sáu, hai Trịnh công-tử lấy người ấp Chế đánh đuổi quân Yên ở Bắc-chế.

Tống lại cướp lấy ruộng của nước Châu. Người Châu đến cáo với Trịnh rằng: « Xin ngài rửa hờn với nước Tống đi; tể-quốc xin làm hướng-đạo. » Người Trịnh bèn lấy quân vương-sư hội với quân nước Châu đánh Tống, kéo vào đến ấp Phu. Người Tống cho sứ-giả sang cáo-cấp, Công đã biết rằng giặc đã vào đến ấp Phu rồi, định cho binh đi cứu, nhân hỏi lại sứ-giả rằng: « Quân ngoài vào đến đâu rồi? ». Sứ-giả thưa: « Chưa vào đến nước. ». Công giận, bèn đình-chỉ việc ấy mà từ sứ-giả rằng: « Vua Tống sai quả nhân này cùng lo cái hoạn-nạn của xã-tắc bên Tống, thế mà hỏi thì sứ-giả nói rằng: Quân ngoài chưa vào đến nước. Vậy quả-nhân không dám biết đến việc ấy nữa. »

### 8. — K. — Tống-công, Tề-hậu, Vệ-hậu đồng-minh ở Ngõa-độc

T. — Người Tề giảng-giải cho Tống, Vệ hòa với Trịnh. Mùa thu (năm Ân-công thứ tám), hội nhau ở ấp Ôn,

rồi cùng ăn-thề ở đất Ngõa-độc (địa-hạt nhà Châu) để giải cái hận tự trận Đông-môn mà hai nước đánh Trịnh. Tề-hậu (Hi-công) cho sang cáo với Lỗ về việc giảng-hòa cho ba nước ấy. Công cho Chung - Trọng trả lời rằng: « Nhà vua bên Tề đã giải-tân được cái mưu của ba nước định hại nhau, ba nước được cứu giúp lấy dân, là nhờ ơn của nhà vua đó. Quả-quân nước tôi đã vâng mệnh rồi, dám đâu không thừa-thụ mệnh-đức của nhà vua. »

— Rợ Bắc-nhung lấn nước Trịnh, Trịnh-bá đi đánh, thấy quân Nhung lo mà rằng: « Quân nó là bộ-binh, quân ta là xa-chiến, sợ bị nó tràn vào. » Công-tử Đột nói: « Ngài đất phục-binh ba chỗ, và kén bọn quân nào khoẻ ra trước cho giặc nó đuổi. Người Nhung nó khinh-suất mà không chình-đốn, tham mà không thân nhau. Thằng không nhường nhau, bại không cứu nhau, bọn đi trước thấy có cái gì có thể vo-vét được thì sẵn vào, vào gặp phục-binh thì ồ chạy; bọn đi sau không cứu nữa, thế là quân không có tiếp-ứng. Tất ta khoải-chi được. » Trịnh-bá theo lời.

Đạo quân đi trước của Bắc-nhung gặp phục-binh ồ chạy. Trúc Nhiêm (Đại-phu Trịnh) đuổi theo Nhung bị Trịnh trước sau lại, Nhung chết hầu hết. Người Trịnh đại-thắng quân Nhung là ngày giáp-dần, tháng 11 (năm Ân-công thứ chín).

### 9. — K. — Công và Tề-hậu Trịnh bá vào nước Hứa

T. — Mùa thu tháng bảy (năm Ân-công thứ mười một), vua Lỗ tới hội với Tề-hậu Trịnh-bá để đánh nước Hứa.

Quân ba nước đến đóng ở dưới thành nước Hứa. Đinh Khảo-thúc cầm lấy cái cờ « Mao-hồ » của Trịnh-bá mà

nhảy lên thành trước. Tử-Đô đứng dưới thành (cũng là một quan Đại-phu Trịnh, vì hôm làm lễ ra quân đi đánh Hứa, Tử-Đô với Đinh Khảo-thúc tranh nhau một cái bình-xa, Khảo-thúc lấy tay cầm gong xe kéo chạy, Tử-Đô không đuổi kịp, nên thù), bắn chết Khảo-thúc ngã lăn xuống, Hà-Thúc Doanh (quan Đại-phu Trịnh) lại vơ lấy cờ « Mao-hồ » ấy mà nhảy lên, vừa vung cờ vừa hô to lên rằng : « Vua ta đang thành rồi ! » Quân Trịnh liền nhảy lên thành tất cả, bèn vào được nước Hứa, Hứa Trang-công xuất-bôn sang Vệ. Tề-Hầu mới đem Hứa nhường cho Lỗ.

Công nói rằng : « Ngài dạy rằng Hứa không chịu chức-cống (cống vào vương-triều), nên chúng tôi theo ngài đi đánh, nay Hứa đã chịu tội rồi, tuy ngài có lệnh ấy, quả-nhân không dám vâng lời. » Bấy giờ lại nhường cho Trịnh.

Trịnh-bá (Trang-công) bèn sai quan đại-phu nước Hứa là Bách-Lý đưa ông Hứa-thúc (em Hứa Trang-Công) về ở cõi đông nước Hứa mà dặn rằng : « Trời giáng họa cho Hứa, quỷ-thần oán vua Hứa, nên mới mượn đến tay quả-nhân đây. Quả-nhân đối với một vài đấng phụ-huynh trong nhà, còn chả thù-phụng đủ, nữa là dám khoe cái công đánh được Hứa ru ! Quả-nhân có một người em, còn chả hòa-hợp với nhau được, để ý phải đi « hồ-khẩu » ở bốn phương, như thế chắc giữ được nước Hứa mãi ru ! »

« Nhà người phải thờ ông Hứa-thúc để yên-ủi lấy dân nước này. Quả-nhân sẽ cho người Hoạch-kia (quan Đại-phu Trịnh) sang giúp nhà người.

« Vì quả-nhân được chết mà chốn xuống đất yên rồi, tất trời sẽ thương mà xử lại với Hứa, bấy giờ ông Hứa-công này há lại không nổi được nghiệp xã-tắc dư ? Lúc đó nước Trịnh ta mà có còn yêu-cầu gì với Hứa nữa, cũng chỉ còn có cái việc liên-hôn như cũ mà thôi.

« Vậy Hứa phải nên chịu nhùn mà theo cho trọn, chớ đừng để cho người giống khác đến ở đây mà bức-hại mình và tranh cõi đất với nước Trịnh ta. Vì mà có người giống nào đến ở đây tranh cõi đất với nước ta thì con cháu ta đến bại-vong tan-nát không xong, phương-chỉ còn giữ việc chủ lễ sơn-xuyên cho Hứa được nữa ư.

« Quả-nhân mà sở-đĩ cho nhà người đến ở chốn ấy, không những là vì nước Hứa mà cũng là để cho bền vững chỗ biên-thùy của nước ta nữa. »

Lại sai Công-tôn Hoạch sang đóng ở cõi Tây nước Hứa mà dặn rằng : « Phạm khí-dụng tài hóa của mi, không nên để ở bên Hứa. Khi ta chết rồi, mi phải bỏ ngay đây mà về. Từ khi tiên-quân ta thiên-đô sang đất tân-ấp này, thì vương-triều đã suy kém đi rồi (1), con cháu nhà Châu ta ngày càng mất cả trật-tự, nước Hứa này là dòng-dõi quan Thái-nhạc (quan đời Đường Ngu) đó. Trời mà không tựa nhà Châu thì chúng ta còn chắc tranh hùng-trưởng được với nước Hứa nữa chăng ! »

Trịnh-bá sai người nguyên ruồi đưa nào bắn chết Đinh Khảo-thúc.

Đồ-nam-tử cần-án. — . . . . .

(1)— Trịnh trước đóng đô ở Kinh-triệu, đến Vũ-công là cha Trang-công mới thiê, đô sang Hà-nam. Bấy giờ nhà Châu cũng đã thiên sang Đông-đô.

.....  
 Ông lại khuyên bảo người Hứa rằng: « *Vi khi quả-nhân chết rồi, trời thương lại Hứa thì Hứa-công này há lại không nổi được nghiệp xã-tắc ru.* » Đó là dự hẹn một cái thời-kỳ khai-phóng cho người Hứa, không biết chừng bao giờ, song dù bao giờ cũng vẫn còn tiếc mà rằng: « *Lúc đó nước Trịnh ta mà có còn yêu-cầu gì đến Hứa nữa, cũng chỉ còn có cái việc liên-hôn như cũ mà thôi.* »

Lại ân-cần rằng: « *Hứa phải nên chịu nhún mà theo cho trọn, chớ để cho người giống khác đến ở đây mà bức-hại mình...* ». Đó là không những muốn cho Hứa hải cả giống khác nữa mà phải bám chặt lấy mình. Xem thế thì Trịnh Trang-công thực là một tay cự-phách trong phái xâm-lược, lại kiêm một tay hùng - biện trong phái viết văn diễn-thuyết khai-hóa thuộc-địa xưa nay.

Tuy-nhiên, cuộc xâm-lược của Trịnh Trang-công là thuộc về quyền quân-chủ. Về quyền quân-chủ thì cái tham muốn ấy chỉ bởi có một người, người ấy còn thịnh còn sống thì cuộc xâm-lược còn, nhất-đán người ấy bại hay chết thì cuộc xâm-lược cũng theo mà chết, cho nên ông đã liệu biết cái ngày mà Hứa lại nổi nghiệp xã-tắc, là ở sau khi ông được chết mà chôn xuống đất (sau quả nghiệm). Vả ngày xưa sự sinh - hoạt của nhân-dân còn phác-lược, ở đâu yên đấy, gọi là một nước, bất-quá là chỉ để cái giới-hạn về sản-nghiệp của một họ hay một người có quyền chủ-tể ở đấy mà thôi, cho nên sự xâm-lược cũng chỉ là xâm-lược mất cái quyền chủ-tể của một họ hay một người, vậy cái vận-mệnh của cuộc xâm-lược bấy giờ thọ hay yếu, chỉ trông vào cái sức hay hay hèn của mấy người có quyền chủ-tể bên đi xâm-lược với bên bị xâm-lược thế nào mà thôi, chứ dân bên nọ với bên kia thì thực không có dự gì. Còn

đến ngày nay thì trái hẳn lại.

Ngày nay nước là sản - nghiệp chung của cả mọi người dân trong một nước, cái quyền đi xâm - lược ngày nay là thuộc về cả một quốc-dân, cả một dân-tộc, quan-hệ ở vấn-đề sinh-hoạt, vấn-đề kinh-tế mà gây lên.

— Vũ-phủ (Công-tử Thủy) xin công để giết Hoàn-công, ý chực cầu được làm quan Thái-tể. (Nguyên trước Huệ-công lấy con gái vua Tống là nàng Mạnh-tử làm Nguyên-phi, nàng không có con mà chết sớm. Người dâng-thiếp là nàng Thanh-tử lên kế, sinh ra Ân-công (tên là Túc-cô), Huệ-công lại lấy người vợ nữa, cũng con gái vua Tống là nàng Trọng-tử, sinh ra Hoàn-công thì Huệ-công mất. Ân-công lớn tuổi (là anh) được lập làm vua, nhưng Ân-công theo cái chí của cha muốn lập cho Hoàn-công. Ân-công hèn lập Hoàn-công làm Thái-tử, vì còn bé, nên Ân-công còn nhiếp vị. Công nói: « *Vi ông ấy còn bé, ta sắp trao ngôi lại cho ông ấy đây. Ta đã sai sửa-sang ấp Đờ-cừu để ta sắp về dưỡng-lão ở đấy.* »

Vũ-phủ sợ, lại đến chỗ Hoàn-công mà gièm công và xin giết đi. Ngày nhâm-thìn, tháng 11 (năm Ân - công thứ 11) Vũ-phủ sai kẻ cướp giết công ở nhà Vi-thị mà lập Hoàn-công lên.

## II — ĐỜI VUA HOÀN-CÔNG

(Làm vua được 18 năm, năm đầu là canh-ngọ tức là vua Hoàn-vương nhà Châu năm thứ 9. Lịch-tây trước kỷ-nguyên 711)

10—k. — Người Đốc nước Tống giết vua là Dữ-Di và cả quan Đại-phu là Khổng-phủ.

T. — Tống Thương-công làm vua 10 năm, có đến 11 trận chiến-tranh, dân không thể chịu nổi được những mệnh-lệnh ấy. Khổng-Phủ Gia làm quan Tư-

mã. Đốc (họ vua Tống, tức là Hoa-phủ.)  
Đổi thì làm quan Thái-tể, nhân lúc  
dân không khâm nổi mệnh-lệnh, bèn  
tuyên-ngôn lên rằng : « Vi quan Tư-  
mã khiến nên », liền giết Không-Phủ  
rồi ; giết Thương-công, cho đi rước  
Trang-công ở bên Trịnh về lập lên để  
thân với Trịnh. Lấy cái Cáo-dĩnh là  
một cái đỉnh lớn dát vua Lỗ. Còn Tề,  
Trần, Trịnh đều có lễ dát cả. Vì thế  
mà Đốc được yên để giúp Trang-công.

#### 11. — K. — Lấy cái Cáo-dĩnh của vua Tống dát vào nhà Thái-miếu.

T. — Mùa Hạ tháng tư (Hoàn-công  
năm thứ hai) lấy cái Cáo-dĩnh của  
Tống dát vào nhà Thái-miếu (miếu thờ  
ông Châu-công, tức vua Lỗ), việc ấy là  
phi-lễ. Tạng Ai-bá can rằng : « Làm  
ông vua phải làm cho rõ-rệt điều đức,  
che lấp điều trái, để dạy khuyên các  
quan, còn sợ có lúc hồng nữa là, cho  
nên phải tỏ rạn những cái mi-đức để  
dạy cho con cháu, như : nhà thanh-  
miếu lợp bằng cỏ gianh, xe (kiệu) đại-  
lộ che bằng chiếu cỏ, thịt nấu không  
đủ thức gia-vị, gạo xối không giữ kỹ  
lắm, đó là để dạy cho biết điều kiệm vậy.  
Chế ra áo cồng, mũ miện, cái hộ-tất, cái  
hốt cầm, cái đai, cái xiêm, cái bit tất,  
cái miết cùng những cái dải, cái ngù,  
cái bông, cái phủ để trang-sức vào cái  
mũ đội ; đó là để dạy cho biết lễ-phép  
vậy. Có cái túi bằng cỏ để đeo ngọc, có  
cái đai lớn lại có cái thao rủ xuống, có  
có cái dãi, ngựa có cái bánh ; đó là để  
dạy cho biết số-thứ vậy. Áo thêu con  
rồng, ngọn lửa ; xiêm thêu hình cái phủ,  
cái phất, đó là dạy cho biết văn-vẽ vậy.  
Đồ khí-dụng cái màu ngũ-sắc tương  
ngũ-phương, là để dạy cho biết vật-  
chất vậy. Có những thứ nhạc đeo cho  
ngựa, cho cờ, cho xe, là để dạy cho  
biết thanh-âm vậy. Cờ thì thêu hình  
tam-quang là để dạy cho biết sự sáng-  
láng vậy.

Những mi-đức đó thực là kiệm mà  
có phép-tắc, lên lui có thứ-tự, lấy văn-  
vật làm kỷ-cương, lấy tiếng hay sắc  
sáng để phát-siêu ra mà khuyên răn  
cho các quan. Vì vậy các quan phải  
răn-sợ mà không dám trái kỷ-luật.

« Bây giờ bỏ điều đức đi mà tôn điều  
xăng lên, đem cái đồ của dát đặt vào  
Thái-miếu để dạy cho các quan, các  
quan theo đấy mà bắt-chước, còn trách  
gì được nữa.

« Nước nhà bại-vong là bởi các quan  
gian dối ; các quan thất-đức là bởi bề  
trên « thụ-lộ » làm đầu nên đó, như  
việc cái Cáo-dĩnh trong miếu này, còn  
gì đầu nên hơn.

« Vua Vũ-vương đánh được nhà  
Thương, đem chín cái đỉnh về Lạc-áp  
mà người nghĩa-sĩ còn chê, nữa là đem  
cái đồ vật hôi-lộ bởi sự biến-loạn mà  
phô-bày vào Thái-miếu thì ra làm sao.»  
Công không nghe.

#### 12. — K. — Người Sái, người Vệ, người Trần theo Vương đi đánh nước Trịnh.

T. — Vì Vương cướp mất chính-  
quyền của Trịnh-bá nên Trịnh-bá  
(Trang-công) không vào châu Vương  
nữa. Mùa thu (năm Hoàn-công thứ  
năm) Vương lấy quân chư-hầu đi  
đánh Trịnh, Trịnh-bá cự lại.

Vương đem đạo Trung-quân. Quốc-  
công Lâm-phủ đem đạo Hữu-quân có  
người Sái, người Vệ thuộc vào. Châu-  
công Hắc-Kiên đem đạo Tả-quân có  
người Trần thuộc vào. Về bên Trịnh-  
Tứ-Nguyên (công-tử) xin chia ra làm  
đạo quân Tả-cự để địch với người Sái  
người Vệ, và đạo quân Hữu-cự để  
địch với người Trần.

Tứ-Nguyên lại nói : « Xem đạo quân  
người Trần nhốn-náo lắm thì biết  
là dân Trần không có bụng chiến-dấu,

vì đánh ngay vào mặt quân người Trần trước tất nó phải chạy, đạo quân của Vương trông thấy cũng phải rối-loạn, đạo Sái Vệ không chống nổi cũng phải lui, bấy giờ chuyển-chủ vào mặt quân của Vương là tất thành công.» Trịnh-bá nghe lời, bèn cho Mạn-Bá làm Hữu-cự; Sái Trọng-Túc làm Tả-cự; Nguyễn-phồn, Cao Cừ-Di thì đem đạo Trung-quân để hộ vệ Trịnh-bá.

Bên Trịnh, xe dàn ra trước, quân đứng ở sau, ghép thành thế trận gọi là trận « Ngự-ly », đánh nhau ở đất Nhu-cát, bên Trịnh hạ lệnh cho hai đạo Tả-cự Hữu-cự rằng: « Hễ cờ lệnh phát mới được thúc trống ». Bên Vương, đạo quân Sái Vệ với đạo quân Trần đều thua chạy, đạo quân của Vương bèn rối loạn. Trịnh hợp binh lại đánh vào mặt quân của Vương, quân của Vương đại-bại. Trúc Đam (tướng Trịnh) bần tin vào vai Vương, nhưng Vương cũng vẫn cầm được quân. Trúc Đam xin đuổi kịp Vương. Trịnh-Bá nói rằng: « Quân-tử không muốn để trần người ta quá, nữa là dám lăng-bức thiên-tử dư; nếu ta vì kế tự-cứu mà xã-lắc được khỏi đồ nát là may lắm rồi. »

Đêm hôm ấy, Trịnh-bá sai Sái Túc đến yên-ủi Vương và hỏi thăm các quan tả-hữu.

—Sở Vũ-vương (1) lấn nước Tỳ, lại cho Viễn-Chương đến xin hòa với Tỳ mà đóng quân ở đất Hà (địa-hạt Tỳ) để dọy tin. Người Tỳ cho quan Thiệu-sư đến coi việc giảng-hòa, sắp đến Đẩu-Bá-Tỉ (Đại-phu Sở) nói với Sở Tử rằng: « Nước ta mà không đặc-chí được với các nước ở miền Hán-đông là vì ta khiến nên, nghĩa là tại ta cứ cả tam-quân, chinh-đốn đồ bình-giáp, đem vũ-uy đến phô-trương với họ, nên họ sợ ta mà hợp

nhau lại để mưu cự ta, vì vậy mà khó có thể ly-gián được cái bụng của họ.

« Tỳ là một nước lớn nhất ở miền Hán-đông. Vì làm cho Tỳ sinh kiêu-ngạo, tất khinh bỏ các nước nhỏ kia. Các nước nhỏ đã lia với Tỳ rồi, ấy là cái lợi của Sở ta đó, xem quan Thiệu-sư này là người khoa-đại, xin làm kế « luy-sư » (làm cho quân mình ra hèn yếu) để nong họ lên. »

Hùng-Luật Thư-lĩ lại nói rằng: « Còn có Qui-Lương (hiền-thần Tỳ) đó, làm thế cũng chẳng ích gì. »

Đẩu-Bá-Tỉ nói: « Làm thế là để dụ tình về sau, quan Thiệu-sư này là kẻ được vua tin lắm. » Sở-vương bèn giữu quân đi rồi cho ra đón Thiệu-sư.

Thiệu-sư về Tỳ, quả xin Tỳ-hầu đuổi quân Sở. Tỳ-hầu toan nghe. Qui-Lương ngăn lại mà rằng: « Trời đang phủ Sờ, Sờ phủ sự hèn yếu ra là để dụ ta đó, sao ngài vội thế. Tôi nghe rằng nước nhỏ mà dịch lại được với nước lớn là tất nước nhỏ có đạo mà nước lớn hư-hoang mới được; thế nào là có đạo, nghĩa là phải trung với dân mà tin với thần. Người trên lo làm lợi cho dân thế là trung với dân; quan Chức quan Sứ (hai chức tế-thần) cáo lời chân-thực với thần, thế là tin với thần. Chớ như bây giờ, dân đang khốn-khó mà vua còn chức ngông, quan Chức Sứ cáo thần tình những lời dối-trá, vậy tôi không biết làm thế nào mà dịch với người ta được. »

Tỳ-hầu hỏi: « Con sinh của ta béo mập, mâm xôi của ta đầy-dần, sao nhà người bảo ta là không tin với thần? »

Qui-Lương thưa: « Dân là chủ của thần, cho nên thành-nhân trước phải lo cho dân thịnh-vượng rồi sau mới nghĩ đến việc thờ thần, xem như lúc dâng con sinh và xôi rượu lên, tế phải cáo rằng: « Con sinh và xôi rượu này

(1) Tên là Hùng-Thông, Sở tiến xưng vương-hiệu mới từ vua này.

là những thức béo tốt, tinh khiết và hình-hương cả. » Đó là tỏ ra rằng vì dân-lực có được trù-thịnh, dân-dức có được hòa-vui thì mới chăm được việc súc-sản, việc mùa-màng mà có được những lễ-vật ngon lành ấy, vì vậy phải chăm nom đến việc nông-vụ, việc giáo-hóa cho dân hòa-mục với họ-hàng mà thành-tâm với sự lễ-tự, dân có hòa thì thần mới giáng phúc, mà cử-động việc gì cũng nên.

« Ngày nay dân mỗi người một bụng, ai còn làm chủ cho quỷ-thần, tuy một mình nhà vua có lễ to, cũng chẳng được phúc gì. Nhà vua hãy cứ tu-chỉnh lại chính-trị, kết thân với các nước haynh-đệ, họa là khỏi được tai-nạn. »

Tùy-hầu sợ phải tu-chỉnh chính-trị lại. Sở không đánh.

— Rợ Bắc-nhung đánh nước Tề. Tề-hầu sai người sang Trịnh xin quân. Thái-tử Trịnh là Hốt đem quân cứu Tề. Tháng sáu (năm Hoàn-công thứ sáu) quân rợ Nhung bị thua to.

Khi công chưa lấy nàng Văn-khương ở Tề, Tề-hầu đã muốn gả nàng cho Trịnh Thái-tử Hốt, y xin từ. Người ta hỏi cơ sao y nói : « Mỗi người có một lứa đôi. Tề là nước lớn, mình không xứng đôi được. »

Đến nay Thái-tử Hốt đánh được rợ Nhung, Tề-hầu lại xin gả cho người con gái khác. Y lại cố từ; người ta hỏi cơ sao. Y nói : « Lúc vô-sự với Tề, tôi còn chả dám, nữa bây giờ tôi phụng mệnh vua, vội-vàng sang cứu-cấp cho nước Tề rồi rước vợ về, thì ra nhờ việc binh mà kiếm vợ, dân nước tôi người ta còn coi tôi ra thế nào. »

Mùa hạ (năm Hoàn - công thứ tám) Sở-tử hợp chư-hầu ở Thần-lộc (đất Sở). Nước Tùy nước Hoàng không đến hội. Sở cho Viễn-Chương

sang trách nước, Hoàng. Còn Tùy, bấy giờ Thiếu-sur đang được vua yêu. Đẩu-Bá-Tỉ nước Sở nói rằng : « Được rồi, kẻ thù đang có chỗ hở cơ, không nên bỏ quá. » Sở-tử bèn đi đánh Tùy, quân còn đóng ở khoảng sông Hán sông Hoài. Quý - Lương nói với Tùy-hầu rằng : « Ta hãy xin lỗi đã, nếu Sở không cho, ta sẽ đánh, làm như thế là để cho quân ta tức lên mà quân giặc trở-nổi đi. »

Thiếu-sur nói rằng : « Phải đánh ngay, không thì quân Sở chạy mất ». Tùy-hầu cứ Quý - Lương rồi dừng nghênh trông chờ quân Sở đóng, Quý-Lương nói : « Tục Sở lấy bên tả làm tôn, tất vua Sở đóng ở đạo quân bên tả. Ta chờ đầu với Sở-vương mà hãy đánh vào đạo quân bên hữu, vì đạo ấy không có tướng giỏi, tất phải thua, thua mếch về một bên như thế, đại-quân tất phải phân-tâm. » Thiếu-sur lại nói : « Không đấu với Sở-vương thì không cừng ». Tùy-hầu không nghe Quý-Lương, bèn giao-chiến ở Tắc-kỷ (đất Tùy) quân Tùy thua, Tùy-hầu phải chạy.

Người Đẩu-Đan (Đại-phu Sở) bắt được một cái nhung - xa (xe vua đi trận) có quan Thiếu-sur còn ngồi ở bên hữu xe ấy.

Mùa thu, Tùy xin hòa, Sở-tử toan không cho, Đẩu-Bá-Tỉ nói : « Trời đã khừ cái tật (chỉ Thiếu-sur) đi cho lâu rồi, chừa đánh được đâu. » Bèn ăn thịt rồi kéo về.

— Trước Ngu-Thúc (em Ngu-công) lo hòn ngọc quý, Ngu công đòi lấy. Y không chịu dâng. Rồi y lại hỏi mà rằng : « Lời Châu-ngạn (cách-ngôn nhà Châu) có câu rằng : « Thàng bố cu tội gì, chỉ tội vì giắt ngọc », vậy ta dùng cái này để mua cái hại làm gì. » Bèn đem dâng.



Ngũ-công lại đòi thanh bảo-kiếm của y nữa, Ngũ-Thúc nói: « Thế ra không biết chán, không biết chán thì rồi đòi đến cả mình ta ». Y bèn đánh Ngũ-công, Ngũ-công phải chạy ra Cung-trì.

Khuất-Hà là quan Đại-phu nước Sở sắp làm lễ đồng-minh với nước Nhị, nước Trần. Sầy có người nước Vân đem quân đóng ở Bồ-tao (đất nước Vân) sắp cùng với nước Thụ, nước Giao, nước Chu và nước Liễu để đánh nước Sở. — Mạc - Ngao (chức quan) là Khuất - Hà lấy làm lo lắng. Đẩu Liêm (quan Sở), nói rằng: « Người nước Vân đóng quân ở cõi nước nó, tất nó không giới - nghiêm, và ngày ngày nó chỉ ngóng quân bốn nước kia đến. Vậy ông cứ đóng quân ở cõi nước nhà gần hạt Sinh (kinh-đô Sở) để chống với quân bốn nước kia, còn tôi thì tôi xin đem một đạo quân tinh-nhuệ, đang đem đánh vào quân nước Vân, quân nó còn đang ngóng ở ngoài, lại cậy có thành của nước nhà, chưa nghĩ gì đến chiến-đấu, thì tất thua, thua thì quân bốn nước kia phải tan. » Mạc-ngao nói: « Sao không xin vương (Sở - vương) cho thêm quân? » Đẩu Liêm thưa: « Quân mạnh là cốt ở hòa-khi chứ không cần nhiều, nhà Thương không địch được với nhà Châu (1), ông đã biết đấy, quân kéo ra đã có thành-sở rồi, còn xin thêm làm gì. »

Mạc-ngao lại nói: « Bối xem! » Đẩu Liêm thưa: « Bối là để quyết sự ngờ, việc đã không ngờ còn bối làm gì. » Bèn đánh tan quân Vân ở Bồ-tao. Trọn lễ đồng-minh với hai nước Nhị, Trần mà kéo về.

Sở đánh Giao, đóng quân ở cửa Nam-môn nước ấy. Mạc-ngao Khuất-Hà nói với Sở-tử rằng: « Giao nước nhỏ mà lao thì ít mưu. Xin đừng cho

lính đi hộ - vệ những phu kiếm củi nữa để dụ nó ra. » Sở-tử nghe lời. Người Giao bắt được 30 tên phu, sáng mai tranh nhau ra đuổi bọn phu Sở ở trên núi. Người Sở đóng ở cửa Bắc-môn mà phục binh ở dưới chân núi, đánh quân Giao thua to, người Giao phải đến xin minh-thệ ở dưới thành (2), rồi Sở mới kéo về.

—Trận đánh Giao, Sở phân quân ra cho lợi qua sông Bành, người nước La thấy thế muốn đánh sai. Bà-Gia (quan Đại-phu nước La) đi đo-thăm. Bà-Gia đến đếm số quân Sở ba lần.

Mùa xuân năm Toàn-công thứ 13. Sở Khuất-Hà đi đánh La. Đẩu Bá-Tỉ đi tiễn, lúc trở về, y nói với người đánh xe rằng: « Quan Mạc-ngao thua mất, chân bước cao là bung không bền ». Rồi y vào yết Sở-tử mà nói rằng: « Phải thêm quân cho Mạc-ngao. » Sở-tử chối từ. Y lại vào nói việc ấy với nàng phu-nhân (vợ vua Sở) là Đặng-Man.

Nàng Đặng-Man nói với Sở-tử rằng: « Quan Đại-phu Đẩu - Bá-Tỉ không phải là nói thêm binh cho nhiều, chính là nói ngại nên lấy điều tin mà thương kẻ tiểu - dân, lấy điều đức mà dạy các quan, và lấy hình-pháp mà răn Mạc-ngao đi. Mạc-Ngao quen mũi được cái trận Bồ-tao, nên việc gì cũng tự ý, tất khinh nước La, nếu ngại không đe và khuyên y đi, thì có lẽ y không phòng-bị đâu; ấy ý Đại-phu là muốn ngại huấn-luyện quân-sĩ mà lại chằm khuyên răn kia đấy, không thể thì Đại-phu há không biết rằng quân Sở ta đã trầy ra trận hết cả rồi ư? Vậy ngài phải triệu các quan binh mà khuyên lấy những nết tốt, gặp Mạc-Ngao mà bảo cho y

(1) Vũ-vương nhà Châu đánh Trụ nhà Ân, quân chỉ có 300 cỗ nhưng-xa với 3000 lính hồ - bôu quân Trụ thì như rùa mà thua.

(2) Phải đến xin thế với các ở dưới thành của nước mình là một lễ rất nhục của bên chiến bại.

rằng : « Trời không dong những đũa khinh-mạn đâu. »

Sở-tử bèn sai người nước Lại chạy theo báo Mạc-ngao nhưng không kịp.

Mạc-ngao truyền lệnh cho trong quân rằng : « Ai còn can thì phải tội. » Thấy đến sông Yên, quân sang dò lộn-bảy cả, thành không có thứ-tự gì nữa. Lại cũng không đặt phòng-bị, tới nước La, quân La với quân rợ Lư-nhung hợp lại đánh. Sở đại-bại, Mạc-Ngao thất cố chết ở đất Hoang-cốc, quan-quân thì tự bắt mình làm tù ở đất Giã-phủ (Hoang - cốc Giã - phủ đều đất Sở) để đợi tội. Sở-tử nói : « Tội ở đó này cả đó. » Bèn tha tội cho cả.

### 13. — K. — Hứa-thúc lại vào nước Hứa.

T. — Từ năm Hoàn-công thứ 11, mùa hạ, Trịnh-bà (Trang-công) mất, Sái-Trọng lập Thế-tử Hốt lên làm vua Trịnh, tức là Chiêu-công.

Tháng chín, Sái-Trọng lại lập công-tử Đột (em Hốt) tức là Lệ-công, mà Chiêu-công phải xuất-bôn ra nước Vệ.

Sái-Trọng bèn chuyển quyền, Lệ-công lấy làm lo, mới sai Ung-Cù là rể Sái-Trọng sắp-sửa mời Sái-Trọng ăn yến ở ngoài nội mà giết đi.

Nàng Ung-Cơ (vợ Ung-Cù, con gái Sái-Trọng) biết chuyện về hỏi mẹ rằng : « Cha với chồng thì ai thân hơn ? » Mẹ nói : « Lấy ai thì người ấy là chồng, còn cha thì có một mà thôi, sao lại vì thế ? ». Nàng bèn nói với Sái-Trọng rằng : « Chàng Ung bỏ vợ sắp mời thầy ăn tiệc ngoài đồng, con nghĩ lắm, báo cho thầy biết. »

Mùa hạ (năm Hoàn-công thứ 15) Sái-Trọng giết Ung-Cù, dãi thầy y ra bờ ao nhà họ Châu.

Lệ-công bèn xuất-bôn ra nước Sái và chở cả cái thầy ấy đi mà rằng : « Lộ mưu ra cho đàn bà biết, chết là phải ! »

Nước Trịnh loạn, Hứa-thúc thu-phục lại cả nước Hứa.

### 14. — K. — Quân ta với quân Tề chiến ở Hề.

T. — Mùa hạ (năm Hoàn-công thứ 17), Ta chiến với quân Tề ở Hề (đất Lỗ) là vì việc tranh bờ cõi với nhau, vì vậy người Tề lẫn bờ cõi Lỗ, quan cương-lại (giữ cõi) vào kêu Công nói rằng : « Việc cương-tràng phải giữ cho nhất-định, mà phòng-bị sự xảy ra. Mi cứ phòng-bị cho hết cách, gặp việc phải chiến, thì chiến còn kêu chi ». »

### 15. — K. — Công với phu-nhân Khương-thị cùng sang Tề, Công mất ở Tề.

T. — Mùa xuân năm thứ 18, Công định sang Tề có việc, bèn cùng Khương-thị sắp cùng đi, Thân-Nhu (quan Lỗ) can rằng : « Trai lấy vợ về thì gái đi lấy chồng, chính phép như thế. không lẫn - lộn được, lẫn - lộn thì phải hỏng. Công đến hội với Tề-hầu (Tương - công anh Văn-khương) ở đất Lộc, rồi cùng nàng Văn-khương sang Tề, Tề-hầu tư-thông với nàng. Công khiển-trách nàng, nàng nói với Tề-hầu, Mùa hạ, Tề-hầu mời công ăn yến, cho công-tử Bành-sinh (người Tề danh xe cho Công, Công chết ở trên xe (Bành-sinh hóp chết). Người Lỗ nói với Tề rằng : « Quân-quân chúng tôi sợ uy ngài, không dám ngồi yên phải sang đình lại việc giao-hiếu cũ. Lễ thành rồi mà không thấy về, lỗi ấy vì đâu, tội ác ấy đồn khắp chư-hầu, vậy xin đem Bành-sinh để trừ cái sỉ-nhục ấy cho vua chúng tôi ». Người Tề bèn giết Bành-sinh.

(Còn nữa)

# TRIẾT-HỌC ÂU-CHÂU ĐỜI NAY (1)

## III

Trên đã nói phạm những lẽ của khoa-học triết-học xướng lên mà gọi là « luật » ấy, chưa thể quyết cho là hoàn-toàn đích-xác được. Những lẽ ấy chưa thuộc về « xác-nhiên » (*certitude*), nghĩa là nhất-định, bao giờ cũng thế, đâu đâu cũng thế, mới thuộc về « cái-nhiên » (*probabilité*), nghĩa là chưa dám chắc, nhưng có lẽ có.

Nay nếu mỗi cái luật thường nghiệm thấy, chỉ có thể cho là « có lẽ có », chứ không thể cho là « nhất-định có » được, thì cái thuyết « vạn-vật do định-mệnh » (*déterminisme universel*) có thể tin được nữa không? Phạm đã xướng lên một cái luật gì, tức là tin ở thuyết định-mệnh; vì cho rằng hiện-tượng nào cũng có trường-hợp của hiện-tượng ấy, hệ trường-hợp bày ra thì hiện-tượng cũng bày ra; mà thật thế, nếu cứ có trường-hợp ấy ắt có hiện-tượng ấy, mỗi lần như thế, không sai lần nào, thì cái thuyết định-mệnh lại càng thêm mạnh lên vậy. Nhưng có bao giờ thí-nghiệm được đủ được khắp mà dám quả-quyết mấy điều như sau này không: 1° khắp mọi nơi trong vũ-trụ, dù những nơi người ta chưa thám - hiềm tới, đều là ở trong vòng định-mệnh cả; 2° phạm hiện-tượng có thể kinh-nghiệm được, cùng cả những sự quyết-định trong tâm-chí người ta, cũng là thuộc lẽ định-mệnh cả; 3° phạm những lẽ đã đặt thành luật là thiên-niên bất-dịch, không có thay đổi bao

giờ, muốn đời trước thế nào thời muốn đời sau cũng vẫn thế?

Những điều khó giải thay! Nếu lại nghĩ kỹ đến cách ta tri-giác những sự-vật gọi là sự-vật kinh-nghiệm được, thì lại càng rõ những điều đó khó giải là dường nào. Có sự-vật ta cảm bằng giác-quan ta: nhưng giác-quan ta vốn thô-lược, không được tinh-nhuệ, đích-xác, nhiều điều tinh-vi, nhiều sự nhỏ-nhất không biết được. Có sự-vật ta cảm bằng cách trực-giác trong ý-thức ta. Nhưng sự cảm-giác ấy cũng phẳng-phất vô-bằng. Những sự-vật dễ cảm-giác, thì có thể dùng các khí-cụ để giúp cho giác-quan được. Nhưng mà những khí-cụ ấy, cái sức tinh-nhuệ của nó cũng có hạn mà thôi. Kính hiển-vi phóng-đại ra được bao nhiêu lần; cân tiêu-li cân được tới mấy phần nghìn một mi-li-gam (*milligramme*); thước trắc-vi (*micromètre*) đo được đến ngàn nào, đều có hạn-định cả. Nay nếu chế được những máy tinh-vi hơn nữa, thì những luật xướng lên tưởng là thiên-niên bất-dịch, có chắc là còn được vững bền nữa không? Ví như luật LAVOISIER nói rằng: « Phạm trọng-lượng hợp-chất là ngang bằng trọng-lượng các phân-chất cộng lại. » Luật ấy vẫn là đúng, nhưng đứng trong giới-hạn sự thí-nghiệm từ xưa đến nay và tùy cái sức đúng của các thứ cân chế ra mà thôi. Nay nếu chế được thứ cân tinh-vi hơn nữa, đo được tới một

(1) Xem N.P. số 119 và 122.

phần mười nghìn triệu một mi-li-gam (*dix milliardième de milligramme*), thì luật ấy phỏng còn dùng nữa không? Vẫn biết rằng đối với cái khuôn-khổ của giống người ta, thì những độ-lượng nhỏ quá như thế không đáng kể vào đâu thật. Nhưng trong cõi tuyệt-đối, thì không thể không kể được. Đối với nhà triết-học, phạm trong một hợp-chất nghiệm thấy mất đi một phân-lượng nào, dù nhỏ đến đâu mặc lòng, cũng quan-hệ bằng mất một phân-lượng to mất trông thấy. Như vậy thời chắc dầu rằng ngoài cái giới-hạn của các khi-cụ ta có thể tới được, những luật của ta còn là « luật » nữa không?

Tuy-nhiên đó chưa phải là cái khuyết-diểm to của các nhà triết-học về phái tự-nhiên (*naturalistes*) và phái khoa-học (*scientistes*). Cái khuyết-diểm to là ở cách các nhà ấy bằng-cứ ở những lý-thuyết của các khoa vật-lý-học, hóa-học, sinh-vật-học kết-cấu ra thuộc về những ần-tương huyền-diệu ở ngoài cõi hiện-tượng có thể xét được. Như những lý-thuyết về vật-thể, về động-lực, là những lý-thuyết của các khoa học ấy ứ-tướng mà kết-cấu ra, thời ta có thể bắt-chước các nhà khoa học mà tin hẳn cho là có một cái giá-trị tuyệt-dịch không?

Trước hết ta phải công-nhận một điều như sau này: là trong các học-thuyết của ta, chưa có cái nào là dich-dạng cả. Các nhà vật-lý-học lâu nay đã hiểu điều đó, cho cái thuyết cho các vật là do những phần-tử (*molécules*) rất nhỏ vận-dộng luôn mà thành ra là một thuyết *dặt ra cho tiện* đó mà thôi, chứ chưa phải đã có cái giá-trị tuyệt-dịch vậy. Các nhà hóa-học lại tiến lên một tầng, cho các phân-tử lại do những tiểu-phần-tử (*atomes*) hợp lại mà thành ra, kết-hợp lại được mà cũng giải-tán ra được để làm thành chất khác, nhưng cũng cho cái thuyết ấy là *dặt ra cho tiện* đó mà thôi. Cừ những sự phát-

minh gần đây, lại mới xướng lên một cái thuyết nữa cho là *liền* hơn: là cho các tiểu-phần-tử của hóa học lại là do những phần điện rất nhỏ gọi là điện-tử (*électrons*) hợp lại mà thành ra. Nhưng càng kinh-nghiệm được nhiều sự mới ra, thì lại càng thấy hết-thảy các lý-thuyết ấy là còn khuyết-diểm cả. Muốn cho lý-thuyết thích-hợp với hiện-tượng, thời hằng ngày phải chăm-chước sửa-đổi lại luôn; và lại trong sự thí-nghiệm thường thường cũng có một sự sai-lầm. Xin nói rõ hẳn như sau này, đừng giấu-giếm gì nữa: phạm các lý-thuyết về khoa-học, không có cái nào là đúng hẳn bao giờ, thường phải xê-xếch đi, cải-chỉnh lại luôn. Chính các nhà khoa-học cũng không cho các lý-thuyết ấy là có một cái giá-trị tuyệt-dịch vậy.

Nhưng điều khuyết-diểm ấy, nay ta hằng tạm tạm đi. Hằng giả-thiết cho là các khoa-học thiên-nhiên đã phát-minh ra được một cái thuyết-hệ về vật-chất và về động-lực rất là hoàn-toàn, thật là thích-hợp với hết-thảy cái sự kinh-nghiệm tới nay. Như thế đã là tới được cõi tuyệt-dịch của các nhà khoa-học chưa? Dẫu đến bấy giờ, cũng chưa dám quả-quyết vậy.

Muốn hiểu sơ-dĩ làm sao, nên xét một cái lý-thuyết của khoa-học thường thế nào ta cho là có giá-trị. Thí-dụ cái thuyết « tiểu-phần-tử » hay là thuyết « a-đôn » (*théorie atomique*) về hóa-học. Đã ai cảm-giác thấy từng phần-tử các chất cái nọ dời cái kia chưa? Đã ai phân-biệt được tiểu-phần-tử trong phân-tử, điện-tử trong tiểu-phần-tử chưa? Thuyết ấy xướng lên không phải là do sự kinh-nghiệm dich-thực vậy. Chẳng qua là xét ở bề ngoài mà đoán phỏng như thế mà thôi. Thấy bề ngoài thường bày ra như thế, bèn tự hỏi rằng: Các vật bề ngoài như thế, có lẽ bề trong là kết-hợp các phần-tử

mà thành ra, trong các phần-tử có lẽ còn các tiểu-phần-tử, trong các tiểu-phần-tử có lẽ còn các điện-tử chẳng? Đoán chừng như thế rồi mới tính rằng giá xảy ra trường-hợp như thế nào thì có lẽ bày ra hiện-tượng như thế nào. Dem ra thí-nghiệm thấy quả bày ra hiện-tượng như thế thật. Nhân đó mới kết-luận. Nhưng có thể kết-luận được thế nào? Kết-luận được rằng cái lý-tưởng đã nghĩ ra đó là hợp với bản-thể của vật-chất chẳng? Chắc rằng kết-luận như thế không phải là vô-lý. Và nhiều khi cũng có thể cho là có lẽ được. Nhưng không bao giờ dám quả-quyết là đích-xác hẳn.

Sở-dĩ thế là do một sự lạ như sau này: Nhiều khi nhận mệnh-dề sai mà chứng-giải đúng được. Chứng-cớ vẫn phân-minh, kết-luận vẫn đúng-cách lắm. Vậy thời nếu thấy kết-luận đúng, có thể cho là tiền-dề cũng đúng không? Thí-dụ như xương lên hai cái mệnh-dề như sau này: 1<sup>o</sup> Người ta ai cũng phải chết; 2<sup>o</sup> Con mèo là thuộc loài người. Nhân hai mệnh-dề ấy, liền kết-luận rằng: con mèo cũng phải chết. Lời kết-luận ấy vẫn là đúng với sự thực lắm. Nhưng nhân kết-luận đúng, có thể cho là hai mệnh-dề trên: « Người ta ai cũng phải chết », và « con mèo là thuộc loài người », cũng là đúng cả không? Ai cũng biết nói thế là nói cuồng, mà không ai cuồng như thế. Nhưng xét các lý-thuyết của khoa-học, có phải thường-thường vẫn lý-luận như thế không? Như nói rằng: « Nếu luật KÉPLER đúng thời ngày ấy giờ ấy tất có nhật - thực hay nguyệt - thực trong bao nhiêu lâu. » Quả có nhật-thực nguyệt-thực thật. Liền kết-luận rằng luật KÉPLER là đúng. Có lẽ là đúng thật. Nhưng biết đâu, cũng có lẽ trong cái tam-đoạn-luận này cũng có một phần trung-dề sai-lầm như trên kia, thành ra kết-luận vẫn đúng mà thực là sai cả.

Tuy-nhiên, điều đó cũng chưa quan-hệ lắm. Cứ kinh-nghiệm mà xét thời thấy tuy cùng một nguyên-nhân bao giờ cũng sinh ra cùng một kết-quả, nhưng cùng một kết-quả không tất-nhiên là bao giờ cũng do cùng một nguyên-nhân. Như cái đồng-hồ này có cái máy thế này mà chạy được. Cái đồng-hồ kia cũng chạy như thế mà máy nó lại khác. Các hiện-tượng thiên-nhiên há lại không thế dư? Có nhiều cái hiện-tượng ta giải nghĩa ra một cách thế này ta cho là phải, Nhưng há lại không thể giải nghĩa ra một cách thế khác, ta không từng nghĩ tới hay không thể nghĩ tới được dư? Ví như đi xem diễn-kịch: thấy trên sân khấu có một người bông bay lên mái nhà. Vẫn biết rằng có cái máy làm cho bay được như thế. Nhưng máy thế nào? Ta đồ chừng là cái máy phải làm theo cách thế nào mới khiến cho người ta bay được. Mà quả nếu cái máy làm theo cách ấy thì tất kết-quả phải như mắt ta trông thấy đó. Như thế thì có lẽ là ta đoán đúng thật. Nhưng cũng có lẽ là ta đoán lầm. Vì rằng làm ra cái máy khiến cho người ta đứng trên sân khấu có thể bay-bồng lên như con chim được, không phải là chỉ có một cách, còn có nhiều cách khác nữa. Cái cách ta đoán đó có phải là đúng cách người ta dùng không? Phải vào trong hậu-viện nhà hát mới biết được.— Nay xét về vật-lý hóa-học, cái vấn-dề tất-nhiên cũng thế: cho dầu sự đoán phỏng của ta đúng hẳn với hiện-tượng nữa, chưa chắc gì là không có lẽ lại trái hẳn với sự thực; mà đây thời không như ở nhà hát, có thể vào trong hậu-viện mà xem lại xem có đúng không.

Nghĩ như thế thật cũng phiền lòng. Vì nếu vậy thì các tư-tưởng của ta muốn hình-dung lấy chân-tướng mà vị-tất đã thích-hợp với chân-tướng một chút nào. Ta đoán biết rằng ngoài cõi hiện-tượng có một cõi chân-tướng, mà

cõi chân-tượng ấy ta chỉ có thể tưởng-tượng bằng trí nghĩ của ta mà thôi. Ta hình-dung cõi chân-tượng ấy mà chỉ thuần dùng những lí-lệ cùng hình-thức của loài người, như cái không-gian ta có thể lường được, cái thời-gian ta có thể đo được, những sự cử-động mắt ta trông thấy, những sự dễ-kháng mà giác-quan ta cảm được, những hình-sắc ta thường quen thấy. Ta vẫn muốn thoát-li ra ngoài vòng-khuôn ấy; nhưng có thoát-li được hẳn không? Nào những phân-tử, tiểu-phân-tử, điện-tử của ta, đã thoát là thoát được hẳn ra ngoài vòng giác-quan của loài người chưa? Đè-khởi đến những cái ấy, đã hẳn là phá được cái màn nó che con mắt ta chưa?

Nhân các lẽ ở trên mà có nhiều người phân - đoán về khoa - học một cách nghiêm-khắc. Những người ấy nói rằng kết-quả của các khoa-học thiên-nhiên vẫn là có ích-lợi về đường thực-tế ở đời. Khoa-học bày cho ta những cách giản-tiện dễ mà hình-dung các hiện-tượng, sắp đặt cho có thứ-tự, tính trước mà dự-liệu được. Nhưng mà những tiêu-dề cùng những kiểu-cách của khoa-học đặt ra đó, dù tiện-lợi mặc lòng, có thật là có một cái giá-trị siêu-bình, một cái giá-trị tuyệt-đối không? Chẳng qua chỉ là những cách giả-thiết ra, những «mẹo» đặt-dễ ra để quan-sát và lợi-dụng sự-vật đó mà thôi. Cho rằng còn có giá-trị khác nữa là hiểu lầm. Cũng vì thế nên các nhà triết-học về phái thiên-nhiên (*philosophes naturalistes*) thường vẫn đứng cách xa với sự thực. Nhân những điều khái-luận của khoa-học liền, tón ngay lên cho là nhưng chân-lý tuyệt-đối; lấy cái dấu-hiệu để biên-ký sự-vật làm chân-tượng của sự-vật!

Như thế là quá-dâng: tuy-nhiên tự-trung cũng không phải là không có một phần sự thực. Một cái thuyết xướng lên đúng hay không đúng, có cách phân-đoán được. Nếu thuyết ấy

xướng lên rằng gặp trường-hợp nào tất xảy ra hiện-tượng nào, mà hiện-tượng ấy không thấy xảy ra, thì là lý-thuyết không đúng. Nhưng nếu hiện-tượng xảy ra như lý-thuyết đã dự-đoán, thời cũng chưa thể nhất-định cho là lý-thuyết đúng được. Có lẽ là dùng: có cơ đích - đáng cho là dùng được; lý - thuyết càng bao-quát được nhiều hiện - tượng bao nhiêu, thì cơ ấy càng mạnh thêm bấy nhiêu. Tuy vậy mặc lòng, vẫn còn có lẽ là những hiện-tượng xảy ra đó còn có thể giải-thích bằng một cái thuyết khác nữa chẳng, hoặc giản-dị hơn, hoặc phiền-phức hơn, hoặc trí người có thể quan-niệm được, hoặc trí người không thể quan-niệm tới; vẫn còn có lẽ là ta không có cách gì kinh-nghiệm cho chắc bằng được; vẫn còn có lẽ là đã thế thì duy chỉ có một cách kết-luận như ông NEWTON sau này là chánh-dáng hơn cả, kết-luận rằng: «xét biện-tượng xảy ra, dường như lý-thuyết đó là phải.» Dường như, nghĩa là có lẽ là phải, mà cũng có nghĩa là có lẽ là không phải được. Tức nghĩa là không thể kiểm-điểm được đích-xác là phải hay không phải vậy. Muốn kiểm-điểm cho được thì phải phá được cái màn hiện-tượng ở ngoài mà trực-tiếp ngay cõi chân - tượng ở trong, nhưng nếu khám-phá được thế thì đã làm ngay rồi, hà-tất phải quan-ho co gì nữa.

Nói tóm lại, nhờ các khoa-học, có lẽ chúng ta cũng thu-hoạch được mấy điều tri-thức tuyệt-đối. Nhưng không thể chứng-nghiệm rằng có thu-hoạch được hẳn hay không. Nay các nhà khoa-học quả-quyết rằng chắc hẳn há chẳng phải là tự-phụ lắm ra?

Nói cho cùng, lòng thành-thực bắt-buộc ta phải thừa-nhận rằng: sau khi đã lấy cái kính của phái tự-nhiên mà quan-sát thế-giới, lại lấy cái kính của phái phản-đối mà chiếu xét lại cái luận

tự-nhiên, thì lấy làm lạ-lùng quá. Những thuyết của khoa-học quả - quyết đề-xướng lên, xem ra không cái nào là hoàn-toàn tuyệt-đối cả, cái nào cũng có lẽ phải, có lẽ không phải, không cái nào là tất-nhiên, xác-nhiên cả. Những thuyết ấy không phải là căn-cứ ở sự tri-thức đích-dáng về vũ-trụ; thường gặp nhiều điều khó-khăn, không thể giải-quyết được; tuy cố-nhiên là có giá-trị về thực-tế, nhưng vị-tất đã có giá-trị về lý-thuyết, đâu có cứn không thể chứng-nghiệm được. Mỗi một khoa-học tự-nhiên chỉ là sức thần-trí một người, dùng những khi-cụ hữu-hạn, trong một khoảnh-khắc thời-gian ta sống này và sau khi dò xét qua-loa bề ngoài, có thể hình-dung tưởng-tượng ra được. đề phán-loại, suy-lường, kế-toán các hiện-tượng thiên-nhiên cho liền đó mà thôi. — Như vậy mà kết-cấu ra một cái thống-hệ tri-thức tuyệt-đối, phỏng đã đáng chưa?

Như thế thì phải làm thế nào bây giờ?

Có người thì muốn giải-quyết như AUGUSTE COMTE ngày trước. Tuyên-bố lên rằng các vấn-đề về siêu-bình-học, tri người ta không thể phán-đoán được. Đó là cõi « bất-khả-tri » (*inconnaissable*) cho người ta. Cái lẽ sở-dĩ-nhiên của vạn-vật, cũng là bản-thể và cứu-cánh của vạn-vật, thời ta đành không thể biết được. Vậy cũng nên đành dừng nghiên-cứu làm gì. Chỉ nên xét những phép-tắc về các hiện-tượng bề ngoài mà thôi. Nên cố mà khám-phá cho ra những mối quan-hệ trong các hiện-tượng ấy với nhau. Nên hợp cả lại mà làm ra một cái biểu cho dễ nhớ, dễ dùng. Còn ngoại-giả nầy đành lòng gác bỏ ra, không xét đến.

Nhưng cái thái-độ ấy có phải là cái thái-độ độc-nhất vô nhị không? Lời kết-

luận đó có phải là tất-nhiên như thế không? Cứ thực thời hiện nay có hai phái triết-học không chịu như thế.

Một phái thời cho rằng cõi tuyệt-đối không phải là ở ngoài sức người ta có thể tới được; duy muốn phát-minh cõi ấy, thời phải dùng những phương-pháp đặc-biệt, không giống phương-pháp của khoa-học.

Một phái thời cho rằng cõi tuyệt-đối quá sức người không thể tới được, nhưng lại cho rằng về hình-nhi-thượng người ta cũng nên và cũng cần phải lập lấy ý-kiến cho hợp với lẽ phải chính-dáng.

Sau này sẽ xét về học-thuyết của hai phái đó.

★ ★

Phái cho rằng cõi tuyệt-đối không phải là trí người hoàn-toàn không thể tới được, miễn là biết dùng trí cho phải đường, phái ấy cũng lại chia ra hai hạng như sau này.

1. Học-thuyết của các nhà triết-học thuộc về hạng thứ nhất thì huyền-diệu cao-kỳ lắm, đầu nhà chuyên-môn nhiều khi cũng khó hiểu. Nay trong một bài lược-khảo như bài này mà mong tự-thuật ra được, thật cũng là bất-tự-lượng quá. Vậy nay chỉ xin nói qua đại-khái cái phương-pháp của các nhà đó mà thôi.

Phải suy ngược lên tận nhà đại-triết nước Đức là ông KANT (Khang-đức). Ông quan-niệm về thần-trí người ta một cách hời hợt thực là mới lạ quá. Nay thí dụ thô-thiền như sau này cho dễ hiểu. Thứ tưởng-tượng hai cái chồi học thiết-giáp kín cả, một cái lớn, một cái nhỏ, cái nhỏ đặt ở trong cái lớn, thế nào cho cách hai cái còn có khoảng không. Trong cái chồi nhỏ có một người đứng quan-sát. Ngoài cái chồi

lớn là chân-cảnh sự-vật, ông KANT gọi là các « thực-thể » (*noumènes*). Chòi lớn có trở một cái cửa trông ra các « thực-thể » : nhưng trước cửa ấy lại đặt hai mảnh kính « linh-thị » biến-hình (*lentilles déformatrices*), kính có sắc và che khắp cửa. Thành ra giữa khoảng hai cái chòi, thấp-thoảng những hình-ảnh gián-đoạn ; hình-ảnh ấy cố-nhiên là theo hình kính và sắc kính. Ông KANT gọi những hình-ảnh ấy là « chất trực-giác » (*matière de l'intuition*). Người quan-sát đứng ở chòi trong lại có cách riêng để xem xét. Có bốn cái kính, mỗi cái chỉ xem được một phương-diện sự-vật mà thôi. Dùng bốn cái kính ấy lần lượt xét các phương-diện của cái « chất trực-giác » lưu-thông ở trong khoảng hai cái chòi. Quan-sát xong mới tổng-hợp lại, thành được một mờ hình-ảnh hơi có trật-tự. Những hình-ảnh ấy đối với con mắt nhà quan-sát, tức là cảnh-vật thiên-nhiên đây, cho là có trật-tự, có đặc-sắc lắm. Kỳ-thực thì cảnh-vật ấy chẳng qua chỉ là một mờ những hiện-tượng rời-rạc của vật-giới cùng tâm-giới vậy. Nhà quan-sát trông nó ra như thế là bởi hai cái kính « linh-thị » chắn mắt cửa sổ chòi thứ nhất và bốn cái nhỡn-kính tự mình đeo vào. Thành ra trông nó sai đi cả. Nếu cứ lấy cái cảnh-vật như con mắt mình trông thấy mà nghiên-cuu, thì xem xét vẫn dùng cách lầm ; có thể đem ra phân-tích, đem ra thí - nghiệm được. Nhưng nếu muốn xét chính cái chân - tượng, thì làm sao mà trực - tiếp được ? Hai lần kính làm cho giác-quản của ta cách-biệt hẳn với cõi chân-tượng đó. — Câu thí-dụ đó hình-dung được đại-khái cái lý-tượng của ông KANT. Ông cho trong thần-trí ta có ba cái năng-lực : một là cảm-giác (*sensibilité*), hai là tri-tuệ (*entendement*), ba là lý-tính (*raison*) Cảm-giác thì nhìn qua hai cái kính « linh-thị » có sắc, tức là không-gian và thời-gian, để thu lấy cái « chất trực-giác » ; tri-tuệ

thì tổng-quát chất ấy lại mà quan-sát theo mấy cái trừ-phạm (*catégories*) nhất-định ; đến lý-tính thì dùng phép suy-lý mà trực-giác cho tới thực-thể. Nhưng sức không thể tới được, nên trong khi suy-lý thường diên-đào, mâu-thuẫn, nguy-biến mà không tài nào đạt được cõi chân-lý.

Tuy-nhiên cái lý-thuyết của ông KANT về thần-trí người ta không phải chỉ có thế mà thôi. Ông còn mong giải-quyết được một vấn - đề rất khó-khăn nữa. Cái cảnh-vật mà tri người tưởng-tượng ra đó thì cũng chỉ nhờ tri người và vì tri người quan-sát được mới là có mà thôi. Vậy thì tri người tưởng-tượng được tới đâu, cảnh-vật mới có được tới đó. Nay vì ta khám-phá được những cách-thức tất-nhiên cho tâm-trí người tưởng-tượng được sự-vật, nghĩa là những cách-thức không có thì không sao tưởng-tượng ra được, như vậy thì tự-khắc định được rằng vạn-vật ở trong trường thiên-diễn, tất do những phép-tắc nhất-định chi - phối. Nếu không thì không có lẽ cảm-giác được, và đối với tri người tưởng-tượng ra có cũng như không vậy. Thí-dụ như câu mệnh-đề sau này : « Muốn cho tri người ta hình-dung được các hiện-tượng, thì các hiện-tượng ấy phải có cái mối quan-hệ nhân-quả với nhau », câu mệnh-đề ấy mà chứng-giải cho được rõ-ràng, thì phạm mỗi khi trong tri tưởng-tượng ra một cái hiện-tượng gì, liền biết rằng hiện-tượng ấy đã từng có nguyên-nhân và rồi sẽ có kết-quả vậy. Biết chắc như thế, không cần phải thí-nghiệm gì nữa. Định một cách « tiên-thiên » (*a priori*) như thế rằng phạm tâm-trí quan-cảm sự-vật là có phép-tắc nhất-định, thế ông KANT gọi là lối « suy-diễn tiên-thiên » (*déduction a priori d'un principe*). Ông thì dùng lối ấy, tự cho là làm được. Nhưng cái cách ông dùng, các môn-đệ chưa lấy



làm mãn-nguyên. Như bọn ông FICHTE thì trách ông là hãy còn do - dự. Nguyên ông KANT cho rằng ngoài cõi thần-trí cùng những sự-vật mà thần-trí tưởng-tượng được, còn có một cõi thực-thể, một cõi chân-tượng. Đã vậy thì tất phải kết-luận rằng : Cõi chân-tượng ấy tuyê-nhiên ở ngoài ý-tưởng người ta. Nhưng tư-tưởng đã không lời được thì giả-thiết ra làm gì ? Người ta sờ-dĩ biết được là chỉ biết được tri mình cùng những sự tưởng-tượng trong tri mình mà thôi. Ngoài những sự tưởng-tượng ấy, hà-tất còn phải dự-tưởng đến cái gì nữa ? Cái cõi thực-thể ông dự-tưởng ra đó là vô-ích, mà là phiền ; bất-nhược ta bỏ hẳn đi. Như vậy thì có cách bỏ lại cho tư-tưởng ông KANT được hoàn-toàn. Ông đã chứng - giải rằng nhân vì cái bản - thể của tâm - trí người ta, phạm các biện-tượng đối với tâm-trí là phải theo một cái hình-thức riêng. Nay có thể suy rộng ra hơn nữa mà nói rằng : Nhân cái quan-niệm « duy-ngã » (*le moi*), có thể suy-diễn ra cái quan-niệm « vô-ngã » (*le non-moi*), nghĩa là nhân hình-thức, có thể tưởng-tượng ra cái vật-chất đúc vào hình-thức ấy, tức như trong sách nhỏ nói là « lý » là hình-thức không thể rời với « khi » là vật-chất được. Nếu suy-diễn được như thế thì tiện-thị là tới được cõi tuyê-đối. Bản-thân mình vừa nhận-chân được mình, vừa nhận-chân được những tiềm-lực của mình, vừa nhận-chân được hình-thức cùng vật-chất trong cõi vô-ngã, gồm cả bản-ngã vô-ngã, thế là biết hết rồi, không còn gì nữa.

Ấy cái phương-pháp của phái ông KANT như thế. Phương-pháp ấy cũng kỳ-khu trắc-trở lắm, chỉ có mấy nhà tư-tưởng cao - siêu huyền - diệu là mới thứ dùng mà thôi. Mà phần nhiều những nhà ấy cũng không

dám dùng đến cực - đoan. Về thời-đại ta, nhà triết-học LACHELIER cũng muốn dùng phương-pháp đó. Sách-vở của ông thì nghi-luận tinh-vi lắm, nhưng kết-luận vẫn có ý miễn-cưỡng, khiến cho người đọc không thể tin hết được.

Vả chính cái phương-pháp đó cũng là một phương-pháp miễn-cưỡng, xếp-dặt khôn-khéo lắm, nhưng không lấy gì làm chắc-băng. Cách suy-diễn tựa-hồ như lấy sự kinh-nghiệm làm căn-cứ mà để chứng rằng sự kinh-nghiệm tất phải như thế, chứ không thể khác được. Như vậy thì ai là người đối với cái phương-pháp như thế lại không tư-nghĩ trong bụng rằng : « Thế ngộ kinh-nghiệm mà thấy khác đi, có lẽ những nhà triết-học ấy cũng dùng hết thuật khôn-khéo để chứng rằng như thế mới là phải mà thế khác là sai hay sao ? » Cái không-gian của ta cảm-giác được, cứ như ta kinh-nghiệm thì nó có ba bề : bề dọc, bề ngang và bề đứng. Vậy các nhà triết-học bèn dùng phép tiên-thiên mà chứng liền ngay rằng : nhân vì cách - thức riêng của tư-tưởng người ta, không-gian tất phải có ba bề, không thể hơn được. Nhưng giả-sử kinh-nghiệm thấy bốn bề, thì các nhà ấy có lẽ cũng dùng phương-pháp ấy mà chứng rằng không-gian tất có bốn bề, chứ không phải hơn hay sao ?

Không những thế mà thôi. Ta lại thử ví có một con kiến, nó biết triết-học, như trên kia đã thí-dụ. Con kiến ấy nó quan-sát sự-vật ra một cách riêng, theo cái óc tư-tưởng của con kiến ; bây giờ nó cũng muốn chứng-giải rằng sự-vật ấy tất phải thế, chứ không thể khác được. Vì nó là kiến, nên sự-vật mới ra thế, thì cách nó chứng-giải cũng không ngoài phương-pháp loài kiến vậy. Mà cách lý-luận của nó cũng là cách lý-luận kiến vậy. Nay nó lấy cách lý-luận đó mà nó cả quyết rằng đó là

tôi được cõi tuyệt-dịch rồi đó, thì phỏng có thể tin được hay không? Nó có quyền nói được rằng trí nó như thế mới là phải, và những sự-vật ngoài do trí nó tưởng-tượng tất cũng phải như thế mới là phải chăng? Cũng có lẽ nó đoán phải, nhưng cũng có lẽ đoán một đường mà ra một nẻo. Cứ cái trí con kiến phán-đoán như thế là phải lắm, nhưng có thích-hợp gì với chân-tượng không? — Con kiến như thế, loài người cũng thế, có khác gì.

Nhưng còn một điều này mới quan-hệ hơn nữa. — Nhân tôi trực-tiếp kinh-nghiệm mà tôi thấy trong người tôi có ý-thức. Duy có cái ý-thức ấy là vật tôi có thể hoàn-toàn quả-quyết là có thật. Tôi lại thấy tôi đứng trong không-gian có hình-thể và có tính-cách riêng. Nay chung-quanh mình tôi, tôi cũng thấy nhiều các hình-thể khác nữa, gần giống như hình-thể tôi: tức như các người khác cùng các giống cao-đẳng-dộng-vật. Như thế thời thế sao mà không tưởng-tượng được trong những hình-thể gần giống với hình-thể tôi kia, tất cũng phải có một cái ý-thức đặc-biệt với ý-thức của tôi mà lại cũng tương-tự như thế? Nhân đó khởi ra mấy cái vấn-đề, cần phải giải-quyết cho được thời mới có thể mong đạt tới được cõi tuyệt-đối. Vậy thì ý-thức của tôi là thế nào? Ý-thức của các giống khác là thế nào? Ý-thức tôi với ý-thức ngoài có quan-hệ gì với nhau? muốn tưởng-tượng lẫn nhau thì phải làm thế nào? làm sao mà những sự tưởng-tượng của bấy nhiêu cái ý-thức lại hình như điều-hòa thích-hợp với nhau cả? Nếu bấy nhiêu điều mà không thể biết rõ được, thì sao gọi là biết lẽ tuyệt-đối?

Nay các nhà triết-học về phái «tiên-thiên» đó, có giải-quyết được các vấn-đề đó không? Thật là không. Những nhà ôn-hòa hơn nhất thì chỉ mong chứng-giải được một điều như sau này: là dù các chân-tượng ở ngoài ý-

thức thế nào mặc lòng, phạm do ý-thức tưởng-tượng ra, tất có một cái hình-thức riêng không thuộc về các chân-tượng đó, mà thuộc về bản-tính của chính ý-thức vậy. Những nhà bạo hơn thì còn siêu-việt hơn. Các nhà ấy cho rằng phạm sự-vật do ý-thức ta tưởng-tượng, không những hình-thức nó mà đến cả thể-chất nó cũng là thuộc về cơ-quan của ý-thức ta cả, thành ra các chân-tượng ở ngoài với sự tưởng-tượng của ta hai hàng không có quan-hệ gì. Những thuyết ấy tưng-sử là dùng nữa, thì có phải là đã đạt được lẽ tuyệt-đối chưa? Ta có thể nhân các thuyết đó mà biết được các ý-thức khác trong Vũ-trụ thế nào và các ý-thức ấy quan-hệ với nhau thế nào không?

Nhưng đến đây các nhà về phái «duy-tâm tuyệt-đối» (*les idéalistes absolutistes*) mới can-thiệp vào. Kể ra cũng không mấy nhà dám tuyên-bổ tư-tưởng một cách cực-đoan. Hình như chỉ muốn ám-chỉ xa-xôi mà thôi. Các nhà ấy nói rằng: Vấn-đề sô-đê khó-khăn là ta cứ cố giữ lấy cái thuyết «thực-thể» của ông KANT. Bất-nhược bỏ phứt nó đi, thế là không khô-khăn gì nữa. — Được lắm; nhưng hãy thử xét kỹ xem thế nào. Nếu bỏ cái thuyết «thực-thể» của ông KANT, thì tức là nói rằng: «Ta vẫn tưởng-tượng rằng ngoài các hiện-tượng trông thấy trong không-gian, còn có những chân-tượng đặc-biệt với mình. Ta vẫn tưởng-tượng rằng các giống người và giống vật ở chung quanh mình ta cũng có ý-thức, có tâm-tính đặc-biệt với ý-thức tâm-tinh của ta. Ta tưởng thế là làm đấy. Trong vũ-trụ chỉ có một linh-tinh, một ý-thức mà thôi. Ngoại-giả là sự tưởng-tượng cả, sự tưởng-tượng của cái ý-thức duy-nhất đó, suy-diễn ra theo phép-tắc nhất-định. Như vậy thì cái ý-thức đó hẳn nhận-chấn được mình, nhận-chấn được sự tưởng-tượng của mình,

thế là đạt được cõi tuyệt-đối». — Nhưng mà ý-thức nào mà lại duy-nhất như thế, chỉ một mình là có thực, còn ngoài - giả là hư - tưởng cả hay sao ? - Nếu ta thành-thực thì tất ta phải trả lời rằng : ý-thức ấy là chính ý-thức của ta, vậy thì tất phải kết-luận rằng : Ý-thức của kẻ khác không có, như thế thì cũng khó nghe lắm ! — Nay kẻ khác cũng có thể viện một lẽ đó mà quả-quyết rằng duy ý-thức của họ là có, còn ý-thức của ta là không, bản-thân họ mới là chân-tướng, còn ta chẳng qua là một sự tưởng-tượng phất-phơ mà thôi. — Các nhà duy-tâm tuyệt-đối bên nôi rằng : như thế thì hai bên cũng không hiểu cả : Ý-thức của mình với ý-thức của người hai đằng cũng là một. — Câu nói đó lại càng lạ nữa. Ý-thức của tôi với ý-thức của người là một làm sao được, vì tôi đối với người kia, trong lúc người ta nín lặng không nói gì, tôi có biết người ta nghĩ gì đâu, mà trong khi tôi ngồi yên người ta cũng không biết tôi nghĩ gì. Như thế thì ý-thức người ta với ý-thức tôi có liên nhau đâu. — Như thế lại càng khó nghe lắm !

Nói tóm lại, các nhà triết-học về phái « tiên-thiên » biện-luận tài lắm, thật cũng đáng phục. Nhưng cái phương-pháp của các nhà ấy không thể tin được. Có đặc-sắc, nhưng không có căn-cứ.

II. Không phải chỉ có những nhà triết-học về phái « tiên-thiên » như trên đó là mới có cái tư-tưởng muốn đạt được cõi tuyệt-đối bằng những phương-pháp ngoài phương-pháp của khoa-học đâu. Còn ông BEACON cũng các môn-đệ của ông cũng có lòng tự-tin như thế. Duy phương-pháp dùng có khác phương-pháp ở trên.

Thí-dụ một người chế ra các « phim » chớp ảnh ; trước mặt bày ra

một tấn kịch đương hoạt-dộng luôn luôn, Nhưng cái cảnh hoạt-dộng luôn như thế thì nhà chế-tạo không có cách nào lưu nó lại được, vì nó biến-hóa luôn không dừng. Bấy giờ phải đánh dùng cách như sau này : là chiếu ống kính vào cái cảnh đương hoạt-dộng đó mà chụp lấy một mờ ảnh vậy. Mỗi cái ảnh ấy thực là một vật bất - động. Nhưng mà đem « chớp » nó ra rất mau thì người xem ở ngoài tưởng-tượng như là cảnh hoạt-dộng thật.

Cái cách chế « phim » ảnh thế nào, thì cái cách tác-dụng của thần-trí ta cũng thế. Phép suy-nghĩ của thần - trí là phép phân-tích (*analyse*). Phân-tích tức là đem những hình-ảnh hoạt-dộng của sự-vật hãm cho đứng yên lại để mà phân-tách ra từng phần một. Làm như thế thì thần-trí phải dùng những phương-pháp riêng : như phân-hóa ra trong không - gian những vật mình nghiên-cứ, dùng ngữ-ngôn mà mệnh-danh cùng ngưng kết những vật ấy lại. Phương-pháp ấy chỉ ích-lợi cho sự hành - động của ta đối với sự - vật. Vì người ta cần phải biết thường-tình của các vật để lợi - dụng cho được việc ; phải phân-biệt được những phép-ắc chung của các sự-vật để cho đoán biết được kết-quả thế nào, mà cần lấy kết-quả hay, tránh lấy kết-quả dở ; lại phải nghĩ ra nhưng thuật những mẹo để mà tính trước được các việc xảy ra thế nào, rồi mới chế ra những máy-móc để lợi-dụng cho được việc cho mình. Về phương-diện thực-tế thì những cách đó là ích-lợi vô-cùng. Phép phân-tích, phép khoa-học, phép nghiên-cứ cũng là phát-minh ra những kiểu-cách để hình-dung các sự-vật, đó là những phương - pháp thực-dụng, những phương-pháp quan-trọng cả. Cho nên những kẻ nói rằng khoa-học đã phá-sản, khoa-học đã thất-bại, là nói lảm. Khoa-học dùng phép phân-tích, thật đã giúp cho ta

được việc : khoa-học đã soạn được một cái « phim » ảnh về tạo - vật qui-hóa vô-cùng, khiến cho ta biết đường-lối mà tiến-hành trong cõi thiên-diễn mệnh-mông.

Tuy-nhiên công việc của tri-tuệ cùng của khoa-học sở dĩ có ích-lợi là chỉ vì công việc ấy không khác gì công việc người thợ chộp bóng. Chẳng qua là chụp lấy mấy cái ảnh trong cảnh-vật mệnh-mông để giúp cho sự hành-động của người ta mà thôi. Chứ chính cảnh-vật là một cuộc thiên-diễn vô-cùng vô-tận, hoạt - động biến-hóa luôn luôn, thuần « động » chứ không phải « tĩnh », thuần « phàm » chứ không có « lượng » không có quan-hệ gì với số-lượng, cho nên không thể suy-lường được, lúc nào cũng mới lạ luôn, vì lúc nào cũng tân-tới hoải, không bao giờ trở lại đường cũ, không bao giờ xảy ra hai cái trường-hợp giống nhau được, không có một chút cơ-giới gì. Nay tri-tuệ và khoa-học dùng phép phân-tích, đem sự-vật mà phức-họa ra trong không-gian, lấy ngôn-ngữ mà mệnh - danh cho gọi được, tức là đem cái cảnh-vật trường-xuân của tạo-hóa mà ngưng-trệ lại thành một bức tử-họa, tức là đem một vật không thể đếm, không thể lường được, mà ghép vào cho có số có mực, tức là đem cái sức sinh-hoạt biến-hóa vô-cùng mà làm một đống khô-cốt vậy. Làm như thế có khác gì như kẻ ra một cái mực-lục để tiện cho việc tra-cứu mà thôi. Như cái sổ kẻ các thứ cây hoa mà sánh với cái vườn hoa thực, thì khác nhau biết dường nào ! Tri-tuệ cùng khoa-học chẳng qua là dạy cho ta mấy cách nói cách tính cho tiện dùng được việc mà thôi. Những phương-pháp ấy hợp lại thành thống-hệ, chẳng qua cũng ví như một cái sổ mực-lục trong một thư-viện vậy.

Nhưng nếu vậy thì làm thế nào mà đạt được cõi tuyệt-đối, mà tất phải có cách đặt được, vì đã có thể đem cõi

tuyệt-đối ấy mà đối lại với cõi hiện-tượng của khoa-học bày cho ta ? Ông BERGSON trả lời rằng : « Phải đuổi phất tri-tuệ ra ngoài cõi tri-thức » (*mettre l'intelligence à la porte d'elle même*), và phải dùng một phương-pháp riêng, ông gọi là « trực-giác » (*intuition*). Chính chỗ này là chỗ khó đây. Vì cái trực-giác ấy nó thế nào ? Ông BERGSON không giải nghĩa rõ, ông chỉ dùng cách tỉ-dụ mà thôi, mà cách tỉ-dụ vẫn bay mập-mò. Nhưng cứ xem phép trực-giác ấy thi-hành ra làm sao, thì cũng có thể hiểu được.

Trước ông BERGSON đã có nhiều nhà triết-học cho rằng muốn cầu lấy tuyệt-đối thì phải tìm ở ngay mình, không thể tìm ở ngoài mình được. Cứ kinh-nghiệm trong nội-tâm, trong ý-thức, là có thể khám-phá được lẽ tuyệt-đối. Ý-kiến đó là ý - kiến của ông DESCARTES, cho rằng người ta có nhận-chân được sự sinh - tồn của mình ở trong tư-tưởng mình thì mới nhận-chân được cái nguyên - lý tuyệt-đối. Ý-kiến ấy cũng là ý-kiến của LEIBNITZ, MAISE DE BIRAN và SCHOPENHAUER, duy có sai-biệt một đôi chút mà thôi. Nhưng hết thấy các nhà triết-học đó đều cho rằng sự kinh-nghiệm về nội-tâm để khám-phá lẽ tuyệt-đối, cũng là bất-ngoại một phép phân-tích rất tinh-vi. Nay phép trực-giác của ông BERGSON thì lại khác, đâu không khác hẳn, nhưng cũng khác ở chỗ khởi-diễn. Trực-giác cũng là một phép kinh-nghiệm về nội-tâm, nhưng là kinh-nghiệm mà không dùng đến phép phân-tích.

Theo như ông BERGSON thì muốn quan-cảm lẽ tuyệt - đối, phải xoay về bản-thân mình trực một chút. Hễ có cái cảm-giác thân-mật thiết-itha về sự sinh-hoạt trong nội-tâm ta, thì tự-khắc có thể quan - niệm được lẽ tuyệt-đối. Nhưng muốn có cái cảm-giác như thế, thì phải tự - phóng mình cho thuần

theo cái dòng sinh-hoạt nó trôi-chảy ở trong tâm-giới ta, đừng có can-thiệp vào, đừng có ngăn-ngừa lại, mà đem phân-tích ra, đừng có đem lời nói mà diễn ra, làm cho nó khô-khan ngưng-trệ lại. Phải điềm-nhiên mặc-nhiên mà nghe quả tim nó đập tự trong đáy lòng thăm-thẳm, đừng có đụng-chạm vào mà làm cho sai mất cái cung-điệu tự-nhiên đi. Bấy giờ sẽ cảm biết được cõi tuyệt-đối là cõi thuần-động, là cuộc vô-cùng, là cõi thiên-diễn hỗn-hợp cả các chất phiến-tạp, dung-hòa luôn-luôn, biến-hóa luôn-luôn, không bao giờ là nghỉ mà không bao giờ là thành, như dòng nước cứ trôi chảy hoài, không cầm lại được, không nắm lại được.

Đã trực - giác mà quan - cảm được cõi tuyệt-đối ở nội-tâm mình, thì tức là quan-cảm được ở khắp mọi nơi, tức là « đồng-cảm » (*sympathiser*) với cả vũ-trụ mà thấu - hiểu được cả vũ-trụ, nghĩa là cả các hình người, hình vật, bình cây đá trong trời đất. Đâu đâu cũng thấy một cái sức sinh-hoạt phấn-phát (*un élan vital*) như trong người vậy, biến-hóa vô-cùng, tấn-tới vô-hạn, mà vẫn cứ thanh-tân mới-mẻ mãi-mãi. Cuộc thiên-diễn là một cuộc tiến-hóa mà cuộc tiến-hóa là cuộc sáng-tạo, càng tiến-hóa càng sáng-tạo, càng sáng-tạo càng mới-mẻ, vô-hồi vô-hạn, vô tận vô-cùng, và cuộc tiến-hóa riêng của mỗi người vì cũng như một cái tia lửa ở trong đồng lửa lớn là cuộc thiên-diễn chung của vạn-vật.

Cái thuyết của ông BERGSON đó thật cũng có thú-vị lắm thay, lại nhờ được cái tài văn-chương của ông, diễn được cả những cái không thể nói ra được, tả được cả những cái mừng - lung phiêu-diễn là những cái nói rõ quá có thể làm cho tiêu-tán đi được. — Tuy nhiên còn nhiều người vẫn ngờ cái thuyết trực-giác ấy, cho là phép trực-

giác của ông BERGSON chưa chắc đã khám-phá được lẽ tuyệt-đối. Cho dầu rằng phép trực-giác ấy có thể thi-hành được nữa, đã chắc đâu rằng có sức mạnh như thế? Nhưng xét cho kỹ, hằng thử hỏi có thể thực-hành được hay không đã?

Lúc ta kinh-nghiệm về nội-tâm, tất phải dụng - tâm nỗ-lực thì mới xét nghiệm được cái mối sinh-hoạt thăm-trăm ở trong người. Nhưng có một điều ông AUGUSTE COMTE năm xưa đã từng phát-mình ra một cách rõ-ràng : là khi thần- trí tự suy-nghĩ về mình, thì tức là làm ngăn-trở nhiều-loạn cái công việc của mình đương làm lúc chưa suy-nghĩ tới. Thuộc về phương - diện trí-thư, thật quả như thế. Như tôi đương ngồi nghĩ một cái tình đố cho biết giải-quyết ra thế nào. Nếu tôi lại suy-nghĩ về cái cách tôi làm tình đố nghiệm xem tôi suy-lý ra thế nào mà giải cái tình đố được, thì tức-khắc là tôi ngăn-trở cái việc làm tình của tôi. Về phương-diện cảm-tình cũng thấy như thế. Như tôi đương tức-giận điều gì. Nếu tôi tự suy-nghĩ để quan-sát cái giận của tôi, thì cái giận sẽ tiêu đi mất. Thành ra phạm sự tác-dụng của trí-thức hay của tình-cảm, nếu muốn suy-nghĩ để quan-sát, thì tiện-thị là làm cho ngăn-trở không-phát ra được. Cho nên phạm sự quan-sát về nội-tâm, không bao giờ là quan-sát được ngay sự sinh-hoạt hiển-nhiên trong nội-tâm. Chỉ quan-sát được cái *ký-ức* về sự sinh-hoạt đó mà thôi. Nay cái ký-ức-lực của ta có điều tệ, là nó hay làm sai sự thực đi ; việc quá-khứ, nó chỉ lưu lại được một cái hình-ảnh phẳng-phất mà thôi. Vậy thì nếu cứ bằng ở ký-ức-lực để mà nghiên-cứu về lẽ tuyệt-đối trong tâm-tinh ta, thì có khi làm to, lấy một sự tưởng-nhớ mơ-màng làm một điều chân-lý tuyệt-dịch.

Song ông BERGSON quyết rằng phép trực-giác của ông không có điều gì bất-

tiện như thế. Phép ấy không phải dùng đến lối phân-tích, không phải nhờ đến sức ký-ức, phép ấy là đem mình sáp-nhập hẳn vào giữa dòng sinh-hoạt đương-trời-chảy, rồi phó mặc cho đưa đến đâu hay đến đó. Tức ông BERGSON gọi là « đặt mình vào trong đám lưu-dộng » (*s'installer dans le mouvant*). Nhưng thử hỏi phương-pháp ấy có thể thực-hành được không? Một người đương sinh-hoạt : người ấy sinh-hoạt một cách tự-nhiên ; trong khi sinh-hoạt, không hề quan-sát về cách sinh-hoạt của mình thế nào, không hề nghĩ đến nghiên-cứu về triết-lý bao giờ. Nay người ấy lập-tâm muốn quan-sát về nội-tâm mình, mà quan-sát bằng phép trực-giác, không dùng phép phân-tích. Vậy thì phải làm thế nào? Tất phải cố dò xét xem trong thâm-tâm mình hoạt-dộng giữa lúc bấy giờ thế nào. Nhưng nếu mình quan-sát mình như thế thì khác nào thành như hai người : một người đứng xem, còn một người cứ sinh-hoạt tự-nhiên để cho người kia xem; như thế thì có khác gì một người chụp ảnh với một người đứng cho người ta chụp không? Nay người muốn quan-sát mình đó lại muốn nhớ lại lúc trước kia mình thế nào, lúc đương sinh-hoạt tự-nhiên không từng suy-nghĩ gì thì thế nào. Nhưng nếu muốn nhớ lại việc cũ thì cái sức ký-ức lại can-thiếp vào, mà sức ký-ức hay làm sai sự thực đi thì quan-sát như thế phỏng có biết được chân-

tướng không, hay là chỉ thu được một cái ảo-tượng mơ-màng ? — Các cách quan-sát như thế đã không có bằng-cứ gì, thì phép trực-giác cũng không thoát được sự bất-tiện đó.

Vả lại cho dầu phép trực-giác của ông BERGSON có thể thực-hành được nữa, thì đã chắc đâu là được thành-thực, được sáng-suốt ? — Theo như ông KANT thì ý-thức của người ta vẫn có hình-thức đặc-biệt, phạm-quan-cảm-sự-vật phải qua những hình-thức ấy, nghĩa là không bao giờ trực-tiếp được chân-tướng, chỉ cảm-giác được hiện-tượng bề ngoài mà thôi. — Còn lẽ nữa, là ý-thức muốn trực-giác tất chỉ trực-giác được những sự tác-dụng có ý-thức ở trong người ta mà thôi. Nay đã chắc đâu rằng cái bản-thể của tâm-tính ta là có ý-thức cả? Cứ hiện-trạng tâm-lý-học ngày nay thì xem ra trong thâm-tâm người ta vẫn có một cõi vô-ý-thức. Phần có ý-thức chẳng qua là phần thiên-cận ở ngoài mà thôi. Như vậy mà đem cái ý-thức để trực-giác cái vô-ý-thức thì thế sao được ? — Cho nên nói rằng : « trực-giác có thể tới được tuyệt-đối » (*l'intuition atteint l'absolu*), thì vẫn dễ lắm. Nhưng cần phải chứng-nghiệm mới có thể tin được. Mà chứng-nghiệm ra cách thế nào? Rất khó thay!

(Còn nữa)

T.-C. biên-dịch.



## VŨ-TRUNG TÙY-BÚT (1)

## 雨 中 隨 筆

## IX

## Lễ tang

Lễ có chép rằng người hiếu-tử đương lúc tang ba năm, thì mệnh vua không có qua đến cửa. Nghĩa là người con đương lúc để tang cha mẹ thì nhà vua không bắt ép ra làm việc quan, thế là không nở đoạt-tình con người ta vậy. Đời gần đây đương lúc làm quan mà có tang, thì duy các quan văn-ban được cáo quan về chungkế, còn các quan võ-ban thì tuy không có việc binh-cách cũng thường hay viện lễ khởi-phục ra làm quan, lúc vào triều-ban, lúc ra coi quân-lính không còn có sắc thẹn chút nào. Còn đến như những kẻ sĩ-thứ làm việc ở các chốn quan-phủ tuy gặp trọng-tang mà vẫn cứ ở các tòa công-biện-sự như thường, không khác gì lúc bình-nhật, chỉ có đổi mặc áo mũ thanh-cát 青吉 hơi khác với cái áo mũ hỏa-minh 火明, gọi là áo mũ sừng 角色, đó tức giống như cái áo chế sắc mũ vàng 葵色 mà hơi khác mà thôi. Ôi! muốn cầu kẻ trung-thần ở cửa nhà hiếu-tử, mà những kẻ có tang lại cứ việc ra làm quau như thế có phải không?

Lễ tang: ba ngày thì quản, bốn ngày thì thành-phục, ba tháng thì mới chôn, hết một năm thì làm lễ tiểu-tường, hơn hai năm thì làm lễ đại-tường; cách một tháng nữa thì làm lễ đạm 禫, tức là lễ đạm-tất hết trở. Cái lễ để trở ba năm ấy là để dạy cho dân theo về bậc trung-thường chớ không có để cho làm quá-dáng. Vì rằng từ lúc để tang cho đến lúc đạm-tất đầu đuôi chỉ có hai mươi bảy tháng mà thôi. Tuy rằng bụng người

con hiếu vẫn thương xót vô-cùng, cũng có kẻ đã hết trở rồi mà cầm đàn lên đánh không thành thanh, bởi thế thánh-nhân mới chế lễ ra cho để trở đến ba năm là thích-trung. Đời gần đây lắm người lại theo thói mê-tín, nào là chọn ngày chọn tháng để đến hơn một năm mới làm lễ thành-phục, như thế thì trong hai mươi bảy tháng để trở, mà chỉ mặc áo gai thủ-hiểu không được mấy tháng, khá thương lắm thay!

Lễ dạy rằng: Làm đến việc tang thì không cười. Truyện có nói rằng: Đức Khổng-tử ăn ở bên cạnh nhà có tang, thường không được no. Thế mà thế-tục bảy giờ những nhà có tang, sau khi diện-lễ thường mời họp cả làng xóm bày ra ăn uống linh-dinh, kẻ có tang đã quên mất cả lòng báo-hiếu cho đấng thần, mà những kẻ đến ăn thì chỉ ăn cho thích-khẩu, kẻ nhân-nhân không nở nghe nói đến truyện ấy làm gì. Lại còn những nơi làng xóm nhà quê cứ quen theo cái hủ-tục, hễ một nhà có tang thì đến họp lại từng lũ để ăn uống, từ lúc mới mất cho đến lúc chôn, nếu ăn uống không được như ý, thì lại viện lệ làng ra để hạch-sách, thậm-chí có nhà phải bán cả vựa ruộng để cung vào khâu-phục cho những kẻ hạch ăn, việc ấy đã nhiều lần sức cấm, mà vẫn không đổi hết được cái thói ấy, thực cũng lạ thay!

Tang-lễ có lễ thành-phục, nghĩa là sau khi đã quản rồi thì người trong họ ngũ-phục, đều vào làm lễ để mặc áo trở mà thủ-tang, chớ có can-dự gì đến người mất đầu. Thế-tục ngày nay hễ

đến ngày thành-phục thì bày ra cỗ-bàn tế lễ linh-dinh, người làng xóm cũng đến hôm ấy đều họp tại nhà tang-gia, nào là soạn văn tế, giảng nghi-tiết, rồi thì chén anh chén chú, bàn-tán huyền-hoa, không khác gì một cuộc khánh-hội, không biết những người ấy nghĩ bụng ra làm sao? Cứ như lễ tang thì chỉ có lễ tồ-diện, lễ khiên-diện mới có lễ diện, còn như lễ tế ngu, tế phụ, tế đại-tiêu-tướng đạm-tất thì mới có tế; chứ như những lúc chiêu-tịch thượng-thực, tuế-thời thường-lân, thì chỉ có dâng lễ lên cúng chứ không có tế. Gần đây lại còn có tuần thất-thất là tuần lễ bốn chín ngày, tuần lễ trăm ngày, lễ cáo hè, lễ diện hè, lễ tống hè, lễ trung-nguyên đốt mã, những lễ-tiết ấy đều là theo về lễ phật, chứ không phải là lễ cổ - nhân, vì rằng theo cái thuyết nhà phật bảo rằng mới chết thì cứ bảy ngày một lần duyệt án ở toà án vua Diêm-la, cứ đến tháng hè thì dưới minh-phủ nghĩ thương những kẻ tội-tù đương lúc nắng nực, có đem xét hỏi để đại-xả, cho nên những ngày ấy tất phải lập đàn tray tụng kinh để cầu phúc. Đến như ngày rằm tháng bảy thì trong kinh phật cho là tiết trung-nguyên cũng là một ngày địa-lạp, các quan ám có xét định các tội án, vậy ngày ấy cũng theo như lễ nhà phật cúng lễ độ-vong và đốt vàng để giúp sự tiêu dùng. Những nhà ngu-tục cứ đến những ngày ấy thì sát sinh bày cỗ hội họp thân-bằng cố-hữu để ăn uống. Nếu cho cái thuyết nhà phật làm ảo, thì cúng tế như thế là phi-lễ, không phải lễ thờ dâng thân vậy. Nếu tin là có thật thì sao những ngày ở dưới âm duyệt án xét tù thì trên dương lại đem tàn-sát giống sinh-mệnh làm cho thêm lỗi ra, như thế chẳng nghĩ lầm lẫn ru!

### Tế lễ

Đời xưa có những lễ tế tiên-tổ, như là lễ tế Đế 禘, tế Cấp 禘, tế bốn mùa

đề hiến thời-vật, những lễ ấy thì từ Thiên-tử cho đến kẻ thứ-dân cứ thứ-độ giảm bớt dần, chứ không phải ai cũng được làm đủ cả các lễ. Còn như lễ ngày kỵ thì là lễ truy-viễn cảm-thời, phải nên hết lòng nhớ - thương, chứ không có bày ra lễ hưởng tế, sách Lễ-ký bảo rằng người quân-tử không có lo một sớm, mà có tang đến suốt đời, nghĩa là trở về ngày kỵ vậy.

Khoảng năm Vĩnh-bình đời nhà Hán phật-giáo mới truyền vào Trung-quốc, những người theo đạo phật, thì cứ đến ngày kỵ phải dọn sự về tụng kinh và đốt đồ minh-khi. Đến đời Đường hề gặp ngày kỵ thì Thiên-tử và quan Tể-tướng, đem trăm quan đến chùa hành-hương nghe sự tụng kinh, đều qui trước phật-tiền đốt hương lễ độ-vong, vì thế các nhà sĩ-thứ đều bắt chước. Đến đời nhà Tống hề gặp ngày kỵ thì làm lễ tế thần ngự ở cung Cảnh-linh, thí-phạn cho các nhà sư đến hàng trăm người. Vậy nên các nhà sĩ-thứ chuộng đạo phật ấy cũng thí-phạn nuôi sư để cầu phúc, không thì cũng phải đặt lễ diện để tỏ bụng thành, bởi vì thế-đạo đã giảng, tinh-vấn mỗi ngày càng thêm phiền-phức mãi ra. Vậy có kẻ hỏi ông Y-xuyên rằng: « Ngày kỵ có bày ra lễ tế không? » Ông Y-xuyên cũng chẳng bác di, đến đời Chu-tử mới theo nhân-linh mà lập ra nghi-tiết tế ngày kỵ. Đến đời nhà Minh lễ tế ngày kỵ thì chỉ tế ở đền Hiếu-kinh, mà không có cáo nhà miếu, vì cho lễ tế ngày kỵ là không phải cổ-lễ.

Tục nước ta hề nhà nào đến ngày kỵ thì hết sức lo tính, thậm-chi phải đi vay mượn để về bày ra làm cỗ bàn để yến-âm tân-khách, không còn có một chút gì thương nhớ cả, bởi vì càng xa đời cổ thì lại càng làm sai mất cổ-y đi nhiều lắm. Xét cái ý ông Chu-tử mà đặt ra cái nghi-tiết tế ngày kỵ và tham với cái tục-lễ nước ta, thì ngày kỵ



phải nên thương xót mà cũng có lễ, thì cái lễ tế ấy cũng có thể lấy nghĩa mà làm vậy. Huống-chi nước ta cái lễ tế từ-quỉ đã không ai giảng bàn đến, nếu ngày kỵ mà không có đặt ra lễ tế, thì trừ những ngày lễ thường-tân và các lễ về tục-tiết ra, không có mấy ngày lễ để tỏ được tấm lòng phụng-tiên truy-yiển, thế thì ngày kỵ mà có tế, theo tục mà làm cũng bất-phương. Nhưng không nên làm cỗ linh-dinh, mời khách ăn uống rộn-rịp, mà quên mất cái ý ai-kính thiết-tế về ngày kỵ. Thế-tục nay cứ thường nhân ngày kỵ để thiết-khách, cho là một thói quen đi lại thù-đáp lẫn nhau. Ôi! Cái lễ đi lại thù-đáp cũng không nên thiếu đi, nhưng nhân những lúc cưới vợ đẻ con, thăng-quan tiến-chức và những lễ tuế-thời thường-tân, những lúc ấy đều có thể bày ra để thiết-khách được, hà-tất phải cứ câu-nệ đến ngày kỵ thì lại bày ra thiết-khách.

### Bái-lễ.

Cứ theo sách *Châu-lễ* thì bái-lễ có chín lạy, gọi là «túc-bái 肅拜» nghĩa là khi bước tới bái-vị thì vái một cái, vái xong thì quì xuống lạy, mỗi một lạy thì phải cúi đầu hai tay chắp lại mà vái đến đất, lễ xong đứng dậy, vái một vái mà lui ra, giống như kiểu lễ của đàn bà. Nhưng mà đàn bà lạy khác đàn ông, là bởi đàn bà hai lạy chỉ bằng một lạy của đàn ông, nghĩa là đàn bà phải lạy kép. Đàn bà chỉ lúc mới về nhà chồng vào lạy bố mẹ chồng, và lúc tang chồng thì đều phải lạy rạp đầu xuống, còn như những lúc khác thì đều dùng lễ túc-bái cả. Dầu vào yết-kiến vua cũng thế. Gần đây nay đàn bà lạy thì nửa ngồi nửa quì, nghiêng mình chắp tay mà lạy xuống, đó là tại lưu-tục làm sai đi vậy. Đời xưa vua đối với bầy tôi, bố vợ đối với chàng rể, người tôn-trưởng đối với kẻ ti-ấu, đều phải đáp lễ mà lạy cả, xem như chép ở trong sách *Thượng-thư*, *Nghi-lễ*, *Lễ-*

*ký*, *Tả-truyện* đều có thể xét được cả. Đến đời nhà Tần mới đặt ra lễ tôn-quân ti-thần, nên vua Thiên-tử mới không đáp lạy bầy tôi. Đời Tống vua Độ-tôn có lạy người Giả Tự-Đạo, Giang Vạn-Lý đương mặt mắng Giả Tự-Đạo ở trước sân, đó là vi cớ-kim lễ mỗi lúc một khác vậy. Ngày xưa từ quan khanh-sĩ trở xuống cũng còn theo cổ-lễ, mà đáp lễ kẻ ti-ấu, hoặc kẻ ti-ấu cố từ, thì dùng lễ túc-bái mà đáp lại. Còn như «vái» là cái lễ-tiết lúc chu-toàn, như là trong *Lễ* có nói rằng ba vái rồi bước lên, đó cũng là nói phiếm về cái lễ tiếp nhau mà thôi.

Nước ta xưa kia ở chốn công-dương có lễ tương-kiến thì kẻ hạ-quan cũng vái bậc trưởng-quan, hoặc khi được sắc phong mà ra tiếp-kiến quan khâm-sai sách-phong cũng chỉ vái mà thôi, kẻ ti-ấu khi lạy bậc tôn-trưởng cũng vái mà lui, thế thì lúc chu-toàn vái nhường là vốn lễ phải nên thế vậy. Gần đây những kẻ hiểu-sự không biết xét đến cổ-diễn, lại cho «vái» là cái lễ của bậc tôn-trưởng đối với kẻ ti-ấu, chứ kẻ ti-ấu đối với kẻ tôn-trưởng thì không được vái, chỉ lạy xong là cứ đứng sững mình mà lui ra, ấy làm cái cách trực-tình kính-hành như thế, mà vẫn dương-dương tự đắc rằng ta hiểu-cổ đây, thực buồn cười lắm thay!

### Truyện vua Lê Lợi

Vua Lê Lợi khi còn ở núi Lam-sơn ra đánh nhau với quân Minh bị thua, quân tướng bỏ chạy tan cả, vua Lê Lợi chạy qua bên đường thấy có một ông già đương cùng với người vợ lom-khom be nước bắt cá ở bên bờ ruộng, vua Lê Lợi chạy đến đây liền cởi ngay áo xuống ruộng cùng hai ông bà già ấy đều bắt cá. Khi quân Tàu đuổi theo đến nơi, hỏi ông lão ấy rằng: «Có thấy Lê Lợi chạy qua đây không?» Ông lão ấy đáp rằng: «Không thấy». Khi ấy vua

đương ngành tai lều nghe. Ông lão liền mắng rằng: «Thằng bé này sao không bắt cá di, việc gì đến mà!» Quân Tàu không lấy làm ngờ bèn lại đi đuổi theo. Đến tối ông lão ấy mời vua Lê về ngủ ở nhà, trong nhà chỉ nuôi có một con hầu (khỉ), bèn giết đi để làm cơm, lúc bung cơm lên thì chỉ có cá diếc nướng và bát canh thang thịt hầu mà ý-tử rất cung-kính. Về sau này những khi nhà Thái-miếu làm lễ tế hưởng thì có đề vợ chồng hai ông bà già ấy cho vào phối-hưởng, tục vẫn gọi là ông hầu bà hầu, cỗ hưởng hai ông bà già ấy thì ngoài những thức tam-sinh ra, thế nào cũng có một đĩa cá nướng và một bát canh thịt hầu, như là cái cỗ khi xưa hưởng vua, để ghi nhớ cái công lúc bấy giờ. Từ đời Trung-hưng trở về sau, các quan hữu-tư không hay cung-cấp đủ được đồ lễ, nên chỉ dùng thịt bò để thay món thịt hầu.

Đời Lê từ khi quyền - chính về cả chúa Trịnh, thì những lúc triều-hạ ở trong nội-diện cũng không cấm cấm gì mấy. Ta khi nhỏ thường vào xem ở trong Long-tri, thấy ở bên võ-ban có đặt một pho tượng là pho thần-vị Hộ-quốc phu-nhân, tượng ấy thì đầu người mà thân hồ-ly, dáng rất đẹp, đó là một pho tượng thiếu-nữ mà búi tóc cài trâm, ta lấy làm lạ, khi trở về mới hỏi đấng tiên-đại-phu ta, thì đấng tiên-đại-phu có nói rằng: « Khi xưa vua Lê Thái-tổ đánh nhau với quân Minh bị thua, quân Minh đuổi theo kịp lắm, đương lúc chạy giữa đường vua trông thấy một cái thây người con gái chết, vua bèn đứng dừng lại, rút gươm ra đào đất chôn cho cái thây người con gái ấy, và khấn rằng: — Nàng hay âm-phù cho ta chạy thoát khỏi được, thì ngày sau tất có báo đền. — Sau quân Tàu đuổi theo gần đến nơi, vua bèn cất mình nhảy vọt vào trong bụi rậm. Quân Tàu mới xuyt chó săn vào tìm, chó cứ cắn

xùa mãi vào trong bụi rậm, quân giặc mới chữa ngọn giáo đâm tin vào đuôi vua, vua bèn lấy áo lau đầu ngọn giáo, quân giặc rút giáo ra không thấy máu rây, mà chó vẫn cứ cắn xùa mãi vào bụi rậm, quân giặc đương hồ-nghi không biết ra làm sao, chợt thấy trong bụi rậm nhẩy vọt ra một con vật gì đầu người mà mình hồ-ly, chạy vọt ra ngoài vòng vây, chó bèn đuổi theo, quân giặc nổi giận liền chém chết ngay con chó mà nói rằng: Ta nuôi mày có phải chỉ dùng đi săn cáo đâu! Sau quân Tàu kéo đi, vua mới được thoát. Về sau vua Lê được thiên-hạ rồi bèn lập một cái đền ở chỗ ấy, sắc phong người con gái ấy là Hộ - quốc phu-nhân ». Một làng Thanh-liêm cũng phụng thờ thần ấy gọi là Hộ-quốc hồ-thần, kiêm được cả tước phong là đại-vương và công chúa, đó là lại cái lỗi các triều gia-phong không biết xét kỹ mà làm sai lầm vậy. Ta thường làm hộ bài bao-phong thần-sắc ấy cho người ta, có nói đến chuyện ấy, bài văn ấy chép ở tập khác.

### Lê sách-phong

Đời Lê hễ có sứ Tàu sang phong vương, thì phạm sự gì cũng tất phải họp triều-nghị, như là kén các quan đi bện-tống sứ Tàu, hoặc đi hậu-mệnh trên cửa nam-quau, đều là kén những người tài giỏi cả, thường thường các quan đi tiếp sứ nhân việc gì cứ hay cỡ lẽ dễ câu cho được, như là cái lễ khấu đầu qui gối đã làm tự năm Khang-hi, mà đến năm Long-dức, năm Cảnh-hưng đời Lê lại còn giáng bàn muốn theo cái lễ năm lay ba khấu đầu. Ta thường xem *Minh-dồ* thấy những lời nghị-luận của Châu Sơn 周燦 đưa đi đưa lại, còn chép ở trong tập *Thù-vực châu tư* 殊域周諮, và những tập văn bện - tống về năm tân-tị đời Cảnh-hưng, còn chép những bài tư-vấn bàn lễ của sứ Tàu là Đức Bảo, Cổ Nhữ-Tu,

có một đoạn còn bàn đến lễ bái qui nói rằng: « Năm Ung-chinh thứ sáu đã tuân theo cái điển-lễ ấy, nay lại muốn đổi đi thì không thể nghe theo được. Nhà vương nếu muốn cứ tình trần tấu, nên chăng còn phải đợi thánh-chỉ cho mới được, còn như việc ngày nay thì sứ-giả không dám tự-chuyên. » Lại nói rằng: « Lấy như cái lòng thành cung-thuận của nhà vương đã tuân theo cái lễ triều-đình, thì càng tỏ lòng truân-thành không cần phải bàn nói nữa. » Còn đến đoạn bàn về việc nghênh-liếp thì nói rằng: « Long-đình đi nghênh-liếp thì phải ở ngoài cửa quốc-môn, vương phải đứng chờ, khi sứ-giả đến nơi thì xuống xe cùng tiếp, rồi bước lên thềm, như thế là làm cho tráng quan-chiếm tỏ lòng vui thuận. » Lại bàn đến đoạn điển-lễ thì nói rằng: « Trộm sợ rằng những kẻ tùy-trùng của sứ-giả, ngộ có điển gì tử-ngữ với người nhà vương chẳng, tưởng đương lúc tiệc đại-khánh của nhà vương không nên để sinh-sự lói-thời đến việc ấy. Ý tôi muốn trước độ vài ngày sai người tán-lễ vào trong điện-đình nhà vương diễn tập nghi-tiết, nhà vương cũng thân đến đấy để xem kẻ tán-lễ dẫn bảo, v. v. » Xem những lời nói ấy người Tàu họ hiền-dụ nói đi nói lại không ngại gì phí lời, mà lời nói của họ vẫn có ý sâu, các quan nước ta ra tiếp sứ thường lấy tranh-biện như thế làm tự-cao, mà không biết là tự-ti vậy. Sách *An-nam-chi* của người Tàu họ lấy mấy chữ đoán hết được tính-cách người An-Nam bảo rằng: « Người An-Nam như ở trong tường đồng vách sắt, bền chặt không thể phá ra được. » Ta thường đọc đến chỗ ấy phải tức mình mà gập sách lại, thế mà người cầm quyền nước lại cứ gác bỏ ngoài tai là tại sao?

#### Cư-tang

Khi xưa người nào đương lúc cư trộng-tang mà thế-thiếp có thai, thì

đều có cấm, từ khi ông Nguyễn Toàn-An, vì thế mà đến pháp-tự, mới thì-cấm ấy đi, đó cũng là lòng người nhân-nhân thương xót, muốn khoan-dung để cho mở rộng đường hiểu. Song đó là vì những kẻ chữa có con thừa-tự mà rộng mở đường nhân đó thôi. Còn như những kẻ đã có tử-tức rồi mà cũng mạo-muội làm theo thì thực là quá lạ!

#### Mộ-chi

Đời Thành-Châu trở về trước chữa có cái thói tìm địa-lý để mà, kể hiểu-từ khi chôn đấng thân thì chỉ để về phía bắc bên làng xóm, chọn nơi nào sáng-khải, để tàng thể-phách đấng thân cho yên mà thôi. Vả cũng có xét hỏi đến việc bói toán nữa, khi để mộ hoặc bói rùa, hoặc bói Dịch chỉ mong về sau tránh những chỗ, khỏi làm thành quách, khỏi làm đường-xá, khỏi phải thủy-hỏa đạo-lạc xấp-phạm đến mà thôi. Đời nhà Thương trung-suy, đến vua Võ - Đinh lại trung-hưng lên, mà mộ vua Thành Thang, Thái Giáp nào có phải cải-bốc đâu. Đời nhà Châu trung-suy, đến vua Tuyên-vương trung hưng lên, mà mộ vua Văn, Võ, Thành, Khang có phải cải-bốc đâu. Đấng Khổng-phu-tử vốn là bậc thánh trời sinh ra mà lại nhiều tài-năng, thế mà khi chôn thân-phụ ở đường Ngũ-phủ, sau lại đem về hợp-táng ở đất Phòng, chớ không có tìm đất gì cả; mà mộ đức Khổng-phu-tử ở Khổng-lâm thì cũng không có đi tìm đất trước để làm nơi sinh-phần bao giờ. Nay xét đờ-chí Khuyết-lý thì thấy một khu đất và trăm dặm, núi sông rộng-rãi, so với cái thuyết nhà phong-thủy bảo nơi ấy là ngư-xa hà-thủy, nơi kia là quan-qui hồ-long, đều không có quan-hệ gì cả, xem thế thì cần-nhân bốc-táng không có cái thuật đi tìm địa-lý.

Đời gần đây mới mê-hoặc về cái thuyết họa-phúc, hoặc đem mồ táng ở tận nơi tuyệt-dịa, hoặc đem hài-cốt táng ở nơi tha-hương, có nhà thần-chủ ở nhà thờ chữa diếu, gia-thanh chữa suy kém, mà những khi tuế thời đi tinh tảo đã quên mất mồ tổ-tiên không biết để ở nơi nào, như thế mà gọi là hiểu ư? Vậy nên cổ-nhân khi chôn mộ có khắc đá để ở dưới mồ gọi là *cht 誌*, dựng bia ở trước mồ gọi là *biểu 表*, mộ-chi thì xưa nay vẫn thông-dụng, mộ-biểu thì về sau gọi là *thần-đạo bi 神道碑*. Khi xưa mộ ông Nhiễm Bá-Ngưu tự-nhiên đất sục xuống thành ao, còn cái nhà thờ ở trước mồ về sau người ta nhận lầm là Ngưu-dại-vương-miếu, kẻ hiểu-sự về sau mò ở dưới nước tìm được một cái mộ-chi mới chữa lại được cái lầm ấy. Mộ ông Tăng-tử người đời sau cũng quên mất không biết ở chỗ nào, sau có bắt được cái bia đá viết lối chữ cổ lưu ở trong núi Gia-thiện, từ đấy mới lại dựng bia mà tiêu-biểu lên, xem thế thì biết cổ-nhân đều có làm mộ-chi. Ông Không-tử có thân-thủ viết sáu chữ: «*Án thái-sư ỉ Gan mộ 殷太師比干墓*», dựng ở Muội-dô, đến nay người đi qua mộ ấy đều phải khởi-kinh. Ông Âu-Dương Tu có vị tiên-tổ dựng cái mộ - biểu ở gò Lũng - cương, đã từng lở xuống nước sau lại tìm thấy ở đất Lu-lãng, mà tám chữ: «*lễ nhĩ phong bất như dưỡng chi 薄 祭 而 豐 不 如 養 之 薄*», vẫn còn thấy chữ khắc đỏ trói rành-rành. Lại còn như thần-mộ bi của Vương-Văn-Chính, đó đều là loài mộ-biểu cả.

Gần đây những nhà táng mộ thường không lập biểu-chi, táng chữa được bao lâu mà nơi phong-phân đã biến-cải khác đi, đời sau trông thấy không còn biết đâu mà truy-khảo là mồ của ai nữa. Làng Thu-tri thờ đức Khâm - thiên đại-vương, mà phần mộ về sau quên mất không biết

ở đâu. Sau vì đào gốc tre mới tìm thấy một cái quan tài bằng đồng, ngờ là mộ của vương mới lại phong mồ đắp năm lên, nếu mà dùng quan bằng gỗ thì chẳng đến hủy mất đi ư? Hưng đạo-vương khi xưa dặn con là Hưng võ-vương đem hỏa-táng rồi để xương vào cái đồ tròn mặt chôn ở trong vườn An-lạc, sự ấy còn chép ở trong Trần-sử, mà sao ở Thu-tri lại thấy có cái mộ-chi Hưng-đạo-vương, vì mấy năm gần đây nước sông xói lở, cái mộ-chi ấy mới thòi ra, người làng mới đem táng vào chỗ đồng cao, nếu không có bia-chi thì mồ ấy lại chẳng lở xuống nước ư? Người con mà muốn hiểu với đấng thân, xem đó phải nên tỉnh-ngộ mà sửa làm mộ-chi cho cần-thận.

### Trợ-tế

Khi xưa vua thiên-tử có việc tế thì dùng các vua chư-hầu, quan khanh-sĩ vào làm trợ-tế. Vua chư-hầu tế thì quan khanh đại-phu, quan sĩ vào làm trợ-tế. Quan khanh đại-phu tế thì quan ấp-tế kẻ gia-thần làm trợ-tế. Kẻ sĩ thì dùng con em và kẻ bộc-lệ làm trợ-tế. Đến đời sau thiên-tử có tế thì đã có trăm quan cung chức; ở chốn quan phủ châu huyện có tế thì đã có lễ - sinh nhạc - sinh. Còn như nhà tư - gia mà hưởng tế thì việc ngoài giao cho con em, việc trong đã có đàn bà con gái. Gần đây làng nào cũng có hội Tu-văn, không phải người khoa-mục quan-thân thì không được dự vào hội ấy. Nhà tư-gia có tế lễ thì tất mời hội Tu-văn đến trợ-tế, bởi vì nhà thứ-dân không có quan chức thì không được dùng hia mũ để tế, nên phải mời đến hội Tu-văn. Song những việc phủng đài rượu, tiến cụ-soạn, đều là những việc của kẻ đệ-tử trong nhà vào làm giúp, nay lại cứ để cho những bậc tấn-thần hiền-quí và những ông hương-cống, mũ cao

áo dài phải làm những việc ấy, thế ra lấy áo mũ công của triều-dinh, mà cung-phụng làm những việc đẽ bèn của nhà tư-gia, sao không biết xét mà nghĩ lại.

Lễ tế nhà công-gia đã tưởng chép trong điển-lễ, không phải bàn ra đây làm gì nữa. Nay hãy xét cái lễ tế của các nhà sĩ-thứ, cùng với lễ tự sinh cũng không khác gì mấy, hễ lúc tế chủ-nhân tiểu soạn, thì chủ-phụ phải tiến canh; chủ-nhân rót thêm rượu, thì chủ-phụ phải vào so dũa đặt thìa. Cái chúc-bản và hồ rượu thì đặt ở phía dưới thêm bèn đồng, phía thêm bèn đồng tức là bếp đồng-trù, làm thời nung đậu con gái phải thân vào sáo nấu, cứ lần lượt từng món thịt sào thịt tái và các thức tam-sinh, hễ chín món nào thì dâng lên món ấy. Hồ rượu dài chén thì đã có kê ti-ấu sắp đặt, cũng thế như thể thực là hợp cái ý dâng cơm lúc bình-sinh. Nay thời cử làm xong cả nắm cỗ rồi bung lên, để người tanh không còn khi-vị thơm-tho gì cả, rồi sau mới sấm sửa vào tế, lên lui quanh co, sênh - sang như trò phường chèo, thế thì còn có gì là cái nghĩa « tế thần như tại » nữa. Và lúc tế bày đặt ra làm cái không hợp lễ, đời xưa cái thực-án với cái hương-án thì cao bằng cái án của người ta thường dùng, khi đọc văn-tế xong thì kẻ chấp-sự đem cái chúc-bản để về đầu bên hữu hương-án, tức là phía bên tả chủ-nhân. Cái chúc-bản thì làm bằng gỗ vuông độ một thước hai tấc, chớ không có làm bằng gỗ lim. Đời gần đây thì lại làm hương-án cao mà chỗ thần-tọa lại thấp, trong ngoài không trông thấy nhau, khi đọc chúc thì lại dùng cái chúc-bản bằng gỗ lim để treo ở khoảng giữa trên hương-án, ngả lưng vào thần-vị mà mặt thì hướng về chủ-nhân, nếu còn theo cái lễ đón thần vào ngồi ở trong thần-vị như ngày xưa, thì vật

gì ở mé trước đều không trông thấy cả mà một bước cũng không đi lên được, không biết bày đặt như thế thì thành ra cái mô-dạng gì. Lại còn trước án hai bên bái-vị đều đặt mỗi bên một cái bàn nhỏ, ở trên mặt bàn thì bày hồ rượu, dài rượu, lư hương và chúc-bản v. v, những người trợ-tế xướng-tế thì cứ theo sau đôi bên bàn mà đứng, người chủ-tế thì khúm-núm quanh co đi ở khoảng giữa, trông y như là cái chuồng trâu, không biết cách bày đặt như thế là ra tự kinh-diễn nào?

### Thần hồ Đông-dinh

Hoàng-công Bình-Chính là người làng Thổ-hoàng huyện Thiên-thị, lấy là dòng-dõi quan Thừa-chính-ti Sơn-tây, đỗ tiến-sĩ năm ất-vị đời Cảnh-hưng, làm quan chức Hàn-lâm. Khi ấy nhà ở phường Hà-khẩu, ông thường nằm mộng thấy một người mi-nhân ăn-mặc lối cung-trang lịch-sự, thời-thường lại chửi khoán-tiếp như vợ chồng trong một nhà vậy. Lúc mới ông còn nghi là yêu-tinh, về sau ít lâu ông vẫn thấy thân-thể mạnh mẽ, khởi-cư như thường, nên cũng chẳng lấy gì làm quái-lạ. Không bao lâu ba phu-nhân mắc bệnh, lúc tăng lúc giảm không thường-hình như có người lam khi ấy mới sai người đến Vạn-kiếp cầu-đạo ở đền đức Hưng-đạo-vương, đòi lấy cái chiếu thờ trong đền, đem về giải vào giường cho phu-nhân nằm, thì thấy bệnh hơi bớt, sau lại vẫn như cũ. Đêm ông lại mộng thấy người mi-nhân bảo rằng : « Thiếp không phải là loài yêu ma đâu, Hưng-đạo-vương có làm gì được ta, ta cho hơi bớt như thế, đó là nể cái thể-diện nhà vương đó mà thôi. Tuy rằng thế nhưng bệnh phu-nhân cũng sắp khỏi đấy. Sang tháng thì có triều-mệnh bổ ông xuống làm Hiến-sát-sứ ở Hải-dương, thiếp xin đi theo để nâng khăn sửa túi ». Sau

quả-nhiên ông phải bỏ đi Hải-dương. Đương lúc sắp-sửa hành-trang, chùng vào đô gả gầy bà phu-nhân mới gọi người trưởng-công-tử là Liễn bảo rằng : « Đem qua ta mộng thấy một người mĩ-nhân như bà cung-phi, ở trong nhà nội-dương, kẻ ti-thiếp hầu-hạ rất đông, đương sắp sửa hành-trang đi Hải-dương, hoặc có kẻ hỏi có lưu người nào lại giữ nhà không, thì bà mĩ-nhân bảo cho đi theo cả. Chợt cái tỉnh dậy ta biết rằng bệnh ta sắp khỏi, nay ta đã muốn ăn, con nên bảo đem cháo vào đây. » Công-tử cứ theo như lời thì bệnh bà phu-nhân quả-nhiên khỏi. Năm quý-mão, triều-nghị lại sai ông sung chức chánh-sứ sang Tàu tạ ân, đêm hôm sắp sửa sang đô, thì bà phu-nhân lại mộng thấy người mĩ-nhân tự trong nhà ra cửa lên xe bảo những kẻ tưng-giả rằng : « Lần này ra đi thì tương-công với ta lưu ở bên Tàu, chứ không về bên Nam nữa. » Đêm hôm ấy ông chầy sang ngủ ở trạm Gia-quất, chợt mắc phải bao-bệnh, mê-mẩn ba ngày bất-tỉnh nhân-sự, sau mới hơi tỉnh, bèn mời anh vào nói chuyện đầu đuôi có mộng thấy người mĩ-nhân lại bảo việc tiên-sinh mà rằng : — Ông tiên-thần là thần đền Túc-duyên ở núi Biền-son, hồ Đông-dinh, vẫn có túc-duyên với thiếp, từ khi ông giáng-thế, thiếp phải ở u-độc một mình, không đủ tiền chi dụng, đến phải sai thị-tì đi bán hoa để cung tiền chi-phần. Nay việc nước không thể vấn-hời được nữa rồi, mà ông trích-kỳ đã mãn-hạn, sao ông lại chẳng sắp sửa về chốn cũ ? — Ta mới từ chối bảo rằng đương bận việc vua hãy để cho đi xong việc trở về phục-mệnh đã. Mĩ-nhân bảo rằng : — Nếu như vậy thì lại còn phải ở một năm nữa. Nhưng ông đã muốn lại về phục-mệnh thì thiếp cũng không dám cưỡng đón về vội. Sớm mai có người đem cho chim đấy, cứ đem mà ăn thịt thì khỏi. — Ta nghe nói rồi chợt tỉnh

dậy, mới nghĩ rằng giá đến ngày trở về vào chiêm-cận thì chửa chắc về đến được đô-thành, nên phàm việc gì đều nhờ anh liệu-lý cho cả. » Lại sai công-tử đặt tế-lễ khấn thần chính-khi đền Túc-duyên và vị công-chùa cầu rằng giúp cho xong việc nước theo như lời hẹn trong lúc mộng. Ngày hôm sau quả-nhiên thấy đàn xã Lễ-khê đem cho vịt le và chim sẻ vàng, ông sai đem nấu để ăn thì bệnh lại khỏi. Đến khi sang đến Tàu qua hồ Đông-dinh ghé thuyền vào dưới núi Biền-son, ông có sai người đem vàng hương lên núi để cúng khấn, thì thấy trên khoảng núi có một cái miếu biển đền năm chữ : « Biền-son Túc-duyên từ 扁山夙緣祠 », bên cạnh có thờ vị công-chùa giống như người mĩ-nhân trong lúc mộng. Đêm hôm ấy thuyền qua sông nằm mộng thấy có một đũa thị-tì đến nói xin biểu hai con cá chép Sáng mai khai thuyền ra đi đến giữa dòng thì thấy có cá nhảy lên thuyền, bắt được hai con cá chép. Năm giáp-thìn lại trở về Nam, lại qua dưới núi Biền-son thì thấy nước dấy gió dữ, thuyền không ghé vào đâu được, chợt lại nổi cơn giông gẫy cả cột buồm, thuyền bị mắc cạn xuýt nguy, nhưng may lại qua khỏi, bèn đổi thuyền khác đi về đến thành Lạng-son, đêm hôm ấy lại mộng thấy mĩ-nhân đến mừng nói rằng : « Nay việc nước đã xong rồi đấy, ông hết sức xin về đến nơi phục-mệnh vua đã. » Bởi vậy đêm hôm ấy nổi bệnh đau lại khỏi, sau đến năm át-tị ngày hai-mươi-chín tháng giêng, ông về đến đô-thành phục-mệnh, quá trưa thì mất. Truyện này là ta nghe cậu trưởng-công-tử nói lại như vậy.

Các bậc tiên-bối nước ta thường trước là thần bên Tàu mà lại hay là thần ở Đông-dinh, như là truyện ông Nguyễn Trọng-Vĩ 阮仲偉, ta đã chép ở trong sách *Tang-thương ngẫu-lục* 桑滄偶祥, cùng với truyện Hoàng-

công có cái tức - thế nhân - duyên này, đều là truyện quái lạ cả. Lại thường nghe truyện khi xưa Nguyễn-công Thế - Khải 阮世啓, đã mất rồi, có ông bạn đồng - niên đi sứ sang Tàu, khi sắp qua hồ Đông-dinh cũng lại mộng thấy ông Nguyễn Thế-Khải bảo rằng ông làm thần ở Đông-dinh, ngày mai ở trong hồ này có trận phong-ba tiều-kiếp, khuyên bảo đừng khai thuyền ra đi vội. Đến khi tỉnh dậy, ông mượn cờ dùng thuyền lại, quả-nhiên ngày hôm ấy trong hồ có nổi phong-ba. Ý chừng hồ Đông-dinh với nước ta, từ khi Kinh-dương-vương trở về sau, vẫn là một nước hữu-bang với ta, vậy cái nhân-quả thần với người tuần-hoàn đi lại, không phải non sông hay ngăn hạn được chăng? Song những truyện ấy không thể lấy thường-tình xét đoán được.

Đấng tiên đại-cửu ta là Thượng-thư-công, khi xưa lấy chức Lại-thị đó-dài sung làm chánh-sứ cống-bộ năm dinh-dậu. Khi ấy ông đã ngoài sáu-mươi, làm quan trong triều đã hơn bốn-mươi năm, cứ như lệ cũ đi sứ Tàu thì ông không phải cất đến nữa. Thế mà trong triều không ai biết, chợt một cái thấy Trịnh Thịnh-vương (Trịnh Sâm) đòi ông vào Trung-hòa-đờng mật đưa cho một tờ biểu bảo sang sứ Tàu cầu phong phó-quốc-vương, và bảo rằng: Nếu sau khi xong việc thì được cùng nước đồng-hưu. Ông biết rằng ý chúa Trịnh đã quyết không dám chối từ. Tháng sáu năm mậu-tuất, thuyền qua hồ Đông-dinh, ông chợt mắc bệnh, bèn mời quan phó-sứ là Hồ-công Sĩ-Đông 胡士棟, Nguyễn-công Trọng-Đang 阮仲鑑 dẫn bảo mọi việc công, và làm tờ di-khải di-bẩm để lại, lại đưa ra tờ mật-biểu của Trịnh-chúa đổi trước mặt hai quan sứ-thần đem đổi đi, ngày mồng mười thì ông

mất ở trên thuyền, ông có dặn lại chớ liếm bằng thủy-ngân. Hồ-công có thơ viếng rằng :

*Hoàng-hoa lưỡng độ phủ tư tuần,*  
皇華兩度賦諮詢。  
*Nguyên-dức kỳ niên cánh kỷ nhân ;*  
淵德昔年更幾人。  
*Cống tiền bang giao nhân ngọc bạch,*  
共漢邦交開玉帛。  
*Thầy tri tiên cốt lịch phong-trần;*  
誰知仙骨歷風塵。  
*Sinh số lệ sài đồng chu khách,*  
生筭淚洒同舟客。  
*Tái bút danh qui tuấn quốc thần ;*  
載筆名歸殉國臣。  
*Trừ trưởng thái hồ thu nguyệt sắc,*  
惆悵太湖秋色。  
*Đạ lai do chiếu ốc tương tần.*  
夜來猶照屋樑頻。

## Dịch-nghĩa

*Mây độ Hoàng-hoa sứ nước người,*  
Tuổi cao đức tốt ấy kia ai ?  
*Bang-giao những tưởng ngọc-ngà*  
*Tiền-cốt nào hay gió-bụi đầy ; [đẹp,*  
*Giọt lệ đồng-châu đưa một lễ,*  
*Tấm thân tuấn quốc liếng muôn đời;*  
*Trăng thu mờ-tường trên hồ nọ,*  
*Thập-thoảng đầu nhà bóng lờn soi .*

Bài thơ đó cũng là vì một cơ gì mà nói ra vậy. Sau này người làng ta thường mộng thấy ông từ bên Tàu chày về, quân lính rậm-rịch, những kẻ hầu-hạ đều mặc áo tàu cả.

## Duyên-cách.

Ta thường thấy một biệt-lục chép rằng : « Đời Lê năm Quang-thuán thứ bảy, đổi sáu viện làm sáu bộ, đặt ra mười hai xứ Thừa-tuyên, đổi lộ 路 làm phủ 府, đổi chức chuyển-vận 轉運 làm chức tri-huyện 知縣, chức tuần-sát 巡察 làm chức huyện-thừa 縣丞, đổi đạo Giang-bắc 江北 làm xứ Kinh-bắc thừa-tuyên, 京北水宜 đổi phủ Lương-giang 梁江 làm phủ

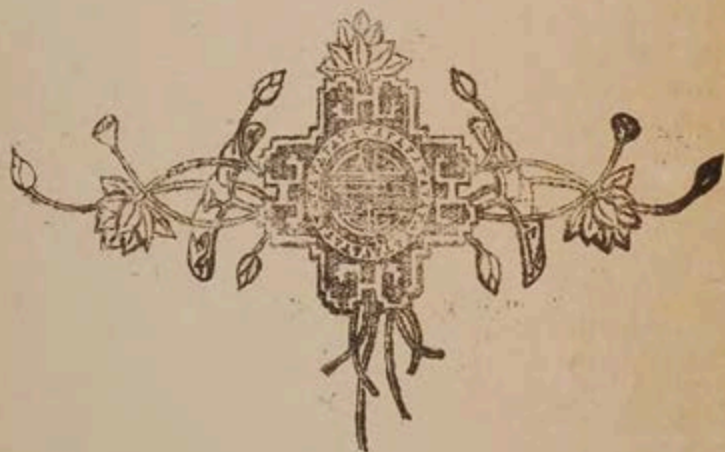
Thiệu - thiên 紹天, phủ Ứng - thiên 應天 làm phủ Lục-dâm 六譚, kẻ duyệt-lại 椽吏 làm kẻ xã-trưởng 社長. Năm Hồng-đức thứ hai đổi xứ Thiên-trường thừa-tuyên 天長承宣 làm Sơn - nam thừa - tuyên 山南承宣, huyện Thanh - đàm 淸潭 làm phủ Thường-tin 常信, huyện Ứng - thiên 應天 làm huyện Chương-đức 彰德, Nhai-châu 崖州 làm châu Quỳnh-nhai 瓊崖. Năm thứ ba, đặt ra chức Thanh-hình hiến-sát-sứ ti ở các đạo. Năm thứ tư đổi phủ Thượng - hồng 上洪 làm phủ Nhân-hồng 仁洪, phủ Hạ-hồng 下洪 làm phủ Thiên-hùng 天維. Năm thứ sáu lại theo cái tên cũ gọi là phủ Thượng-hồng Hạ-hồng. Lại lấy huyện Vĩnh-xương ở Trung-đô chia làm hai huyện Vĩnh-xương 永昌, Quảng-đức 廣德 thuộc phủ Phụng-thiên Trung-đô. Lại đổi Trung thư-khoa 中書科 làm Lại-khoa 吏科, Hải-khoa 海科 làm Hộ-khoa 戶科, Đông-khoa 東科 làm Lễ -

khoa 禮科, Nam-khoa 南科 làm Binh-khoa 兵科, Tây-khoa 西科 làm Hình-khoa 刑科, Bắc-khoa 北科 làm Công-khoa 工科. » Đó là những việc trong sử không chép đến cả.

Năm Hồng-đức có xuống chiếu phạm những bài phân-vấn ngự-chế và những bài phân-vấn ở các ti đều dùng văn biền-ngẫu theo như lối văn lãn, những chỗ viển-dẫn lẽ-luật, châm-chước nhân-tình, đều là rõ-ràng xứng-dáng cả. Gần đây những người phê-phán ngục-tử chỉ tự ý hạ bút phê liêu, sai mất cả cái thể phân-vấn đời xưa, cũng có người phê đôi ba câu có đối nhau, thì lại xúm lại mà chế cười, nên lắm chỗ khúc-trực không rõ-ràng, thực là lỗ-mỗ lắm, vì thể gian-tệ lại càng tệ lắm, thực khá thương thay !

(Hết)

ĐÔNG-CHÂU dịch





MANH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XXI

III

不 下 其 也 得 三 孟  
仁。也 失 以 天 代 子  
以 天 仁。下 之 曰。

Dịch-âm. — *Manh-tử viết*: « Tam-đại chi đức thiên-hạ dã dĩ nhân, kỳ thất thiên-hạ dã dĩ bất-nhân.

Dịch-ngĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Đời Tam-đại sở dĩ được thiên-hạ là vì làm điều nhân, sở dĩ mất thiên-hạ là vì làm điều bất-nhân.

Chú-giải. — Tam-đại = Nhà Hạ, nhà Thương, nhà Châu. Vua Vũ, vua Thang, vua Văn vua Võ là vua đời Tam-đại làm nhân mà được thiên-hạ; vua Kiệt vua Trụ vua U vua Lệ bất-nhân mà mất thiên-hạ.

然。者 存 廢 所 國  
亦 亡。興 以 之

Dịch-âm. — « Quốc chi sở dĩ phế hưng tồn vong giả diệc nhiên.

Dịch-ngĩa. — « Nước chư-hầu sở dĩ bị phế hay hưng-vượng, còn hay mất, cũng vì lẽ nhân với bất-nhân như thế cả.

酒。是 死 不 廟。夫 不 四 天  
猶 亡。保 士 不 保 海。子  
惡 而 四 庶 仁。社 諸 不  
醉 樂 體。人 稷。侯 仁。  
而 不 今 不 保 卿 不  
鬻 仁。惡 仁。宗 大 仁。保

Dịch-âm. — « Thiên-tử bất nhân, bất bảo tữ hải; chư-hầu bất nhân, bất bảo xã-tắc; khanh đại-phu bất nhân, bất bảo tôn-miêu; sĩ thứ-nhân bất nhân, bất bảo tữ thê. Kim ố tữ vong nhi lạc bất-nhân, thụ do ố tữ nhi cường tữu.»

Dịch-ngĩa. — « Vua thiên-tử mà bất-nhân, thì chẳng giữ được bốn bề; vua chư-hầu mà bất-nhân, thì chẳng giữ được nền xã nền tắc; quan khanh đại-phu mà bất-nhân, thì chẳng giữ được nhà tôn-miêu; kẻ sĩ kẻ thứ-nhân mà bất-nhân, thì chẳng giữ được thân-thê. Nay ghét sự chết sự mất, mà vui thích làm điều bất-nhân, ấy cũng như ghét sự say mà gượng uống mãi rượu.»

Chú-giải. — Tữ thê = Tức là tứ-chí, hai chân hai tay, là trở về cái thân.

Toàn chương này là răn những kẻ làm điều bất-nhân.

IV

反 人 其 不 仁。親。愛 孟  
其 不 智。治。治 反 人 子  
敬。答。禮 反 人 其 不 曰。

Dịch-âm. — *Manh-tử viết*: « Ái nhân bất thân, phản kỳ nhân; trị nhân bất trị, phản kỳ kính.

Dịch-ngĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Yêu người mà người chẳng thân, nên xét lại điều nhân của mình đã thất

(1) Xem N.-P. số 129.

nhân chưa ; trị người mà người chẳng phục, nên xét lại điều trị của mình đã thật trị chưa ; lấy lễ đãi người mà người chẳng đáp, nên xét lại điều kinh của mình đã thật kính chưa.

下正己反得行  
歸而其求者有  
之。天身諸皆不

Dịch-âm — « Hành hữu bất đắc giả, giai phẫn cầu chư kỹ, kỹ thân chính, nhi thiên-hạ qui chí. »

Dịch NGHĨA — « Phạm làm việc gì mà có điều chẳng được như nguyện, đều nên trách lại ở mình ; cái thân mình chính, thì thiên-hạ tự qui-phục mình. »

Chú-giải. — Phẫn-cầu = Trở lại xét mà trách mình. Chính = Ngõa-động hành-vi đáng với lễ trời, hợp với lòng người, đều chịnh-đáng cả.

Đây là nói cái công-hiệu được thiên-hạ theo về, là bởi hay trách mình, sửa lại mình cho chính, đề khuyên-bảo các vua-chúa ở đời muốn trị người, tài cốt phải hết nghĩa-vụ ở mình.

多自配永壽  
福。求命。言云。

Dịch-âm — « Thi vãn : « Vinh ngôn phối mệnh, tự cầu đa phúc. »

Dịch-NGHĨA. — « Kinh Thi có nói rằng : « Dài nói hợp với mệnh trời, tự mình cầu lấy nhiều phúc. »

Chú-giải. — Đây dẫn kinh Thi là nói tự mình phải thường nghĩ cho hợp lẽ trời thì phúc tự đến, đề thừa-kết lại ý chương trên.

## V

身。家。之。本。家。曰。有。孟  
之。本。在。天。天。恆。子  
本。在。國。下。下。言。曰。  
在。家。盡。之。國。皆。人

Dịch-âm — Mạnh-tử viết : « Nhân hữu hằng ngôn giai viết : « Thiên-hạ quốc gia. » Thiên-hạ chi bản tại quốc, quốc chi bản tại gia, gia chi bản tại thân. »

Dịch NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người đời thường nói rằng : « Thiên-hạ quốc-gia. » Nhưng chưa biết rằng cái gốc thiên-hạ là ở nước, cái gốc nước là ở nhà, cái gốc nhà là ở thân mình. »

Chú-giải. — Đây là bảo người ta nên biết điều gốc, phải biết thứ-tự nào rồi mới đến nước, nước rồi mới đến thiên-hạ, mà suy cho cùng về nghĩa tu-thân.

## VI

教。之。所。慕。之。於。不。孟  
溢。故。慕。之。所。巨。難。子  
乎。沛。天。一。慕。室。不。曰。  
四。然。下。國。一。巨。得。為  
海。德。慕。之。國。室。罪。政

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Vi chính bất nan, bất đắc tội ư cụ-thất, cụ thất chi sở mộ, nhất quốc mộ chi, nhất quốc chi sở mộ, thiên-hạ mộ chi, cố bất-nhiên đức giáo dật hồ tứ hải. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Ông vua muốn thì chính ra trong thiên-hạ cũng chẳng khó gì. Chỉ cốt tu cái thân cho chính, không đắc-tội với các họ to ; các họ to phục mẫn, thì cả nước phục mẫn ; cả nước phục mẫn, thì thiên-hạ phục mẫn ; tự khắc là trời chảy đức-trạch giáo-hóa đi đầy khắp trong bốn bể. »

Chú-giải. — Đắc tội = Cái thân bất-chính mà kết oan kết giân với lòng người. Cụ-thất = Các họ đại-gia đời đời nối đời làm quan trong nước, phần nhiều là người thượng, lưu tri-thức, người nước vẫn có lòng tin phục. Bất-nhiên = Trời chảy đầy tràn.

Đây là nói người quân-tử trị thiên-hạ chẳng lo lòng người chẳng phục, chỉ lo thân mình chẳng tu, cũng là thừa-tiếp ý chương trên mà nói.

VII

存。天 役 道。大 大 有 孟  
逆 也。彊。小 賢。德。道。子  
天 順 斯 役 天 小 小 曰。  
者 天 二 大。下 賢 德 天  
亡。者 者 弱 無 役 役 下

Dịch-âm — Manh-tử viết : « Thiên-hạ hữu đạo, tiểu đức dịch đại-đức, tiểu-hiền dịch đại-hiền, thiên-hạ vô đạo, tiểu dịch đại, nhược dịch cường ; tư nhị giả thiên dã ; thuận thiên giả tôn, nghịch thiên giả vong.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Manh nói rằng : «Lúc thiên-hạ có đạo, người đều tu đức, kẻ đức nhỏ phục-dịch cho kẻ đức lớn, kẻ hiền nhỏ phục-dịch cho kẻ hiền lớn ; lúc thiên-hạ không đạo, người đều cạy sức, kẻ thế nhỏ phải phục-dịch kẻ thế lớn, kẻ sức yếu phải phục-dịch kẻ sức mạnh ; hai điều đó là cái lý-thế đương-nhiên vậy ; kẻ thuận về lý-thế đương-nhiên thì còn, kẻ trái với lý-thế đương-nhiên thì mất.

Chú-giải. — Thiên = Trời, tức là cái lý-thế đương-nhiên.

Chương này là khuyên các vua chư-hầu phải nên theo cái lý-thế đương-nhiên của trời mà làm điều nào.

矣。而 也。是 不 能 曰。齊  
女 涕 絕 受 命。既 景  
於 出 物 命。又 不 公

Dịch-âm — « Tề Cảnh-công viết : « Kỳ bất năng lệnh, hựu bất thủ mệnh, thị tuyệt vật dã » Thế xuất nhi như ư Ngô.

DỊCH-NGHĨA. — « Vua Cảnh-công nước Tề có nói rằng : « Đã chẳng có thể ra lệnh khiến được người, lại chẳng chịu nghe mệnh người, thế là đoạn-tuyệt với người ». Vậy nên phải chú ý nước mất mà gả con gái cho nước Ngô.

Chú-giải. — Vật = Người. Như = đem con gái gả cho người.

Đây là dẫn lời vua Tề liệu tính về kẻ giao-thiệp mà phải chịu nhưn với nước Ngô, đã chừng ra cái sự-thực nước nhỏ phải phục-dịch nước lớn; kẻ yếu phải phục-dịch kẻ mạnh.

先 受 子 是 受 國。國 今  
師 命 兩 猶 命 而 師 也。  
也。於 恥 弟 焉。恥 大 小

Dịch-âm — « Kim dã, tiểu-quốc sư đại-quốc, nhi sĩ thụ mệnh yên, thị do đệ-tử nhi sĩ thụ mệnh ư tiên-sư dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Nay nước nhỏ chỉ bắt-chước cái sự dở của nước lớn, mà lại lấy sự phải chịu mệnh làm xấu hổ, ấy cũng như học-trò mà lấy sự thụ-mệnh ông thầy làm xấu-hổ thì không thể được vậy.

Chú-giải. — Sư = Bắt-chước.

下 致 年。小 國 文 文 莫 如  
矣。於 必 國 五 王。王。若 恥  
天 爲 七 年。大 師 師 之。

Dịch-âm — « Như sĩ chi, mạc nhược sư Văn-vương ; sư Văn-vương, đại quốc ngũ niên, tiểu quốc thất niên, tất vi chính ư thiên hạ hĩ.

DỊCH-NGHĨA. — « Nếu lấy làm xấu-hổ, thì chẳng gì bằng bắt chước vua Văn-vương, thực-hành mọi điều nhân-chính ; bắt chước Văn-vương thì nước lớn chừng độ năm năm, nước nhỏ chừng độ bảy năm, tất cảm quyền chính-trị ở trong thiên-hạ vậy.

Chú-giải. — Đây là nhân cái lòng xấu-hổ của các nước nhỏ đời bấy giờ, mà khuyên bảo lấy sự tu-đức tự-cường.

天 也。曰。裸 靡 侯 既 其 詩  
下 夫 仁 將 常。服 命。罷 云  
無 國 不 于 殷 子 侯 不 商  
敵。君 可 京。士 屬。于 健。之  
好 爲 孔 廣 天 周 上 係  
仁。衆 子 敬。命 服。帝 子。

Dịch-âm — « Thi vân: «Thương chi tôn tử, kỳ lệ bất ức; thượng-đế kỳ mệnh, hầu vu Châu phục; hầu phục vu Chấn, thiên mệnh mĩ thường; Ân sĩ phu mãn, quán tương vu kinh.» Khổng tử viết: «Nhân, bất khả vi chúng dã; phủ quốc-quán hiếu nhân, thiên-hạ vô-dịch».

DỊCH-NGHĨA. — « Kinh Thi có nói rằng: «Con cháu nhà Thương, số chẳng kể ức; mệnh trời đã bảo, phải phục về nhà Châu; sớ-dĩ phải phục nhà Châu, là vì mệnh trời chẳng thường, chỉ theo về kẻ có đức; quan nhà Ân những kẻ lớn-lao nhanh-nhẹn, cũng đều chấp lễ quán trợ tế ở kinh-dô nhà Châu.» Ông Khổng đọc thơ ấy than rằng: «Người nhân thì chẳng ai cậy nhiều người mà dương nổi. Ôi! đấng quốc-quán ham thích làm sự nhân, thì thiên-hạ còn ai dịch được.»

Chú-giải. — Thi = Thơ Văn-vương 文 王 thiên Đại-nhã 禮 = Số 禮 = Mười vạn. Hầu = Cũng như chữ duy 維, nghĩa là bui là chỉ, tiếng đưa-dây. Phu = Lớn. Mãn = Nhanh. Phu-mãn = Tài mạo lớn-lao nhanh-nhẹn. Quán = Bồi, khi tế tôn-miếu, rót chén rượu xuống đất để làm phép giáng-thần, gọi là lễ quán. Tương = giúp đỡ, trợ tế. Ân = Tức là nhà Thương.

Đây là dẫn kinh Thi với lời ông Khổng đề kể ra cái sự-thực vua Văn-vương làm nhân mà thiên-hạ qui-phục, đề khuyên vua các nước nên bắt-chước Văn-vương.

不能也。而是而敵今  
以執詩不猶不於也  
濯。熱。云。以執以天欲  
逝誰濯熱仁。下。無

Dịch-âm. — « Kim dã dục vô-dịch ư thiên-hạ, nhi bất dĩ nhân, thị do chấp nhiệt nhi bất dĩ trạc dã. Thi vân: «Thủy năng chấp nhiệt, thế bất dĩ trạc.»

DỊCH-NGHĨA. — « Nay muốn thiên-hạ không ai dịch nổi mình, mà

chẳng bắt-chước Văn-vương làm nhân-chính, ấy cũng như cầm cái vật nóng mà chẳng đem nước mát rửa vậy. Kinh Thi có nói rằng: «Ai có thể cầm vật nóng, mà chẳng đem nước mát rửa.»

Chú-giải. — Thi = Thơ Tang-như 桑柔 thiên Đại-nhã. Thế = Tiếng trợ-ngữ.

Tiết này dẫn lời kinh Thi là đề tỏ rằng ai muốn vô-dịch mà chẳng làm nhân-đức sao được.

## VIII

之何而以其安者  
有。亡可亡。其者。其可子  
。國與者。樂危與曰。  
敗言。不其而。言不  
家則仁。所利哉。仁

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: «Bất nhân giả khả dĩ ngôn tai, an kỳ nguy, nhi lợi kỳ tai, lạc kỳ sở dĩ vong giả; bất nhân nhi khả dĩ ngôn, tắc hà vong-quốc bại-gia chi hữu.»

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: «Kẻ bất-nhân kia, khá lấy lời trung-ngôn mà bảo được đâu. Nó chỉ yên về sự nguy-hiểm, mà thích về sự tai-vạ, vui về những đường làm cho diệt-vong. Nếu kẻ bất-nhân kia mà khá cùng bảo lấy lời phải được, thì sao đến nỗi mất nước tan nhà.»

Chú-giải. — Sớ-dĩ = Cái nguyên-nhân suy nên Sớ-dĩ-vong = Cái cơ làm cho đến diệt-vong tức là những sự bạo-ngược hoang-dâm.

Đây là cảnh-trình cho những kẻ có nhà có nước mà hôn-mê bất-nhân.

濯濁滄以水曰。有  
我兮。浪濯清滄。孺  
足。可之我兮。浪子  
以水櫻。可之歌

Dịch-âm — « Hữu nhự-tử ca viết: «Thương-lương chi thủy thanh hề, khả dĩ trạc, ngã anh; Thương-lương chi thủy trọc hề, khả dĩ trạc ngã lúc.»

DỊCH-NGHĨA — « Có kẻ nhũ-tử hát rằng : « Nước sông Thương - lương trong vậy, khá đem giặt mũ ta ; nước sông Thương-lương đục vậy, khá đem rửa chân ta ».

Chú-giải. — Nhũ-tử = Gã trẻ con. Thương-lương = Tên một con sông. Trạc = giặt rửa.

之矣。斯濯之。小孔  
也。自濯櫻。清子子  
取足濁斯聽曰。

Dịch-âm. — « Không-tử viết : « Tiều-tử thính chí, thanh tư trạc anh, trạc tư trạc túc hĩ, tự thủ chí dã. »

DỊCH-NGHĨA. — « Ông Không nghe câu hát ấy nói rằng : « Kẻ tiều-tử nghe lấy đấy, trong thì dùng để giặt dải mũ, đục thì dùng để rửa chân, là do cái nước sông Thương-lương tự thụ đó vậy. »

Chú-giải. — Tiều-tử = Lời gọi học-trò, và lời học trò xưng mình. Tự-thủ = Do tự mình làm ra, không phải là do bề ngoài xui nên, nghĩa là hay ở ở đều tự mình làm ra cả.

Đây là dẫn lời ca với lời ông Không, đề rõ ra rằng kẻ bất-nhân đến nỗi bại-vong, là do tự thủ, không phải là tai trời hoặc tai người.

後必人自悔悔。夫  
人自毀毀。之。然人  
伐伐。之。而家後必  
之。而國後必人自

Dịch-âm. — « Phù nhân tất tự vũ, nhiên hậu nhân vũ chí ; gia tất tự hủy, nhi hậu nhân hủy chí ; quốc tất tự phạt, nhi hậu nhân phạt chí. »

DỊCH-NGHĨA. — « Ôi, người kia tất tự mình khinh nhờn mình trước, rồi sau người ngoài mới khinh-nhờn mình ; nhà kia tất tự trong nhà hủy hoại trước ; rồi sau người ngoài mới hủy-hoại mình ; nước kia tất tự trong nước sát-phạt nhau trước, rồi sau người ngoài mới sát-phạt mình. »

Chú-giải. — Tiết này là nói nhà nước mà đều phá hủy đều là tự-thủ cả.

也。此不自猶天太  
之可作可作甲  
謂活。孽遠。孽曰。

Dịch-âm. — « Thái-giáp viết : « Thiên tác nghiệt, do khả vi, tự tác nghiệt bất khả hoạt. » Thử chi vị dã. »

DỊCH-NGHĨA. — « Thái-giáp trong kinh Thư có nói rằng : « Trời làm ra tai-vạ, còn có thể tránh được, tự mình làm ra tai-vạ, chẳng có thể sống được. » Chính là nghĩa ấy. »

Chú-giải. — Đây là dẫn lời kinh Thư để chứng ra rằng mình tự-tác nghiệt là mình tự thủ tai-vạ, thì không thể sống sao được.

IX

聚其得天下民下孟  
之。心其下有者也。子  
所有心矣。道失失曰。  
所惡道。斯得得其其桀  
勿所得其其心民紂  
施欲民民民也。也。之失  
爾與矣。有斯得失天  
也。之得道。得天其天

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Kiệt Trụ chi thất thiên-hạ dã, thất kỳ dân dã ; thất kỳ dân giả, thất kỳ tâm dã. Đắc thiên hạ hữu đạo, đắc kỳ dân, tư đắc thiên-hạ hĩ ; đắc kỳ dân hữu đạo, đắc kỳ tâm, tư đắc dân hĩ ; đắc kỳ tâm hữu đạo, sở dục dữ chi tự chí, sở ở vật thi, nhi dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Vua Kiệt vua Trụ sở dĩ mất thiên-hạ, là vì mất dân ; sở dĩ mất dân, là vì mất lòng dân. Được thiên-hạ há chẳng có đạo, được dân, thì được thiên-hạ vậy ; được dân há chẳng có đạo, được lòng dân, thì được dân vậy ; được lòng dân há chẳng có đạo, điều gì dân muốn thì thu hợp điều ấy lại cho dân,

điều gì dân ghét thì chớ đem điều ấy ra làm hại dân, cái đạo được lòng dân như thế mà thôi.

*Chú-giải.* — *Sở-dục* = Những điều ưa muốn, như những sự no ấm yên-vui. *Sở-ố* = Những điều ghét, không ưa, như những sự đói rét lao - khổ.

Chương này là xét về cái gốc sở-dĩ thất thiên-hạ, và đức thiên-hạ, mà khuyên phải ở cho được lòng dân thì mới được thiên-hạ.

也。走獸就水也。歸民  
壤之下。之猶仁之

*Dịch-âm.* — « Dân thì qui nhân dã, do thủy chi tụ hạ, thú chi tựu khoáng dã.

*Dịch-Nghĩa.* — « Dân theo về với người nhân, cũng như nước chảy xuống chỗ thấp, loài thú chạy ra quăng đồng rộng.

*Chú-giải.* — Nhân = Tức là người thi-hành nhân-cửnh hay làm thỏa được lòng sở-dục của dân và hay bỏ được những điều sở-ố cho dân.

也。者湯者爲魚故  
桀武鵠叢者爲  
與殿也。殿淵淵  
紂民爲爵也。殿

*Dịch-âm.* — « Cổ vị uyên khu ngư giả thất dã, vị tàng khu tước giả chiên dã; vị Thang Vũ khu dân giả Kiệt dữ Trụ dã.

*Dịch-Nghĩa.* — « Cho nên vì việc xưa cũ lại đó, là loài thất vậy; vì rừng xưa chim lại đó, là loài chiên vậy; vì vua Thang vua Vũ xưa dân lại đó, là vua Kiệt với vua Trụ vậy.

*Chú-giải.* — Thất = Tức là con đại-cá, lũng = Búi rừng rậm. Tước = Cũng như chữ tước 雀 là chim sẻ. Chiên = Loài chim dữ như loài chim cắt, bay bắt chim sẻ.

Tiết này là thừa tiếp tiết trên mà nói dân vốn theo về người nhân mà ghét kẻ bất-nhân,

kẻ bất-nhân giống như loài thất loài chiên dữ tợn, lại càng xuâ dân theo về người nhân.

已。王。矣。皆者。君今  
不難爲則有天  
可欲之諸好下  
得無殿侯仁之

*Dịch-âm.* — « Kim thiên-hạ chi quân, hữu hiếu nhân giả, tắc chư hầu giai vị chí khu hĩ; tuy dục vô vương, b t khả đắc dĩ.

*Dịch-Nghĩa.* — « Nay các vua trong thiên-hạ, có vua nào vui thích làm sự nhân, thì mọi nước chư-hầu bạo ngược kia đều vì ông vua ấy mà xuâ dân lại vậy; dầu muốn không thịnh-vượng, cũng chẳng thể được vậy.

*Chú-giải.* — Vương = Thống-trị cả thiên-hạ mà được thịnh-vượng.

於身不終也。求猶今  
死憂志身苟三七之  
亡。縣。於不爲年年欲  
以仁得。不之之壬  
陷終苟畜。艾病者。

*Dịch-âm.* — « Kim chi dục vương giả, do thất niên chi bệnh, cần tam niên chi ngãi dã; cần vi bất súc, chung thân bất đắc; cần bất chí u nhân, chung thân ưu nhục, dĩ hãm u tử vong.

*Dịch-Nghĩa.* — « Nay kẻ muốn thịnh-vượng, cũng như cái bệnh bảy năm phải cần đến cỏ ngãi ba năm để chữa mới được. Nếu mà chẳng súc-tích trước, suốt đời chẳng được cái cỏ ngãi kinh-niên thì chữa sao được bệnh. Nay các nước chư-hầu nếu không chí-hướng về điều nhân thì suốt đời phải lo-sợ sĩ-nhục, rồi sa-sút đến chết mất.

*Chú-giải.* — Ngãi = Tên một thứ cỏ dùng để chữa bệnh, càng kinh-niên càng hay.

Đây là nói cái nước tích-tệ đã lâu mà nay muốn thịnh-vượng, thì phải cấp-thời làm sự

nhân, cũng như cái bệnh đã lâu ngày mà muốn khỏi bệnh, thì phải cấp - thời sức-tích cổ ngãi.

講此及載能其詩  
也。之溺。晉俶。何云。

Dịch - âm. — « Thi ván : « Kỳ hà năng thực, tái tư cấp nịch. » Thủ chi vị dã. »

DỊCH - NGHĨA. — « Kinh Thi có nói rằng : « Người chẳng làm điều thiện, thì cùng đến chìm đắm. » Chính là nghĩa thế. »

Chú-giải. — Thi = Thơ Tang-như 桑柔 trong thiên Đại-nhã, Thực = Điều thiện, tái = Thi, Tư = Cùng.

Đây là dẫn lời kinh Thi để kết-thúc về cái nghĩa kẻ bất-nhân rồi cũng đến chết mất.

X

自仁吾謂也。不言者孟子  
棄由身之言可也。不子  
也。義不自非與自可曰。  
謂能暴禮有棄與自  
之居也。義爲者有暴

Dịch - âm, — Mạnh-tử viết : « Tự bạo giả bất khả dĩ hữu ngôn dã, tự khi giả bất khả dĩ hữu vi dã. Ngôn phi lễ nghĩa, vi chi tự bạo dã ; ngôn thân bất năng cư nhân do nghĩa, vi chi tự khi dã. »

DỊCH - NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Kẻ tự hại mình ấy, không thể cùng nói với được vậy ; kẻ tự bỏ mình ấy, không thể cùng làm với được vậy. Nói càn chê-bại cả điều lễ nghĩa, gọi là kẻ tự hại mình ; bảo rằng thân ta không thể ở điều nhân nói điều nghĩa được, ấy gọi là kẻ tự bỏ mình vậy. »

Chú-giải. — Tự-bạo = Kẻ tự hại mình, ai bảo cho lời nói phải cũng cứ đi mà không tin, tự-khi = Kẻ tự bỏ mình, ai dẫn cho làm đường phải cũng tuyệt đi mà không làm.

Chương này là răn những kẻ tự-bạo tự-khi, không chịu cố-gắng làm điều nhân-nghĩa.

路之義。宅之仁。  
也。正人也。安人

Dịch - âm. — « Nhân, nhân chi an trạch dã ; nghĩa, nhân chi chính lộ dã. »

DỊCH - NGHĨA. — « Điều nhân, là cái nhà yên-ôn của người ta vậy ; điều nghĩa, là cái đường chính - đại của người ta vậy. »

哀不路舍弗宅曠  
哉。由。而正居。而安

Dịch - âm. — « Khoáng an trạch nhĩ phất cư, xả chính lộ nhĩ bất do, ai tail »

DỊCH - NGHĨA. — « Đê không cái nhà yên-ôn mà chẳng ở, bỏ hoài cái đường chính-dại mà chẳng noi, khá thương thay ! »

Chú-giải. — Toàn chương này là kể ra một hạng người hư-bỏ, tự-hoại mất bản-tính đáng nên thương-hại, để răn cho người đời.

XI

平。長。其難。易。諸在孟  
而親人而遠。爾子  
天長人求事而曰。  
下其親諸在求道

Dịch - âm. — Mạnh-tử viết : « Đạo tại nhĩ nhi cầu chư viễn, sự tại dị nhĩ cầu chư nan ; nhân nhân thân kỳ thân trưởng kỳ trưởng, nhĩ thiên-hạ bình. »

DỊCH - NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Đạo vốn ở chốn gần, mà người ta cầu về đàng xa ; sự vốn ở điều dễ, mà người ta cầu về đàng khó ; đạo chẳng qua yêu đấng thân kính người trưởng, người ấy người khác đều yêu đấng thân mình, kính người trưởng mình, thì thiên-hạ thái-bình. »

Chú-giải. — Nhĩ = Cũng giống chữ Nhĩ 邇, nghĩa là gần, tức là trở người thân người trưởng ở gần với mình, thì tức là đạo luân-thường ở đấy. Dị = Dở, trở về cái việc yên





XIII

者。	吾	作。	東	老	來。	王	居	孟
聞	興	海	者。	吾	作。	北	孟	子
西	曰	之	太	聞	興	海	曰	伯
伯	盍	濱。	公	西	曰	之	濱。	夷
善	歸	聞	辟	伯	盍	歸	聞	辟
登	乎	文	紂	善	歸	乎	文	紂
老	來。	王	居	登	乎	文	紂	

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Bá-Di ti Trụ cư Bắc-hải chi tân, văn Văn-vương tác, hưng viết : Hạp qui hồ lai, ngô văn Tây-bá thiện dưỡng lão giả. Thái-công ti Trụ cư Đông-hải chi tân, văn Văn-vương tác, hưng viết : Hạp qui hồ lai, ngô văn Tây-bá thiện dưỡng lão giả. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Ông Bá-Di tránh cái loạn vua Trụ, ra ở bên Bắc-hải, nghe Văn-vương dấy lên làm chức Tây-bá, vùng dậy nói rằng : Sao chẳng về đi, ta nghe quan Tây-bá thì nhân - chính khéo nuôi người già. Ông Thái-công tránh cái loạn vua Trụ, ra ở bên Đông-hải, nghe vua Văn-vương dấy lên làm chức Tây-bá, vùng dậy nói rằng : Sao chẳng về đi, ta nghe quan Tây-bá thì nhân-chính khéo nuôi người già. »

Chú-giải. — Hạp = Sao chẳng. Tây-bá = Vua Trụ sai Văn-vương làm chức bá-trưởng chư-hầu ở tây-phương, được chuyên việc chinh-phạt, cho nên gọi là Tây-bá. Thái-công = Họ Khương 姜, tên Thượng 尚, tức là Lã-công Vọng 呂公望.

Đây là nói vua Văn-vương làm nhân-chính, mà kẻ hiền-kiệt trong thiên - hạ đều theo về.

焉	歸	天	父	是	也。	下	二
往。	之。	下	歸	天	而	之	老
	其	之	之	下	歸	大	者
	子	父	也。	之	之	老	天

Dịch-âm. — « Nhị lão giả thiên-hạ chi đại lão dã, nhi qui chi, thì thiên-hạ chi phụ qui chi dã, thiên-hạ chi phụ qui chi, kỳ tử yên vãng. »

Dịch-NGHĨA. — « Bá-Di Thái-công

hai lão ấy là bậc đại-lão trong thiên-hạ mà về với Văn-vương, thế là người hạng cha trong thiên-hạ về với Văn-vương đó ; người hạng cha trong thiên-hạ đã về, thì người hạng con còn đi đâu mà chẳng theo về. »

Chú-giải. — Đại-lão = Bậc lão phi-thường vừa có tuổi vừa có đức, thiên-hạ đều tôn.

下	政	內。	七	之	行	諸
矣。	於	必	年	政	文	侯
	天	爲	之	者。	王	有

Dịch-âm. — « Chư-hầu hữu hành Văn-vương chi chính giả, thất niên chi nội, tất vì chính ư thiên-hạ hĩ. »

Dịch-NGHĨA. — « Chư-hầu đời nay có nước nào bất-chước làm cái chính-trị vua Văn-vương, thì trong bảy năm, tất cảm-quyền chính-trị ở thiên-hạ vậy. »

XIV

之。	子	非	日。	而	能	爲	孟
可	鳴	我	孔	賦	故	季	子
也。	鼓	徒	子	粟	於	氏	曰。
	而	也。	曰。	倍	其	宰	求
	政	小	求	他	德	無	也

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Cầu dã vi Qui-thị tề, vô năng cải ư kỳ đức, nhi phủ túc bội tha nhất. Khổng-tề viết : « Cầu phi ngã đồ dã, tiên-tử minh cổ nhi công chi, khứ dã. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người Cầu kia làm chức quan tề nhà họ Qui, không biết cải-chính đức ác cho họ Qui, mà lại vì họ Qui đánh thuế thóc của dân gấp hai ngày trước. Ông Khổng có nói rằng : « Người Cầu không phải là học-trò ta đâu, bọn tiểu-tử nên đánh trống kẻ tội ra mà trách người Cầu mới phải. »

Chú-giải. — Cầu = Tức là Thủy Nhiệm-Cầu 冉求 học trò ông Khổng. Qui thị =

Quan kbanh nước Lỗ. Tề = Một chức gia-thần coi riêng về gia-clinh. Phú = Lấy thuế. Tiều-tử = Học-trò. Minh-cổ nhi-công = Nghĩa bóng là thanh-minh cái tội ác ra mà trách mắng.

Toàn chương này là cốt răn những kẻ chỉ sinh binh-lực làm hại dân đi lấy cướp nước người.

Tiết đầu mới dẫn lời ông Khổng trách mắng kẻ lấy thuế nặng nề tiếp xuống tiết dưới mới trách đến kẻ hay sinh việc binh.

食城野戰子政由  
人此爭爭者而此  
肉所城地也富觀  
罪謂以以况之之  
不率戰戰於皆君  
容土殺殺爲棄不  
於地人人之於行  
死而益益強孔仁

Dịch-âm. — « Do thử quan chi, quân bất hành nhân-chính nhi phù chi, giai khĩ ư Khổng-tử giả dã. Huống ư vị chi cường chiến, tranh địa di chiến, sát nhân doanh dã, tranh thành dĩ chiến, sát nhân doanh thành; thử sở vị xuất thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dung ư tử.

Dịch-NGHĨA. — « Cứ xem lời ông Khổng trách thầy Cầu đó, thì biết phạm ông vua nào đã chẳng làm nhân-chính mà người bày tội lại cớp nhặt làm giàu thêm cho vua ấy, đều là hạng người ông Khổng cự-tuyệt đi cả. Phương-chi những người vì vua cố khỏe đánh, như tranh đất mà đánh nhau, giết người dầy nội; tranh thành mà đánh nhau, giết người dày thành; đó là chỉ vì tranh đất mà giết người như thế gọi là đem thổ-địa mà ăn thịt người, tội ấy đến chết cũng còn chưa đáng!

之。地 萊 之。侯 刑。者 故  
者 任 辟 者 連 服 善  
次 士 草 次 諸 上 殿

Dịch-âm. — « Cố thiện chiến giả phục thượng hình, liên chư-hầu giả thứ chi, tịch thảo-lai nhiệm thổ-địa giả thứ chi. »

Dịch-NGHĨA. — « Cho nên kẻ tài nghệ chính-chiến phải chịu tội thượng-hình, kẻ liên kết chư-hầu tội thứ hai, kẻ phá cỏ rậm, chia phần đất tội thứ ba. »

Chú-giải. — Thượng-hình = Tội nặng thứ nhất, đáng chém giết đi Liên-chư-hầu = Liên kết bè-đảng xui-giục nước nọ tranh cướp nước kia, trở về bọa thuyết - khách. Tịch-thảo-lai = Phá cỏ khai-hoang. Nhiệm-thổ-địa = Chia phần đất bắt dân nhận lấy trách-nhiệm cấy cấy. Hai hạng người đó là trở về những người bày tội chỉ vụ lợi vợ vệt.

Tiết này là kết án cho những kẻ sinh-binh vụ lợi.

## XV

焉。正。瞭 中 能 眸 人 孟  
則 焉。正 掩 子。者。子  
眸 胸 則 其 眸 冀 曰。  
子 中 眸 惡。子 良 存  
眊 不 子 胸 不 於 乎

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: « Tồn hồ nhân giả, mạc lương ư mâu-tử, mâu-tử bất năng yểm kỳ ác; hung-trung chính tắc mâu-tử liêu yên, hung-trung bất-chính tắc mâu-tử mạo yên.

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Ở trong thân-thể người ta, chẳng gì tinh-thần hơn con-người. Thiện ác trong tâm đều hiện ra con-người, con-người không thể che được điều ác; trong bụng chính thì con-người tinh mà sáng, trong bụng bất-chính thì con-người tán mà mờ.

Chú-giải. — Lương = Tốt, tinh khôn, nói về bề tinh-thần. Liêu = sáng, Mạo = mờ. Người ta trong khi tiếp người thì tinh khôn

ở con mắt, xem lúc sáng lúc mờ thì ngay gian dễ biết.

度人 眸 視 言 聽  
哉 焉 子 其 也 其

Dịch-âm. — « *Thỉnh kỳ ngôn dã, quan kỳ mâu-tử, nhân yên sưu lai.* »

DỊCH-NGHĨA. — « Nghe xét lời nói rồi, lại nghiệm xem con-người, thì gian ngay biết ngay, người sao giấu được. »

Chú-giải. — Lời nói cũng bối tự trong tâm người ta phát ra, vậy nên xem người phải xét nghe lời nói mà lại phải xét-kỹ con người, thì mới rõ kẻ gian ngay. Chương này là bảo lấy cái phép xem người.

XVI

笑 豈 爲 不 人 不 不 孟  
貌 可 恭 順 之 奪 侮 子  
爲 以 儉 焉 君 人 人 曰  
哉 聲 悲 惡 惟 侮 儉 恭  
音 儉 得 恐 奪 者 者

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Cung giả bất vũ-nhân, kiệm giả bất đoạt nhân; vũ đoạt nhân chi quân, duy khùng bất thuận yên, ô đặc vi cung kiệm, cung kiệm khởi khả dĩ thanh âm tiêu mạo vi lai.* »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Ông vua thực có cái đức cung-kính, thì không khinh-mạn bầy-tôi; thực có cái đức tiết-kiệm, thì không xâm-đoạt của dân. Chử như ông vua mà khinh người cƯỚP của người, thì chỉ sợ người chẳng thuận mình, sao được là cung-kiệm. Cái đức tốt cung-kiệm, há có thể lấy thanh-âm tiêu-mạo giả-đối ở bề ngoài được đâu »

Chú-giải. — Ông vua mà khinh người thì hay kiêu-ngạo, lấn cƯỚP của người thì hay xa-xỉ, dấu giả cách cười nói làm ra bộ cung-kiệm cũng không được.

Đây là nói cái đức tốt cung-kiệm không thể làm giả dối ở bề ngoài được.

XVII

手 也。女 援。手 嫂 盡 授 淳  
者 嫂 授 是 乎。溺 子 受 于  
權 溺 受 財 曰。則 親 曰。不 髡  
也。援 不 狠 嫂 援 禮 親 曰。  
之 親 也。溺 之 也。禮 男  
以 禮 男 不 以 曰。與 女

Dịch-âm. — *Thuần-Vu Khôn viết* : « *Nam nữ thụ thụ bất thân, lễ dư?* » *Mạnh-tử viết* : « *Lễ dã* ». *Viết* : « *Tầu nịch tắc viên chi dĩ thủ hồ?* » *Viết* : « *Tầu nịch bất viên, thị sai lang dã; nam nữ thụ thụ bất thân, lễ dã; tầu nịch viên chi dĩ thủ giả, quyền dã.* »

DỊCH-NGHĨA. — Người Thuần - Vu Khôn hỏi rằng : « Con trai con gái trao đưa tiếp đón cái vật gì, chẳng đưa đón tận tay, là lễ dư? » Thầy Mạnh nói rằng : « Là lễ vậy ». Người Khôn hỏi rằng : « Chị dâu dẫm đuối, thì lấy tay cứu vớt chị dâu chăng? » Thầy Mạnh nói rằng : « Chị dâu dẫm đuối mà chẳng cứu, ấy là loài sai-lang, không phải loài người vậy ; con trai con gái chẳng đưa đón tận tay là lễ vậy ; chị dâu dẫm đuối lấy tay cứu vớt chị dâu, là quyền vậy »

Chú-giải. — *Thuần-Vu Khôn* = Họ Thuần-Vu, tên Khôn, là một kẻ sĩ giỏi nghề biện-thuyết ở nước Tề. *Quyền* = Quả cân, cân vật nặng nhẹ, thì xé-dịch đi để lấy cho thích-trung.

Đây là người Khôn nhân thấy thầy Mạnh chẳng chịu uống-khuất đạo mình đi yết-kiến chử-hầu, mà đặt ra lời hỏi ấy. Ý thầy Mạnh thì bảo rằng trong thiên-ba có lúc thường lúc biến, mà xử mọi việc phải có kinh quyền, lúc thường mà thủ-kinh thì trai-gái phải giữ lễ phân-biệt, còn lúc biến mà em chồng phải lấy tay cứu vớt chị dâu là tưng-quyền, dụng quyền mà đặc-trung, cũng không hai gì lễ.

也。援。之 夫 溺 天 曰。  
何 不 子 矣。下 今

Dịch-âm. — *Viết* : « Kim thiên-hạ  
n ch hũ, phu-tử chi bất viên, hà dã ? »

Dịch-NGHĨA. — Người Khôn hỏi rằng :  
« Hiện nay trong thiên-hạ đắm đuối  
đầy, nhà thầy chẳng cứu là có sao ? »

*Chú-giải*. — Đây là ý nói thầy Mạnh cũng  
nên lòng quyết ra đê cứu thiên-hạ đắm-  
đuối, chớ không nên giữ lễ mà chấp-né thủ-  
kinh quá.

天 欲 以 溺 以 溺。曰  
下 手 手。援 道。援 天  
乎。援 子 之 嫂 之 下

Dịch-âm. — *Viết* : « Thiên-hạ nịch,  
viên chi dĩ đạo; tầu nịch viên chi dĩ  
thủ; tử dục thủ viên thiên-hạ hữ. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng :  
« Thiên-hạ đắm đuối, cứu đó dùng bằng  
đạo; chỉ dẫu đắm đuối, cứu đó dùng  
bằng tay; người muốn ta dùng tay  
không để cứu thiên-hạ đầy chẳng ».

*Chú-giải*. — Đây là nói cái lễ cứu thiên-  
hạ với cứu chỉ dẫu khác nhau; muốn cứu  
đời thì phải giữ đạo tự-trọng thì mới ra cứu  
được đời; nếu ưỡng đạo để cầu hợp với  
đời thì còn lấy gì để cứu được đời nữa,  
cứ vớt cõi đời đắm đuối có phải chỉ lấy  
tay không mà cứu được dẫu.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU VÀ TÙNG-VÂN DỊCH

## TIÊU-THUYẾT

### CHÔNG TÔI

Phong-lưu diêm-sử

(Tiêu-thuyết Tàu Dư chi phu 余之美 của TỬ TRÂM-Á)

### XII

#### CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BA

Vì Phan-hữu biên-khắc tập di-văn ;  
Tiền Tiêu-cô xut-xù hàng biệt-lệ.

Giữa chiều hôm cười, Tiêu-Son  
miễn-cưỡng hành-lễ. Tóm lại cái cảnh  
khánh-hạ tân-hôn, không thẳng lại  
được cái tình cảm-hoài cựa-hữu, trong  
lòng vẫn băn-khoăn, tưởng những sự  
đi đến Hạc-hồn-quán thăm viếng Tử-  
Dã. Lúc ấy Tam-Cô với Tiêu-Son đã  
làm lễ tương-kiến rồi, Tam-Cô mới

thừa-cơ nói với Tiêu-Son rằng :  
« Trộm nghe lang-quán với Phan-Tử-  
Dã đã là hạng giao-du quên già quên  
trẻ, sống chết có nhau. Hiện bây giờ  
đại-cát-lễ đã xong, chính nên đi khước  
viếng Phan-Tử-Dã một phen, kéo  
nữa ưỡng mắt cái đạo giao-du về nghĩa  
thiên-cò. Xin chớ vì một cơ thiếp tôi  
đây, mà sinh lòng tự-hiềm. Thiếp tôi  
cũng là người trộm có đọc sách, biết  
lẽ ít nhiều; đối với những sự ấy, thực  
không dám đề ý câu-nệ gì cả. Vả lại,

cái nghĩa phu-thê, trăm năm còn dài ; cái tình bồng-hữu, ngày ấy là hết. Lang-quân nên cân nhắc khinh-trọng, kíp đi là phải ; bất-tất nghĩ-ngợi gì nữa, cho chậm-trễ mất thời-khắc. » — Tiểu-Sơn hoảng-nhiên nói rằng : « Phu-nhân xử-tri được lễ-thói đại-gia, thực xứng-dáng là bậc nữ-trung hào-kiệt, tôi nay có thể phóng-tâm mà đi thăm bác Phan Tử-Dã được. » — Tam-Cô lại liền giục đi mau, Tiểu-Sơn mới tự trong chốn đồng-phòng đảo bước ra đi ; lúc ấy trời đã sắp-sửa hoàng-hôn, Dịch Kinh-Khanh với Lý phu-nhân đều không biết cả. Chỉ Trúc-sĩ gặp Tiểu-Sơn ở cửa ngoài, có ý muốn ngăn-cản được. Tiểu-Sơn đi đến Hạc-hồn-quán. Mi-Quân lấy làm kinh-ngạc hỏi rằng : « Bên này đã có tôi đại-biểu tang-sự, bác có gì tất-tả lại đây ? » Tiểu-Sơn không trả lời, đi thẳng vào trong nhà, đến ngay tận chỗ giường thầy-xác Phan Tử-Dã nằm, thấy thần-sắc như người sống, không một chút gì biểu-tượng ; trong nhà thì tĩnh-túc như tờ, đầu giường có một ngọn đèn thắp-dạ mù, trước giường có một đồng tro tàn giấy đốt mà khiết-tĩnh thơm-tho, không một chút gì là tử-khí. Tiểu-Sơn ôm lấy giường cả khóc, phục xuống ở bên cạnh thầy Tử-Dã, khóc mãi chẳng thôi. Mi-quân kíp tiến lại, dẫm chân nói rằng : « Bác Tiểu-Sơn, bác nên kíp trở về ; hiện nay dương làm một vị tân-lang, ở đây khóc mãi sao tiện ; bác khóc, thì chúng tôi với bọn học-đồng đều cũng đứng trông nhau mà khóc, việc tang-liệu-lý làm sao đây. » Tiểu-Sơn nghe nói, mới vuốt nước mắt đứng dậy, hướng về Tử-Dã bái mấy bái, vừa bái vừa khóc vừa nói rằng : « Ôi bác Phan Tử-Dã ôi ! bác đã trải đủ mùi đời, thấu-triệt cái đạo-lý trên cuộc đời, mà bác thoát-ly cõi trần, về nơi lạc-thò, bác thật là thông-dong bình-dạ mà về cõi cố-ngô. Chỉ

chúng tôi cảm về nỗi trong hàng tri-kỹ, từ nay trở đi, như vị sao về gần sáng, chúng tôi tránh sao khỏi được hai chữ tâm-tĩnh. Ôi bác Phan Tử-Dã ôi ! tôi xin gửi bác mấy vốc lệ thương tâm đấy. » Tiểu-Sơn nói đến đấy, lại đứng chón chân cả khóc ; Mi-quân đứng ở bên cạnh, phải dất tay ra. Hốt-nhiên nghe ở ngoài sân có tiếng gót người đi, ra bộ cấp-cự ; kíp bước choàng vào, thì là Trúc-sĩ. Trúc-sĩ bắt đầu sùng-sục tiến lại quì xuống chỗ trước giường Tử-Dã, liền vật đầu luôn mấy cái xuống đất, khóc cực to một hồi, cực cảm-dộng ; rồi đứng dậy lau nước mắt, ngoảnh đầu lại trông thấy Mi-quân Tiểu-Sơn, mới vái chào hai người. Rồi ba người cùng ngồi, bàn định mọi việc liệm-lý tang-sự cho Tử-Dã. Tiểu-Sơn nhân nói rằng : « Bác Tử-Dã là kẻ chết trước, chúng ta là kẻ chết sau, mọi sự sau này, chúng ta phải gánh trách-nhiệm cho bác ấy. Tôi trộm nghĩ bác Tử-Dã là kẻ nhất-sinh đậm-bạc, trừ thi-từ văn-chương, ngoài ra không có sự-thực gì khá truyền, mà thơ văn bác ấy đều là theo nguồn Lý Đổ, lột thép Hán Ngụy mà ra, thực có nhiều chốn bất-hủ. » Tiểu-Sơn nói chưa xong, Mi-quân bàng-hoàng nói rằng : « Bác định chủ-trương về sự in khắc tập thơ-văn cho bác Tử-Dã đấy phải không ? Tôi cũng nghĩ thế. Nhưng sự in khắc, còn phải tốn-phi công-phu, chờ đợi ngày tháng. Cái vấn-dề ấy đợi sau này sẽ hay, bây giờ chưa thể bàn định được. » — Tiểu-Sơn nói rằng : « Tôi cũng biết rằng sự in khắc thơ văn của một nhà đại-trước-tác, không phải là sự một chốc một nháy, nhắc chân nhắc tay, mà có thể làm được. Tôi chỉ xin quyết-nghị rằng, thơ-văn bác Tử-Dã, kể tục-từ không hiểu được. Nếu giao cho nhà in, họ cầu-thả vụ-lợi, không khỏi sai lầm, thì sau này lại khổ-nạn cho chúng ta phải tu-lý lại một phen. Xin các bác

cứ phòng-tâm, cái tập tâm-huyết của bác Tử-Dã ấy, tôi xin tự mắt kiểm-đuyệt, tự tay biên-tập và chế khắc, sẽ có thể hoàn-thiện xứng-đáng được. Xin rằng tức-khắc thu - thập cả lại những tàn-biên di-cảo, sai người chở đến Dịch-phủ cho tôi, để tôi xin nhận lấy trách-nhiệm. » Mi-quân Trúc-sĩ đều tán-thành, và bảo Tiểu-Sơn rằng hiện đêm đã khuya rồi, xin bác cứ trở về trước. Tiểu-Sơn về đến Dịch-phủ, thì sắc trời đã tang-tắng. Kịp sáng rõ một chốc, thì đã thấy Mi-quân sai hai người xe một xe thư-tịch văn-cụ sang bên Dịch-phủ. Tiểu-Sơn kiểm-đuyệt tiếp-nhận, thì cộng là bốn hòm to. Ngày hôm ấy, Tiểu-Sơn lại trở sang Hạc-hồn-quán, dự lễ chôn Tử - Dã. Nhưng là hãng chôn tạm một nơi, chưa chính-thức làm ra qui-chế phần-mộ. Vì Tử-Dã ở thành Hải-ngu là đất khách, sau sẽ tìm phương-pháp đưa tang về cố-hương. Sự tổng-lăng Tử Dã yên, Mi-quân trở về Úc-lan-hiền, Trúc-sĩ về Song-thê-biệt-thử, Tiểu-Sơn về Dịch-phủ.

Tiểu-Sơn với Tam-Cô khi ấy, một người là tài-tử đất Duy-dương, một người là danh-khêu miền Giang-tả. Dịch-phu-nhân thương người yếu điệu, hộ-trì cho cô ký-sinh, Hồng-tướng quốc biết kẻ tài-danh, bồi-thực cho hoa tịnh-đế. Há nhữg là một sự diễm-truyền trong lứa Tân-Tấn, mà cũng là một duyên kỳ-ngộ trên bề bình-bồng.

Sự cưới xong, Dịch Kinh-Khanh lên Bắc-kinh bầm-mệnh cho Hồng-tướng- quốc hay, và thay mặt cho vợ chồng Tiểu-Sơn tỏ lời tạ-ơn, và nói rằng đã ước với vợ chồng Tiểu-Sơn bất-nhật cũng lên kinh dương-diện khấu đầu tạ-ơn. Hồng tướng- quốc lấy làm mừng lắm, lại bảo Kinh-Khanh viết thư giục vợ chồng Tiểu-Sơn sớm-sửa lên kinh. Kinh-Khanh vàng lời, viết thư về

nhà thúc-giục vợ chồng Tiểu-Sơn. Song-le Tiểu-Sơn đối với Hồng-tướng- quốc cái lòng cảm-ơn tuy thiết, tóm lại chẳng dịch được cái tình đối với Phan-vong hữu về một tập di-văn. Gia-dĩ Dịch-phu-nhân đem lòng yêu như nghĩa-nữ, chữa muốn vội rời Tam-Cô. Sở-dĩ vợ chồng Tiểu-Sơn còn lưu lại ở trong Dịch-gia ước có đến bốn năm tháng. Tiểu-Sơn ký cho biên - khắc xong bộ Phan-quân văn-tập đã, rồi mới lên kinh. Sau vợ chồng Trúc-sĩ lại đón vợ chồng Tiểu-Sơn sang ở bên biệt-thử ít ngày. Lúc ấy đã thuộc về thời-tiết đông-sơ, Tiểu-Sơn đem toàn-tập di-văn của Phan Tử-Dã đã biên-tập chế-khắc được hoàn-toàn. Mi-quân Trúc-sĩ Tiểu-Sơn ba người cùng nhau hội-diện ở trong biệt-thử, bàn-linh về cuộc hậu-sự cho Phan Tử-Dã. — Tiểu-sơn nói rằng : « Sự tử-hậu của bác Tử-Dã có hai sự là mặt-thiết nặng-nề, một là sự in khắc tập di-văn, hai là sự đưa tang về cố-hương. Hiện nay sự in khắc di-văn, đã thành công được một nửa. Còn sự đưa tang về cố-hương thì tôi với bác Tử-Dã là kẻ đồng-hương, sự ấy tôi cũng xin nhận trách-nhiệm. Duy tôi là kẻ lưu-lạc cùng-đồ, không sức nào đởm-nhiệm được sự ấy ; xin các bác đởm-nhiệm cho về sự kinh-phí, tôi xin đởm-nhiệm về sự hộ-tang. » Ba người bàn-định thỏa-dàng xong. Mi-quân Trúc-sĩ nhất-diện trừ-khoản về sự đưa tang. Tiểu-Sơn lại vì cơ còn phải đưa tang Tử-Dã về cố-hương, cho nên kén định đến ngày mồng một tháng mười một, để-huê vợ mới Nhan Tam-Cô và hộ-tổng quan-quách Phan Tử-Dã về Dương-châu trước đã, rồi mới tính sự lên kinh.

Chi kỳ, Trúc-sĩ thuê một chiếc thuyền to, và mấy tay đôn-kiền thủy-thủ, bắt đầu đem linh-khu Tử-Dã viếng đặt ở dưới thuyền, rồi cùng phu-

nhân là Mộng-Tương đi ra tiễn-tống Tiểu-Sơn và Tam-Cô lên thuyền. Khi thuyền sắp sửa khai hành, Tiểu-Sơn đứng dậy đối với Trúc-sĩ Mộng-Tương chấp tay nói rằng : « Xin anh với chị trở lại ; ngày nay tuy tạm tương-biệt ngày khác tương-kiến cũng chẳng xa gì ; đợi sau khi tôi lên kinh bài-tạ quan Hồng-tướng-quốc trở về, sẽ có phen trở lại đất Giang-nam, bấy giờ sẽ bắt-chước khách binh-nguyên làm cuộc rượu mười ngày. » Tam-Cô thì khóc lóc như mưa, nắm lấy tay Mộng-Tương, dường như không nở rời, tình-cảm khôn xiết. Mộng-Tương phải gượng đem lời khoáng-dạt khuyên - như một đôi câu. Kịp khi thuyền đã động mái chèo, lìa bờ ra giữa dòng sông, thì vợ chồng Trúc-sĩ còn đứng ở trên bờ. Mộng-Tương liền bắt đầu sa nước mắt. Trông ra chỗ sóng bạc khơi mù, có một đạo mây trắng liền với chân trời ; trước còn trông thấy chiếc thuyền, sau chỉ trông thấy cánh buồm, cuối cùng thì cánh buồm dường đã xát-nhập vào trong mây, không trông thấy đâu nữa. Mộng-Tương ngậm-ngùi nói rằng : « Em Nhan Tam-Cô ta đã ở trong chốn nước mây thăm-thẳm kia vậy. » Trúc-sĩ cũng dầm-dia sa nước mắt mà nói rằng : « Tôi vốn là người khoáng-dạt, bác Tiểu-Sơn cũng là kẻ thanh cường, tôi với bác ấy nhất-thời tạm-biệt, chẳng qua là một sự tâm-thương của giống nam-nhĩ. Duy phu-nhân đối với em Nhan Tam-Cô, là sự sinh-ly, tôi đối với bác Phan Tử-Dã, là sự tử-biệt. Sự tử-biệt sinh-ly, xưa nay vốn là sự lỗi-nao-khăm của người ta. Ngày nay kiếm cả hai đường, tiếp-kiệm thế nào được muốn hàng châu-lệ. Binh-sinh bất hạ lệ, tr thử khắp vô-cùng. Ngày nay sẽ biết câu thơ Lý Hải-Bạch là hay. » Than thở xong, hai người mới thông-dong ngánh đầu trở về biệt-thứ.

## CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BỐN

*Lên Tương-phủ từ ngôi khách lễ ;*

*Lánh Tây-hồ dựng khúc ngư-ca.*

Tiểu-Sơn đi về Nhan Tam-Cô và linh khu Tử-Dã, thuận gió kéo huồm, về tới Dương-châu. Quả-nhiên, người thân-phụ là Hán-Thần đã từng xiết bao mong đợi, phương trời con mắt, ngày tháng dăm-dăm. Kịp trông thấy nàng dâu mới nghiêm-trang yêu-điều, ra phong cách con nhà đại-gia ; lấy làm xúng-tán, lắm, hân-hỉ vô-cùng. Tam-Cô làm lễ bài-kiến bố chông xong, cả nhà đều tán khen rằng người đẹp đức hiền, thực là trời cho nhà họ Giang người thực-nữ. Tam-Cô khuyên Tiểu-Sơn kịp lên Bắc-kinh tạ quan Hồng-tướng-quốc về cái ơn thành-toàn đôi lứa cho mình. Tiểu-Sơn quả-nhiên tâm lấy làm phải, vì Tiểu-Sơn vốn tính thích đi chơi, ở nhà chẳng bao lâu, lại sinh lòng chán ; liền nghe lời Tam-Cô, chọn ngày khởi-trình lên Bắc-kinh.

Tiểu-Sơn lên đến Bắc-kinh, do Dịch Kinh-Khanh dẫn vào yết-kiến Hồng-tướng-quốc. Trong khi tiếp chuyện, tướng-quốc mười phần kính-trọng Tiểu-Sơn, liền muốn lưu Tiểu-Sơn ở trong tương-phủ, lấy khách-lễ đãi Tiểu-Sơn. Kinh-Khanh nói với Tiểu-Sơn rằng ý quan tướng-quốc muốn đãi Giang-quân như thế đấy. Tiểu-Sơn từ-tạ nói rằng : « Quan tướng-quốc có hậu-ý, yêu đến kẻ rơm-cỏ, thực là bậc tri-kỷ trong nhất-sinh của Giang-mỗ này ; giống người không phải là giống cây cỏ, há không biết cảm-ơn. Duy Tiểu-Sơn này còn có một chút hạ-tinh, phụng cáo với đại-trượng, kính cầu đại-trượng chuyển-bảm với tướng-quốc cho. Tiểu-Sơn này trước kia gặp con gia-biễn, đắc-tội với phụ-thần, mấy năm giông-dài, thiếu bề phụng-dưỡng. Nay may mà trời lại thương cho, cha con lại được họp mặt, mà

cha tôi râu tóc bạc phơ, ngọn đèn trước gió, thực đáng sợ lo. Tôi đã trót đặc-tội về lúc trước, há lại nên thất-dưỡng ở lúc sau ; chính muốn đem cái thân thừa này, hết sức nuôi cha, không phải là vì cầu danh, là ý để chuộc tội vậy. Huống-chi Tiểu-Sơn này tính quen sơ-chuyết, không tập về đường lễ-nghi, mà một ngọn bút cùn, chỉ biết sự ngâm-nga mà thôi; về sự quốc-gia kinh-lý, lại không phải sờ-tràng. Quả là quan tướng-quốc lấy thơ văn kiến-trọng, dãi làm bạc thượng-tân, chẳng qua làm một kẻ thanh-khách ở cửa công hầu, điều đó chẳng phải Tiểu-Sơn này sở-nguyện. Nếu quan tướng-quốc cho Tiểu-Sơn này là có chút sờ-tràng đủ lực-dụng, toan đặt vào ban chính-trị cố-vấn, thì Tiểu-Sơn này xét mình là kẻ vô-tài, lại xin khăng-khăng không dám phụng-mệnh. Tiểu-Sơn phen này vào kinh, vậy là chủ về sự cảm cái ơn tri-kỷ, tạ cái đức ngọc-thành, như thế mà thôi. Vì lại được chức-thưởng gì, thì ra Tiểu-Sơn này vì lợi mà lại đây, làm tổn giảm cái danh-dự quan tướng-quốc, và chẳng lại làm bại-hoại cái phẩm-hạnh mình trong khi lui tới, điều đó Tiểu-Sơn này lại càng không dám làm. Đại-trượng đối với tiểu-tử vốn là nghĩa thâm-tri, vậy tiểu-tử dám thổ-tận u-ân, xin Đại-trượng thương cho chút lòng ngu-thành, vì tiểu-tử đem lời khéo léo từ tạ với quan tướng-quốc cho, thì tiểu-tử may lắm, may lắm. » — Kinh-Khanh biết rõ rằng Tiểu-Sơn chẳng chịu lưu ở Bắc-kinh, nhưng vì cái cơ-hội phú-quí của Tiểu-Sơn đã bức-cận tới nơi, thực cũng khá tiếc, nhân lại cố khuyên Tiểu-Sơn một hồi. Tiểu-Sơn lập chí càng kiên và càng quyết, tuyệt không chút ý gì chuyển-di. Kinh-Khanh chỉ phải thôi đi, không nhắc đến nữa, mà vào bầm lại với Hồng-tướng-quốc, Hồng-tướng-quốc rất lấy làm kinh-trọng

Tiểu-Sơn, biết rằng không thể lưu lại được, vậy chỉ than thở mà thôi. Tiểu-Sơn phen ấy vào kinh, đem một câu đối tiến ngọc-chương, với đôi bộ quạt xương chế khắc tinh khéo, phụng-hiến Hồng-tướng-quốc. Hồng-tướng-quốc cả mừng, tặng lại cho Tiểu-Sơn một bộ pháp-thiếp chữ tốt, với mấy bộ cò-thư, và mười tập thi-văn của tướng-quốc hiện đã khắc in thành sách nữa, lại thêm một trăm lạng bạc để làm món hành-phí. Tiểu-Sơn bái-linh trở về Dương-châu.

Tiểu-Sơn về Dương-châu, ở nhà phụng-sự cha già học nữa năm, người cha là Hán Thần lão-bệnh tạ-thế. Tiểu-Sơn ai-cảm khác thường, hình gầy cốt lộ, ở nhà thủ-chế vừa ngoài ba năm. Một hôm Tiểu-Sơn hốt-nhiên đem nhất-thiết gia-sự phó thác cả cho vợ chồng hai em là Mộng-Chi với Học-Uyên, tự mình dắt Tam-Cô phiêu-nhiên ở nhà ra đi, bảo rằng đi sang Ngu-Sơn. Tiểu-Sơn bắt đầu đến Hải-ngu thăm cảnh Ngu-Sou, là nơi du-thưởng mấy năm trước, và thăm qua Trúc-sĩ Mi-quân, với gia-quyển họ Nhan, họ Dịch. Rồi vợ chồng Tiểu-Sơn lại do một chiếc thuyền lên phía bắc trở ra về. Khi ấy Tiểu-Sơn có cảm-tưởng mà tự nghĩ rằng thế-sự là cuộc phù-vân, nhân-sinh là kiếp mộng-ảo. Xưa nay người trong thế-gian, cần lấy một hạng người thần-tiên, thì không ai bằng hạng người làm nghề-nghiệp kiếm cá; chỉ một chiếc thuyền lênh-dênh vui thích, lấy sơn-thủy làm duyên, lấy gió-trăng làm bạn, lấy vũ-trụ làm nhà; khi vào Đào-nguyên, khi ra Ngũ-hồ, tùy ý sở-thích. Tiểu-Sơn nghĩ rồi, nhân đem ý ấy bảo với Tam-Cô, Tam-Cô cũng một lòng như Tiểu-Sơn. Từ đấy vợ chồng Tiểu-Sơn lại không trở về Dương-châu nữa. Ở nhà thì tin-tức bất-thông, thăm-thoạt đã đến năm năm. Người em là Mộng-Chi vốn nghĩ rằng anh Tiểu-Sơn là người



hay du-sơn du-thủy, ít ra thì độ mấy tháng, quá chày cũng độ một năm, tất có một chuyến về. Chốc là mấy năm, di chẳng thấy về. Mới thoạt tiên đi khắp các nơi tìm hỏi, thì tin - tức mịt-mù. Thâm-chi những chỗ thân-bằng cố-hữu xưa nay, cũng không có một người nào nói đến tung-tích Tiểu-Sơn. Cuối cùng chỉ phải cho là một sự vô-khả-nại, mà phó-mặc tự-nhiên mà thôi. Đến năm ấy giữa về tiết thu-hạ giao nhau, Mi-quân với Trúc-sĩ nhân có việc đi đến Hàng-châu, cùng ra chơi Tây-hồ, thuyền đến trái Cỏ-sơn; bỗng-nhiên nghe ở trong đám cỏ lau cỏ sậy, dường như có tiếng chèo động nước của kẻ đi kiếm cá gì đó; kịp hiện-lộ ra thì chỉ thấy một chiếc thuyền nho-nhỏ, đầu thuyền có hai người đàn - ông đàn-bà, vừa thả chài kiếm cá, vừa hát rằng :

*Kiếp nhân-sinh là gửi trên đời,  
Gẫm xem thế-sự ai ôi cuộc cờ.  
Ta nhớ ông Phạm-Lãi ngày xưa,  
Cônq-danh nửa gót yên-ba một chèo.  
Cánh thu-phong vui ít thường nhiều,  
Thuyền con một lá dật-diu thủy-hương.*

*Gởi cá lư nhấp chén buổi tà-dương,  
Cùng nhau giai-lão tờ nàng là đây  
Có vợ ấy nên có chồng này,  
Ngư-lang rầy tờ nàng rầy ngư-cô.  
Nhác trông ra ngắm cảnh tròng-hồ;  
Gió hiu mưa nhỏ, bốn mùa như xuân.*

Mi-quân Trúc-sĩ nghe giọng hát, trông nhau mà nói rằng : « Trong chốn này chừng có người khả. Ngũ-viên phục-sinh hay là Phạm Lãi tái-thế gì chẳng, chúng ta thử ngắm mà xét xem. » Nói xong, thì chiếc thuyền nhỏ kia vừa chờ lại gần. Hai người ngắm kỹ một

chút, hoảng-nhiên đồng-thanh lấy làm kinh-ngạc mà nói rằng : « Chẳng phải là bác Tiểu-Sơn với gã Nhan Tam-Cổ ở đây dư ! » Trong chiếc thuyền kia cũng lên tiếng gọi lên rằng : « Thuyền đó, chẳng phải là Mi-quân với Trúc-sĩ hai ông ở đó dư ? » Hai người nhận đích là vợ chồng Tiểu-Sơn, vui mừng khôn xiết, liền hỏi hành-tung với cận-trạng Tiểu-Sơn thế nào, mà gặp nhau ở đây ? Tiểu-Sơn cười nói rằng : « Hành-tung tôi là đây, cận-trạng tôi là đây; các bác nhân-tiền trông thấy cả, còn phải đợi hỏi gì nữa. » Hai người cả cười nói rằng : « Nhất-biệt mới mấy năm nay, không ngờ bác Tiểu-Sơn đã thâm-thông Phật-lý lắm. » Tiểu-Sơn cũng cả cười đáp rằng : « Phật-lý cũng chẳng xa gì. » Hai người lại đổi với Tam-Cổ nói chuyện, Tam-Cổ nhân hỏi thăm cái trạng-huống về quyến-thuộc họ Nhan họ Dịch hai nhà. Nói một chút lâu, hai người lại toan mời vợ chồng Tiểu-sơn đi lên bờ. Tiểu-Sơn liền gục Tam-Cổ mau mau chở thuyền đi kiếm cá, chẳng lý-hội gì cả. Tiểu-Sơn nhất-diện chấp tay từ-biệt hai người, nhất-diện bơi dòng mái chèo mà tiến đi như bay. Trong khoảng phút-chốc, thuyền Tiểu-Sơn đã đi khuất vào trong đám mây nước mịt-mù, chẳng trông thấy đâu nữa. Chỉ nghe có dư-âm dư-vận của tiếng hát, theo luồng khinh-phong đưa lại, còn văng-vẳng ở bên tai hai người. Hai người chỉ đứng bàn nói và than-thở một hồi lâu.

(HẾT)

ĐỒNG-VĂN dịch

# VĂN-UYÊN

## THƠ VĂN CỎ

### 31. — Một bài họa theo (1)

Đó đây nào cách mấy non sông,  
 Chẳng mấy non sông phải nhớ-nhung ;  
 Đã đắp lỗ tai trời trống ếch,  
 Nền giương con mắt đất thành rồng ;  
 Cờ tàn mới tỏ tài cao thấp,  
 Rượu cạn xin xem lượng có không ;  
 Nhấn với tri-giao cho chắc nhà,  
 Từ xưa xe ngựa của đời chung.

### 32. — Đưa cho bạn

Náu góc sông Tô bạn với già,  
 Mong duyên cả nước cũng dần-dà ;  
 Mở đường cúc-kinh nom trời tạnh,  
 Hé cửa sài-phi rước gió hòa ;  
 Lạnh dữ kẻ nhiều ơn vũ-lộ,  
 Theo lạnh đây ít chuyện phong-ba ;  
 Bèo mây bước ấy xin dừng ngại,  
 Mấy đặng tài-danh cũng thế mà.

### 33. — Gửi cho bạn

Giá người nào phải mượn hơi đồng,  
 Nhưng có hơi đồng giá mới trong ;  
 Nhỏ mấy khéo dơ tuồng chợ giếng,  
 Trăm nghìn thêm bạn lượng cao sáu ;  
 Chẳng tình chú bác khôn năn-nỉ,  
 Thấy mặt anh em cũng sượng-sùng ;  
 Bài gặp hồi đen ai mách được,  
 Chớ đem cao thấp nói anh - hùng.

### 34. — Tặng ông Đạo-Khê ở nơi tân-ngụ (2)

Khóa lợi giảm danh nghĩ gồm sao,  
 Ngựa xe ban nấy giấc chiêm bao ;  
 Cửa con khép bớt trần-hiền lại,

Nhà nhỏ lên thêm thú-vị vào ;  
 Khóm liễu chòm hoa khi gió thấp,  
 Phiếm đàn quyền sách lúc trăng cao ;  
 Ấy nơi thành-thị mà đường ấy,  
 Lộ tới non kia hỏi họ Sào.

### 35. — Phụ thơ ông Đạo-Khê họa lại

Dung-tất thì thôi hẹp có sao,  
 Cảnh này tình ấy biết là bao ;  
 Giá thơ đêm mượn trăng treo lại,  
 Hiên sách ngày mông gió lùa vào ;  
 Cũng có giậu thưa cây trúc bé,  
 Lộ là nhà rộng bức tường cao ;  
 Khúc cầm chén rượu bên hoa nở,  
 Nào biết Vô-hoài hay Hữu-sào.

### 36. — Tiền ông Đạo-Khê về Kinh

Vừa mới hàn - huyện mấy tháng nay,  
 Ca li đầu đã giặng buồn thay !  
 Xê hai phong-nguyệt đầu thành nọ,  
 Treo nửa giang-sơn gối mộng này ;  
 Chung bạn đã dành nhau áo ngựa,  
 Riêng mình nưng có phận rồng mây ;  
 Chữ bình-an gửi làm quà vậy,  
 Còn chuyện cầm thi hằng đợi ngày.

### 37. — Họa thơ ông Đạo-khê

Việc mình mình hãy tính cho tròn,  
 Còn nước non dầu ngựa võng còn ;  
 Tiếng bạn-hồng kia nghe chẳng lọt,  
 Mùi chung-đỉnh ấy nuốt sao ngon ;  
 Khuôn đây đầu dám rằng ta cả,  
 Đản độc làm vui với trẻ con ;  
 Trong cuộc trần-ai ai chữa tổ,  
 Với ai là đại với ai khôn.

(1) Xem Nam-Phong từ số 117. Xuyên-ngọc-hầu thi - văn tập.

(2) Ông Đạo-Khê tri - huyện Nam-xương, đã đình-tru, lại bị dân huyện ấy kiện ở Bắc-thành, ông phải tam-ngụ hậu-tru.

### 38. — Nghi hộ bạn mừng ông Đạo-khê

Thưa rằng trẻ dại biết chi đâu,  
 Nhờ có tiên-dung được tới hầu ;  
 Chẳng phận tóc da chi một chút,  
 Mà tình con cháu bấy nhiêu lâu ;  
 Ngửi hơi phong-nguyệt gần nên ngát,  
 Học tiếng cầm-thư phỏng đã lâu ;  
 Bái tiền từ đây mong-mỏi lắm,  
 Xin ngài xe ngựa lại mau mau.

### 39. — Họa thơ ông Lân-phu

Xuân này râu tóc ngấm càng xuê,  
 Đầu dầm lờn-bơn chực một bề ;  
 Gắng bữa cơm vàng khi sớm tối,  
 Còn ngày áo gấm lúc đi về ;  
 Đành ghi tấm dạ cùng non núi,  
 Tạm nếm mùi đời với chợ quê ;  
 Ngấm lại mấy người theo ngọn sóng,  
 Mùi chung-đỉnh ấy ngửi càng ghê.

### 40. — Thơ vịnh hoài (1)

Gió lặng dòng êm một dải Thao,  
 Chiếc thuyền dóng ngược nhẹ con sào ;  
 Cỏ cây dọc bãi chòm thưa nhạt,  
 Non núi ngang đường đỉnh thấp cao ;

Gỗ lái giúp cho kinh lượn xuống,  
 Thênh mui rước dễ hạc bay vào ;  
 Khuyên người có chí trời không phụ,  
 Nghìn dặm quan-san có quản bao,

### 41. — Vào Gia-định thuyền đi được ổn-đáng

Chị-khi cung tên phải đủ vành,  
 Kinh-nghê lộng sóng mở vương-thành ;  
 Chở riêng tạo-vật kho vô-tận,  
 Rũ sạch nhân-gian chuyện bất-bình ;  
 Thơ có rượu vào ngời bút đậm,  
 Thuyền đưa khách xuống cái mui  
 [thênh ;  
 Cùng nhau vượt bề thuyền êm-ái,  
 Góc khói đèn mây mới thỏa tình.

### 42. — Mới vào yết-kiến chúa Nguyễn

Cuộc thế xưa nay có phé hưng,  
 Biết đâu họa phúc đã lo mừng ;  
 Ai hoàng-hộc đó mà vênh cánh,  
 Ta lão-oa đây chút lộ sừng ;  
 Gặp được duyên lành vinh trúc-bạch,  
 Nường chi sức lớn những côn-băng ;  
 Công-danh quyết hẳn phen này gắng,  
 Lòng trắng xin soi với vẻ trắng.

## THI-CA MỚI

### 1. — Đề bức tranh sơn-thủy

Nét bút khen ai khéo vẽ - vôi,  
 Non in sắc nước, nước in trời ;  
 Tiêu lên lưng dốc đứng chân bước,  
 Ngư tới bên ghềnh gác mái bơi ;  
 Tang-hải dâu thay phong-cảnh ấy,  
 Tuyệt-sương nào bợn cỏ hoa tươi !  
 Đàn chim luyến tổ bay không mỏi,  
 Mảnh giấy thu gần mấy dặm khơi.

### 2. — Tự thuật

Tuổi gần đến trạc buổi « đương  
 [xuân (2) ».  
 Nghi giận cho đời lại trách thân ;  
 Nợ nước sớm lo cùng tối liệu,

Việc nhà nay lửa với mai lần ;  
 Con đường sự-nghiệp chưa khuấy dạ,  
 Cái bước công-danh đã chân chân ;  
 Tưởng đến sự đời thêm dứt ruột,  
 Tình riêng riêng luống những tần-  
 [ngần !

### 3. — Qua văn-miếu Hà-nội cảm hoài

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long,  
 Miếu cũ qua đây luống trạnh lòng ;  
 Mưa gió đã trơ nền đạo - nghĩa,  
 Bề dâu thêm dạn vẻ non sông ;  
 Cái thêm phong-hóa xanh rêu biếc,  
 Mà nóc cương-thường đỏ bụi hồng ;  
 Cây cỏ dãi dầu cùng tuế nguyệt,  
 Khiến người xe ngựa ngàn-ngờ trông !

(1) Bấy giờ ông với ông Đặng Trần-Thường quyết vào Gia-định theo vua Gia-long khi khởi binh

(2) Phương-ngôn : « Trai ba mươi tuổi đương xuân ».

## 4 — Đêm sương ngẫu hứng

Đêm qua rõ thật cái đêm sương,  
 Thơ-thần năm canh một góc buồng;  
 Mấy ngọn bút cùn coi ngán nổi,  
 Vài chông sách nật nghĩ dơ tuồng;  
 Rượu chè lắm lúc thôi mà đại,  
 Trăng gió nhiều phen kể cũng cuồng;  
 Hàng xóm còn đương say giấc điệp,  
 Chừa đâu xa đã vắng hồi chuông?

## 5 — Đêm mong sáng

Bén lâu trống đã diêm sang ba,  
 Đêm đến bao giờ mới sáng ra?  
 Chênh-chếch bóng trắng dòm kẽ ngạch,  
 Nỉ-non giọng để dậy quanh nhà;  
 Anh em chừng đã mơ hồn bướm,  
 Làng xóm nghe chưa rộn tiếng gà;  
 Ngồi nhẩn đêm thâu trời chẳng rạng,  
 Tùng mây vắng-vắng hạc bay qua.

## 6 — Đưa bạn ở Hải-phòng (1)

Phút chốc xa nhau đã mấy thâu,  
 Hải-thành lại gặp bạn đồng-châu;  
 Ai vẽ chen-choi nghề buôn chữ,  
 Minh vẫn loanh-quanh việc gõ đầu;  
 Thôi đã cùng thuyền nên nhớ mái,  
 Bầy còn chung hội há quên đâu;  
 Ấy vì chốn cũ thành tri-kỹ,  
 Non Tượng sóng Lô những bấy lâu. (2)

## 7. — Nhớ bạn ở Hải-phòng.

Tôi về bác có nhớ tôi không?  
 Mà bác sao tôi nhớ lạ-lùng!  
 Nhớ lúc ngồi sương bàn chuyện phiếm,  
 Nhớ khi nằm khềnh đỡ trò bóng.  
 Sự vui như thế vui chưa hết,  
 Nỗi nhớ này sao nhớ chẳng cùng!  
 Hải-dịa Vĩnh-thành (3) xa cách mấy?  
 Cùng nhau còn lắm cuộc tương-phùng.

## 8. — Thương mình.

Thân mình càng nghĩ lại càng thương,  
 Trăm mối như khêu nổi đoạn-trường.  
 Dưỡng-dục cũng chưa dành phận báo,  
 Ái-ưu thêm lại bận lòng vương;  
 Ơn nhà nợ nước bao lo-lắng,  
 Bả lợi bùa danh những dở-dương.  
 Trẻ Tạo ghét gì mình thế nhỉ?  
 Thử xem gan óc có nên đường.

## 9. — Nguyệt-hạ cảm-hoài.

Bóng nguyệt chênh-chênh dạo kẽ mảnh,  
 Một mình thơ-thần nhẩn tán canh;  
 Rì-rào để khóc thêm buồn cảnh,  
 Khắc-khoải quỳn kêu những xót tình;  
 Thân-thể vẫn lo dầu tóc bạc,  
 Công-danh còn thẹn tuổi xuân xanh;  
 Trăm năm trong cõi người ta đó,  
 Ai hẹn trăm năm để lụy mình.

## 10 — Nhớ bạn xa

Đêm hè tựa nguyệt chốn hiên mai,  
 Thơ-thần vì chung nỗi nhớ ai;  
 Nợ lúc đầu non lời gấm bó,  
 Lại khi mặt nước chuyền dầy voi;  
 Nhân-tình nghĩ đến thêm buồn rứt,  
 Thử-sự nhìn xem những thử dài!  
 Chén rượu câu thơ ai góp nhỉ?  
 Nào người muốn dặm vắng thăm hoài?

## 11. — Nghe cuộc khêu

Một mình ngồi dưới bóng trăng mờ,  
 Tiếng cuộc xa nghe dạ ngẩn-ngờ;  
 Ấy kiếp đồ-quyên đã mấy thuở,  
 Mà hồn Thục-đế tự bao giờ?  
 Kêu sương giọng đã nên rờn-rã,  
 Nhớ nước lòng còn vẫn tưởng mơ;  
 Nghĩ đến sự đời thêm dứt ruột,  
 Tình riêng riêng hỏi khách giang-hồ.

Phác-ngọc PHẠM THẮU

(1) — Thơ chấp chữ đầu câu (acrostiche)

(2) — Cảnh huyện Phù-ninh (Phù thọ)

(3) — Vĩnh-yên.

1. — Gửi cho bạn đồng-sự thường  
hay tập viết chữ nho

Con tự ngày nay đã ế rồi,  
May còn duyên với một ông thối;  
Mác dài móc nhọn khi vô-sự,  
Lối mới lề xưa bậc có tài;  
Cứng cỏi ra gì ngòi sắt rỉ,  
Yếu mềm tuy thế ngọn lông dai;  
Cụ nghề bút-thiếp rồi đây hẳn,  
Các cụ hàng Bồ chữ đến đời!

2. — Gửi cho bạn đồng-sự  
nguyên giáo-học

Nhà giáo ngày nay đã chán rồi,  
Hay vì lộc ít mới xin thôi;  
Công-danh lối trước coi như nhẹ,  
Sự-nghiệp ngày nay nghĩ mới hơi!  
Hai buổi đi về khi sớm muộn,  
Răm câu đàn hát lúc dây voi;  
Anh em bốn bề cùng xum họp,  
Trong hội tương-phùng lắm thứ chơi!

3. — Trả lời bạn hỏi : « Quân-tử  
đi đâu với thế a ? »

Kìa bác cùng đi đấy hử a ?  
Vô-tình không biết với chi mà.  
Trí còn vợ vẫn chân cao thấp,  
Dạ những e-dè nổi vấp-va;  
Trước mắt voi qua thường chẳng biết,  
Bên tai sét đánh ít nghe ra;  
Ủ-ở thế-sự đường ngang dọc,  
Cái bước trên đời khéo gặp ma!

4. — Vịnh mùa hạ

Khó chịu cho ta cái tháng hè,  
Ra đường thấy nắng nghĩ mà ghê;  
Đầu tường lửa lựu đám bông trĩu,  
Mặt nước dù sanh giải bóng che;  
Rát cổ đau lòng con quốc-quốc,  
Mỗi mồm trơ xác cái ve-ve;  
Thương thay má phấn phôi mầu nhạt,  
Đêm ngủ xin đừng có ngủ mê!

5. — Xem hội Tây

Nỏ-nức gần xa mở hội tây,  
Nhà què kẻ chợ kéo hàng dây;  
Quanh hồ Hoàn-kiểm người xem nước,  
Trước tượng Bón-Be khách suốt ngày;  
Cột mỡ cây đu xem chằng chán,  
Đập nổi liềm chảo lấy làm hay;  
Chen nhau vô-phúc doi thầy doi,  
Khát nước chanh vào khéo buột thấy!

6. — Chơi chùa Hàm-long  
(Bắc-ninh)

Miền cửa nhà thiền thủ thánh-thời,  
Hàm-long cảnh ấy đạo thâm chơi;  
Bốn bề quanh-quê sư đi vắng,  
Tam-bảo từ - bi Phật vẫn ngồi;  
Đội gạo có nào không thấy nhĩ,  
Hay bùa sư giỏi vậy nên thôi (1);  
Chơi chùa song lại lên chơi núi,  
Thấy chị chẵn trâu ngủ ngọn đồi!

NGUYỄN VĂN-PHÚC

1. — Nhật-trình từ Nam-dịnh  
vào Huế

Thiên - tràng buổi trước là đây,  
Bây giờ Nam-dịnh đổi thay không kỳ,  
Lâu-dài khác vẻ tinh-vi,  
Tháp Trần bến Vị còn y giữa trời,  
Chạnh lòng muốn tới Kinh chơi,  
Tàu bay e gió xe hơi sợ đời,  
Bên tai bỗng thấy tiếng còi,  
Vội-vàng lấy vé lên ngồi hỏa-xa.  
Mấy thân giờ tập mưa sa,  
Non Gò bỗng chốc đã xa cách ngoài,  
Ninh-bình tỉnh đã tới nơi  
Hỏi non Dục-thúy lên chơi núi Riêu.  
Chùa đình dấu đã phủ rêu,  
Non xanh nước biếc như khêu tấm  
[lòng.

Lại lên xe-lửa thẳng giông,  
Đường đi khe thú, bánh vòng chân chim.

(1) Sư chùa Hàm long có tiếng làm bùa trừng cáo tay, người đến lấy đồng lăm.

(1) Tục-ngữ; tiên tích đức, hậu tâm long

Hai bên núi đá rừng xim.  
 Gần nghe tiếng vượn, xa im hơi người.  
 Nhạc trông miếu-mạo bên ngoài,  
 Hối ra mới biết là dài Sùng-sơn.  
 Phép thiêng ai có dám nhờn,  
 Hồ dâng mặt trước, cá vờn đuôi sau.  
 Trái qua cách mấy ngàn dâu,  
 Bái-sơn Bái-thủy chen nhau quăng  
 [rừng.

Chim kêu véo-vót lại dừng,  
 Đá xanh-xanh ngắt, nước trùng-trùng  
 [trong.

Đất này là đất tầm-long,  
 Thánh-triều ta trước vốn dòng ở đây.  
 Đoái xem hang thú ngàn cây,  
 Tiếng gầm giọng réo, là lay bóng tà.  
 Làng dâu lại thấy có nhà,  
 Cửa đào ngõ liễu xa xa lại gần.  
 Đây là sóng Mã vòng quanh,  
 Hầm-rồng cầu ấy bắc thanh qua dèo.  
 Giữa dòng nước chảy trong veo,  
 Sắt ngang sắt dọc như treo giữa trời.  
 Máy cưa máy xẻ mấy người,  
 Hiệu buôn hiệu bán kẻ mời kẻ tranh.  
 Gần kề nhạc thấy tỉnh Thanh,  
 Dấu xe đã khác bức thành còn nguyên.  
 Lam-sơn đứng thẳng một bên,  
 Vua Lê khi cũ dấy lên chỗ này.  
 Gió đưa hơi kiếm còn gầy,  
 Trăm năm chính-khi, muốn ngày dư-oai.  
 Cùng nhau chỉ trở trong ngoài,  
 Non dâu lại thấy lâu đài nẻo xa.  
 Bảo nhau mở cửa trông ra,  
 Người quen mới bảo đây là Tước-phong. (1)

An-dương ngày trước thua công,  
 Chém con gái chảy xuống dòng gần nơi.  
 Nghĩ trong đế-quốc mấy người,  
 Thôn-dân mới dựng lâu-dài làm ghi.  
 Nói xong non nước xanh ri,  
 Bên thì Hồng-lĩnh bên thì Lam-giang.  
 Nghệ-an đây đã rõ-ràng,  
 Thành xanh một bức, cỏ vàng bốn  
 phương.

Dừng xe nhãn bước xuống đường,  
 Ra nơi hi-viện, vào hàng cao-lâu.  
 Đề mai vịnh liễu mấy câu,  
 Vãng xuân đã hé, bóng thân mới tàn.  
 Lại lên xe chảy băng ngàn,  
 Õn-ào lại thấy khách-sân một nơi.  
 Đây là Bến-Thủy đầy rồi,  
 Tàu trên tàu dưới nửa trời phong-quang,

Máy diêm máy quạt sẵn-sàng,  
 Bọn về tổ-quốc, bọn sang lũy-thành.  
 Tình riêng riêng nghĩ một mình,  
 Ấy ai là khách chung-tình cho ta.  
 Đòi phen thiêm-thiếp hồn hoa,  
 Ấy dương hồ-diệp hay là Trang-sinh ?  
 Trái qua Hà-tĩnh, Quảng-bình,  
 Lại qua Quảng-trị tới thành Thừa-thiên.  
 Rượu trần đã tỉnh hơi tiên,  
 Bừng trông phong-cảnh thiên-nhiên  
 Non Bình cao tít trên khơi, [khác với.  
 Dưới dòng Hương-thủy thoảng hơi vi  
 Cầu ca ngư-phủ rì-rầm, [trầm.  
 Điều-đài năm cũ còn nằm bên sông.  
 Họa-dồ khéo với hóa-công,  
 Làm cho mắt khách quên lòng đường  
 Xe tay gọi kéo qua-loa, [xa,  
 Hai bên hai phố rạch ra hai đường.  
 Nào là bà chùa ông hoàng,  
 Nào là văn vũ chín hàng uy-dung.  
 Lâu-dài lẳng miếu thẳng trông,  
 Dâng cầu vạm-tuế thỏa lòng tam-sinh.  
 Bút hoa tả bức nhật-trình,  
 Gọi là kỷ-niệm khi mình đi chơi.

## 2. - Hối trời

Khờ nhất thẳng tôi sướng nhất ai,  
 Biết chẳng bảo sẽ với ông trời;  
 Cảnh nhà xếp đặt sao nên thế,  
 Vận nước xoay vần biết mấy thời;  
 Những trái non xanh mà bạc tóc,  
 Xin vì gương sắc dễ cùn gai;  
 Ông ơi, ông biết xin ông bảo,  
 Trăm sự nhờ ông chớ dám sai.

## 3. — Anh dờ

Nhấn hỏi nhà quê mấy bác dờ,  
 Đồ gì đồ chữ của nhà nho;  
 Áo buồm lướt-xuýt vòng khăn vắn,  
 Quần thụng nhóm-nhem mỗi khổ xô.  
 Tâm<sup>2</sup>sự rằm ba điều khả bất,  
 Văn-chương sáu bảy chữ chi hồ.  
 Cái gì khác hẳn văn-minh nhi,  
 Khác cái trên đầu bùi tó to;

## 4. — Cái hỏa lò

Trên vì nước dưới vì dân,  
 Nóng ruột như nung biết mấy lần;  
 Hối vạc chưa từng yên vạc Hán,  
 Thấy gió thêm những giào gió Tần;  
 Vảnh tai vũ-trụ ba ngôi vững,  
 Mở miệng kiên-khôn bốn tắc cân;  
 Thiên-hạ khiến cho hòa-ấm cả,  
 Đòi đời ai chẳng đội công-ân!

## 5. — Cái tháp voi

Tơ như đá vững như đồng,  
 Lòng thành giải trắng với non sông;  
 Giơ cao gương lách trời ba thước,  
 Bước chặt dai lưng đất mấy vòng;  
 Kia đám chay-ma đều đội đức,  
 Ấy ai giàu - có phải nhờ công;  
 Đói khi xây vững nền tôn-xã,  
 Chẳng lọ khoe moi khách má hồng!

## 6. — Chùa Cờ-lễ

(Hát nói)

Trác bử Cờ-sái, ngưỡng chi di cao;  
 cảnh-tri này công-quả xiết bao. nó-  
 nức buổi phong - trào tranh thủ nhất.  
 Tượng ngang trời chèo-vành bóng  
 nhật, tiếng kinh đưa phảng-phất áng  
 mây bay : gọi mộng-trần mấy mặt tỉnh  
 say, hang xoáy-ốc vẫy tay về tới cửa.  
 Đông-độ nhất hồ phi thị hử, Nam-thiên  
 từ khí thủ nhiên da. Sông bốn bề nước  
 nước hoa hoa, vẽ một bức vô-nha chi-  
 thú; vị phướng kinh-dinh thù-thị chủ,  
 hẳn là tay thiên-thủ đặt bày ra. Nam-  
 mô Phật-lô trước nhà!

## 7. — Núi Dục-thủy Non-nước

(Hát nói)

Non non nước nước, thú hữu-tình  
 ao ước đã bao phen; sơn thủy lâu dài  
 biệt chiếm nhất hồ thiên, hỏi quang-  
 cảnh rặng tiên hay rặng phật. Non  
 một hòn chèo - vánh trời đất, nước  
 leo-reo phảng-phất tiếng kinh đưa.  
 Nước non non nước say-sưa, mùi  
 phong nguyệt hỏi ai tra dấu chẳng tá.  
 Thủy nhểu thanh-sơn hà thượng hà,  
 sơn hàm bích-thủy thu đê-mê. Nước  
 non lặng một lời thề!

Nhân-vân đình TRẦN HỒNG-TUÂN



# THÒ' I-ĐÀM

## Việc thế-giới

**Tình-hình chính-trị nước Anh.** —  
 Tình-hình chính-trị của Liệt-cương, thỉnh-thoảng ta cũng phải xét qua cho biết cả. Ở thời-dại này, không thể chỉ thu cái nhỡn-giới trong vòng-khuôn một nước mình cùng những nước láng-diềng với mình hay có trực-tiếp quan-hệ với mình mà thôi. Thời-hồ cũng phải phóng con mắt mà nhìn rộng ra các nước xa-xôi nữa. Tuy không thể biết được tường các việc nội-chính của mỗi nước, nhưng cũng phải biết cái đại-thể tình-hình chính-trị của mỗi nước, như trong nước có bao nhiêu chính-đảng, thế-lực cùng cách hành-động của các chính-đảng thế nào, ai là những tay chủ-động chính-trị, cách đối-phó với các vấn-đề quốc-tế thế nào, v.v. Những điều ấy là những điều phạm người trí-thức đời nay cần phải biết. Nay nói về nước Anh là một cường-quốc vào bậc nhất trong thế-giới, thường có ảnh-hưởng đến cả các nước khác.

Tình hình chính-trị nước Anh gần đây không có xảy ra sự thay đổi gì to-tát lắm. Nước Anh nguyên trước chỉ có hai chính-đảng lớn, là đảng bảo-thủ và đảng tự-do, trên trường chính-trị chỉ có hai đảng ấy cạnh-tranh với nhau, đảng nào lên cầm quyền thì đảng kia đứng phản-đối, cứ lần-lượt nhau như thế. Trong khoảng 20 năm nay, mới nhóm lên một đảng thứ ba nữa, là đảng lao-động, dần dần bành-trướng ra, chiếm được địa-vị trên trường chính-trị, cùng với hai đảng kia đứng bằng-đẳng; hồi năm 1925, nhân hai đảng kia sút kém, đảng lao-động đã lên cầm quyền được ít lâu. Một nước vẫn quen có hai đảng lớn xưa nay, mà bây giờ

thành ra ba đảng, thì lúc đầu cái tình-hình chính-trị còn phân-ván hỗn-độn một chút. Ở Nghị-viện, không đảng nào là chiếm được hẳn phần đa-số, cho nên trong ba năm trước, là năm 1922, 1923 và 1924, phải ba lần tuyên-cử lại. Đến sau thì đảng bảo-thủ được đa-số, lên cầm quyền đã được ba năm nay, xem ra thế-lực vững lắm, chắc là đứng được mãn-hạn cho đến kỳ tuyên-cử sau vào mùa thu năm 1929, trừ từ nay đến bấy giờ hoặc có xảy ra sự gì bất-kỳ khiến cho Chính-phủ phải giải-tán Nghị-viện thì không kể; nhưng xem chừng không có lẽ đến như thế.

Trong khoảng năm 1927 có bầu lại ít nhiều ghế nghị-viên khuyết, nhưng không thay đổi gì đến địa-vị của các đảng, theo như cuộc tổng-tuyên-cử năm 1924. Ở Chung-nghị-viện, đảng bảo-thủ và đảng liên-hiệp, — đảng liên-hiệp là gồm những người thuộc về đảng tự-do bằng lòng kết-liên với đảng bảo-thủ — hai đảng hợp lại được một số là 415 người, mà tổng-số nghị-viên là 615 người. Còn đảng lao-động là đảng phản-đối thì chỉ có 156 người, kể cả rằm người bằng lòng hiệp-lúc với chính-phủ, nhưng không kể một người theo về chủ-nghĩa cộng-sản, là người Ấn-độ tên là SAKLATVALA, đại-biểu của xóm *Battersea* là một xóm ở ngoài châu-thành Luân-đôn. Ở Nghị-viện duy có một người ấy là tiêu-biểu cho đảng cộng-sản mà thôi. Đảng tự-do mà đứng độc-lập, không kết-liên với đảng bảo-thủ, thì kỳ tổng-tuyên-cử năm 1924 chỉ có 36 người, sau tăng lên được 40 người. Cứ thực thì đảng tự-do trong dân-gian vẫn còn có thế-lực mạnh lắm, cái số 40 đại-biểu



ở Nghị-viện đó kể thì không tương-đương với cái thế-lực ấy. Nhưng ba kỳ tổng tuyển-cử liền, đảng tự-do đều bị thua hai đảng kia cả, thành ra cũng không mong được có ngày chiếm địa-vị to ở Nghị-viện. Trong khoảng mấy năm gần đây, có một cái phong-trào rất hại cho đảng tự-do, là phần nhiều người trong đảng ấy khuynh-hướng theo về đảng lao-động. Lãnh-tự đảng tự-do, ông LLOYD GEORGE, là một tay chính trị trứ-danh ở nước Anh, thấy sự nguy-hiểm như thế bên hết sức ngăn-ngừa; hiện nay thì đảng tự-do đã tiếm có vẻ thống-nhất, mà không thấy nhiều người bỏ đảng như trước nữa.

Cứ đại-khái mà xét, thì hiện nay chính-sách của Nội-các BALDWIN đương đặc-thể lắm. Về đường ngoại-giao thì có việc Tàu và việc Nga là đối với nước Anh có quan-hệ hơn cả. Hồi cuối năm 1926, ngoại-giao tổng-trưởng Anh là SIR AUSTEN CHAMBERLAIN đã muốn tỏ ý dễ-huê với đảng quốc-dân Tàu. Nhưng sau việc Tàu mỗi ngày một rối, chính-phủ Anh phải phái quân-đội sang Thượng-hải để giữ trật-tự và bảo-hộ cho các kiều-dân Anh ở Tàu. Kể đây, nhân dư-luận trong các tá-đảng phản-đối việc phái quân-đo, lại cũng vì lẽ tình-phí nữa, nên chính-phủ lại cho gọi quán-về, chỉ để lại một ít thời. Còn chính-phủ Xô-viết Nga thì lâu nay vẫn âm-trợ cho các đảng cách-mệnh Tàu, để mong khuynh-đảo cái thế-lực của các Liệt-cường Âu-tây ở Tàu, những sự vận-động ấy đều thất-bại cả, mà kết-quả đến nước Anh công-nhiên tuyệt-giao với Nga, điều đó thì thực là Nga không ngờ vậy. Nay muốn cho hai nước lại tục-giao với nhau, thì phần nhiều chỉ thuộc ở nước Nga nên bỏ hẳn những cách âm-mưu ở Tàu đi, Anh tưởng cũng sẵn lòng. Ngoài việc xảy ra ở Tàu, còn một việc nữa xảy ra ngay ở nước Anh, là

việc Mac Cartney Hensen, chứng rõ rằng chính-phủ Xô-viết Nga đã cấp tiền cho kẻ sang trinh-thám ở Anh, điều đó Anh cũng lấy làm bất-bình với Nga lắm. Nói tóm lại thì về đường ngoại-giao, đối với Tàu cũng như đối với Nga, Nội-các BALDWIN là tiêu-biểu cho ý-kiến chung của phần đa-số trong quốc-dân Anh; cứ xem như một việc sau này thì đủ biết: là cuối năm 1927, đảng lao-động khởi lên một cuộc tổng công-kích đối với chính-phủ, không hề dă-động đến việc ngoại-giao, chỉ thảo-luận về việc nội-chính và thống-trách chính-phủ về việc bãi-công ở các mỏ-than.

Trong năm 1927, về đường ngoại-giao duy có một việc hơi lói-thối một chút, là cuộc hội-nghị ba nước Anh, Mĩ, Nhật ở Genève để bàn về việc tái-giảm hải-quân không thành, mà không thành là vì tại cái thái-độ của Anh, khiến cho Mĩ lấy làm bất-bình. Kể đây, đại-biểu của chính-phủ Anh ở Hội Vạn-quốc là LORD CECIL, vì không đồng-ý với chính-phủ xin từ-chức. Hai việc đó đều có kích-động đến dư-luận ở Anh và ở Mĩ. Việc tái-giảm hải-quân đó có lẽ là bước đầu sai cho nên kết-quả đến gây ra một cuộc thảo-luận có hại đến cái hòa-khi trong hai nước Anh Mĩ, làm cho sau này muốn đề-khởi đến vấn-đề ấy nữa cũng hơi khó. Còn vấn đề tái-giảm quân-bị chung, vừa lục-quân, vừa hải-quân, vừa quân hàng-không, thời là thuộc về vấn-đề bảo-an và trọng-tài, ở hội Vạn-quốc đã mấy lần xét đến. Ngoại-tướng Anh CHAMBERLAIN đã từng tỏ ý-kiến của chính-phủ mình một cách bực-trực, khiến cho nhiều nước có chân hội Vạn-quốc cũng có ý bất-bình, nhưng đối với dư-luận trong đế-quốc Anh, vừa trong bản-bộ nước Anh, vừa ở các thuộc-địa tự-trị ngoài, xem ra không có ảnh-hưởng gì sâu-xa cả.

Nói đến sự giao-tế của mầu-quốc Anh với các thuộc-địa tự-trị, thì gần đây mầu-quốc có phải đi các nơi những bậc sứ-thần tôn-trọng để khiến cho cái dây liên-lạc các hộ-phận trong đế-quốc được bền chặt thêm lên : như công-tước YORK cùng với phu-nhân, hồi tháng 5 năm 1927 đã sang Úc-châu (*Australie*) để chủ lễ khánh-thành nơi thủ-phủ mới là thành *Canberra*, dọc đường gặp nơi thuộc-địa nào cũng ghé vào thăm cả ; lại hoàng-thái-tử và em là ông hoàng GEORGE cùng với thủ-tướng BALDWIN, hồi tháng 8 đi dự lễ khánh-diễn ở Gia-nã-đại (*Canada*), là thuộc-địa tự-trị cũ hơn nhất ; rồi mới đây ông thuộc-địa-bộ tổng-trưởng AMERY bắt đầu đi kinh-lược cả các thuộc-địa ở các nơi, cuộc đại-kinh-lược ấy hiện nay còn chưa xong. Quyền-lợi về chính-trị, về kinh-tế của nước Anh ở Âu-châu vẫn là to-tát lắm, vậy mà xem ra cái mối quan-hệ của nước Anh với các nước trong lục địa Âu-châu có lẽ không mật-thiết bằng đối với các thuộc địa tự-trị ở khắp các phương cầu khác ; bởi thế nên có nhà trước-thuật Pháp rất thông thuộc tinh-tinh lịch-sử dân Anh, ông ANDRÉ SIEGFRIED, đã đoán rằng từ nay trở đi nước Anh sẽ lia dầm với các nước Âu-châu mà khuynh-hướng hẳn về với các thuộc-địa của mình, lập thành ra một hội quốc-tế nhỏ ở trong hội Vạn-quốc lớn vậy.

Nói tóm lại thì về phương-diện ngoại-giao, các chính-đảng ở nước Anh, dù là đảng bảo-thủ, đảng lao-động hay đảng tự-do, chính-sách đại-khái cũng như nhau cả. Xem một điều như sau này thì đủ biết : năm 1923, lãnh-tự đảng lao-động là ông MAC DONALD lên cầm quyền, ai cũng tưởng là đối với các tá-đảng có lẽ khoan-dung, thế mà ông lại thống-trách đảng quá-kích trong nước, và đối với những sự yêu-cầu của đảng quốc-gia Ai-cập, tỏ ra thái-độ nghiêm-

khắc, thật chẳng khác gì nội-các hảo-thù kẻ sau vậy. Xem như thế thì cái hội quốc-tế nhỏ là cuộc đế-quốc Anh đó, đối với nước Anh còn tôn-trọng hơn là chính Hội Vạn-quốc, ngoại-tư-ơng Anh CHAMBERLAIN diễn-thuyết ở Genève đã từng công-nhiên nói như thế. Đó là một điều đặc-sắc trong chính-trị nước Anh, kẻ quan-sát phải nên biết điều đó thì xét việc nước Anh mới khỏi sai lầm.

..

**Thời-cục nước Tàu** — Nước Tàu gần đây có cuộc toàn-thể hội-nghị lần thứ năm, là việc quan-trọng. Trước khi triệu-tập, vì các phái có nhiều điều ý-kiến không hợp nhau, nên có tin rằng cuộc hội-nghị ấy không thành. Nhưng cứ theo như báo Tàu thì cuộc hội-nghị ấy đã thành rồi, không có điều gì ngăn-trở cả.

Người ngoài vì thấy rằng phái Tả (Uông Tinh-Vệ) và phái Hữu có ý xung-đột nhau, lại thấy đồn rằng uỷ-viên Quảng-dông không đến dự hội mà các uỷ-viên hiện đương tranh biện nhau về hai vấn-đề, là cánh thì bằng lòng để cho các uỷ-viên về phái Uông Tinh-Vệ dự hội, cánh thì phản đối, và vấn-đề phân hội chính-trị ở các tỉnh, cánh thì bàn đề, cánh thì bàn bỏ đi ; nên người ngoài đoán rằng hội-nghị này không thành, Quốc-dân-đảng có khi đến chia-rẽ. Nhưng bây giờ mới biết những lời đoán đó là không đúng cả. Hội-nghị toàn-thể lần thứ năm đã thu được kết-quả mỹ-mãn, uỷ-viên Quảng-dông có đến dự hội. Phùng Ngọc-Lương cũng đến dự hội, kết-quả thì cánh Tả thắng cánh Hữu, nhưng trong khi bàn các đề-án hai bên đều nhượng-hộ nhau một cách ôn-hòa, và đều nghe uỷ-viên trung-ương chiết-trung điều-hòa, không có gì là xung-đột cả. Tưởng Giới-Thạch đã lấy làm mãn-ý về cuộc hội-nghị này và nói rằng

bây giờ các đảng-viên ai cũng biết lấy việc ngoại-vũ làm sĩ-nhục, nên đã biết vì nước mà nín nhịn lẫn nhau để chính-lý nội-chính. Báo Tàu đối với hội-nghị này cũng tỏ ý lạc-quan lắm.

Theo như ngũ-quyền hiến-pháp của Tôn tổng-lý thì đặt ra năm viện để thi-hành các việc kiến-thiết mới. Đàm Diên-Khải trưởng viện hành-chính, Hồ Hán-Dần trưởng viện lập-pháp, Lý Tôn-Nhân trưởng viện giám-sát, Ông Tinh-Vệ trưởng viện khảo-thí, Trương Giới-Thạch trưởng viện quân-chính, còn Phùng Ngọc - Trường nghe đầu nhận chức huấn-luyện tổng-giám.

Việc Đông-tam-tĩnh gần đây vẫn còn chưa giải-quyết xong. Người Nhật chỉ sợ rằng Đông-tam-tĩnh mà về tay chính-phủ Quốc-dân, thì người Nhật tổn-hại mất cả quyền-lợi đã chiếm được ở Mãn-châu, mà những điều-ước kỳ mấy năm trước đây với Phụng-thiên sẽ bị bãi nốt nên ra sức ngăn-trở; lại xui giục quân Mông-cổ làm loạn để lấn vào Mãn-châu.

Một tờ báo Tàu có nói rằng: « Việc quân Mông-cổ xông vào đánh Mãn-châu, đó là do người Nhật xui giục. Vì người Nhật thèm đất Mãn-châu, dòm-nom ngấp-nghe đã có đến hơn ba mươi năm nay. Gần đây chính-phủ Quốc-dân đã thống-nhất được Nam Bắc rồi, lại trú-dịnh luôn việc thống-nhất Đông-tam-tĩnh. Nước Nhật sợ có thiệt-hại đến những quyền-lợi của mình đã chiếm được ở Mãn-châu, nên bắt đầu ngay việc Đông-tam-tĩnh đòi cớ, quân Nhật liền ngăn trở, chẳng e gì là trái với công-pháp quốc-tế, mà ra mặt can-thiệp vào nội-chính của Trung-quốc, nói rằng sẽ đem cái thủ-đoạn quâ-quyết, bảo-hộ lấy quyền-lợi của kiều-dân Nhật ở Mãn-châu, rồi lại dùng hết cách dọa-nạt, dọa-nạt chẳng chán lại bày kế-mưu lừa dối, thậm chí xui giục quân Mông-cổ lấn vào đất Mãn-

châu, để được thực-hành cái chính-sách võ-lực can-thiệp vậy ».

Phương Bản-Nhân là đại-biểu của chính-phủ Quốc-dân do Trương Giới-Thạch cử ra Đông-tam-tĩnh để tiếp-hợp với Trương Học-Lương về việc đầu-hàng, có điện về Chính-phủ quốc-dân nói về cái tình-hình lĩnh-sự Nhật là Lâm Quyển-Trợ can-thiệp vào việc đòi cớ. Lại nói Trương Học-Lương thì chỉ thiết phục-tòng, theo như ý dân, song như cá-nhân thì khó thể ra sức được.

Gần đây Dương Vũ-Đình là một tay yếu-nhân ở Phụng-thiên cũng đã điều-định xong với đảng quốc-dân rồi, như thế thì việc Đông-tam-tĩnh cũng sắp giải-quyết xong.

Các quan Nhật ở Phụng-thiên đã tỏ ra ý dễ-dàng hơn trước; về việc cớ hiệu của chính-phủ Quốc-dân, người Nhật xin hoãn hai ba tháng hãy kéo cớ ấy, nghe đầu Trương Học-Lương đã thuận.

Hiện nay ở Thượng-hải và vùng Dương-tử-giang, cái phong-trào bài Nhật càng ngày-càng lan mãi ra, làm cho Nhật-hóa không tiêu-thụ được mấy. Chính-phủ Nhật lấy làm thất-sách, nên đối với Trung-hoa về việc tu-ước và việc xảy ra ở Tế-nam-phủ, Nam-kinh và Hán-khẩu, cũng đã tỏ ý không găng-lắm như trước nữa.

Việc ngoại-giao thì gần đây tiến-hành rất thuận-lợi, cứ như bộ ngoại-giao ở Nam-kinh có tin rằng: các điều-ước Trung-Anh, Trung-Pháp, Trung-Ý, các nước ấy đều có điện xin theo cái nguyên-tắc bình-dẳng để sửa lại điều-ước mới.

Điều-ước Trung-Đức cũng đã ký xong rồi, định hai bên đổi-dãi với nhau bình-dẳng về đường quan-thuế.

Vương Chính-Đình là ngoại-giao tổng-trưởng đã chình-thức thông-cáo cho các nước điều-ước đã mãn hạn, hiện có sáu nước là Nhật-bản, Ti-lợi-

thì, Đan-mạch, Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, Ý-đại-ly, trừ nước Nhật việc tiến-hành bất-nhất ra không kể, còn năm nước kia đều tỏ ra cái ý rất tốt. Thời-kỳ sửa lại điều-ước đã định vào ngày 10 tháng chín tây đều hợp cả ở Nam-kinh.

Vương Chính-Đình lại báo-cáo cái tình-thế ngoại-giao như sau ngày :

1. Điều-ước nước Tí đã thảo thành án;
2. Công-sứ Bồ-đào-nha sắp đến Nam-kinh để sửa lại điều-ước;
3. Điều-ước Tây-ban-nha đang ở trong thời-kỳ tiếp-hợp ;
4. Cái án Giang-ninh của hai nước Pháp, Ý, việc giao-thiệp đã có tiến-bộ;
5. Giáo-hoàng La-mã có cái cảm-tình rất tốt đối với Trung hoa ;
6. Việc giao-thiệp Trung-Nhật tình-thế đã hòa-hoãn ;
7. Điều-ước bài-trừ chiến-tranh, nước Trung-hoa cần phải dự vào.

Hiện nay ở Bắc-bình đã báo-cáo rằng từ nay những việc quan hôn tang tế không được sử-dụng những phục-trang

khi-cụ như thề-chế đời nhà Thanh, nếu ai không tuân lệnh thì sẽ phải phạt nặng.

Chính-phủ Quốc-dân lại định tu-phục thành Nam-kinh. Cái chương-trình tu-phục thành Nam-kinh đã đệ-trình chính-phủ, cứ như cái chương-trình ấy thì hành thì phi-tồn đến 50 triệu dollars.

*Hồ nam lại có đảng cộng-sản.* - Đảng cộng-sản ở Hồ-Nam nguyên có hai cánh : Chu Đức và Mao Trạch Đông, đồ-dảng chẳng qua độ vài nghìn người, nhân gần đây quân bộ-hạ của Lưu-Hình ở phía đông Hồ-nam làm phản, hợp với Chu, Mao, cho nên thanh-thế bỗng nổi lên lừng-lẫy, kéo đến chiếm lấy bốn huyện : Trà-lăng, Vĩnh-hưng, Tư-hưng, Như-thành, đặt ra chính-phủ Xô-viết, rồi lại cướp đến Bản-châu, mục-dịch định tràn vào Quảng-đông, nhưng Phạm Thạch - Sinh hết sức chống giữ, đảng ấy không tràn vào được. Hiện nay ba tỉnh Giang-tây, Hồ-nam và Quảng-đông đã hợp binh lại để tiêu-trừ Hoàng Thiệu - Hùng ở Quảng-tây cũng đang hết sức lo việc phòng-bị ở biên-giới

## Việc trong nước

**Lược-thuật về tài-chính kinh-tế Đông-dương** — Muốn biết rõ hiện-tình tài-chính Đông-dương thế nào, biết rõ những sự yếu-cần về đường kinh-tế và cách mở-mang cho xứ này thế nào, thì nên lược-thuật lại cả lịch-sử tài-chính của bản-xứ từ khi mới lập bảo-hộ đến giờ, cho biết các thời-kỳ đã qua và hiện nay đã đến thời-kỳ nào trong trình-độ tiến-hóa vậy.

Lịch-sử kinh-tế của cõi Ấn độ Chi-na này đã qua mấy thời-kỳ đặc-biệt.

Thời-kỳ thứ nhất là thời-kỳ chinh-phục, bắt đầu từ năm 1868 chiếm-lĩnh đất Nam-kỳ, rồi đến các điều-ước đặt bảo-hộ ở Trung-kỳ, Bắc-kỳ, Cao-miên, sau cùng đến kiểm-tính đất Ai-lao. Thời-kỳ ấy về đường kinh-tế không có đặc-sắc gì cả. Chủ-ý của chính-phủ Pháp hồi bấy giờ chỉ cốt là dẹp yên trong cõi và củng cố địa-vị mà thôi. Tuy-nhiên, trong khi ấy ở Nam-kỳ thì các quan Thủy-soái, ở Trung - Bắc - kỳ thì các quan Khâm-sứ Thống-sứ buổi đầu, cũng

không phải là không hề chú-ý đến mọi việc tổ-chức về kinh-tế và về xã-hội. Năm 1887, nhờ có ông JULES FERRY cử-động về thuộc-địa, ở bên Pháp mới hiểu rõ rằng cõi bán-đảo Ấn-độ-Chi-na này thật có quan-hệ to cho nước Pháp lắm.

Bấy giờ mới đặt ra một phủ Toàn-quyền để cầm quyền thống-trị cả các bộ phận trong «Liên-đoàn Ấn-độ-Chi-na» (*Union indochinoise*). Song phủ Toàn-quyền mấy năm đầu vẫn còn phải bận về việc củng-cố địa-vị và thể-lực nước Pháp ở bên này. Vì hồi bấy giờ tuy Nam-kỳ đã yên-đàn vô-sự, mà Trung-Bắc-kỳ hãy còn cần phải dụng-binh để giẹp giặc.

Ông Toàn-quyền DOUMER hồ sang đây năm 1896, đã dự-đoán biết cái tương-lai xứ này sẽ mở-mang rực-rỡ thế nào, và đã hiểu rằng cần phải gây lấy những dụng-cụ kinh-tế cho thích-hợp với các lợi-nguyên to-tát và cái sức sinh-sản vật-liệu của bản-xứ.

Ông biết rằng muốn mở-mang nền kinh-tế trong bản-xứ, thì tất phải thi-hành một cái chương-trình công-chính to, mà muốn làm cho mau thì phải có một cái «cơ-quan tín-dụng» (*instrument de credit*) chắc - chắn, đủ làm đảm-bảo được, vì cái nguồn tài-chính bình - thường bấy giờ hãy còn ít - ỏi lắm, chưa đủ cung-cấp vào những công-trình to lớn. Ông bèn đặt ra sở dự-toán chung Đông-dương; đặt cơ-sở tài-chính cho vững-vàng, bấy giờ mới mở mở cuộc công-thải lớn. Từ đấy liên-đoàn Ấn-độ-Chi-na bước vào một thời-kỳ mới, có thể gọi là thời-kỳ đại-công-trình, một là công-trình tạo-tác, cần-dùng cho việc hành-chính, như xây dựng các tòa các sở, hai là công-trình kinh-tế để tiện-lợi việc giao-thông và mở mang các nguồn lợi, như cái chương-trình đặt các đường xe lửa,

kể trú-linh cũng đã to-tát, vì từ bấy đến nay vẫn chưa thi - hành được hoàn-thành.

Công-nghiệp của ông DOUMER thật cũng cho là vĩ-dại, cứ tin-hình tài-chính bấy giờ thì thế là đã quá sức rồi, cho nên đến thời-kỳ sau tất phải chậm bước lại một chút để lấy sức. Thời-kỳ sau này là thời-kỳ ông BEAU. Ông biết rằng cái sức lý-tài của Đông-dương đến thế là cùng, phải nên để cho nghỉ một hồi, không thể khởi-xương ra công-trình gì to-tát nữa, ông bèn chú - ý cả về những công việc không cần phải đến kinh-phí to, như việc xã-hội, việc giáo-dục. Bao nhiêu những sự cải-cách về chính-trị, về xã-hội, thi-hành về sau này, là khởi-diềm từ đời ông Toàn-quyền BEAU cả. Công-nghiệp ông với xứ này phần nhiều là ở đó. Tuy-nhiên ông cũng không phải là không để ý đến các vấn-đề kinh-tế, vì chính ông là quan Toàn-quyền trước nhất có lòng tin về hậu-vận đất Ái-lao, và thân-hành đi kinh-lược đất ấy.

Sau ông BEAU thì đến một hồi các quan Toàn-quyền thay đổi nhau chóng quá, không thể trách là không làm được việc gì to-tát, vì có đủ thi-giờ đầu mà mưu-tính những công-việc lâu-dài.

Ngày mùng 1 tháng 6 năm 1911, ông SARRAUT được bổ sang làm Toàn-quyền Đông-dương. Ông liền xem-xét mà hiểu biết sự cần-dùng của xứ này, cho nên ngay lần đầu ông sang đây đã tru một cái chương-trình tạo-tác lớn, và định mở công-thải để lấy tiền thi-hành.

Nhưng kể đây thì đến thời - kỳ chiến - tranh, các công việc tất phải đình-dốn cả. Trong thời-kỳ này thì cõi Đông-dương tuy không đủ quân-đội phòng-bị mà vẫn được yên-đàn, không hề xảy ra một việc gì. Ấy cũng là nhờ cái chính - sách khôn-khéo của ông SARRAUT vậy.

Đến thời-kỳ sau chiến-tranh, thì chính-phủ Pháp cử ông Nghị-viên Long sang lĩnh chức Toàn-quyền Đông-dương. Sang đến đây ông liền xét tình-hình bản-xứ, biết rằng có thể phát-dạt to được. Tuy bấy giờ tình-thế trong thiên-hạ sau cuộc đại-chiến hầy còn phân-ván bối-rối lắm, vậy mà ông cũng có cái chí muốn làm to. Các công việc bị đình-đốn trong khi chiến-tranh, ông liền thúc-giục cho phần-phát khởi-công. Định mở một cuộc công-thải to bằng bạc ở ngay bản-xứ này, nhưng muốn thí-nghiệm, hầy gọi vốn có sáu triệu đồng thôi, nhân-dân cổ-vỗ, thu được tới ba bốn lần số ấy, phải trả tiền lại. Ông Long lại còn giải-quyết được vấn-đề tiền-tệ hồi bấy giờ : hồi ấy đương là hồi tiền - tệ khủng - hoảng, nhiều người bán nên cái-cách tiền-tệ cho bản-xứ, ông biết rằng sự đó không nên, vì tiền-tệ bên này lấy đồng bạc làm bản-vị, mà bạc Đông-dương vốn có quan-hệ với Á-đông nhiều hơn là với nước Pháp, nếu miễn-cưỡng theo giá «phật-lãng» mà thay đổi thì có hại to. Ông chỉ nghị-dịnh đặt lệ «cưỡng-hành» cho giấy bạc (*cours forcé*), để lợi-dụng giá hối-đoái, công-khổ được một hồi lợi to lắm ; ông nhân đó đặt riêng ra một sở chi-hu để cung-cấp về các công-trình tạo-tác mới.

Tuy-nhiên, cách lợi-dụng giá bạc như thế cũng là một cách «đầu-cơ» mà thôi, ông Toàn-quyền Long cũng hiểu như thế, và biết rằng muốn thi - hành cho được hoàn - toàn cái chương - trình đại - công - tác của ông SARBAUT đã trù trước, và chính ông đã hiệu-dinh lại sau, thì tất phải mở công-thải ở bên Pháp mới được ; còn như việc công-thải sáu triệu đồng mở ngay bên này, là để chứng cho thiên-hạ biết rằng Đông-dương cũng có tiền, không phải cần đến vốn của ngoại-quốc, vì bấy giờ

có nước ngoài muốn thừa - cơ nước Pháp tài-chính đương quãn-bách, đem tư-bản sang đặt ở bên này để kiếm lời. Ông Long về Pháp để trình việc công-thải đó, khi đã thảo dự-án xong, đem sang bên này để trình cho Hội-dồng chính-phủ, thì đi lâu đến nửa đường bị bệnh chết. Kế chân ông LONG, thì hoặc quyền-chức hoặc thực-thụ, không có ông toàn quyền nào ở được lâu để mà trù-tính những công-việc lâu dài. Ông MERLIN rồi đến ông VARENNE cũng từng chú-ý đến các việc công-chính lớn, và định gọi công-thải để thi-hành. Nhưng mà ký-hạn làm toàn-quyền không được bao lâu, nên chỉ mới nghiên-cứu chứ chưa bắt đầu thực-hành.

Mới đây, nhân chức Toàn-quyền lại khuyết, bên Bộ đương rục-rịch bổ quan Toàn-quyền mới, các báo bên Tây xét về vấn-đề kinh-tế ở Đông-dương có bàn đến sự nên hay không nên mở công-thải để thực-hành các công-trình đã dự-định. Cái dư-luận ấy là dư-luận của các nhà công-thương to chủ các công-ti có tư-bản lớn ở bên này. Dư-luận ấy đại - khái như sau này.

Các nhà tư-bản Pháp đặt vốn ở Đông-dương này kể cũng nhiều lắm, là mong rằng chính-phủ Đông - dương sẽ chịu kinh-lý mọi đường tiện-lợi cho vốn ấy để vận - dụng sinh - sản. Việc kinh - lý này không thể trông vào những khoản thu-nhập đặc-biệt như các khoản đầu-cơ hối-đoái về thời-kỳ sau cuộc chiến-tranh được, vì những khoản ấy chỉ có nhất-thời mà thôi. Còn các khoản thu - nhập thường trong sổ dự-toán thời chỉ để chi các việc kinh-phí thường mà thôi. Trong khi ông VARENNE làm toàn - quyền đặt ra cái thuế nhập-cảng 20/o (hai phần), sổ dự-toán bên chi bên thu cũng được sung thiêm, nhưng không thể trông vào

đấy mà thi-hành các công-trình lớn được.

Các công-trình ấy là để chuẩn-bị cho việc kinh-tế trong cõi Đông-dương, phải cần đến những khoản kinh-phí to. Cái chương - trình công-chính đã trình Hội-đồng Chính-phủ năm 1926 tính ra phải 340.000.000 đồng và phải làm trong một kỳ-hạn mười năm mới xong. Nay làm thế nào mà trừ được một khoản trọng - đại như thế? Hiện có hai cái thuyết đối nhau. Một thuyết thì nói rằng những công-việc lớn đó nên làm từ - từ, trích trong số thu-nhập thường mà làm, tùy cái sức lý-tài của bản-xứ mỗi năm làm được bao nhiêu thì làm, không nên mộ công-thải làm gì. Thuyết đó là cái thuyết những nhà cần-thủ, không muốn tiền quá cái số thu được đến phải đi vay mà tiêu. Đối với thuyết đó thì có cái thuyết những nhà doanh - nghiệp, nói rằng phạm công-trình lớn không thể lấy cái tài-sản thường mà làm được, tất phải mộ thối. Và những công-trình như đào sông, bắc cầu, đặt đường, sửa cảng, là những công-trình có lợi ngay về đường kinh-lẽ, làm xong ngày nào là có lợi ngày ấy, phải nên làm cho chóng hoàn-thành, không nên để kéo dài ra mãi. Như vậy thì tất phải mộ thối mới có tiền làm ngay được. Cái lợi sau này to-tát vô-cùng, thừa trả được vốn được lãi không lo. Như trên kia vừa nói thì tất cả phải 320 triệu đồng tiêu - dùng trong mười năm. Nay nên mộ công-thải 100 triệu, còn thời số dự-toán hàng năm có thể chịu được. Tiền công-thải đó trong 50 năm sẽ trả hết vốn mà lãi tính mỗi năm là 7%. Như thế thì hàng năm vừa tiêu thối vừa thường-khoản chi-tiêu về việc chấn-chỉnh kinh-tế ước trên dưới 20 triệu đồng, thế là vừa phải. Còn nhân-công thời nếu các việc đều đồng-thời thi-hành cả, phải cần đến độ 85.000 phu, tương cũng đủ người làm.

Trong hai cái thuyết đó thì các nhà tư-bản ở Pháp công-nhiên chú-tri cái thuyết mộ-thối, vì xem ý ra các nhà ấy tin ở cái sức kinh-tế của Đông-dương mà sẵn lòng bỏ vốn ra để quyền vào công-thải vậy.

Chưa biết ý-kiến của chính-phủ và của quan Toàn-quyền mới thế nào,

**Lời thỉnh-cầu của Hội Nông - Công - Thương Đông-dương ở Paris.** — Độc-giả chắc đã biết rằng ở Paris có một hội có thể-lực lắm, là hội các nhà tư-bản Pháp có quyền-lợi về Nông, Công, Thương ở bên này, gọi là « Đông-dương Nông Công Thương Ủy hội » (*Comité du Commerce, de l'Industrie et de l'Agriculture de l'Indochine*). Mới đây hội ấy cùng với « Hội nghiên-cứu và cử-động về xứ Ai-lao » (*Comité d'études et de propagande pour le Laos*) và hội « Pháp-quốc Thuộc-địa Liên - hiệp hội » (*Union Coloniale française*), có đệ Chính-phủ một bản thỉnh-cầu về việc cải-cách chính-trị ở bên này; tưởng quốc-dân ta cũng nên biết lời thỉnh-cầu ấy thế nào. Vậy lược-dịch như sau này:

« 1<sup>o</sup> Xin đặt các hội-nghị lập-pháp độc - lập vừa ở bên Pháp để giúp cho quan thuộc - địa, vừa ở Đông-dương để giúp cho quan Toàn-quyền ;

« 2<sup>o</sup> Xin rằng từ nay phạm đặt ra luật-lệ gì mới, dù tự quan thuộc-địa hay tự quan Toàn-quyền mặc lòng, phải đem ra bàn ở hội - nghị lập-pháp, và ý-kiến của hội-nghị thế nào phải công-bố ra ;

« 3<sup>o</sup> Xin rằng ở các hội - nghị đó một phần thì là đại-biểu các nhà nông-công - thương Pháp, một phần thì là đại-biểu của dân bản-xứ, hai phần sẽ định cho công-bằng ;

« 4<sup>o</sup> Xin rằng quyền hành-chính ở Đông-dương sẽ sửa đổi lại để cho nhất-thống hơn và cho có thể chăm-chuộc với chức-quyền của các hội - nghị Đông-Pháp;

« 5<sup>o</sup> Xin đặt một hội ủy-viên có đại-biểu của bộ Thuộc-địa, đại-biểu của chính-phủ Đông-dương và đại-biểu của các nhà Nông-Công-Thương Pháp phần nhiều, để kịp hợp mà nghiên-cứu ngay về vấn-đề đặt các hội-nghị lập-pháp và sửa-đổi các cơ-quan hành-chính;

« 6<sup>o</sup> Xin bộ Thuộc-địa cũng thay đổi lại, các cơ-tào sắp-đặt thế nào cho có chuyên-môn chuyên-trách, việc gì và thuộc-địa nào thuộc vào sở nào định cho phân-minh;

« 7<sup>o</sup> Xin chính-phủ cử ngay quan Toàn-quyền Đông-dương, đừng để chậm-trễ nữa và xin đặt thể-lệ thế nào cho chức toàn-quyền đừng thay-đổi luôn, làm trở-ngại cả đường chính-trị kinh-tế của Đông-dương.»

Trong bảy điều thỉnh-cầu đó tưởng không có điều gì trái với quyền-lợi quốc-dân ta. Duy có điều thứ năm xin đặt hội ủy-viên để nghiên-cứu, mà trong đó không nói gì đến đại-biểu dân bản-xứ thì cũng là một điều Thuộc-khuyết vậy.

**Nói về việc giao-thiệp của Đông-dương với nước Xiêm.** — Trong điều-ước của nước Pháp và nước Xiêm ký ngày 14 tháng 2 năm 1925, điều thứ 25 có định rằng sẽ ký hiệp-ước riêng để định sự giao-thiệp của chính-phủ Vương-quốc Xiêm với chính-phủ Thuộc-địa Pháp ở Đông-dương.

Từ hiệp-ước ấy đã ký ở Bangkok ngày 25 tháng 8 năm 1926, về phần nước Pháp thì quan Toàn-quyền VARENNE làm đại-biểu, về phần nước Xiêm thì là vương-tước TRAILOS ngoại-

vụ thượng-như. Trong hiệp-ước ấy có một điều quan hệ nhất là về sự đặt ra một hội-dồng gọi là hội-dồng thường-trực sông Cửu-long, để bàn-bạc xem-xét các điều thuộc về sông Cửu-long làm phân-giới hai bên, để định giới-hạn không được đặt quân-bị ở hai bên bờ sông, định việc canh-sát, quyền đánh cá, cách thi-hành các thể-lệ vệ-sinh, v. v. ở trên sông Cửu-long, lại để định hai nước Pháp Xiêm nên hiệp-lực nhau thế nào để kinh-lý sông Cửu-long cho tiện việc giao-thông vận-tải.

Hội-dồng thường-trực đó, hai bên đã thuận nhau cử ông Bosc là Thống-sứ Ai-lao làm chánh hội-dồng, và đã họp lần thứ nhất hồi tháng giêng vừa rồi, định xong đường phân-giới hai bên theo dòng sông Cửu-long, và định cả giới-hạn hai bên bờ sông đến đâu là không được đặt quân-bị. Hội-dồng họp lần thứ nhất ấy ở Vientiane, trong ba tuần lễ; định đến tháng giêng năm 1929 lại họp lần thứ nhì nữa cũng ở Vientiane. Trong hội-dồng về phần nước Xiêm có ông PHUA RAJANKUL là tổng-đốc các tỉnh miền bắc nước Xiêm, ông PRASRI VISAR, thứ-trưởng bộ ngoại-vụ, ông LUANG RAM, thiếu-tá lục-quân, ông L'EVESQUE, là nhà luật-khoa chuyên-môn người Pháp làm cố-vấn luật-pháp cho bộ ngoại-vụ Xiêm. Về bên Pháp thì ngoài quan Thống-sứ Bosc, có ông GARREAU là thư-ký bộ ngoại-giao, sung chức ngoại-giao ti-trưởng ở phủ Toàn-quyền, ông CRESSANT, cố-vấn luật-pháp ở Lào và đại-tá BOURGEOIS. Lại thêm ông DE SERCEY thư-ký bộ ngoại-giao, thay mặt quan sứ-thần Pháp ở Xiêm.

Lời thỉnh-cầu về bậc trung-học và bằng tú-tài bản-xứ. — Theo nghị-định ngày 15 tháng 7 năm 1927, có đặt thêm một năm thứ ba cho bậc



Trung-học bản-xứ, tiếp liền với bậc cao-đẳng tiên-học, và sửa-dổi lại chương-trình trung-học cho vừa thích-hợp với phép giáo-dục người An-Nam, vừa ngang bằng với trình-độ của trung-học Pháp. Thế là nay cứ thực-sự thì trung-học bản-xứ với trung-học Pháp là bằng-đẳng với nhau, nhưng cứ pháp-luật thì bên Bộ chưa công-nhận cho bằng tú-tài bản-xứ được ngang bằng với tú-tài Pháp, thành ra vẫn không có giá-trị như bằng tú tài Pháp.

Hội-dồng trị-sự Hội Khai-trí-tiến-đức mới rồi có họp đề bàn về vấn-đề trung-học bản-xứ đó, khi bàn xong có thảo một bản thỉnh-cầu hai điều gửi lên quan Học-chánh tổng-trưởng, xin chuyển đạt lên phủ Toàn-quyền và về bộ Học bên Pháp Khoản thứ nhất xin bằng tú-tài bản-xứ là kết quả cho bậc trung-học bản-xứ được công-nhận hoàn-toàn bằng đẳng như bằng tú-tài Pháp. Khoản thứ hai xin các giáo-viên dạy trung-học bản-xứ cũng phải có đủ tư-cách và đủ bằng-cấp như các giáo-viên trung-học Pháp, nghĩa là phải có chầu *agrégés* mới được.

Quan Học-chánh tổng-trưởng đã trả lời cho Hội Khai-trí biết rằng ngài đồng-ý với Hội cả hai điều đó, và đã chuyển đạt lời thỉnh-cầu lên quan Toàn-quyền đề tư về Bộ rồi. Quan Học-chánh lại cho biết rằng ngài đã xin với quan Toàn-quyền cho đổi trường *Collège du Protectorat* ở Hà-nội làm *Lycée du Protectorat* cũng như *Lycée Petrus Ký* ở Sài-gòn.

Nếu bậc trung-học bản-xứ được công-nhận có giá-trị bằng-đẳng như trung-học Pháp, thì các bậc thanh-niên ta chắc có lẽ vui lòng theo học hơn trước.

**Nhà học - sinh Đông-dương ở Paris.**— Nhà học-sinh Đông-dương ở xóm học-sinh *Paris* do ông FONTAINE chủ-trương cổ-động, như bản-chí đã thuật mấy kỳ trước, thì ngày 11 tháng 7 năm 1928 đã làm lễ đặt viên đá thứ nhất, có quan thuộc-địa tổng-trưởng LÉON PERRIER và hoàng-đế Bảo-đại làm chủ - tọa. Nhà học - sinh ấy làm xong thì được một trăm buồng và kinh-phi ước năm triệu quan tiền tây. Hội-dồng chủ-trương có mở cuộc lạc-quyên; ở tại Nam-kỳ cũng mở cuộc đánh số để lấy tiền giúp vào việc công-ích đó.

★ ★

**Quan Toàn-quyền mới.**— Hiện đã có tin đích rằng ngày 22 tháng 8 tòa Nội-các bên Pháp đã cử quan PASQUIER thực - thụ Toàn - quyền Đông - Pháp. Quan PASQUIER nguyên trước làm Khâm-sứ Trung-kỳ, sau làm tướng Kinh-tế-cục ở *Paris*; người Pháp người Nam đều đã biết ngài cả, nên được tin thực-thụ Toàn-quyền cũng có ý hoan-nghênh hơn là quan Toàn-quyền mới lạ nào. Muốn biết chính-kiến ngài thế nào, nên đọc lại bài diễn-thuyết của ngài bản-chí đã dịch ở số 127.

Ông KRAUTHEIMER, năm trước làm đốc-lý Hải-phòng, sau quyền thống-sứ Bắc-kỳ, được cử thay quan PASQUIER làm tướng Kinh-tế-cục. Hiện chưa có tin quan Toàn-quyền mới bao giờ xuống tàu. Quan Quyền Toàn-quyền ROBIN thời cuối tháng 8 tây đi kinh-lược Trung-kỳ, Nam-kỳ, Cao - miên, cuối tháng 9 sẽ lại ra Bắc.

#### Giới-thiệu sách mới

Bản-chí có tiếp được mấy quyển sách mới xuất-bản sau này:

1.—J. FOROPON — *Notes sur la région de Pakha (province de Lao-Kay, Haut Tonkin)*

nhà in Lê Văn-Tân, 136, Rue du Coton, giá 1 đồng.

2.— *Thiền lời bị kiện*, của Thuyết-Phật Nguyễn Tử-Lăng soạn, nhà in Nam-hoa Nam-dịnh, giá 4 hào.

3.— *Bả phồn-hoa*, của Nhượng-Tống soạn, nhà in Thực-nghiệp 83, Rue du Chanvre, giá 1 hào.

4.— *Giọt lệ giang-hồ (cảnh-thế ngôn-tinh tiếu-thuyết)*, của Trần Ngôn-Long dịch-thuật, nhà in Nam-Việt Nam-dịnh, giá 3 hào.

5-6.— *Việt-văn tinh-nghĩa*, nhà in Lê-văn-Tân, giá 6 hào. — *Thơ Ngu-ngôn*, nhà in Châu-phương, giá 3 hào. Hai quyển của Nguyễn Trọng-Thuật soạn.

7.— *Thế-giới cường-quốc chánh-thê lược-khảo*, của Trần Mạnh-Nhãn soạn, nhà in Tiếng-dân Huế, giá 2 hào rưỡi.

9-8.— *Việt-Nam giai-sự*, giá 1 hào rưỡi, và *Hán-học nhập-môn tam-tư-văn*, giá 4 hào. Việt-hoa thư-quán xuất-bản. Nguyễn Khắc-Bình soạn.

10.— *Ngu-ngôn tập-đọc của Đông-minh*, thư-xã, nhà in Kim Đức-Giang, giá 3 hào.

11.— *Manuel de langue française à l'usage des Annamites. Textes en français et quốc ngữ. Grammaire. Exercices. Vocabulaire Conversation.* Par le R. P. BARBIER. Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi (Bibliothèque scolaire indochinoise).

12.— *Tục-ngữ phong-đạo*. Nguyễn Văn-Ngọc (Ôn-như) sưu-tập. Quyển thứ I. Vinh-hương-long thư-quán, 49-51 phố Hàng Đường, Hà-nội, giá 6 hào.

### Nam-Phong Tùng-Thư

Mới xuất-bản: *Chính-trị nước Pháp*, quyển I. (quyển II đương in.)

Đã ra trước: 1) *Văn-minh luận*; 2) *Bs tháng ở Paris*; 3) *Văn-học nước Pháp*; 4) *Triết-học đạo Khổng*. — Mỗi quyển giá 4 hào, bán ở Đông-kinh ấn-quán.

